ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN

TẬP I
(1936 - 1965)

Tái bản lần thứ nhất, có chỉnh lý, bổ sung

XUẤT BẢN NĂM 2021

CUỐN SÁCH
"LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN TẬP I (1936-1965)"
XUẤT BẢN NĂM 2003

Chịu trách nhiệm xuất bản:
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN

Hội đồng chỉ đạo:
Chu Văn Cường: Chủ tịch
Hoàng Văn Pao: Phó Chủ tịch
Nguyễn Văn Vượng: Ủy viên
Dương Công Nhuận: Ủy viên
Phạm Văn Tân: Ủy viên
Nguyễn Thành Luận: Ủy viên

Biên soạn:
Nguyễn Thị Hương Canh và Nguyễn Thu Huyền: *Mở đầu*
Dương Công Nhuận: *Chương I* và *Kết luận*
Nguyễn Xuân Minh: *Chương II*
Nguyễn Văn Thắng: *Chương III*
Vũ Thanh Khôi: *Chương IV*

Hoàn chỉnh bản thảo:
Phạm Tất Quynh (chủ biên)
Nguyễn Xuân Minh
Nguyễn Văn Thắng

Ảnh: Phòng Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên
Nguyễn Sỹ Tiệp
Đồng Khắc Thọ

CUỐN SÁCH
"LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN TẬP I (1936-1965)"
TÁI BẢN LẦN THỨ NHẤT, CÓ CHỈNH LÍ, BỔ SUNG
XUẤT BẢN NĂM 2021

Hội đồng Chỉ đạo:

1- Nguyễn Thanh Hải - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên: Chủ tịch

2- Trịnh Việt Hùng - Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Phó Chủ tịch

3- Phạm Hoàng Sơn - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Phó Chủ tịch

4- Vũ Duy Hoàng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Ủy viên Thường trực

5- Dương Xuân Hùng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy: Ủy viên

6- Nguyễn Quốc Hữu - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy: Ủy viên

7- Nguyễn Quốc Thái - Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Ủy viên

Chỉnh lí, biên soạn bổ sung:

1- Nguyễn Thanh Bình: *Mở đầu và chương I*
2- Vũ Thanh Khôi: *Các chương II và III*
3- Nguyễn Văn Thắng: *Chương IV*
4- Nguyễn Xuân Minh: Kết luận
5- Hà Minh Lợi: *Phụ lục*

Biên tập:

Nguyễn Xuân Minh

Tham gia cung cấp tư liệu:

Đỗ Tuấn Anh

Ảnh: Nguyễn Minh Hải

Thiết kế bìa: Đào Anh Tuấn

LỜI GIỚI THIỆU

Nhân dân Thái Nguyên có truyền thống đoàn kết, thủy chung, lao động sáng tạo, yêu nước thương nòi, kiên cường chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Truyền thống quý báu đó đã hình thành và phát triển từ đời này qua đời khác, thế hệ này nối tiếp thế hệ khác. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trực tiếp là Đảng bộ tỉnh, truyền thống đó càng được phát huy cao độ.

Kể từ khi cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên ở tỉnh Thái Nguyên ra đời cuối năm 1936, trên mảnh đất Thái Nguyên đã diễn ra biết bao nhiêu thay đổi. Trải qua gần 30 năm đấu tranh giành độc lập, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng quê hương (1936 - 1965), Đảng bộ, quân và dân Thái Nguyên đã vượt qua muôn vàn gian khổ, hy sinh, có lúc đứng trước thử thách cực kỳ nghiêm trọng tưởng chừng không vượt qua nổi. Song với lòng tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tin vào sức mạnh vô địch của nhân dân, vận dụng sáng tạo đường lối, phương pháp cách mạng của Đảng vào tình hình nhiệm vụ thực tế của địa phương, Đảng bộ cùng quân dân trong tỉnh đã làm nên những kỳ tích, giành được hết thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Dựng lại bức tranh lịch sử, rút ra các quy luật vận động, phát triển của cách mạng, những bài học kinh nghiệm về xây dựng Đảng ở Thái Nguyên trong các thời kỳ lịch sử đã qua là việc làm cần thiết, góp phần giáo dục truyền thống cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Với ý nghĩa đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XVI đã chỉ đạo biên soạn cuốn sách *"Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập I (1936 - 1965)",* xuất bản năm 2003.

Sau gần 20 năm được lưu hành rộng rãi, cuốn sách *"Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập I (1936 - 1965)"* đã được cán bộ, đảng viên, nhân dân, bạn đọc trong và ngoài tỉnh đón nhận với tình cảm trân trọng; đồng thời, nhiều ý kiến góp ý cần khắc phục một số hạn chế trong nội dung cuốn sách để phục vụ tốt hơn công tác tuyên truyền, giáo dục lịch sử. Vì vậy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định cho chỉnh lý, bổ sung cuốn sách *"Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập I (1936 - 1965)"* để tái bản vào dịp Kỷ niệm 85 năm thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên (1936 - 2021).

Nhân dịp này, thay mặt Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, tôi xin chân thành cảm ơn Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã giúp đỡ, đóng góp nhiều ý kiến quý báu trong quá trình nghiên cứu, chỉnh lý, bổ sung cuốn sách; cảm ơn các tập thể, cá nhân đã trực tiếp tham gia hoàn thành việc chỉnh lý, bổ sung để cuốn sách được tái bản lần thứ nhất.

Xin trân trọng giới thiệu với đồng chí, đồng bào và bạn đọc xa gần cuốn sách *"Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập I (1936 - 1965)"*, sau khi đã chỉnh lý, bổ sung./.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

BÍ THƯ



Nguyễn Thanh Hải

MỞ ĐẦU

THÁI NGUYÊN: VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

I- Địa danh và địa giới hành chính qua các thời kì lịch sử

Trong lịch sử, vùng đất Thái Nguyên (ngày nay) đã có nhiều thay đổi về tên gọi và địa giới hành chính.

Thời các vua Hùng dựng nước, Thái Nguyên thuộc bộ Vũ Định - một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Đời Thục Phán An Dương Vương với nước Âu Lạc, các bộ thời Hùng Vương vẫn được giữ nguyên. Thời thuộc nhà Triệu (179 - 111 tr.CN), Thái Nguyên thuộc về nước Nam Việt. Thời thuộc nhà Hán (111 tr.CN - 220 sau CN), Thái Nguyên thuộc huyện Long Biên, quận Giao Chỉ. Thời nhà Tiền Lý (544 - 602), qua 3 đời vua: Lý Nam Đế, Triệu Việt Vương, Hậu Lý Nam Đế, Thái Nguyên thuộc về nước Vạn Xuân. Thời thuộc Đường (TKVII - X), Thái Nguyên gồm phần đất phía Bắc huyện Bình Đạo; phần đất phía Tây châu Lung và đất huyện Vũ Bình(1).

Năm 905, cuộc khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ giành được thắng lợi vẻ vang. Ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc kéo dài hơn 1.000 năm trên đất nước ta chấm dứt vĩnh viễn, mở đầu thời kì phong kiến dân tộc. Dưới triều Đinh, Tiền Lê (968 - 1009) nước ta được chia làm 10 đạo. Năm 1010, Lý Công Uẩn lên ngôi Vua, lập ra nhà Lý, rời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, đổi 10 đạo thời Đinh - Tiền Lê thành các lộ và phủ. Đến đầu đời Lý Nhân Tông, cả nước có 24 phủ - lộ; Thái Nguyên thuộc phủ Phú Lương gồm đất châu Tây Nông (Tư Nông, sau đổi là Phú Bình), khu vực phía Đông

(1) Đặng Xuân Bảng: *Sử học bị khảo*, Viện Sử học, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997, tr.340 - 344.

châu Vạn Nhai (sau đổi là Vũ Nhai) và châu Định Biên (sau là Tuyên Hóa, Định Hóa)[1]. Đầu thời nhà Trần, phủ Thái Nguyên thuộc về lộ Như Nguyệt Giang; đến năm 1397 phủ Thái Nguyên đổi thành trấn Thái Nguyên, gồm các huyện: Phú Lương, Tư Nông, Vũ Lễ, Động Hỷ, Tuyên Hóa, Đại Từ, Yên Định, Lộng Thạch, Vĩnh Thông, Cảm Hóa và châu Thái Nguyên.

Theo sách: Đồng Khánh địa dư chí, thời thuộc Minh (từ 1407), trấn Thái Nguyên đổi thành châu Thái Nguyên, gồm 11 huyện[2]; đến năm 1412, đổi là phủ Thái Nguyên. Năm 1426, phủ Thái Nguyên đổi thành Thái Nguyên thừa chính ty, gồm 3 phủ: Thái Nguyên, Phú Bình, Thông Hoá.

Năm 1428, sau khi đánh đuổi giặc Minh ra khỏi bờ cõi, nhà Lê sơ thành lập. Lê Thái Tổ chia đất nước thành 5 đạo: Tây Đạo, Đông Đạo, Bắc Đạo, Nam Đạo và Hải Tây Đạo. Thái Nguyên thuộc Bắc Đạo. Dưới đạo là trấn, lộ rồi đến phủ, huyện, châu và cuối cùng là xã. Năm Quang Thuận thứ 7 (1466), Lê Thánh Tông định lại bản đồ cả nước, từ 5 đạo được chia nhỏ thành 12 đạo thừa tuyên, Thái Nguyên là một trong 12 đạo thừa tuyên ấy.

Năm 1467, nhà Lê sơ tiến hành điều tra địa hình, địa giới của các thừa tuyên, hoàn thành việc lập bản đồ Quốc gia Đại Việt vào năm Quang Thuận thứ 10 (1469), đổi Thái Nguyên thừa tuyên thành Ninh Sóc thừa tuyên, gồm 3 phủ Phú Bình, Thông Hoá, Cao Bằng. Năm Hồng Đức thứ 21 (1490), Ninh Sóc thừa tuyên được đổi thành xứ thừa tuyên (xứ) Thái Nguyên. Năm 1533, xứ Thái Nguyên được đổi thành trấn Thái Nguyên.

---

(1) Đào Duy Anh: Đất nước Việt Nam qua các đời, Nxb Khoa học, Hà Nội, 1965, tr. 91 - 93; 112, 113.

(2) Gồm các huyện: Phú Lương, Tư Nông, Vũ lễ, Động Hỷ, Vĩnh Thông, Tuyên Hóa, Lộng Thạnh, Đại Từ, An Định, Cảm Hóa và Thái Nguyên.

Năm Vĩnh Trị thứ 2 (1677), phủ Cao Bằng được tách khỏi trấn Thái Nguyên để đặt riêng làm trấn Cao Bằng; trấn Thái Nguyên còn 2 phủ: Phú Bình và Thông Hóa.

Thời Gia Long nhà Nguyễn (từ 1802), trấn Thái Nguyên thuộc Bắc Thành. Năm Gia Long thứ 12 (1813) thành trấn Thái Nguyên được chuyển từ xã Bình Kỳ, tổng Thượng Giã, huyện Thiên Phúc, phủ Bắc Hà, trấn Kinh Bắc (vùng đất phía Bắc huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội ngày nay) về xã Đồng Mỗ, tổng Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ, phủ Phú Bình, trấn Thái Nguyên (nay thuộc địa phận phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên).

Trong 2 năm (1831 - 1832), Vua Minh Mệnh tiến hành cải cách hành chính địa phương, bỏ các tổng trấn, đổi các dinh trấn thành tỉnh. Theo đó, cả nước có 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên. Dưới tỉnh là phủ, huyện (miền xuôi), châu (miền núi), tổng và cuối cùng là làng xã. Năm Minh Mệnh thứ 16 (1835), lập phủ Tòng Hóa[1] trên cơ sở tách 1 châu, 3 huyện của phủ Phú Bình (châu Định và 3 huyện Văn Lãng, Đại Từ, Phú Lương). Tỉnh Thái Nguyên lúc này gồm 3 phủ, 9 huyện và 2 châu[2].

Dưới thời Pháp thuộc, từ năm 1890, để dễ bề cai trị và đàn áp những cuộc nổi dậy của nhân dân ta, chúng tách huyện Bình Xuyên khỏi tỉnh Thái Nguyên, nhập về tỉnh Sơn Tây (nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc) và thực thi chế độ quân quản, chia nhỏ địa bàn Thái Nguyên nhập vào các tiểu Quân khu thuộc các đạo quan binh:

Phủ Tòng Hoá, phủ Phú Bình nhập với một số địa hạt khác thuộc Lục Nam, Bắc Ninh lập thành Tiểu Quân khu Thái Nguyên (1 trong

(1) Đại Nam *nhất thống chí*, *Tập IV*. Nxb KHXH, Hà Nội, 1971, viết là *phủ Tùng Hoá*.

(2) Phủ Phú Bình gồm 5 huyện: Đồng Hỷ, Tư Nông, Phổ Yên, Bình Xuyên, Vũ Nhai; Phủ Tòng Hóa gồm 3 huyện: Đại Từ, Văn Lãng, Phú Lương và 1 châu Định Hóa; Phủ Thông Hóa gồm huyện Cảm Hóa và châu Bạch Thông.

3 Tiểu Quân khu thuộc Đạo Quan binh I Phả Lại, thành lập ngày 9/9/1891).

Phủ Thông Hoá nhập với Lạng Sơn, Cao Bằng và một phần Tuyên Quang lập thành Đạo Quan binh II Lạng Sơn.

Như vậy, từ tháng 9/1891, tỉnh Thái Nguyên bị xóa bỏ, phân tán vào các địa bàn khác nhau đặt dưới quyền quản lí của giới quân sự Pháp. Hơn một năm sau, vào các ngày 10 và 15/10/1892, Toàn quyền Đông Dương kí các nghị định tái lập tỉnh Thái Nguyên, gồm 3 phủ: Phú Bình, Tòng Hóa và Thông Hóa.

Ngày 12/6/1894, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định đưa các châu Cảm Hoá và Chợ Rã (mới tách từ châu Bạch Thông) vào Tiểu Quân khu Cao Bằng thuộc Đạo Quan binh II, đồng thời tổ chức một đơn vị gọi là Tiểu Quân khu Cai Kinh, gồm 13 tổng, trong đó có 5 tổng (Bắc Sơn, Nhất Thể, Quỳnh Sơn, Tân Lưu, Vĩnh Yên của châu Vũ Nhai(1), phủ Phú Bình) tách từ Thái Nguyên sang.

Ngày 11/4/1900, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập tỉnh Bắc Kạn(2) trên cơ sở toàn bộ diện tích phủ Thông Hóa của tỉnh Thái Nguyên.

Để mở rộng địa giới tỉnh Bắc Kạn, ngày 25/6/1901, chính quyền thực dân cắt tổng Yên Đĩnh khỏi huyện Phú Lương (phủ Tòng Hoá, tỉnh Thái Nguyên) sáp nhập về châu Bạch Thông (Bắc Kạn). Cùng thời gian này, 4 tổng thuộc tỉnh Bắc Giang được cắt về tỉnh Thái Nguyên: Tổng Hà Châu (gồm 6 làng xã) của huyện Hiệp Hòa thuộc

(1) Về địa danh Vũ Nhai: Từ năm 1831 đến năm 1945, gọi là Vũ Nhai; trước và sau khoảng thời gian này gọi là Võ Nhai. Để bạn đọc dễ theo dõi, Ban Biên soạn thống nhất gọi là Võ Nhai.

(2) Về địa danh Bắc Kạn: Từ khi thành lập (1900), ghi là *Bắc Cạn*. Trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, có lúc ghi *Bắc Kạn*, có lúc ghi *Bắc Cạn*; trước khi sáp nhập với tỉnh Thái Nguyên, vẫn ghi *Bắc Cạn*. Từ sau khi tách tỉnh (1997) đến nay, ghi *Bắc Kạn*. Để dễ theo dõi, các tác giả thống nhất ghi là *Bắc Kạn*.

phủ Bắc Hà cắt về huyện Tư Nông, phủ Phú Bình; các tổng: Tiên Thù (gồm 4 làng xã), Tiểu Lễ (gồm 7 phường, xã), Thượng Giã (gồm 6 làng bắc sông Công) của huyện Đa Phúc thuộc phủ Bắc Hà được cắt về huyện Phổ Yên, phủ Phú Bình.

Trong những năm 1901 - 1914, việc tách, nhập tại các châu, huyện trong tỉnh cũng diễn ra khá nhiều. Huyện Tư Nông cắt tổng Nghĩa Hương về huyện Phổ Yên; cắt tổng Bảo Nang về huyện Đồng Hỷ. Huyện Phổ Yên cắt phần phía Bắc tổng Thượng Kết về huyện Đại Từ. Huyện Đồng Hỷ cắt 3 tổng: Vân Lăng, Lịch Sơn và Thượng Nùng về châu Võ Nhai. Huyện Phú Lương cắt tổng Cù Vân về huyện Đại Từ; cắt tổng Ỷ Na (trừ xã Cải Đan của tổng này cắt về huyện Phổ Yên) về huyện Đồng Hỷ. Châu Định cắt tổng An Trạch và 2 xã: Ôn Lương Thượng, Ôn Lương Hạ của tổng Khuynh Kỳ về huyện Phú Lương[1]. Năm 1913, chính quyền thực dân cắt tổng Nghĩa Tá khỏi châu Định Hóa nhập về châu Chợ Đồn (Bắc Kạn) và cắt 2 xã: Phúc Lâm, Tư Lập khỏi tổng Định Biên Thượng, châu Định Hóa (Thái Nguyên) sáp nhập về huyện Sơn Dương (Tuyên Quang).

Ngày 27/2/1933, Toàn quyền Đông Dương ban hành nghị định thành lập thành phố Thái Nguyên. Đến ngày 23/4/1938, Thống sứ Bắc Kỳ ban hành Nghị định số 2046-1 thành lập thị xã Thái Nguyên.

Thái Nguyên là tỉnh thuộc địa bàn Khu Giải phóng trong thời kì vận động Cách mạng Tháng Tám (1939 - 1945). Trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), các huyện: Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai (tỉnh Thái Nguyên) cùng với các huyện: Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hóa (tỉnh Tuyên Quang) và Chợ Đồn (tỉnh Bắc Kạn) trở thành An toàn khu (ATK) Trung ương; trong đó các huyện: Định

(1) Nguyễn Văn Huyên: *Địa lý hành chính Kinh Bắc*. Nxb Văn hóa, 1996, tr. 85, 86, 99. Đồng Khánh dư địa chí - phần tỉnh Thái Nguyên (bản lưu giữ tại Viện Hán Nôm. Ngô Vi Liễn: *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, Nxb VHTT, Hà Nội, 1999.

Hóa, Sơn Dương, Yên Sơn và Chợ Đồn là trung tâm ATK - Thủ đô kháng chiến của cả nước.

Ngày 6/6/1956, Hội đồng Chính phủ ban hành nghị quyết thành lập Khu Tự trị Việt Bắc, gồm các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang (trừ huyện Yên Bình), Thái Nguyên (trừ huyện Phổ Yên cắt về tỉnh Vĩnh Phúc, huyện Phú Bình cắt về tỉnh Bắc Giang)(1) và huyện Hữu Lũng tỉnh Bắc Giang (nhập vào tỉnh Lạng Sơn). Thị xã Thái Nguyên trở thành Thủ phủ của Khu Tự trị Việt Bắc. Ngày 23/3/1959, Chủ tịch nước kí ban hành Sắc lệnh số 20-SL sáp nhập tỉnh Hà Giang vào Khu Tự trị Việt Bắc.

Ngày 19/10/1962, Hội đồng Chính phủ kí Quyết định số 114/CP về việc thành lập thành phố Thái Nguyên, thị trấn Trại Cau, đồng thời điều chỉnh địa giới hành chính một số xã và huyện trong tỉnh Thái Nguyên. Thành phố Thái Nguyên khi mới thành lập có diện tích tự nhiên gần 100 km^2, dân số khoảng 60.000 người.

Thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-TVQH ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, từ ngày 1/7/1965, tỉnh Thái Nguyên hợp nhất với tỉnh Bắc Kạn thành tỉnh Bắc Thái, gồm 14 đơn vị hành chính trực thuộc. Ngày 29/12/1978, Quốc hội khoá VI nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra nghị quyết tách 2 huyện: Ngân Sơn và Chợ Rã khỏi tỉnh Bắc Thái, sáp nhập vào tỉnh Cao Bằng; Bắc Thái còn 11 đơn vị hành chính trực thuộc với diện tích 6.500 km^2. Ngày 2/4/1985, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 102-HĐBT về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số huyện, thành phố thuộc tỉnh Bắc Thái. Theo đó, huyện Đồng Hỷ chuyển giao cho thành phố Thái Nguyên 7 xã: Phúc Hà, Phúc Xuân, Phúc Trìu, Thịnh Đán, Thịnh Đức, Tân Cương, Tích Lương; giao cho huyện Phổ Yên 2 xã Bình Sơn và Phúc Tân; tiếp nhận từ

(1) Ngày 15/6/1957, hai huyện Phổ Yên và Phú Bình lại được trả về cho Thái Nguyên.

thành phố Thái Nguyên xã Đồng Bẩm, tiểu khu Chiến Thắng, thị trấn Núi Voi, thị trấn Trại Cau; tiếp nhận từ huyện Võ Nhai 4 xã: Hòa Bình, Tân Long, Quang Sơn, Vân Lăng. Huyện lị Đồng Hỷ chuyển sang phía đông bắc sông Cầu.

Tại Quyết định số 113/QĐ-HĐBT ngày 11/4/1985 của Hội đồng Bộ trưởng, thị xã Sông Công được thành lập, gồm 3 phường: Mỏ Chè, Lương Châu, Thắng Lợi và 3 xã: Cải Đan, Tân Quang, Bá Xuyên.

Thực hiện Nghị quyết ngày 6/11/1996 của Quốc hội khóa IX nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, từ ngày 1/1/1997, tỉnh Bắc Thái tách thành 2 tỉnh: Thái Nguyên và Bắc Kạn. Tỉnh Thái Nguyên có diện tích tự nhiên 3.541,1km^2, gồm 9 đơn vị hành chính cấp huyện, với 177 xã, phường, thị trấn.

Ngày 15/5/2015, theo Nghị quyết số 932/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thành phố Sông Công được thành lập trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của thị xã Sông Công. Cũng theo Nghị quyết này, xã Lương Sơn của thành phố Thái Nguyên được chuyển thành phường Lương Sơn để sáp nhập vào thành phố Sông Công. Thị xã Phổ Yên được thành lập trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Phổ Yên.

Vào thời điểm năm 2015, tỉnh Thái Nguyên có 9 đơn vị hành chính cấp huyện: Thành phố Thái Nguyên - trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh; thành phố Sông Công; thị xã Phổ Yên và các huyện: Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phú Bình. Toàn tỉnh có diện tích tự nhiên 3.526,64 km^2, với tổng dân số 1.238.785 người(1).

Ngày 18/8/2017, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 422/NQ-UBTVQH về việc điều chỉnh mở rộng địa giới

(1) Cục Thống kê Thái Nguyên: *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên*. Xb. tháng 6/2016, tr. 21.

hành chính thành phố Thái Nguyên và thành lập hai phường thuộc thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Theo Nghị quyết 422, thị trấn Chùa Hang và 2 xã: Linh Sơn, Huống Thượng của huyện Đồng Hỷ; xã Đồng Liên của huyện Phú Bình; xã Sơn Cẩm của huyện Phú Lương được sáp nhập vào thành phố Thái Nguyên. Đồng thời, 2 phường: Đồng Bẩm, Chùa Hang được thành lập trên cơ sở địa giới hành chính và dân cư của xã Đồng Bẩm và thị trấn Chùa Hang.

Thực hiện Nghị quyết số 814/NQ-UBTVQH14, ngày 21/11/2019 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội "về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên", từ ngày 01/01/2020, xã Kim Sơn nhập vào xã Kim Phượng (huyện Định Hoá), thành lập phường Châu Sơn (thành phố Sông Công) trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của phường Lương Châu và xã Vinh Sơn.

Đến cuối năm 2020, tỉnh Thái Nguyên có diện tích tự nhiên 3.521,96 km^2, dân số 1.307.871 người; gồm 9 đơn vị hành chính trực thuộc (thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thị xã Phổ Yên và 6 huyện: Đại Từ, Định Hóa, Đồng Hỷ, Phú Bình, Phú Lương, Võ Nhai) với 178 xã, phường, thị trấn.

II- Vị trí địa lí; điều kiện tự nhiên, xã hội và truyền thống lịch sử

Thái Nguyên là tỉnh miền núi và trung du thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam; phía bắc giáp tỉnh Bắc Kạn, phía đông giáp tỉnh Lạng Sơn, phía đông nam giáp tỉnh Bắc Giang, phía nam giáp thủ đô Hà Nội, phía tây nam giáp tỉnh Vĩnh Phúc và phía tây bắc giáp tỉnh Tuyên Quang. Tính đến thời điểm trước khi sáp nhập với tỉnh Bắc Cạn, tỉnh Thái Nguyên có diện tích tự nhiên 3.495 km^2, dân số 402.000 người[(1)]; gồm các thành phần dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Sán Chay,

(1) Báo cáo Tình hình tỉnh Thái Nguyên của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Thái Nguyên tại Hội nghị hợp nhất 2 tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái (họp từ ngày 4 đến ngày 6/6/1965). Ngày 1/6/1965, tr. 3.

Dao, Sán Dìu, Mông, Hoa... sinh sống trên địa bàn 8 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm thành phố Thái Nguyên và các huyện: Định Hóa, Phú Lương, Đại Từ, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phổ Yên, Phú Bình.

Địa hình tỉnh Thái Nguyên rất đa dạng. Bên cạnh những dãy núi đá vôi cao là những đồi núi đất thoai thoải, nhấp nhô. Xen kẽ giữa núi, đồi là những thung lũng nhỏ hẹp và một số vùng đất tương đối bằng phẳng. Các dãy núi cao chủ yếu tập trung ở các huyện: Võ Nhai, Đại Từ, Phú Lương, Định Hóa. Dãy núi đá vôi kéo dài từ La Hiên qua Lâu Thượng, Đình Cả (Võ Nhai) đến Bắc Sơn (Lạng Sơn). Dãy Tam Đảo sừng sững phía tây nam chạy dài theo địa giới 2 tỉnh: Thái Nguyên và Vĩnh Phúc. Ở 2 huyện: Phú Bình, Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên, địa hình bằng phẳng hơn, phần lớn là những đồi, gò hình bát úp, thoai thoải, độ cao trung bình chỉ trên dưới 50m. Nhìn tổng thể, tỉnh Thái Nguyên có độ dốc bắc - nam theo chiều dài của tỉnh.

Do đặc điểm địa hình tỉnh Thái Nguyên vừa miền núi, vừa trung du, nên tiềm năng đất đai rất dồi dào, cả về đất nông nghiệp, đất công nghiệp, đất rừng và tài nguyên khoáng sản.

Đất Thái Nguyên chủ yếu thuộc loại Feralit, đất đá vôi và đất ruộng thích hợp cho việc phát triển cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc. Trong lòng đất có nhiều khoáng sản quý. Theo sách Đại Nam nhất thống chí: "*Vàng... huyện Vũ Nhai có mỏ Kim Hỉ..., mỏ Thuần Mang..., mỏ Sảng Mộc..., mỏ Bảo Nang... Sắt ở các huyện: Phổ Yên, Động Hỉ và Phú Lương... Than gỗ sản ở huyện Động Hỉ... Chè nam sản ở các huyện: Phú Lương, Động Hỉ, Đại Từ, Phổ Yên, vị ngon hơn chè các nơi khác. Nhựa thông, nhựa trám sản ở huyện Tư Nông. Nhung hươu, mật gấu, sáp ong, các huyện đều có*"[1].

(1) Đại *Nam nhất thống chí*... Sđd tr. 170, 171, 172.

Ngày nay, kết quả thăm dò địa chất cho thấy: Thái Nguyên có nhiều mỏ khoáng sản các loại. Mỏ đa kim Núi Pháo ở huyện Đại Từ, có nhiều kim loại quý hiếm, là một trong những mỏ đa kim lớn trên thế giới. Các mỏ vàng ở vùng Thần Sa, huyện Võ Nhai. Các mỏ sắt Trại Cau, Linh Nham, Linh Sơn và các mỏ chì kẽm Mỏ Ba, Làng Hích ở huyện Đồng Hỷ. Than ở mỏ Làng Cẩm, Núi Hồng (Đại Từ), Phấn Mễ, Khánh Hòa (Phú Lương). Đá vôi ở các mỏ La Hiên, Trúc Mai (Võ Nhai), Quang Sơn (Đồng Hỷ). Các mỏ cao lanh ở Võ Nhai.

Lượng mưa hằng năm ở Thái Nguyên trung bình 1.800 - 2.500 mm, chia làm 2 mùa rõ rệt: Mùa nóng mưa nhiều, mùa lạnh mưa ít. Điều này thuận lợi cho việc phát triển kinh tế ở vùng núi. Tuy nhiên, khí hậu nhiệt đới cũng sản sinh ra sự khắc nghiệt như: giông, lốc, lũ, hạn hán, sâu bệnh... ảnh hưởng xấu đến sự sinh trưởng và phát triển của các loại cây trồng, vật nuôi.

Thái Nguyên có nhiều sông, suối phân bổ tương đối đều trên địa bàn tỉnh, trong đó lớn nhất là sông Cầu và sông Công. Sông Cầu bắt nguồn từ huyện Chợ Đồn (Bắc Kạn) chảy xuống địa bàn Thái Nguyên suốt từ bắc xuống nam qua các huyện: Phú Lương, Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên, huyện Phú Bình và thị xã Phổ Yên, tạo nên gần như là trục đối xứng cả về lãnh thổ và hướng dốc của tỉnh. Dưới thời Pháp thuộc, sông Cầu là tuyến giao thông chủ yếu và quan trọng để địch vận chuyển lực lượng, vũ khí, lương thực và phương tiện chiến tranh từ đồng bằng lên Thái Nguyên và chuyên chở tài nguyên khoáng sản khai thác được về đồng bằng.

Sông Công bắt nguồn từ xã Điềm Mặc (huyện Định Hóa) chảy theo hướng bắc - nam qua huyện Đại Từ, thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, xuống thị xã Phổ Yên, hợp lưu với sông Cầu ở xã Thuận Thành (thị xã Phổ Yên). Sau khi xây dựng đập ngăn

sông Công, hồ Núi Cốc là công trình thủy lợi lớn, có dung tích 176 triệu mét khối, hằng năm cung cấp nước tưới cho trên 12.000 ha lúa, hoa màu và cung cấp nước cho sản xuất công nghiệp, sinh hoạt của thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thị xã Phổ Yên, huyện Phú Bình. Ngoài ra, Thái Nguyên còn có nhiều sông ngắn và nhỏ như: Sông Đu, sông Nghinh Tường, sông Dong, sông Chu, sông Khe Mo, sông Huống Thượng.... và nhiều suối nhỏ. Các sông, suối ở Thái Nguyên hằng năm cung cấp cho đồng ruộng ven sông một khối lượng phù sa lớn, làm cho đất đai thêm phì nhiêu, mầu mỡ, giữ được độ ẩm quanh năm, thuận lợi cho việc gieo trồng các loại cây lương thực và hoa màu.

Thái Nguyên là địa bàn tiếp giáp, là cầu nối giữa đồng bằng châu thổ Sông Hồng với các tỉnh vùng núi phía Bắc (Tuyên Quang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn). Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có các tuyến quốc lộ chạy qua. Quốc lộ số 3 chạy suốt theo chiều dài của tỉnh, từ cầu Đa Phúc (Phổ Yên) đến cầu Ổ Gà (Phú Lương), qua tỉnh Bắc Kạn, lên tỉnh Cao Bằng. Quốc lộ 1B, tuyến qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên có chiều dài 44,7 km; điểm đầu tại cầu Mỏ Gà giáp ranh với tỉnh Lạng Sơn; điểm cuối giao Quốc lộ 3 tại đường tròn Tân Long (thành phố Thái Nguyên). Quốc lộ 37, tuyến đi qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên có chiều dài 57,6 km; có điểm đầu tại Km 96+100, Cầu Ca, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, giáp tỉnh Bắc Giang; điểm cuối tại xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, giáp tỉnh Tuyên Quang. Quốc lộ 3 mới (đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên) có điểm đầu tại Km 152+400 Quốc lộ 1A mới thuộc địa phận xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm (Hà Nội); điểm cuối tại phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; toàn tuyến có độ dài khoảng 70km; mặt đường rộng 34,5m, quy mô 4 làn xe, tốc độ thiết kế 100km/h. Quốc lộ 3 mới có vị trí vô cùng quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của

tỉnh Thái Nguyên và giảm tải cho Quốc lộ 3. Ngoài ra, Thái Nguyên còn có hai tuyến đường sắt: Hà Nội - Quan Triều - Núi Hồng và Lưu Xá (Thái Nguyên) - Kép (Bắc Giang) - Uông Bí (Quảng Ninh) cùng nhiều tuyến giao thông nội tỉnh, liên tỉnh thuận tiện.

Tỉnh Thái Nguyên có nhiều thành phần dân tộc sinh sống từ lâu đời: Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Dao, Sán Chay, Hoa... Thời Vua Hùng dựng nước, cư dân Thái Nguyên chủ yếu là người Việt cổ và người Tày cổ. Người Sán Chay (Cao Lan, Sán Chí), Dao, Sán Dìu, Ngái từ phía Bắc di cư xuống, sống chủ yếu ở vùng rừng núi Thái Nguyên chỉ vài ba thế kỉ nay. Đồng bào Mường, Thái, Mông là những tộc người di cư đến Thái Nguyên muộn nhất, chỉ khoảng 40 năm trở lại đây.

Dân tộc Kinh có số lượng đông nhất, gồm nhiều bộ phận hợp thành: Dân bản địa; dân làm công trong các mỏ, đồn điền; cán bộ, bộ đội, công nhân lên xây dựng, công tác tại Khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên; đồng bào các tỉnh miền xuôi lên khai hoang, phát triển kinh tế mới; giáo viên và học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp tại các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề ở lại công tác trong tỉnh... Địa bàn cư trú của người Kinh rộng khắp từ vùng trung du phía Nam đến các vùng núi rừng hẻo lánh phía Bắc tỉnh, trong đó tập trung nhiều ở thành phố Thái Nguyên. Người Kinh có kinh nghiệm sản xuất và khả năng tiếp thu nhanh các tiến bộ khoa học kĩ thuật công nghệ. Tổ chức xã hội của người Kinh cũng rất chặt chẽ, từ thành thị đến nông thôn mang nét đặc thù tiêu biểu của xã hội Việt Nam. Xuất phát từ đặc điểm cư trú, người Kinh có truyền thống trồng lúa nước, làm nông nghiệp và các nghề thủ công.

Dân tộc Tày có số dân đông thứ 2 sau dân tộc Kinh, tụ cư ở Thái Nguyên từ rất lâu đời. Tổ tiên của người Tày vốn là cư dân bản địa vùng rừng núi Bắc Việt Nam. Tộc người Tày thuộc nhóm ngôn ngữ

Tày - Thái. Người Tày tiếp thu những yếu tố ngôn ngữ, văn hoá của các dân tộc khác để ngày một phát triển ngôn ngữ của mình một cách phong phú. Đặc biệt, người Tày có quan hệ gần gũi với người Nùng, Cao Lan, bởi họ có sự tương đồng về ngôn ngữ, văn hoá. Địa bàn cư trú của người Tày rộng khắp trong phạm vi toàn tỉnh, song chủ yếu ở những huyện miền núi, vùng cao: Định Hóa, Phú Lương, Đại Từ, Võ Nhai. Ngoài việc trồng lúa, người Tày còn trồng nhiều ngô, khoai, sắn. Người Tày có truyền thống về một số nghề thủ công, như đan lát, dệt vải...

Dân tộc Nùng ở Thái Nguyên có nhiều chi tộc: Nùng Phàn Sình, Nùng Cháo, Nùng Inh. Phạm vi cư trú của người Nùng ở tất cả các huyện, thị trong tỉnh, song tập trung đông nhất là ở các huyện: Đồng Hỷ, Võ Nhai và Đại Từ.

Mặc dù mỗi dân tộc có những đặc điểm riêng về tiếng nói, trình độ sản xuất, bản sắc văn hoá, song lại có những nét tương đồng do hoà nhập trong một cộng đồng chung sống trên một lãnh thổ.

Nhân dân các dân tộc Thái Nguyên có một di sản văn hóa vô cùng phong phú, đặc sắc. Thái Nguyên là quê hương của nền văn hóa khảo cổ hậu kì thời đại đồ đá cũ - Văn hóa Thần Sa nổi tiếng. Tại di chỉ Mái đá Ngườm thuộc xã Thần Sa, huyện Võ Nhai, các nhà khảo cổ học Việt Nam và quốc tế sau nhiều đợt khai quật, đã phát hiện nhiều chứng cứ vật chất đủ để xác định con người nguyên thủy đã sinh sống tại đây khoảng 41.000 năm trước. Cũng trên địa bàn huyện Võ Nhai, các nhà khảo cổ còn "*phát hiện ra khu di tích khảo cổ học hậu kì đá cũ, khác và sớm hơn V*ăn hóa Sơn Vi"[1]. Một số trống đồng Đông Sơn (loại 1 Hêgơ) cũng được phát hiện ở Hòa Bình, Văn Lăng (huyện Đồng Hỷ). Những phát hiện khảo cổ học quan trọng

(1) Theo: *Những phát hiện mới Khảo cổ học thời tiền sử tại Thái Nguyên*, Nxb. Đại học Thái Nguyên, 2019, tr. 155.

này là những bằng chứng xác thực việc con người đã sinh sống trên đất Thái Nguyên liên tục từ thời hậu kì đồ đá cũ, qua thời đồ đá mới, sang thời đại đồ đồng.

Thái Nguyên có nhiều công trình văn hóa vật chất (vật thể): Những công trình kiến trúc cổ, những công trình có giá trị văn hóa, lịch sử tiêu biểu, đặc sắc được Nhà nước xếp hạng bảo vệ. Tiêu biểu là các đình: Phương Độ, Xuân La, Hộ Lệnh (huyện Phú Bình), chùa Ha, chùa Úc Kỳ (huyện Phú Bình), chùa Hang, chùa Đán (thành phố Thái Nguyên), đền Lục Giáp (thị xã Phổ Yên), đền Đội Cấn (thành phố Thái Nguyên)... Cùng với Khu di tích Quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Định Hóa, là Khu di tích Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, Khu di tích ATK Tiên Phong, Khu di tích ATK Kha Sơn, Khu di tích lịch sử quốc gia địa điểm lưu niệm các thanh niên xung phong Đại đội 915 hi sinh tại xóm Xuân Quang, xã Gia Sàng (nay là phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên)... Hệ thống các di tích đã tạo nên giá trị lịch sử văn hóa vô giá, là cốt lõi làm nên truyền thống văn hóa đặc sắc, riêng có của tỉnh Thái Nguyên.

Cùng với những giá trị di sản văn hóa vật thể, đồng bào các dân tộc Thái Nguyên còn sản sinh, nuôi dưỡng, giữ gìn, truyền lại đến tận ngày nay những di sản văn hóa phi vật thể phong phú, đặc sắc, có giá trị cao. Những di sản văn hóa phi vật thể có tính đại diện, thể hiện bản sắc của cộng đồng đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia. Đó là các di sản: Múa Tắc Xình, Hát Sấng Cọ (của người Sán Chay), Nghi lễ Cấp sắc, Nghi lễ Tết nhảy (cúng Bàn Vương - ông tổ của người Dao), Rối cạn Thẩm Rộc và Ru Nghệ, Nghi lễ Then, Lễ hội Lồng tồng (của người Tày), Nghi lễ Hét khoăn (mừng sinh nhật), Nghi lễ Cấp sắc của người Nùng, Nghệ thuật Khèn của người Mông, Lễ hội đền Đuổm.

Thái Nguyên thời phong kiến là vùng đất nhiều rừng núi hoang vu, dân cư thưa thớt nhưng trong việc học hành, đã có nhiều người đỗ đạt thành tài. Trong các thời nhà Lê sơ, nhà Mạc, Lê Trung Hưng, đất Thái Nguyên có 9 vị đỗ đại khoa Tiến sĩ. Đó là Trình Hiển (đỗ Minh kinh bác học năm 1429), Nguyễn Cấu (đỗ Tiến sĩ năm 1463), Đỗ Cận (đỗ Tiến sĩ năm 1478), Phạm Nhĩ (đỗ Hoàng giáp năm 1493), Đàm Sâm (đỗ Tiến sĩ năm 1511), Trịnh Bá (đỗ Hoàng giáp năm 1514), Đàm Chí (đỗ Tiến sĩ năm 1535), Dương Ức (đỗ Tiến sĩ năm 1541), Đồng Doãn Giai (đỗ Hoàng giáp năm 1736). Các vị đỗ đại khoa là người Thái Nguyên, đều được các nhà nước phong kiến Lê sơ, Mạc, Lê Trung Hưng sử dụng, được thăng tiến lên các chức vụ cao cấp trong triều. Nhà Sử học Phan Huy Chú (1782 - 1840), trong tác phẩm *Lịch triều hiến chương loại chí*, đã nhận định: "*... phủ Phú Bình* (tỉnh Thái Nguyên ngày nay - TG) *tuy kém 4 thừa tuyên và trấn Thanh Hóa, Nghệ An nhưng 7 huyện đều có người đỗ đạt*".

Là trung tâm của vùng chiến lược phía bắc sông Hồng, sông núi hiểm trở, nên trong lịch sử Thái Nguyên thường xuyên phải đối mặt với các thế lực ngoại xâm. Từ xa xưa, ông cha ta đã từng coi Thái Nguyên là "*phên giậu phía Bắc*" của kinh thành Thăng Long - Đông Đô, là điểm xuất phát triển khai lực lượng chống giặc ngoại xâm ở miền biên giới. Chính vì vậy, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã sớm xây dựng cho mình bản lĩnh bất khuất, kiên cường trước hoạ ngoại xâm và bất công xã hội.

Theo sử cũ, từ cuối thế kỉ thứ II trước Công nguyên, khi nhà Hán (Trung Quốc) tiến đánh đất Nam Việt của Triệu Đà, nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã theo thủ lĩnh Tây Vu Vương nổi dậy nhằm khôi phục nền độc lập cho đất nước. Không may Tây Vu Vương bị giết. Năm 111 trước Công nguyên, nước Nam Việt về tay nhà Tây Hán. Năm 40 sau Công nguyên, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân

các dân tộc Thái Nguyên lại tập hợp dưới cờ nghĩa của 2 vị anh hùng dân tộc (Trưng Trắc, Trưng Nhị) chiến đấu chống quân xâm lược nhà Đông Hán, giành độc lập trong 3 năm. Khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thất bại, nhà Đông Hán lập lại ách thống trị, biến đất nước ta thành châu, quận của chúng.

Thời nhà Lương đô hộ nước ta, vào năm 542, Lý Bí (Lý Bôn) người ấp Thái Bình, châu Giã Năng (nay là thôn Cổ Pháp, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên)(1) đã tập hợp hào kiệt, phát động nhân dân ta đứng lên khởi nghĩa, giành chiến thắng vang dội, đánh đổ ách thống trị của nhà Lương ở Giao Châu. Năm 544, sau khi giành được độc lập, Lý Bí tự xưng hoàng đế, lấy hiệu là Nam Việt Đế (còn gọi là Lý Nam Đế); đặt Quốc hiệu là Vạn Xuân; đặt niên hiệu là Thiên Đức, định đô tại đất Đại La (thời Hậu Lý là Thăng Long, và nay là Hà Nội). Vương triều Tiền Lý được khởi nghiệp từ đây.

Trong hơn 1.000 năm Bắc thuộc, cuộc khởi nghĩa Lý Bí giành được thắng lợi vang dội nhất, xác lập được quyền độc lập, tự chủ lâu dài nhất. Trong lịch sử nước ta, Lý Bí là người đầu tiên xưng hoàng đế; người đầu tiên đặt niên hiệu và cũng là người đầu tiên nhận ra vị trí trung tâm đất nước của vùng đất Hà Nội cổ.

Việc Lý Bí đặt tên nước là Vạn Xuân, tự xưng là hoàng đế, định niên hiệu, lập một triều đình riêng ngang hàng với nước lớn phương Bắc là sự khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc, sự bền vững muôn đời của nhà nước phương Nam.

Trong thế kỉ X và XI, nhà Tống 2 lần đem quân xâm lược nước ta. Tháng 4/981, quân Tống theo 2 đường thủy, bộ tấn công Đại Cồ Việt. Cánh quân thủy bị đánh tan trên sông Bạch Đằng. Đại quân đi

(1) Phan Huy Lê: *Một số vấn đề về vương triều Tiền Lý và quê hương của vua Lý Nam Đế*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013, tr.244.

đường bộ bị quân ta phục kích, tiêu diệt hơn một nửa ở Chi Lăng (tỉnh Lạng Sơn ngày nay). Trận Tây Kết (ở ven sông Hồng, thuộc tỉnh Hưng Yên ngày nay), quân Tống tan vỡ phải rút chạy lên hướng Thái Nguyên. Quân Đại Cồ Việt do Vua Lê Đại Hành trực tiếp chỉ huy, có sự giúp đỡ của dân binh và nhân dân Thái Nguyên, đã vượt sông Cầu tại Đà Dịch Giang (trên địa bàn thành phố Thái Nguyên ngày nay); đuổi đến vùng Vạn Nhai (huyện Võ Nhai ngày nay) thì đánh tan tàn quân Tống, "*bắt sống tướng giặc Tống là Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân đem về Hoa Lư*"(1). Cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ nhất của nhà Tống thất bại thảm hại.

Cuối năm 1076, nhà Tống cho quân xâm lược nước ta lần thứ hai. Đại quân Tống sợ bị phục kích ở Chi Lăng, phải theo đường Lạng Sơn - Vạn Nhai kéo xuống. Quân triều đình nhà Lý và dân binh chặn đánh ác liệt quân Tống ở núi Đâu Đỉnh (núi Mỏ Gà, Võ Nhai ngày nay) và ở vùng tả ngạn sông Cầu(2) gây cho quân Tống nhiều thiệt hại, chậm bước tiến quân, không thể vượt sang phía hữu ngạn sông Cầu và buộc phải hành quân qua châu Tư Nông (huyện Phú Bình ngày nay) để xuống hội quân ở vùng Như Nguyệt (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh). Với những trận đánh chặn bước quân Tống và công sức tham gia xây dựng "*phòng tuyến sông Như Nguyệt*" (phòng tuyến sông Cầu), nhân dân Thái Nguyên đã góp phần quan trọng vào thắng lợi cuộc kháng chiến chống giặc Tống của quân dân Đại Việt.

Cũng thời nhà Lý, vào nửa đầu thế kỉ XII, đất Thái Nguyên đã sản sinh ra một nhân vật lịch sử, có nhiều công lao với nhân dân, đất nước. Ông là Dương Tự Minh, dân tộc Tày, quê ở Quan Triều (nay là phường Quán Triều, thành phố Thái Nguyên), được vua Lý Nhân Tông gả công chúa Diên Bình và giao quản lĩnh một vùng đất

(1) Đại Việt sử ký toàn thư. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tập 3, tr. 221.

(2) Hoàng Xuân Hãn: *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*. Nxb Văn học, H, 1995.

rộng lớn, chiêu tập nhân dân, chống sự xâm lấn biên giới của người Tống. Tháng 8 năm Quý Hợi (1143), ông được vua nhà Lý xuống chiếu cho "*cai quản việc công các khe động dọc theo biên giới về đường bộ*"; đến năm 1144, được nhà Lý gả công chúa Thiều Dung và phong làm Phò mã lang[1]. Hơn 20 năm làm quan dưới 3 đời vua nhà Lý (Nhân Tông, Thần Tông, Anh Tông), Thủ lĩnh Dương Tự Minh đã có nhiều công lao trong việc phủ dụ an dân, làm cho đồng bào các dân tộc thiểu số ở nhiều khe, động luôn trung thành với triều đình nhà Lý. Năm 1145, Dương Tự Minh đã chỉ huy quân dân phủ Phú Lương dẹp tan bọn giặc người nước Tống do Đàm Hữu Lượng cầm đầu sang xâm lấn châu Tư Lang và châu Quảng Nguyên (nay là huyện Quảng Uyên thuộc khu vực phía Đông tỉnh Cao Bằng). Khi về làm quan trong triều đình, chứng kiến sự lộng quyền của Thái úy nhiếp chính Đỗ Anh Vũ, ông đã cùng Điện tiền chỉ huy sứ Vũ Đới và một số võ quan, thân vương nhà Lý làm cuộc diệt trừ Đỗ Anh Vũ. Việc không thành, những người tham gia đều bị giết hoặc đày biệt xứ. Dương Tự Minh bị đày về sống ở vùng núi Đuổm (Điểm Sơn) và mất tại đây. Về sau, nhiều vua đời nhà Hậu Lê, nhà Nguyễn đã ban sắc, phong ông là Thượng đẳng thần; nhân dân nhiều làng xóm suốt một dải sông Cầu đã dựng đền, đình, nghè thờ ông. Đền Đuổm (di tích Lịch sử Văn hóa quốc gia) ở xã Động Đạt, huyện Phú Lương là nơi tổ chức lễ hội dân gian lớn nhất vùng vào ngày 6 tháng Giêng hằng năm để tưởng nhớ ông.

Đầu thế kỉ thứ XIII, vương quyền của nhà Lý về tay họ Trần. Trên nền tảng được xây dựng từ triều Lý, triều Trần tiếp tục việc xây dựng đất nước, trước hết là củng cố quốc gia thống nhất, lo đối phó với nạn ngoại xâm. Ở thế kỉ này, nhân dân Thái Nguyên góp phần cùng với triều Trần ba lần kháng chiến chống quân Nguyên Mông thắng lợi.

(1) Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd, tr. 295, 315.

Khi nhà Minh xâm lược và nô dịch nước ta (đầu thế kỉ XV), khắp nơi trên đất nước, nhân dân các dân tộc lại vùng lên đấu tranh. Tập hợp dưới ngọn cờ của các cuộc khởi nghĩa là đông đảo mọi tầng lớp, từ quý tộc quan lại yêu nước đến nông dân, nô tì; từ người Kinh ở miền xuôi đến các dân tộc thiểu số ở miền núi. Nghĩa quân hoạt động ráo riết dưới nhiều hình thức. Bên cạnh những cuộc bạo động lẻ tẻ, từ cuối năm 1407 đã xuất hiện một số cuộc khởi nghĩa lớn, phạm vi hoạt động rộng. Ở Thái Nguyên, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc cũng bùng lên mạnh mẽ. Mở đầu là các cuộc khởi nghĩa của Chu Sư Nhan, Trần Nguyên Khoáng, Nguyễn Đa Bí nổ ra năm 1408. Tiếp theo, hàng loạt cuộc nổi dậy của Bùi Quý Thăng, Nguyễn Khắc Chẩn, Nguyễn Trà, Dương Thế Chân… liên tục nổ ra, nhưng mạnh nhất là nghĩa quân Ông Lão đã xây dựng được căn cứ ở Động Hỉ (nay là Đồng Hỷ). Tháng 6/1410, quân của thổ quan Đồng tri phủ Thái Nguyên Ma Bá Hổ tấn công huyện Động Hỉ, nghĩa quân Ông Lão bị thất bại. Tuy nhiên, từ năm 1411, đến tháng 3/1412, Ông Lão củng cố lại được lực lượng, tiếp tục chiến đấu ở Lạng Giang, Cổ Lũng (thuộc đất Bắc Giang và Lạng Sơn ngày nay), Tư Nông (nay là huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên).

Tiêu biểu trong phong trào đấu tranh chống giặc Minh xâm lược là cuộc nổi dậy của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Thái Nguyên, được gọi là cuộc khởi nghĩa của những người Áo Đỏ (Hồng Y), nổ ra vào cuối năm 1410. Từ Thái Nguyên, phong trào lan rộng ra khắp vùng rừng núi phía Bắc, phát triển sang vùng Tây Bắc, vào đến tận miền núi rừng Thanh - Nghệ. Đây là cuộc đấu tranh có quy mô rộng lớn, tiêu biểu cho tinh thần dũng cảm, bền bỉ của nhân dân các dân tộc miền núi, buộc giặc Minh phải rất khó khăn, vất vả trong nhiều năm mới đánh dẹp được.

Trong khi những cuộc khởi nghĩa của các quý tộc nhà Trần, nhiều phong trào yêu nước ở Thái Nguyên và một số tỉnh lân cận tạm lắng xuống thì ở miền Tây Thanh Hoá lại bùng lên cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, do hào trưởng Lê Lợi lãnh đạo.

Ngày 7/2/1418, tại Lam Sơn (Thọ Xuân, Thanh Hoá), Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa đánh đuổi giặc Minh xâm lược. Ngọn cờ Lam Sơn thu hút nhiều hào kiệt quy tụ, trong đó có Lưu Nhân Chú, xuất thân trong một gia đình nhiều đời làm quan nhỏ ở xã An Thuận - huyện Đại Từ, trấn Thái Nguyên)(1). Ông cùng với cha là Lưu Trung và em rể (Phạm Cuống) là những người có mặt rất sớm trong cuộc khởi nghĩa(2).

Khi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn nổ ra, Lưu Nhân Chú giữ chức Hỏa thủ trong đội quân thiết đột(3). Suốt từ năm 1418 đến năm 1423, nghĩa quân hoạt động bền bỉ, chịu đựng gian khổ ở miền rừng núi Thanh Hóa và Hòa Bình. Lưu Nhân Chú là người trực tiếp tham gia chỉ huy trận đánh ở Khả Lưu và Bồ Ải (trận Bồ Ải, nghĩa quân bắt sống được tướng giặc Chu Kiệt và giết tướng Hoàng Thành). Năm 1425, Lưu Nhân Chú cùng các tướng Lê Sát, Lê Lễ, Lê Triện chỉ huy nghĩa quân đánh úp thành Tây Đô, giành thắng lợi. Lưu Nhân Chú đã được vua ban tước Thông hầu. Năm 1426, Lưu Nhân Chú làm chủ tướng, cùng các tướng Bùi Bị, Lê Khuyển… chỉ huy 2.000 nghĩa quân và một thớt voi chiến chặn đường rút chạy của giặc Minh ở Tràng An, Thiên Trường, Tân Hưng, Kiến Xương để giải phóng vùng

(1) Xã An Thuận có sách còn gọi là An Thuận Thượng, Thượng An Thuận, An Thượng, Thuận Thượng nay là xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

(2) Có tài liệu ghi 3 cha con (Lưu Trung, Lưu Nhân Chú và Phạm Cuống) cùng dự Hội thề Lũng Nhai (1416), song cũng có tài liệu ghi chỉ có Lưu Nhân Chú dự Hội thề; Lưu Trung và Phạm Cuống không dự, mà tham gia khởi nghĩa ngay từ đầu (1418) - Xem *Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú* - Viện Sử học Việt Nam và Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Thái Nguyên xuất bản tháng 10/2001.

(3) Dẫn theo: *Thái Nguyên - Đất và Người*. Sở VHTT Thái Nguyên. Xb 2003, tr. 264, 270.

hạ lưu sông Nhị. Tháng 10/1427, ông lại cùng Lê Sát, Lê Linh, Đinh Liệt đem hơn 1 vạn quân cùng 5 thớt voi lên mai phục ở ải Chi Lăng (Lạng Sơn), tiêu diệt hơn 1 vạn quân địch, chém đầu chủ tướng địch Liễu Thăng... Ông cũng là một trong những tướng chỉ huy đánh giặc Minh thảm bại tại Cần Trạm, Phố Cát, Xương Giang. Lưu Nhân Chú là một trong số ít các tướng của Lam Sơn được vinh dự tham gia chỉ huy hầu như tất cả các trận đánh từ Chi Lăng đến Xương Giang và đều lập công lớn nhờ tài năng kiệt xuất, dũng khí và bản lĩnh kiên cường.

Ngày 3/1/1428, quân Minh phải rút khỏi nước ta, đất nước được hoàn toàn giải phóng. Sau chiến thắng, Lưu Nhân Chú được Lê Lợi ban Quốc tính (họ nhà Vua), ban phong: Suy trung tán trị, Hiệp mưu dương vũ công thần, Nhập nội kiểm hiệu, Bình Chương quân quốc trọng sự (kịch bậc vinh phong). Ông còn được phong tước Á hầu, chức Tể tướng - chức quan cao nhất trong triều. Người cha và em rể ông cũng có công rất lớn cho thắng lợi của cuộc khởi nghĩa và được phong chức tước xứng đáng với công lao, được xếp vào hạng công thần khai quốc của triều Lê[1].

Năm 1527, Mạc Đăng Dung phế truất triều Lê, lập ra triều Mạc. Năm 1592, nhà Lê - Trịnh chiếm lại được Thăng Long. Năm 1594, các tướng nhà Mạc chia nhau chiếm đóng Thái Nguyên (Mạc Kính Dụng chiếm đóng thành Thái Nguyên, Mạc Kính Khoan chiếm đóng Đại Từ, An Quận công chiếm giữ Phổ Yên, Yên Dũng vương chiếm giữ Võ Nhai… Các châu, huyện ở Thái Nguyên bị tàn khốc vì cướp bóc và binh lửa[2].

(1) Lưu Nhân Chú đứng ở hàng thứ 5 trong số công thần khai quốc được vinh phong tước Á hầu và đến năm 1431 ông được phong Nhập nội Tư khấu. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484), vua Lê Thánh Tông truy tặng Lưu Nhân Chú chức Thái phó, tước Vinh Quốc công - *Danh tướng Việt Nam* - Tập II - *Danh tướng Lam Sơn*. Nxb Giáo dục 1997, tr. 86.

(2) Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd, tập IV, tr.198, 202.

Năm 1802, Vương triều Nguyễn được thành lập, đất nước thống nhất từ Bắc đến Nam, các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, Côn Đảo… đều thuộc quyền quản lí của triều đình nhà Nguyễn. Trải qua các đời vua Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị, dù đã có nhiều cải cách về chính trị, xây dựng bộ máy nhà nước, củng cố lực lượng quân sự, chú trọng phát triển kinh tế, văn hóa…, nhưng Vương triều Nguyễn vẫn không thể thoát ra khỏi những hạn chế vốn có của một nhà nước phong kiến. Đó là sự lạc hậu, lỗi thời về chính trị; sự quan liêu, độc đoán trong quản lí đất nước; là bộ máy quan lại số đông là những người bảo thủ, không ít kẻ tham nhũng, ức hiếp nhân dân. Cường hào, địa chủ trong các làng xã ra sức áp bức, bóc lột nông dân, đẩy họ vào cảnh khốn khó cùng cực. Mâu thuẫn giữa giai cấp phong kiến thống trị với nhân dân, chủ yếu là nông dân đã trở nên vô cùng gay gắt. Hàng loạt cuộc khởi nghĩa nổ ra và là thời điểm thích hợp cho thực dân Pháp xâm lược nước ta.

Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã nổ ra nhiều cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình nhà Nguyễn, như khởi nghĩa do Triều Đông lãnh đạo (Võ Nhai, tháng 3/1805), khởi nghĩa của Dương Đình Cúc (năm 1806) duy trì được gần 20 năm; khởi nghĩa của Nguyễn Đình Thể ở tổng La Đình, huyện Tư Nông và các cuộc nổi dậy của Dương Đình Liêm, Dương Đình Loan…Cuộc khởi nghĩa của Nông Văn Vân (1833 - 1835), nổ ra ở Bảo Lạc (tỉnh Cao Bằng) nhưng địa bàn hoạt động chính ở Thái Nguyên, dân chúng Thái Nguyên tham gia rất đông. Nghĩa quân đã nhiều lần vây hãm thành tỉnh Thái Nguyên. Song tất cả các cuộc khởi nghĩa ở thời kì này đều bị các vua nhà Nguyễn thẳng tay đàn áp.

Ngày 1/9/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha từ tàu chiến ở ngoài cửa biển Đà Nẵng (Quảng Nam) bắn đại bác lên các đồn Điện Hải, An Hải và cho quân đổ bộ đánh chiếm bán đảo Sơn Trà, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta.

Sau khi đánh chiếm xong các tỉnh Nam Kỳ và đồng bằng Bắc Kỳ, thực dân Pháp mở các cuộc tấn công đánh chiếm các tỉnh thượng du Bắc Kỳ.

Ngày 19/3/1884, tướng Bơrie đơ Lislơ (Brière de Lisle) chỉ huy Lữ đoàn 1 quân viễn chinh Pháp đánh chiếm thành Thái Nguyên. Chúng đã "*vấp phải sức kháng cự mãnh liệt của quân Việt Nam*"(1) do Nguyễn Quang Khoáng chỉ huy. Chiều 19/3, Nguyễn Quang Khoáng tử trận, quân Việt Nam buộc phải rút lui khỏi thành Thái Nguyên. Quân Pháp ồ ạt tiến vào trong thành, chiếm được 39 khẩu đại bác (trong đó có 25 khẩu bằng đồng), 20 súng máy, 200 súng trường cùng nhiều đạn dược, thuốc súng và tiền, gạo dự trữ(2). Tuy chiếm được thành Thái Nguyên, nhưng liên tục bị quân, dân Thái Nguyên tập kích, nên đến ngày 21/3/1884, sau khi phá thành, quân Pháp phải rút về Bắc Ninh.

Sáng 15/4/1884, hai đại đội quân Pháp và một số quân ngụy do Thiếu tá Rây gát (Reygasse) chỉ huy, từ Đa Phúc hành quân qua Phổ Yên lên đánh chiếm Thái Nguyên. Đến Lưu Xá, bị chặn đánh quyết liệt nên mãi đến 13 giờ 10 phút ngày hôm sau (16/4), chúng mới chiếm được thành. Quân ta rút khỏi thành, nhưng vẫn tiếp tục tổ chức bao vây, cắt đứt các đường tiếp tế lương thực, thực phẩm của quân Pháp. Bị hãm vào tình thế khó khăn, ngày 19/4/1884, quân Pháp lại phải bỏ thành Thái Nguyên rút theo đường Tư Nông (Phú Bình) về Bắc Ninh.

Sau 2 lần đánh chiếm vẫn không giữ được thành Thái Nguyên, ngày 10/5/1884, từ Bắc Ninh quân Pháp lại tổ chức một cánh quân

(1) Êsina (A. Echinard): *Lịch sử chính trị và quân sự tỉnh Thái Nguyên*. Cùng trong thành Thái Nguyên lúc này có khoảng 200 quân Mãn Thanh (Trung Quốc), 200 quân "Cờ đen" của Lưu Vĩnh Phúc (đã thuần phục triều đình Huế) và 600 quân Việt Nam (quân triều đình Huế). Khi Pháp nổ súng đánh thành Thái Nguyên, 200 quân Mãn Thanh bỏ chạy.

(2) Êsina (A. Echinard): *Lịch sử chính trị và quân sự tỉnh Thái Nguyên*... Sđd, tr. 21.

lớn do Trung tá Đonniê (Donnier) chỉ huy, đánh chiếm Thái Nguyên lần thứ 3. Lần này, quân Pháp đã chiếm đóng tỉnh lị Thái Nguyên, nhưng phải đến những năm đầu thập kỉ 90 của thế kỉ XIX, sau rất nhiều các cuộc hành quân bình định hao người, tốn của, chúng mới thiết lập được bộ máy cai trị trong toàn tỉnh.

Căm thù giặc Pháp xâm lược, nhân dân Thái Nguyên liên tục nổi dậy đấu tranh. Cùng lúc đó, nghĩa quân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, từ Bắc Giang tràn sang Thái Nguyên. Nhân dân các huyện: Tư Nông, Phổ Yên, Đại Từ, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phú Lương... hăng hái tiếp tế lương thực, thực phẩm và dẫn đường cho nghĩa quân. Nhiều người tình nguyện đứng vào hàng ngũ nghĩa quân đánh Pháp. Trong những tháng đầu năm 1896, dưới sự chỉ huy của Đề Dinh, chỉ tính riêng trên địa bàn huyện Đại Từ, nhân dân đã ủng hộ, giúp đỡ, tham gia cùng nghĩa quân Yên Thế đánh 16 trận, tiêu diệt và làm bị thương nhiều tên địch, khiến cho quân Pháp đóng ở các đồn Lục Ba, Cát Nê hoang mang, nơm nớp lo sợ bị tấn công. Trên địa bàn các huyện: Phổ Yên, Phú Bình cũng diễn ra nhiều trận đánh ác liệt giữa nghĩa quân Yên Thế và giặc Pháp.

Ở các huyện phía Bắc, ngày 10/1/1897, nghĩa quân Mã Mang phục kích một đoàn vận tải của địch từ tỉnh lị Thái Nguyên ngược sông Cầu lên Chợ Mới, đánh thiệt hại nặng đơn vị hộ tống, thu toàn bộ vũ khí và hàng hoá. Trong những tháng đầu năm 1897, nghĩa quân Mã Mang đã phát triển lên tới trên 300 người, liên tiếp đánh địch ở huyện lị Phú Lương, phía nam chợ Giang Tiên... trừng trị thích đáng tên sĩ quan Pháp là Giám binh Thái Nguyên, tên Tri huyện Phú Lương và hàng chục lính địch.

Phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân Thái Nguyên đã tác động mạnh mẽ đến tinh thần yêu nước của binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp đóng ở Thái Nguyên. Cuối năm 1892, binh

lính Việt Nam trong quân đội Pháp đóng ở đồn Hùng Sơn (Đại Từ) dưới sự chỉ huy của Cai Bát[1] đã nổi dậy làm binh biến, chiếm đồn, thu vũ khí của địch. Cuộc nổi dậy của binh lính đồn Hùng Sơn (Đại Từ) được nhân dân Thái Nguyên hưởng ứng rất nhanh. Từ một số ít binh lính ban đầu, đến tháng 3/1894, lực lượng đã phát triển lên tới 350 người, trở thành phong trào đấu tranh vũ trang chống Pháp, kéo dài đến năm 1896, mới bị dập tắt.

Sau khi dập tắt các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta, thực dân Pháp ráo riết củng cố bộ máy cai trị, đàn áp. Khoảng cuối năm 1904 đầu năm 1905, tỉnh Thái Nguyên gồm 7 huyện (Tư Nông, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Đại Từ, Võ Nhai, Văn Lãng, Phú Lương) và 1 châu (Định Hóa), với 51 tổng, 199 làng. Cho tới đầu những năm 20 của thế kỉ XX, tỉnh Thái Nguyên gồm 2 phủ (Phú Bình, Phổ Yên), 3 huyện (Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương) và 3 châu (Võ Nhai, Định Hóa, Văn Lãng), với 51 tổng, 227 làng[2]. Ngoài tỉnh lị đặt trên đất Đồng Hỷ và 7 phủ (huyện, châu) lị, chính quyền thực dân Pháp còn đặt thêm ở Thái Nguyên 3 trung tâm hành chính là Chợ Chu (Định Hóa), Phương Độ (Phú Bình) và Hùng Sơn (Đại Từ). Năm 1922, châu Văn Lãng sáp nhập vào huyện Đại Từ. Như vậy, từ thời điểm này đến năm 1945, tỉnh Thái Nguyên gồm 2 phủ, 3 huyện và 2 châu; trung tâm hành chính Hùng Sơn (Đại Từ) cũng được bãi bỏ.

Bộ máy cai trị ở cấp tỉnh gồm có 1 Công sứ người Pháp thuộc ngạch quan cai trị hạng Ba làm Chủ tỉnh, có cơ quan Tòa Công sứ giúp việc; 1 Phó Công sứ thuộc ngạch quan cai trị hạng Tư; 2 Tham tá; 3 Thanh tra lính khố xanh (trong đó có 1 đại diện Công sứ tại

(1) Cai Bát quê xã Thịnh Đán, huyện Đồng Hỷ (nay là phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên), là một hạ sĩ quan ở đồn Hùng Sơn, rất căm ghét chỉ huy người Pháp. Ông đồng tình với phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta nên đã lãnh đạo binh lính trong đồn nổi dậy đánh chiếm đồn, thu vũ khí của địch, ra lời kêu gọi nhân dân hưởng ứng cuộc binh biến do ông chỉ huy.

(2) Theo: Địa chí Thái Nguyên. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 211.

Hùng Sơn), 8 Trưởng trại lính khố xanh, 2 nhân viên thuế đoan và độc quyền, 1 nhân viên ngành Công chính, 1 nhân viên bưu điện, 1 viên chức ngạch quan cai trị hạng Năm đại diện Công sứ tại Chợ Chu, 1 Tham tá bậc Nhất đại diện Công sứ tại Phương Độ.

Giúp việc cho bộ máy cai trị hành chính của Pháp, là quan lại người Việt từ tỉnh xuống các châu, huyện. Ở tỉnh có Tuần phủ phụ trách chung, Án sát trông coi việc tư pháp, Bố chính coi việc thuế khóa. Ở phủ, huyện, châu có Tri phủ, Tri huyện, Tri châu; 1 Giáo thụ (chức quan trông coi việc học trong một phủ); 1 Thông ngôn (phiên dịch); 1 Lại mục (viên chức làm công việc bàn giấy ở phủ). Ở các tổng, có Chánh tổng, Phó Chánh tổng cai quản. Ở các làng (xã) có Lí trưởng, Phó Lí trưởng và Hội đồng Kì mục điều hành công việc. Hầu hết các chức dịch nắm quyền cai trị từ cấp làng (xã) trở lên đều thuộc giai cấp địa chủ phong kiến cấu kết và làm tay sai cho thực dân Pháp.

Bên cạnh bộ máy cai trị, thực dân Pháp còn thiết lập bộ máy đàn áp với một lực lượng quân sự lớn được bố trí ở 37 đồn binh rải khắp tỉnh. Dưới ách thống trị tàn bạo của chính quyền thực dân, phong kiến, đời sống của nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên vô cùng cực khổ, điêu đứng. Chỉ tính đến năm 1918, chính quyền thực dân Pháp đã cướp của nông dân Thái Nguyên 80.756 ha đất để lập 24 đồn điền. Các mỏ khoáng sản cũng bị chúng cướp đoạt và khai thác bừa bãi. Tại các mỏ than Làng Cẩm, Phấn Mễ, kẽm Làng Hích, công nhân phải làm việc từ 10 giờ đến 12 giờ mỗi ngày, không có phương tiện bảo hộ và nhận đồng lương rẻ mạt (trung bình từ 0,2 đồng đến 0,22 đồng/ngày). Đối với công nhân là phụ nữ thì cuộc sống lại càng cơ cực. Cùng một công việc như nam giới, nhưng họ được nhận tiền lương ít hơn, ngoài ra họ còn bị cai, chủ mỏ chọc ghẹo, xâm hại.

Việc cúp lương, đánh đập, sa thải công nhân thường xuyên xảy ra trong các hầm mỏ. Ở mỏ than Phấn Mễ, năm 1924, số công nhân lên tới 2.000 người; nhưng do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933), chủ mỏ đã sa thải 1.650 người[1]. Số còn lại tuy có việc làm nhưng đồng lương cũng vô cùng rẻ mạt, không đủ nuôi sống bản thân, lại phải ăn gạo "ngữ" - một thứ gạo của đốc công, vợ con cai, kí mua với giá 0,05 đồng/kg rồi bán lại cho họ với giá đắt gấp từ 1,5 đến 2 lần. Tại các mỏ than Làng Cẩm, Phấn Mễ, sắt Trại Cau, Linh Nham, hàng nghìn công nhân sống trong các lán trại, không chăn màn, giường chiếu; áo quần rách rưới, mùa đông không có áo rét, phải khoác áo tơi, bao tải đi làm; khi ốm đau bệnh tật không có thuốc uống, không được cứu chữa... Nhiều người đã bị chết do cách đối xử vô nhân đạo và tàn bạo của chủ mỏ. Trận dịch năm 1923 đã có mấy trăm công nhân ở Thái Nguyên thiệt mạng, trong đó có ngày 173 công nhân chết vì sốt rét và ngã nước...

Cùng với các thủ đoạn cướp ruộng đất làm đồn điền, khai thác mỏ để vơ vét tài nguyên khoáng sản, thực dân Pháp thu nhiều thứ thuế bất công, vô lí để bóc lột nhân dân Thái Nguyên. Trong các loại thuế đó, thuế đinh (còn gọi là thuế thân) là thứ thuế vô nhân đạo, đánh vào nam giới từ 18 đến 60 tuổi. Sau thuế đinh là thuế điền đánh vào ruộng đất. Ngoài 2 loại thuế điển hình trên, nhân dân Thái Nguyên còn phải nộp cho chính quyền thực dân Pháp nhiều loại thuế khác, đó là thuế môn bài, thuế muối, thuế trâu bò, thuế gà vịt...; phải đi phu, làm tạp dịch. Năm 1931, tỉnh Thái Nguyên chỉ có hơn 80.000 dân, nhưng đã phải nộp cho thực dân Pháp tới 286.413 đồng tiền thuế các loại.

Ngoài nỗi khổ về vật chất, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên còn bị thực dân Pháp đầy đọa về tinh thần. Để dễ bề cai trị, chính

(1) Theo: *Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương* - Tập I (1930 - 1945), xuất bản 1996, tr. 20.

quyền thực dân Pháp thực hiện chính sách "*ngu dân*", kìm hãm nhân dân trong vòng ngu dốt, lạc hậu. Một thời gian dài kể từ ngày đánh chiếm tỉnh Thái Nguyên, thực dân Pháp đã không mở trường học. Sau này, do nhu cầu đào tạo tay sai, chính quyền thực dân phải mở 1 trường tiểu học ở tỉnh lị Thái Nguyên và trường tiểu học không toàn cấp ở một số huyện lị, tổng. Dưới thời Pháp thuộc, cả huyện Phú Lương chỉ có 3 trường tiểu học không toàn cấp (ở Phủ Lý, Đu và Yên Ninh), với tổng số chưa đến 100 học sinh. Cả phủ Phú Bình chỉ có 2 trường tiểu học không toàn cấp (ở Hà Châu và Phương Độ). Ở các huyện: Phổ Yên, Định Hóa, Đồng Hỷ, mỗi huyện cũng chỉ có 1 trường tiểu học không toàn cấp, mỗi trường khoảng 100 học sinh. Năm học 1932 - 1933 được coi là đỉnh cao của nền giáo dục thực dân Pháp ở Đông Dương, nhưng số học sinh ở tỉnh Thái Nguyên cũng chỉ đạt 1,8% so với dân số; riêng huyện Định Hóa, tỉ lệ ấy chưa đạt 1%. Đa số học sinh vào học ở các trường này là con em tầng lớp quan lại, địa chủ và những nhà giàu có; còn tuyệt đại đa số con em nhân dân lao động không được đi học. Tỉ lệ mù chữ trong nhân dân tỉnh Thái Nguyên chiếm tới trên 95%, có dân tộc gần 100% số dân mù chữ, trình độ hiểu biết thấp kém.

Cùng với việc đầu độc về văn hoá, khuyến khích duy trì các phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan, cờ bạc, chính quyền thực dân bắt nhân dân uống "rượu ty"; cấm tư nhân Việt Nam nấu rượu (kể cả việc tự nấu rượu để uống), đồng thời giao chỉ tiêu bán "rượu ty" cho chính quyền tổng, xã để thu lợi nhuận; làng bản nào không tiêu thụ hết số rượu của Pháp, vẫn phải trả tiền và bị coi là phiến loạn. Thực dân còn dùng thuốc phiện để đầu độc nhân dân và làm suy yếu giống nòi. Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, thuốc phiện được bán công khai. Nhiều tiệm hút, tiệm rượu, tiệm cô đầu, sòng bạc được mở ra để thu hút, lôi kéo thanh niên vào con đường nghiện

ngập, ăn chơi sa đoạ, mòn mỏi về thể xác và tinh thần, lãng quên con đường đấu tranh cách mạng. Năm 1910, nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã phải tiêu thụ 43.626 lít rượu cồn, 710 kg thuốc phiện... mang lại nguồn lãi lớn cho thực dân, phong kiến.

Công tác y tế, chăm lo bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân không được chính quyền thực dân chú ý. Trong tỉnh, có 1 Ban Y tế do viên Công sứ làm Chủ tịch và 6 ủy viên gồm: 1 thầy thuốc người Pháp, 1 nhân viên công chính người Pháp, 1 thầu khoán ngành Vận tải người Pháp, 3 người Việt là Án sát, Tri huyện Đồng Hỷ và Trưởng phố. Đến năm 1932, cả tỉnh Thái Nguyên chỉ có 1 nhà thương với 30 giường bệnh đặt tại tỉnh lị (từ năm 1933 là thành phố, đến năm 1938 là thị xã) Thái Nguyên và 1 bệnh xá 30 giường bệnh đặt ở Chợ Chu (Định Hóa)[1(1)]; huyện Phú Lương, phủ Phú Bình mỗi nơi có 1 nhà thương nhỏ dành cho quan lại; phủ Phổ Yên chỉ có 1 y tá, cả huyện Đồng Hỷ không có một cơ sở y tế nào...

Người dân ốm đau, bệnh tật chỉ biết trông chờ vào sự may rủi, đồng bào các dân tộc thiểu số thường mời thầy cúng về "*cúng ma*". Tình trạng hữu sinh, vô dưỡng là phổ biến trong nhân dân các dân tộc thiểu số. Trong khi ra sức kìm hãm giáo dục, không phát triển y tế và tăng cường đầu độc nhân dân ta bằng rượu cồn và thuốc phiện, thực dân Pháp lại ra sức đầu tư xây dựng nhà tù. Từ năm 1903, tại trung tâm tỉnh lị Thái Nguyên, thực dân Pháp đã xây dựng một nhà tù lớn do viên Công sứ trực tiếp làm Giám đốc. Sau đó, chúng xây dựng thêm nhà tù Chợ Chu (Định Hóa) năm 1913, Căng Bá Vân (Đồng Hỷ) năm 1941... Kinh phí xây dựng và tu bổ nhà tù (chưa kể các khoản chi cho việc giam giữ và khủng bố tù nhân) đã gấp hơn 10 lần kinh phí chi cho giáo dục (năm 1931 chi cho giáo dục 2.335 đồng, chi cho xây dựng và tu bổ nhà tù 23.553 đồng).

(1) Êsina (Alfred Echinard): *Tiểu chí Thái Nguyên*... Sđd, tr. 36.

Bị áp bức bóc lột thậm tệ, nên ngay những năm đầu của thế kỉ XX, nhân dân Thái Nguyên đã nhiều lần nổi dậy đấu tranh. Tháng 11/1913, trên 300 công nhân mỏ kẽm Làng Hích đấu tranh chống cúp lương, chống đánh đập và sa thải thợ. Tiếp đó là cuộc đấu tranh chống phạt vạ vô lí của công nhân mỏ than Phấn Mễ. Trong các cuộc đấu tranh này, công nhân đã trừng trị đích đáng nhiều tay sai đắc lực của chủ mỏ.

Tiêu biểu cho phong trào đấu tranh chống Pháp ở Thái Nguyên đầu thế kỉ XX là cuộc khởi nghĩa của binh lính và tù chính trị do Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo[1].

Theo đúng kế hoạch, cuộc khởi nghĩa nổ ra vào đêm 30/8/1917. Nghĩa quân lần lượt đánh chiếm tòa Công sứ, tòa án, nhà đoan, kho

(1) Trịnh Văn Cấn tên thật là Trinh Văn Đạt, sinh năm 1881, quê ở làng Yên Nhiên (còn gọi là làng Nhàn), tổng Thượng Trưng, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây (nay là xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc), bị bắt làm lính khố xanh từ lúc còn rất trẻ và từ năm 1910 bị điều động lên đóng quân ở nhiều nơi trên đất Thái Nguyên. Khi buộc phải cầm súng đi đàn áp khởi nghĩa Yên Thế, ông đã cảm phục và chịu ảnh hưởng của nhiều tấm gương anh hùng, bất khuất của nghĩa quân Đề Thám, càng nung nấu thêm ý chí đánh thực dân, cứu nước.

Lương Ngọc Quyến, hiệu là Lương Lập Nham, con trai thứ hai của Lương Văn Can - người sáng lập Đông Kinh nghĩa thục, sinh năm 1885 ở phố Hàng Đào (Hà Nội). Năm 1905, ông sang Nhật học và sau đó tốt nghiệp loại ưu Trường Chấn Võ học hiệu.

Năm 1908, ông bị Nhật trục xuất, về Trung Quốc vào học Trường Quân nhu học hiệu Quảng Đông, rồi Trường Sĩ quan học hiệu Bắc Kinh.

Từ năm 1911 đến năm 1913, ông phục vụ trong quân đội Trung Quốc với quân hàm Thiếu tá. Năm 1912, ông tham gia thành lập Việt Nam Quang phục hội, phụ trách Ban Quân vụ. Sau vụ Việt Nam Quang phục hội đánh bom khách sạn Hà Nội năm 1913, ông bị thực dân Pháp kết án tử hình vắng mặt. Cuối năm 1914, ông bị cảnh sát bắt tại Hương Cảng dẫn độ cho các nhà đương cục Pháp ở Quảng Châu đưa về Việt Nam xét xử. Đầu năm 1915, ông bị thực dân Pháp kết án chung thân cầm cố, giam tại nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội), sau đó là các nhà tù Sơn Tây, Cao Bằng, Phú Thọ... Tháng 7/1916, ông bị đưa về giam tại nhà tù Thái Nguyên lúc đó có 200 tù nhân, phần lớn là chiến sĩ các phong trào Đông du, Đông Kinh nghĩa thục, khởi nghĩa Yên Thế... Tại đây, ông bị tên Công sứ Darles cho bọn cai ngục đâm thủng bàn chân, luồn dây thép vào khóa lại và bị nhốt trong xà lim suốt ngày đêm. Ông đã gặp và giác ngộ Đội Cấn. Hai người đã bàn bạc kế sách vận động, tập hợp binh lính người Việt ở tỉnh lị Thái Nguyên nổi dậy khởi nghĩa lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp.

vũ khí, kho bạc… Sáng 31/8, lá cờ 5 sao với dòng chữ: *Nam binh phục quốc* tung bay trên bầu trời tỉnh lị Thái Nguyên. Nghĩa quân phát hịch tuyên bố Thái Nguyên độc lập, đặt Quốc hiệu là Đại Hùng, định Quốc kì nền vàng 5 ngôi sao đỏ, kêu gọi nhân dân tham gia khởi nghĩa. Lực lượng nghĩa quân lên tới 623 người (gồm 131 lính khố xanh, 180 tù nhân, 312 dân thường).

Thực dân Pháp ở Hà Nội, sau khi nhận được tin cấp báo, đã huy động 2.000 quân, có pháo binh và xe thiết giáp yểm trợ, lên đàn áp cuộc khởi nghĩa. Nghĩa quân chống cự rất quyết liệt trong suốt 4 ngày liền. Chính thực dân Pháp cũng phải thừa nhận "*Cuộc chống cự của quân phiến loạn đã diễn ra ác liệt ngay từ trận đụng độ đầu tiên*"(1). Tuy nhiên, nghĩa quân cũng bị tổn thất nặng nề. Lương Ngọc Quyến trong lúc chỉ huy chiến đấu, đã hi sinh anh dũng.

Sau một tuần làm chủ tỉnh lị, do tương quan lực lượng quá chênh lệch, Đội Cấn quyết định rút quân ra khỏi tỉnh lị, tiến hành một cuộc hành quân vô cùng gian khổ qua các tỉnh: Vĩnh Yên, Phúc Yên để tránh sự truy lùng của kẻ thù. Đến tháng 10/1917, nghĩa quân trở lại Thái Nguyên với lực lượng đã giảm sút rất nhiều, chỉ còn lại 40 người. Bị quân địch truy kích ráo riết, nghĩa quân lâm vào thế hiểm nghèo. Đội Cấn cùng một số ít nghĩa quân cầm cự với giặc ở vùng núi Pháo huyện Đại Từ. Ngày 5/1/1918, nhận thấy không còn khả năng chống cự, Đội Cấn đã tự sát để giữ trọn khí tiết. Cuộc khởi nghĩa bị dập tắt.

Khởi nghĩa Thái Nguyên tồn tại trong khoảng 6 tháng. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử cận đại Việt Nam, một cuộc khởi nghĩa thắng lợi, giải phóng được một tỉnh lị, tuyên bố nền độc lập, đặt ra Quốc kì, thành lập quân đội riêng. "*Cuộc khởi nghĩa của Thái Nguyên là cuộc khởi nghĩa lớn nhất nổ ra ở Việt Nam trong thời*

(1) Alfred Echinard - *Lịch sử chính trị, quân sự tỉnh Thái Nguyên*, 1934, tr. 98.

kì thế giới đại chiến lần thứ nhất"[1]. Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên tuy cuối cùng thất bại, nhưng có sức cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục vững bước trên con đường đấu tranh giải phóng dân tộc.

Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, mở ra bước ngoặt quan trọng, chấm dứt thời kì khủng hoảng về lãnh đạo, bế tắc về đường lối trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam. Từ đây, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam có một chính đảng duy nhất theo chủ nghĩa Mác - Lênin lãnh đạo. Vừa ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kịp thời tổ chức và lãnh đạo phong trào cách mạng rộng khắp trong cả nước, đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Những sự kiện trên có tác động mạnh mẽ đến nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, trong thời kì này, tình hình ở Thái Nguyên có nhiều khó khăn. Sau khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, thực dân Pháp tăng cường bộ máy đàn áp và khống chế nhân dân. Mật thám Pháp giăng khắp nơi và hoạt động ráo riết, nhất là ở các khu mỏ, đồn điền. Điều đó khiến cho việc tuyên truyền giác ngộ quần chúng ở tỉnh Thái Nguyên gặp nhiều trở ngại. Năm 1929, nhân dịp kỉ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga, các hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Bắc Giang tổ chức rải truyền đơn tại bến đò Hà Châu (Phú Bình), nhưng bị địch phát hiện nên không có ảnh hưởng gì đáng kể đối với địa phương. Tháng 9/1933, cơ sở Đảng ở đồn điền Tú Tạo (Đa Phúc - Phúc Yên) giao cho 1 tá điền mang truyền đơn về làng Phù Lôi (nay thuộc Thuận Thành - Phổ Yên) cũng bị địch phát hiện và khủng bố. Ở những vùng giáp ranh với các tỉnh, chúng kiểm soát chặt chẽ không cho phong trào cách mạng tràn vào Thái Nguyên.

(1) Trần Huy Liệu - *Khởi nghĩa Thái Nguyên*.

Giữa lúc địch khủng bố ác liệt phong trào cách mạng, vẫn có một người con của đất Thái Nguyên giác ngộ lí tưởng cộng sản, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam ngay trong năm 1930, đó là đồng chí Triệu Thị Đỉnh[1].

Nhằm dập tắt phong trào cách mạng 1930 - 1931, thực dân Pháp và tay sai tiến hành khủng bố trắng. Cơ sở đảng và cơ sở cách mạng ở nhiều nơi bị phá vỡ. Nhiều đảng viên cộng sản và những người yêu nước bị địch bắt, chém giết, tù đày.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, các đồng chí: Vũ Hưng và Nguyễn Đình Chiêm[2] quê ở Hà Nam, để tránh địch khủng bố, đã tạm lánh lên vùng Định Hóa (Thái Nguyên) tiếp tục hoạt động. Bị mất liên lạc với Đảng, song với tinh thần của người đảng viên Cộng sản, 2 đồng chí vừa đi làm thuê kiếm sống, vừa tích cực tuyên truyền giáo dục, giác ngộ quần chúng. Trong những năm 1932 - 1933, đồng chí Vũ Hưng đã gây dựng được một số cơ sở quần chúng trung kiên ở xã Bộc Nhiêu (châu Định Hóa).

---

(1) Đồng chí Triệu Thị Đỉnh sinh ngày 24/12/1912 tại xóm Chùa, xã Đồng Mỗ, tổng Túc Duyên, huyện Đồng Hỷ (nay là tổ 5, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên). Năm 1928, đồng chí được giác ngộ cách mạng; đến tháng 6/1930, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, công tác tại Xứ ủy Bắc Kỳ. Ngày 24/3/1931, đồng chí bị mật thám Pháp bắt tại Ngõ Đá, phố Cầu Đất (Hải Phòng) cùng các đồng chí: Lê Duẩn, Trịnh Đình Cửu, Lê Thị Chắt…; bị tòa án thực dân xử tù chung thân. Tháng 10/1936, đồng chí được trả tự do, tham gia Ban Quản trị các báo *Bạn Dân*, *Thế Thời*, *Tin Tức*…. Tháng 9/1939 và tháng 8/1941, hai lần đồng chí bị địch bắt, tra tấn rất dã man. Từ sau Cách mạng Tháng Tám thành công (1945) đến khi nghỉ hưu (1970), đồng chí đảm nhận nhiều công việc ở các cơ quan Trung ương và tỉnh Thái Nguyên. Đồng chí đã được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương; được tặng Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng. Đồng chí Triệu Thị Đỉnh từ trần ngày 23/9/2007, tại Hà Nội.

(2) Đồng chí Vũ Hưng tên thật là Vũ Văn Uyển (còn có tên là Đỗ Văn Đoài, Hai Cao), quê xã Thận Tu, huyện Duy Tiên (Hà Nam) tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên từ năm 1927; những năm 1930 - 1931, được bầu vào Tỉnh ủy Hà Nam. Cuối năm 1931, phong trào cách mạng Hà Nam bị khủng bố, đồng chí phải tạm lánh lên Hà Đông, năm 1932 lánh lên vùng Định Hóa (Thái Nguyên) để sinh sống và tiếp tục hoạt động. Đồng chí Nguyễn Đình Chiêm quê ở Hà Nam cùng hoạt động với đồng chí Vũ Hưng tại Hà Nam cũng bị địch truy lùng ráo riết, phải tạm lánh lên Định Hóa (Thái Nguyên).

Năm 1934, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương (có chức năng như một Ban Chấp hành Trung ương lâm thời) được thành lập ở Trung Quốc đã bắt liên lạc với các cơ sở đảng ở trong nước, đồng thời chỉ đạo Chi bộ Long Châu mở rộng phạm vi hoạt động để phát triển phong trào cách mạng trong các dân tộc thiểu số.

Đầu năm 1935, khi hệ thống tổ chức Đảng được xây dựng và chắp nối lại, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng. Đại hội được tổ chức từ ngày 27 đến ngày 31/3/1935 tại Ma Cao (Trung Quốc). Trên cơ sở nhận định những kết quả và thiếu sót, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng, phát triển cơ sở cách mạng, Đại hội ra nghị quyết: Khôi phục các tổ chức đảng đã bị địch phá; nối lại liên lạc với đảng viên bị địch khủng bố, đưa họ trở lại hoạt động; ra sức xây dựng các cơ sở cách mạng và phát triển Đảng vào các xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền, các trung tâm kinh tế, văn hoá, các trục giao thông trọng yếu.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ nhất, Chi bộ Đảng ở Long Châu (Trung Quốc) quyết định đưa cán bộ, đảng viên về nước hoạt động[1]. Tỉnh Thái Nguyên là một trong những nơi có nhiều hầm mỏ, đồn điền, tập trung công nhân, nên được Chi bộ hải ngoại của Đảng ở Long Châu chú ý gây dựng cơ sở. Từ sau khi cơ sở Đảng được thành lập, truyền thống yêu nước và cách mạng của nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên ngày càng được phát huy. Phong trào cách mạng ở tỉnh Thái Nguyên phát triển nhanh chóng.

(1) Chi bộ Long Châu được hình thành từ những năm 1930 - 1931. Năm 1932, đồng chí Lê Hồng Phong đến Long Châu hoạt động, kết nạp một số đồng chí vào Đảng và công nhận Chi bộ Long Châu do đồng chí Hoàng Đình Giong làm Bí thư.

Chương I

SỰ RA ĐỜI CÁC TỔ CHỨC CỘNG SẢN VÀ QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN THẮNG LỢI (1936 - 1945)

I- Sự ra đời các tổ chức cộng sản và phong trào cách mạng trong thời kì vận động dân chủ (1936 - 1939)

Từ giữa những năm 30 của thế kỉ XX, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) đã kết thúc, nhưng hậu quả để lại còn rất nặng nề đối với nhiều nước tư bản. Trong bối cảnh như vậy, giới cầm quyền ở một số nước tư bản đối phó bằng cách phát xít hóa bộ máy chính quyền. Từ đó, nguy cơ chiến tranh thế giới lần thứ hai bắt đầu đe dọa loài người ngày càng nghiêm trọng.

Trước tình hình trên, Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản được tổ chức tại Mátxcơva tháng 7/1935 đã chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, giành dân chủ và bảo vệ hoà bình. Nhiệm vụ của Đảng Cộng sản các nước phải lãnh đạo thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi, thống nhất hành động, chống phát xít, chống nguy cơ chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, hoà bình và cải thiện đời sống.

Sau Đại hội của Quốc tế Cộng sản, các Đảng Cộng sản ra sức phấn đấu thực hiện mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít. Ở Pháp, Mặt trận Nhân dân Pháp được thành lập (tháng 1/1936), nòng cốt là Đảng Cộng sản Pháp. Trong cuộc Tổng tuyển cử tháng 5/1936, Mặt trận Nhân dân giành thắng lợi và đứng ra lập Chính phủ mới

do Lêông Bơlom (Léon Blum) - lãnh tụ Đảng Xã hội, làm Thủ tướng. Trước sự đấu tranh của Đảng Cộng sản và phong trào đấu tranh chống phát xít của nhân dân Pháp, Chính phủ Lêông Bơlom buộc phải tuyên bố thực hiện một số quyền tự do dân chủ ở các thuộc địa, trong đó có Đông Dương.

Xuất phát từ tình hình thế giới và trong nước, đồng thời vận dụng Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, ngày 26/7/1936, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương triệt để lợi dụng khả năng đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp để tuyên truyền, tổ chức quần chúng, đồng thời củng cố và phát triển tổ chức bí mật của Đảng và tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất, đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng, qua đó giáo dục, phát triển đội ngũ cách mạng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa I), Chi bộ hải ngoại Long Châu quyết định đưa cán bộ, đảng viên về nước hoạt động. Trong số đó, đồng chí Đặng Tùng[1] được cử về gây dựng cơ sở, phát triển phong trào cách mạng ở Thái Nguyên.

---

(1) *Đặng Tùng (dân tộc Tày) tên thật là Đinh Ngọc Đạt, ngoài ra còn có các tên Luân, Con, Pạc* Pan Lỷ (Lã Hồng Tú), sinh năm 1914. Nguyên quán xóm Lũng Na, xã Chí Thảo, huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng. *Là* con một gia đình khá giả, nên lúc nhỏ Đặng Tùng được theo học tại trường Pháp - Việt thị xã Cao Bằng. Tháng 8/1932, Đặng Tùng được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Những năm 1933 - 1934, Đặng Tùng là đảng viên của Chi bộ xã Hưng Đạo, huyện Hòa An (Cao Bằng), sinh hoạt và công tác tại địa phương. Trong cuộc khủng bố ngày 26/8/1935 của địch, Đặng Tùng bị bắt tại thị xã Cao Bằng. Nhờ mưu trí và dũng cảm, đồng chí thoát khỏi nanh vuốt giặc và được Đảng bộ Cao Bằng bố trí tạm lánh ra nước ngoài. Cuối năm 1935, Đặng Tùng đến Long Châu (Trung Quốc), sinh hoạt trong Chi bộ hải ngoại của Đảng Cộng sản *Đông* Dương do đồng chí Hoàng Đình Giong làm Bí thư. Lãnh đạo Chi bộ bố trí cho Đặng Tùng ở trong một gia đình họ Đường, dân tộc Nùng ở Bản Khiếc, Bó Cục, Long Châu, Quảng Tây, Trung Quốc, có bà con sinh cơ lập nghiệp tại Bắc Sơn (Lạng Sơn) và La Bằng (Đại Từ, Thái Nguyên). Hằng *năm, bà con ở Đại Từ, Bắc Sơn thường về thăm quê ở Long Châu,* nên Đặng Tùng có quen biết và kết thân với người họ Đường ở La Bằng.

Nhận nhiệm vụ được giao, Đặng Tùng bí mật tìm đường về Đại Từ đến nhà Đường Văn Hon (Đường Nhất Quý), được anh em họ Đường sinh sống ở đây đùm bọc, giúp đỡ. Đặng Tùng bắt đầu công việc gây dựng cơ sở cách mạng bằng việc giác ngộ anh em nhà họ Đường; đồng thời vận động và tổ chức những người trong làng có quan hệ tình cảm sâu sắc với gia đình họ Đường vào Hội Tương tế[1]. Đây là một tổ chức quần chúng do Đảng ta chủ trương, hoạt động công khai giúp đỡ lẫn nhau trồng cấy, gặt, việc hiếu, việc hỉ..., tập hợp nhau nghe đọc báo công khai của Đảng và của Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương, tiến tới tham gia đấu tranh chống sưu cao, thuế nặng.

Cuối năm 1936, các đồng chí: Đường Nhất Quý, Đường Văn Ngân, Nông Văn Ái, Hoàng Văn Nghiệp được Đặng Tùng kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Đây là cơ sở Đảng đầu tiên của tỉnh được xây dựng tại La Bằng - một làng (xã) miền núi hẻo lánh thuộc tổng Tiên Sơn nằm ở khu vực phía Tây huyện Đại Từ.

Trong quá trình vận động, xây dựng cơ sở Đảng ở La Bằng, Đặng Tùng biết mối quan hệ gia đình và bạn bè của Đường Nhất Quý tại Võ Nhai[2]. Đầu năm 1937, Đường Nhất Quý đưa Đặng Tùng sang Phú Thượng (Võ Nhai). Vốn là người có trình độ văn hoá, có năng lực và kinh nghiệm vận động quần chúng, Đặng Tùng nhanh chóng chiếm được tình cảm của một số thanh niên ở Võ Nhai, tích cực tuyên truyền đường lối cách mạng dân tộc, dân chủ của Đảng cho họ. Nhờ nhiều yếu tố cả về chủ quan và khách quan thuận lợi, chỉ sau một thời gian ngắn, 3 thanh niên xã Phú Thượng: Chu Văn Tấn,

(1) Tổ Tương tế lúc đầu gồm có: Đường Văn Hon (Đường Nhất Quý), Lý Tắc Phú, Hoàng Văn Nghiệp, Nông Triều Đông, Nông Văn Ái, Lý Kim, Lý Thu, Nông Văn Đệ..., do Đường Văn Hon làm Tổ trưởng.

(2) Đường Nhất Quý là anh trai bà Đường Thị Ân lúc đó là vợ chưa cưới của Chu Văn Tấn. Bà Đường Thị Ân sau này giữ chức Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ Khu Tự trị Việt Bắc.

Nông Văn Cần và Lục Văn Đủ được Đặng Tùng tuyên bố kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Đây là cơ sở Đảng Cộng sản thứ hai được thành lập ở tỉnh Thái Nguyên.

Vùng đất Võ Nhai vốn có truyền thống yêu nước chống Pháp. Nhiều lớp thanh niên thuộc các dân tộc Nùng, Tày, Hoa đã từng tham gia các phong trào đấu tranh cùng nghĩa quân Yên Thế (1884 - 1913), khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Trong số 3 đảng viên, Chu Văn Tấn là người có học vấn, hơn hẳn nhiều thanh niên cùng trang lứa ở Võ Nhai lúc bấy giờ, lại làm nhân viên đạc điền, thầu gỗ..., nên có mối quan hệ rộng rãi. Là người có ý chí, sau khi được giác ngộ, được kết nạp vào Đảng, Chu Văn Tấn hoạt động rất tích cực, đóng vai trò quan trọng trong việc gây dựng, phát triển phong trào quần chúng cách mạng ở Võ Nhai. Sau này, Chu Văn Tấn được Trung ương, Xứ ủy Bắc Kỳ tin cậy giao cho trực tiếp lãnh đạo Đảng bộ và phong trào Võ Nhai - Bắc Sơn. Đồng chí là một trong những cán bộ chủ chốt của Căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, một cán bộ chỉ huy xuất sắc của Cứu quốc quân từ 1941 đến 1945.

Do sự hoạt động tích cực của các đồng chí đảng viên Phú Thượng, năm 1937, các đồng chí: Trừ Văn Thoòng (tức Hoà), Phan Văn Cọ (tức Giường) và Cam Văn Quỳnh (tức Chân) ở xã Tràng Xá; Lê Dục Tôn, Chu Quốc Hưng, Chu Viết Phong ở xã Phú Thượng được kết nạp vào Đảng. Thời gian này Đặng Tùng ở hẳn Võ Nhai, lấy nơi này làm trung tâm chỉ đạo phong trào các nơi.

Việc thành lập cơ sở Đảng ở Võ Nhai vào mùa Xuân năm 1937 đánh dấu một bước ngoặt trong phong trào cách mạng của nhân dân các dân tộc Võ Nhai nói riêng và toàn tỉnh nói chung. Nhóm đọc báo chí tiến bộ hoạt động sôi nổi ở Đình Cả, Tràng Xá, La Hiên, thu hút nhiều thanh niên các dân tộc trong châu tham gia. Tuy gây dựng sau, nhưng phong trào cách mạng và cơ sở chính trị ở Võ Nhai phát

triển nhanh và vững vàng. Võ Nhai lại giữ vị trí án ngữ một chặng đường hiểm yếu trên con đường giao thông liên lạc có ý nghĩa chiến lược giữa cách mạng Việt Nam với nước ngoài.

Vì thế, sau khi nhận được báo cáo của Đặng Tùng[1], tháng 4/1938, đồng chí Hoàng Văn Thụ về Thái Nguyên kiểm tra các cơ sở ở Võ Nhai, Đại Từ, Phú Lương (mỏ Phấn Mễ). Trước khi về Hà Nội, đồng chí Hoàng Văn Thụ mở một lớp huấn luyện chính trị ở Võ Nhai cho số thanh niên địa phương đã giác ngộ cách mạng. Tiếp theo đó, Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ lần lượt cử nhiều cán bộ lên giúp Võ Nhai và Bắc Sơn. Mùa hè năm 1938, theo chỉ thị của đồng chí Hoàng Vĩnh Tuy (Hoàng Văn Nọn) - Bí thư Liên Xứ ủy Bắc Kỳ - Trung Kỳ, đồng chí Lê Xuân Thụ - cán bộ Xứ ủy nhận nhiệm vụ lên xây dựng cơ sở, mở rộng phong trào cách mạng, đánh thông con đường liên lạc của Đảng từ Hà Nội, qua Thái Nguyên, Lạng Sơn, ra nước ngoài. Nhận thấy Võ Nhai là nơi có nhiều cơ sở quần chúng tốt, nhiều thanh niên trung kiên, tích cực hoạt động, đồng chí đã cùng với cơ sở Đảng Phú Thượng và Tràng Xá xúc tiến việc thành lập Đoàn Thanh niên Dân chủ ở địa phương. Một số thanh niên hăng hái, nhanh nhẹn, tích cực, có tư tưởng tiến bộ, trong đó có Nông Văn Cún (Thái Long)[2], được lựa chọn kết nạp vào Đoàn Thanh niên Dân chủ và trở thành người giúp việc tin cẩn của đồng chí phái viên Xứ ủy.

---

(1) Cuối năm 1937, Đặng Tùng cử đồng chí Chu Văn Lường - đảng viên xã Phú Thượng sang Long Châu (Trung Quốc) báo cáo đồng chí Hoàng Văn Thụ. Một thời gian sau Đặng Tùng cũng đi Liễu Châu (Quảng Tây, Trung Quốc), theo Trương Bội Công (Quốc dân Đảng).

(2) Là một người hoạt động hăng hái, từ đầu năm 1939, Nông Văn Cún bị mật thám Lạng Sơn để ý và cho tên tay sai Nguyễn Văn Phúc bám sát, theo dõi. Trong một lần công tác ở Hưng Vũ (Bắc Sơn), Nông Văn Cún sa vào tay giặc (7/1939). Bị bọn mật thám tra tấn rất dã man, Nông Văn Cún một mực không khai, giữ vững khí tiết của người cộng sản. Chúng mở phiên toà tại Lạng Sơn để xét xử Nông Văn Cún. Sau khi viên Chánh án hỏi: "*Nghe thầy đồ Thành - tức Cao (đồng chí Lê Xuân Thụ - TG) - nói về thuyết Cộng sản, anh có hiểu và tán thành không?*". Nông Văn Cún đã trả lời khảng khái: "*Tôi hiểu và tán thành chủ nghĩa ấy*".

Tháng 8/1938, Trung ương Đảng, Xứ ủy Bắc Kỳ cử đồng chí Nguyễn Văn Minh - Xứ ủy viên, lên Võ Nhai kiểm tra cơ sở, nắm tình hình phong trào, góp ý kiến với các đồng chí phụ trách địa phương. Để giúp cán bộ, đảng viên ở đây nâng cao trình độ và giác ngộ cách mạng, đồng chí Xứ ủy viên đã mở lớp huấn luyện chính trị cho gần 10 cán bộ, đảng viên về Điều lệ Đảng Cộng sản Đông Dương và *Lịch sử phong trào công nhân quốc tế*.

Được sự quan tâm của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ, trong thời gian ngắn từ nửa cuối năm 1938 đến đầu năm 1939, tổ chức Đảng, đoàn thể quần chúng cách mạng ở tỉnh Thái Nguyên được củng cố và phát triển khá. Tại Võ Nhai, cơ sở Đảng và phong trào cách mạng từ Phú Thượng phát triển rộng ra các xã: Lâu Thượng, Tràng Xá, La Hiên... Riêng số đảng viên ở các cơ sở này đã có gần 30 đồng chí. Cùng thời gian này, tổ chức Đảng ở Đại Từ có 6 đảng viên; Định Hóa có các đồng chí: Vũ Hưng, Nguyễn Đình Chiêm cùng hoạt động giác ngộ quần chúng, gây dựng cơ sở cách mạng. Giữa Đại Từ, Định Hóa, Võ Nhai, tuy về danh nghĩa không hình thành một tổ chức thống nhất, nhưng thực tế đã có sự chỉ đạo thống nhất mà trung tâm là Võ Nhai. Vùng Nam Phú Bình, Phổ Yên có một số cán bộ của Đảng bộ Bắc Giang và Xứ ủy Bắc Kỳ đi lại hoạt động, xây dựng được một số cơ sở quần chúng cách mạng[1]. Những cuộc đấu tranh tiêu biểu của tỉnh thời kì này chủ yếu nổ ra ở Võ Nhai, Định Hóa do cơ sở Đảng và đảng viên ở đây lãnh đạo.

Đầu năm 1938, để hoàn thành gấp con đường chiến lược thuộc địa số 1B qua Võ Nhai lên Lạng Sơn và mở đường quân sự Chợ Chu (Định Hóa) sang Thành Cóc (Tuyên Quang), thực dân Pháp bắt nhân dân các dân tộc 2 châu Võ Nhai, Định Hóa phải bỏ công việc

(1) Cuối năm 1938, đồng chí Hoàng Văn Thái (sau này là Đại tướng Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng) giác ngộ Nguyễn Văn Nội (Cao Nhật) xã Kha Sơn, người thanh niên đầu tiên của Phú Bình tham gia cách mạng.

đồng áng lên công trường. Nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công, dựa vào thế lực bọn cầm quyền, chủ thầu thực hiện chế độ cưỡng bức làm việc đối với dân phu. Họ bị đánh đập tàn nhẫn trong khi số tiền công ít ỏi bị bớt xén, ăn chặn, không được cấp dụng cụ lao động, phải tự lo nơi ăn nghỉ.

Trước tình hình trên, tổ chức Đảng châu Võ Nhai lãnh đạo vận động tất cả dân phu nhất loạt kí tên đòi cấm đánh đập phu, trừng trị bọn ăn chặn tiền công của phu, chống bắt phu ngày mùa... Mũi nhọn đấu tranh nhằm vào tên Tri châu gian ác và tham nhũng. Do kế hoạch bị lộ, nên cuộc đấu tranh nổ ra sớm hơn dự định. Trong khi đoàn biểu tình mang đơn và chữ kí của nhân dân các xã về Tòa Công sứ, hàng trăm dân phu mang cuốc, xẻng... kéo về châu lị La Hiên gây áp lực. Trước quy mô và khí thế của cuộc đấu tranh, bọn thực dân phải nhượng bộ, việc làm đường phải tạm hoãn, tên Tri châu Đèo Văn Long bị đổi đi nơi khác.

Trên công trường làm đường Chợ Chu - Thành Cóc, dân phu đưa yêu sách đòi tăng tiền công từ 0,17 đồng lên 0,25 đồng/ngày, cho mượn dụng cụ làm đường. Cuộc đấu tranh bắt đầu từ đoàn dân phu xã Bộc Nhiêu rồi lan ra khắp công trường. Chính quyền thực dân để cho bọn cai thầu đàn áp cuộc đấu tranh. Dân phu toàn công trường đồng lòng đứng lên đánh lại bọn cai, kí, chủ thầu, tuyên bố nghỉ việc, kéo về dinh Tri châu đòi giải quyết yêu sách và bồi thường cho những người bị đánh đập. Trước làn sóng căm phẫn của dân phu, viên Tri châu phải đứng ra chấp nhận giải quyết toàn bộ yêu sách do dân phu đưa ra.

Cuối năm 1938, thực dân Pháp lại ráo riết bắt phu, nhằm hoàn thành tuyến đường phải bỏ dở từ mùa hè do cuộc đấu tranh của dân phu. Tổ chức Đảng Võ Nhai phát động cuộc đấu tranh mới, quyết liệt hơn. Hơn 300 dân phu vác xẻng, cuốc, do 20 đảng viên và thanh

niên tích cực dẫn đầu, kéo về châu lị La Hiên đòi tăng tiền công, không được bắt phu trong ngày mùa, không được đánh đập dân phu. Toàn công trường tổ chức lãn công, đồng thời cử đại biểu về Hà Nội gặp Thanh tra lao động của chính quyền thực dân, tố cáo tội ác và tệ tham nhũng của quan chức địa phương, các nhà thầu. Tri châu Võ Nhai Vi Văn Méo cho lính đàn áp và bắt giam một số người trong đoàn biểu tình. Các đồng chí đảng viên bí mật động viên quần chúng siết chặt hàng ngũ bao vây công đường. Trong khi đó, tại Hà Nội, các đại biểu nhân dân kiên trì đấu tranh buộc thực dân Pháp phải ra lệnh không bắt dân đi phu vào ngày mùa, tăng tiền công lên 0,30 đồng một ngày. Tri châu Vi Văn Méo phải đổi đi nơi khác.

Những cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc Võ Nhai, Định Hóa trên công trường làm đường do cơ sở Đảng lãnh đạo giành thắng lợi có ý nghĩa to lớn. Một mặt, nó đã làm thất bại kế hoạch làm đường quân sự của địch; mặt khác, qua đấu tranh, cán bộ, đảng viên và quần chúng được tôi luyện, ý thức đoàn kết giữa các dân tộc được tăng cường.

Biết được cuộc đấu tranh của dân phu Định Hóa làm đường Chợ Chu - Thành Cóc thắng lợi là do các đồng chí đảng viên bí mật lãnh đạo, nên các đồng chí ở La Bằng (Đại Từ) tìm cách liên hệ. Đến cuối năm 1938, hai cơ sở cách mạng La Bằng và Quán Vuông - Bảo Cường đã liên lạc được với nhau.

Trong khi đó, hàng trăm tá điền cùng nông dân các phủ: Phú Bình, Phổ Yên, huyện Đồng Hỷ và châu Định Hóa đứng lên đấu tranh chống phụ thu, lạm bổ, bãi thị phản đối chính sách thuế khoá vô lí của chính quyền thực dân, phong kiến. Đáng chú ý là cuộc đấu tranh của nhân dân xã Tràng Xá (châu Võ Nhai) do các đảng viên ở đây lãnh đạo chống lại bọn kì hào tăng thuế, lấy tiền bỏ túi. Trước những bằng chứng không thể chối cãi, bọn chúng phải nhượng bộ bán trâu, bò và thóc để nộp phạt và trả lại tiền cho dân.

Tranh thủ điều kiện thuận lợi của phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ trên phạm vi cả nước, các đảng viên trong tỉnh Thái Nguyên đẩy mạnh cuộc vận động quần chúng vào các hội tương tế nhằm tập hợp nhân dân, xây dựng lực lượng cách mạng, phát triển nhiều nhóm mua và đọc sách báo công khai của Đảng, của Mặt trận Dân chủ Đông Dương, như báo "*Tin tức*", *"Đời nay"*... Nhờ đó, đường lối, chủ trương của Đảng nhanh chóng phổ cập sâu rộng trong quần chúng. Hội Truyền bá quốc ngữ hoạt động rộng rãi ở thị xã Thái Nguyên và nhiều địa phương trong tỉnh, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân. Hoạt động tích cực của Hội Truyền bá quốc ngữ làm phong phú thêm tính đa dạng của cuộc vận động dân chủ, nêu cao truyền thống hiếu học, giáo dục tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Các tổ chức cơ sở đảng trong tỉnh phát động quần chúng hưởng ứng phong trào Đông Dương đại hội, vận động lấy chữ kí đòi ân xá tù chính trị, ủng hộ Mặt trận Nhân dân Pháp, ủng hộ nhân dân Tây Ban Nha đấu tranh chống phát xít...

Cuộc vận động dân chủ do tổ chức Đảng lãnh đạo giành được những thắng lợi bước đầu. Nhà cầm quyền Pháp buộc phải thực hiện một số cải cách trên lĩnh vực kinh tế - xã hội. Các chủ đồn điền, chủ mỏ Làng Cẩm, Phấn Mễ giảm bớt đánh đập công nhân, công bố giờ làm việc không quá 10 giờ/ngày. Chức sắc các làng bớt hống hách, ức hiếp nhân dân; có nơi, chúng làm ngơ không hối thúc nộp sưu, thuế gắt gao như trước; có nơi, chúng mời người đứng đầu Hội Tương tế đứng ra hòa giải các vụ tranh chấp của bà con trong xóm làng, như ở Tràng Xá, Phú Thượng thuộc châu Võ Nhai.

Cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 thật sự là một phong trào đấu tranh cách mạng rộng lớn trong cả nước nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng. Qua phong trào đấu tranh của nông dân, trước hết là nông dân các dân tộc thiểu số ở vùng núi xa xôi hẻo lánh xuất hiện nhiều quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng

Cộng sản Đông Dương. Từ đốm lửa đầu tiên ở La Bằng (Đại Từ) cuối năm 1936, với 4 đảng viên, đến đầu năm 1939 đã tăng lên hơn 40 đồng chí, thành lập được 1 chi bộ (Võ Nhai). Phong trào cách mạng ở huyện Đại Từ và 2 châu Định Hóa, Võ Nhai đã liên lạc được với nhau, có sự chỉ đạo thống nhất. Trong quá trình lãnh đạo phong trào quần chúng, trình độ chính trị và năng lực công tác của cán bộ, đảng viên được nâng lên, tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chủ trương của Đảng và của Quốc tế Cộng sản được phổ biến rộng rãi. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng trong nhân dân các dân tộc được nâng cao. Nhân dân ngày càng thấy rõ Đảng Cộng sản là một tổ chức chặt chẽ, có kỉ luật, đấu tranh vì lợi ích của nhân dân.

Trong đấu tranh, nhân dân các dân tộc ngày càng biểu lộ ý thức tự giác đi theo đường lối, chủ trương giải phóng dân tộc của Đảng. Tuy nhiên, bộ phận đảng viên ở Đại Từ không mở rộng được phong trào, tăng cường lực lượng, không thành lập được chi bộ; chưa chú ý đúng mức đến phong trào công nhân và tá điền - một lực lượng đông tới hàng vạn người ở tỉnh Thái Nguyên.

Dù còn một số hạn chế ở một vài nơi, nhưng phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên trong thời kì vận động dân chủ (1936 - 1939) đã tạo tiền đề cho phong trào giải phóng dân tộc những năm tiếp theo.

II- Quá trình vận động cách mạng, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi (1939 - 1945)

Ngày 1/9/1939, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Ngày 3/9/1939, Chính phủ Pháp tuyên chiến với Đức. Bước vào vòng chiến, Chính phủ Pháp liền trở mặt, ban bố lệnh tổng động viên, ra sức bắt người cướp của ném vào lò lửa chiến tranh, khủng bố Đảng Cộng sản cũng như các tổ chức tiến bộ khác ở chính quốc và thuộc địa. Ở Đông Dương chúng ra tay đàn áp khốc liệt phong trào cách

mạng do Đảng ta lãnh đạo. Báo chí tiến bộ bị đóng cửa. Các tổ chức dân chủ và những quyền lợi mà nhân dân ta đấu tranh giành được trong những năm 1936 - 1939 đều bị thủ tiêu. Ngày 28/9/1939, Toàn quyền Catơru (Catroux) ra nghị định giải tán các tổ chức ái hữu, nghiệp đoàn, tịch thu giấy tờ và tài sản các tổ chức đó. Những cuộc khám xét, bắt bớ diễn ra hàng loạt. Nhiều nhà tù được mở rộng, nhiều trại tập trung mới được lập thêm để giam giữ những người cộng sản và những người yêu nước, tiến bộ ở khắp các nơi trong nước. Tại Thái Nguyên, chúng lập trại giam Phấn Mễ, mở rộng nhà tù thị xã, nhà tù Chợ Chu.

Ngay từ khi Chiến tranh thế giới sắp bùng nổ, Trung ương Đảng đã kịp thời chỉ thị cho các cán bộ, đảng viên hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp nhanh chóng rút vào bí mật, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, dựa vào nông thôn để tiến hành công tác, phát triển mạnh mẽ lực lượng cách mạng cả nông thôn và thành thị.

Tiếp đó, từ ngày 6 đến ngày 8/11/1939, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng được tổ chức tại Bà Điểm, huyện Hóc Môn (Gia Định). Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và trong nước, Hội nghị quyết định đặt nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc lên hàng đầu; tạm thời gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, nêu cao khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc chia cho dân cày nghèo, đòi giảm tô, giảm tức...

Để thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 11/1939 đánh dấu sự chuyển hướng về chỉ đạo chiến lược, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của cách mạng Đông Dương lúc bấy giờ.

Tiếp thu tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11/1939, nhiều cán bộ của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ đến Phú

Bình, Phổ Yên hoạt động, xây dựng cơ sở chính trị. Các cơ sở cách mạng ở tỉnh Thái Nguyên kịp thời chuyển từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật. Đội ngũ cán bộ, đảng viên được bố trí, sắp xếp lại nhằm tránh mũi nhọn khủng bố của kẻ thù, tiếp tục lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh cùng nhân dân cả nước bước vào cuộc đấu tranh mới.

Tháng 6/1940, Pháp đầu hàng Đức, nước Pháp bị quân đội phát xít Hítle chiếm đóng. Nhân cơ hội đó, ngày 22/9/1940, phát xít Nhật cho quân vượt qua biên giới Việt - Trung, đánh chiếm Lạng Sơn, đổ bộ lên Đồ Sơn (25/9), ném bom Hải Phòng (26/9).

Tại Lạng Sơn, lực lượng quân Pháp khá đông, nhưng phần lớn hèn nhát đầu hàng quân Nhật; số còn lại tháo chạy theo đường Điềm He - Bình Gia - Bắc Sơn về hướng Thái Nguyên. Nhân dân hai bên đường đổ ra đuổi bắt thu vũ khí, gây náo loạn một vùng, bọn quan lại địa phương cũng bỏ nhiệm sở chạy tháo thân. Nhân cơ hội này, các tù chính trị và thường phạm phá nhà tù thoát ra ngoài; trong đó có 3 đảng viên cộng sản là Hoàng Đình Ruệ, Đường Văn Thức (thuộc tổ chức Đảng Bắc Sơn) và Nông Văn Cún, tức Thái Long (thuộc tổ chức Đảng Võ Nhai).

Sáng 27/9/1940, các đồng chí Ruệ, Thức và Thái Long về đến Bắc Sơn. Nhận thấy thời cơ thuận lợi, 3 đồng chí họp bàn với Chi bộ Bắc Sơn, phát động quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền. Sau cuộc họp, Thái Long về Võ Nhai vận động nhân dân ủng hộ Bắc Sơn.

Tối 27/9/1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ. Hưởng ứng cuộc khởi nghĩa ở một địa phương vốn có quan hệ mật thiết về nhiều mặt, tổ chức Đảng Võ Nhai đã kịp thời đẩy mạnh hoạt động mở rộng cơ sở, cử cán bộ, đảng viên lên Bắc Sơn tham gia chiến đấu, vận động nhân dân trong huyện ủng hộ lương thực, thực phẩm.

Khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra giữa lúc tình hình trong nước và thế giới có nhiều khó khăn nên bị kẻ thù đàn áp đẫm máu. Tuy vậy, tiếng súng Bắc Sơn đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng trong cả nước, trực tiếp nhất là phong trào cách mạng tỉnh Thái Nguyên.

Khoảng tháng 10/1940, đồng chí Hạ Bá Cang (từ năm 1944 là Hoàng Quốc Việt) triệu tập một số đảng viên đang hoạt động ở các huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên về Võ Nhai để nghe phổ biến tình hình nhiệm vụ. Đồng chí phân công đồng chí Vũ Hưng phụ trách phong trào châu Định Hóa và cử đồng chí Trịnh Bá Song ở lại Định Hóa cùng 2 đồng chí: Vũ Hưng, Nguyễn Đình Chiêm xây dựng, phát triển phong trào.

Tháng 11/1940, Hội nghị Trung ương Đảng được tổ chức tại Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) quyết định duy trì Đội du kích Bắc Sơn, tiến tới thành lập căn cứ du kích, lấy vùng Bắc Sơn - Võ Nhai làm trung tâm do Trung ương trực tiếp chỉ đạo. Ngay sau đó, Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ đã cử nhiều cán bộ có trình độ chính trị và năng lực tổ chức, vận động quần chúng tăng cường cho Bắc Sơn - Võ Nhai.

Cuối năm 1940, Trung ương Đảng cử đồng chí Hoàng Văn Thụ tới Tĩnh Tây (Trung Quốc) báo cáo với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và xin chỉ thị về việc triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.

Được chỉ thị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Hoàng Văn Thụ về nước cùng Trung ương khẩn trương chuẩn bị nội dung Hội nghị Trung ương lần thứ 8, triệu tập đại biểu về dự hội nghị. Trung ương giao cho các đồng chí lãnh đạo căn cứ du kích Bắc Sơn - Võ Nhai[1] bảo vệ và tìm đường đưa các đại biểu đi dự Hội nghị Trung ương lần thứ 8 ở Pác Bó (Cao Bằng). Ngày 5/2/1941, đoàn đại biểu Trung ương, Xứ ủy Bắc Kỳ và Trung Kỳ lên tới xã Phú Thượng,

(1) Chu Văn Tấn và Lương Văn Tri.

Võ Nhai, gồm các đồng chí: Trường Chinh, Hạ Bá Cang, Hoàng Văn Thụ, đại biểu Trung ương; các đồng chí Trần Đăng Ninh, Nguyễn Thành Diên và Công đại biểu Xứ ủy Bắc Kỳ; đồng chí Bùi San và Thảo, đại biểu Xứ ủy Trung Kỳ. Đoàn đã dừng lại ở Võ Nhai, Bắc Sơn ít ngày nghe báo cáo tình hình địa phương và có ý kiến trực tiếp chỉ đạo phong trào.

Ngày 23/2/1941, các đồng chí Trung ương họp với Ban Lãnh đạo Khu Căn cứ du kích Bắc Sơn - Võ Nhai tại Khuổi Nọi (xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn) phổ biến chủ trương của Trung ương phát triển đội du kích Bắc Sơn làm lực lượng nòng cốt bảo vệ căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai, gồm 27 cán bộ, chiến sĩ; trong đó có 10 người quê huyện Võ Nhai; số còn lại quê huyện Bắc Sơn (Lạng Sơn), Cao Bằng và Thái Bình do Trung ương điều lên. Đồng chí Lương Văn Tri được cử giữ chức Chỉ huy trưởng, Chu Văn Tấn giữ chức Chỉ huy phó.

Nhận nhiệm vụ Trung ương giao, tổ chức Đảng Võ Nhai cử đồng chí Hoàng Tài - một đảng viên hăng hái và có kinh nghiệm đi rừng, dẫn đường cùng một tổ Cứu quốc quân do đồng chí Chu Văn Tấn chỉ huy bảo vệ đoàn cán bộ đi họp Hội nghị Trung ương lần thứ 8.

Đường đi của các đồng chí rất gian khổ và nguy hiểm, chủ yếu đi vào ban đêm; nhiều khi đêm tối giữa rừng lạc nhau, mất phương hướng. Sau 8 ngày luồn rừng, vượt qua nhiều đồn bốt giặc trên chặng đường Bắc Sơn - Bình Gia - Thất Khê (Lạng Sơn) qua biên giới Việt - Trung đi Long Châu, qua Tĩnh Tây, Cốc Mã (Quảng Tây, Trung Quốc), đoàn Cán bộ đã vào Hà Quảng, Cao Bằng. Đây là chiến công lớn đầu tiên của Cứu quốc quân, có sự góp sức của tổ chức Đảng Võ Nhai.

Từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương được tổ chức tại Pác Bó (Cao Bằng), do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Đại biểu của Quốc tế Cộng sản, chủ trì. Phân tích

tình hình trong nước và quốc tế, Hội nghị khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc: "*Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được*"(1).

Theo đề nghị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) thay cho Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, bao gồm các hội Cứu quốc của các tầng lớp nhân dân và áp dụng một sách lược hết sức mềm dẻo để phân hoá kẻ thù, tranh thủ mọi lực lượng nhằm cứu nước, giải phóng dân tộc. Hội nghị khẳng định chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta và dân ta trong giai đoạn hiện tại. Hội nghị nhận định, khi thời cơ đến, "*… với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho cuộc tổng khởi nghĩa to lớn*"(2). Hội nghị quyết định đẩy mạnh việc củng cố, phát triển 2 trung tâm căn cứ địa cách mạng Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai. Đồng chí Phùng Chí Kiên - Ủy viên Trung ương Đảng, được cử giữ chức Chỉ huy trưởng căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai và Trung đội Cứu quốc quân I.

Hội nghị bầu Ban Chấp hành Trung ương. Ban Thường vụ Trung ương gồm 3 đồng chí: Trường Chinh giữ chức vụ Tổng Bí thư, Hạ Bá Cang và Hoàng Văn Thụ là Ủy viên.

Sau Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cử đồng chí Trương Văn Thiết và Nông Văn Quang

(1) *Văn kiện Đảng toàn tập. Tập 7 (1940 - 1945)*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 113.
(2) *Văn kiện Đảng toàn tập. Tập 7 (1940 - 1945)*... Sđd, tr.131, 132.

là cán bộ của Tỉnh ủy Cao Bằng mang thư của Người về liên lạc với đồng chí Vũ Hưng. Đến Định Hóa đúng lúc địch vây bắt đồng chí Vũ Hưng, 2 đồng chí vội quay trở lại Cao Bằng. Việc bắt liên lạc với đồng chí Vũ Hưng không thành.

Tháng 6/1941, các đại biểu rời nơi họp, chia làm 3 tốp đi theo 3 hướng khác nhau. Một tốp gồm các đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hạ Bá Cang và Phùng Chí Kiên đi theo đường cũ, qua Anh Tây, Long Châu, Bó Cục, rồi về Bắc Sơn (Lạng Sơn), nhưng bị thực dân Pháp phát hiện[1]. Chúng lập tức triển khai kế hoạch vây bắt các đồng chí Trung ương, đánh phá Căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai.

Ngày 16/6/1941, các đồng chí Trung ương về đến Bắc Sơn thì ngày 17 thực dân Pháp tập trung 4.000 quân từ Thái Nguyên lên và từ Lạng Sơn về bao vây căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai. Tại các nơi: Cầu Rắn, Đình Công, Chùa Xả, Đình Cả (Võ Nhai), thực dân Pháp lập các phòng tra tấn, nơi lấy cung và nhà tạm giam, một hệ thống đồn bốt chạy dài từ La Hiên, Đình Cả, Nà Phai, Nà Pheo, Mỏ Gà lên Mỏ Nhài (Bắc Sơn). Quyết tâm của chúng là bắt cho được các đồng chí Thường vụ Trung ương, phá tan Căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai.

Trước tình thế hiểm nghèo, Ban Chỉ huy căn cứ đồng thời cũng là Ban Chỉ huy Trung đội Cứu quốc quân[2] quyết định tập trung lực lượng Cứu quốc quân bảo vệ các đồng chí Thường vụ Trung ương, bảo vệ cơ quan, đặt dưới sự chỉ huy của đồng chí Phùng Chí Kiên và Lương Văn Tri. Đồng chí Chu Văn Tấn về Võ Nhai lãnh đạo chống khủng bố, chuẩn bị địa điểm đón Trung ương về Võ Nhai; bố trí lực

(1) Sở dĩ địch phát hiện được đường đi của các đại biểu dự Hội nghị Trung ương lần thứ 8 là do thiếu cơ sở dọc đường, đi đông nên không giữ được bí mật; mặt khác, tên Công lúc đó là Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ, nguyên là một tên mật thám của Pháp, chui vào hàng ngũ Đảng, đi dự Hội nghị Trung ương 8 về đã mật báo cho Pháp bắt Nguyễn Thành Diên - Xứ ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ... Do không chịu nổi đòn tra tấn của kẻ thù, Diên đã khai đường về của các đồng chí Trung ương.

(2) Ban Chỉ huy lúc này có 3 đồng chí: Phùng Chí Kiên Chỉ huy trưởng, Chu Văn Tấn và Lương Văn Tri là Chỉ huy phó.

lượng bảo vệ và tìm đường đưa 3 đồng chí về xuôi. Nhờ mưu trí và dũng cảm, các cán bộ, đảng viên Võ Nhai được cử lên Bắc Sơn đón đồng chí Tổng Bí thư và 2 đồng chí Thường vụ Trung ương về Núi Lều, xã Tràng Xá (Võ Nhai) an toàn vào cuối tháng 6/1941.

Phát hiện các cán bộ lãnh đạo của Đảng ta đã xuống Võ Nhai, thực dân Pháp lập tức dồn đại bộ phận lực lượng về bao vây khủng bố. Ngày 4/7/1941, quân Pháp càn vào xã Phú Thượng bắt một số cán bộ, đảng viên, đốt nhà các đồng chí: Chu Văn Tấn, Chu Quốc Hưng, Lê Dục Tôn, Hoàng Thượng, Thái Long...; bắt thân nhân Cứu quốc quân giam ở chân đồn Đình Cả. Nhân dân làng Lầm, làng Cao, làng Phật bị dồn vào trại tập trung Nà Pheo.

Trước tình hình bị đánh phá ác liệt, vòng vây địch ngày càng khép chặt, đạn dược, lương thực thiếu thốn, đồng chí Phùng Chí Kiên quyết định đưa đơn vị Cứu quốc quân ra biên giới [(1)]. Không còn mục tiêu, địch dồn cả lực lượng về Võ Nhai, đông tới 4.000 quân gồm lính Pháp, lính lê dương, lính khố đỏ, khố xanh, cùng mật thám, cường hào phản động, lính dõng thọc sâu vào giữa hai triền núi đá của căn cứ Võ Nhai, bịt chặt các ngả đường lên Lạng Sơn, sang Bắc Giang, về thị xã Thái Nguyên. Đi đến chỗ nào, chúng cũng tàn bạo đốt sạch làng bản, bắn giết gia súc, chặt phá cây ăn quả, dồn hết dân của các xã: La Hiên, Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá vào các trại tập trung.

Riêng tại làng Giữa, thực dân Pháp dồn hơn 3.000 dân của 5 xã thuộc tổng Tràng Xá vào một khoảnh đất chưa đầy 1 km^2, xung quanh là nhiều lớp hàng rào nứa, có lính canh gác 2 cổng ra vào. Chúng bắt dân để thóc gạo tập trung, giờ nấu ăn chỉ cho lấy theo định mức số người của từng gia đình. Các nhu yếu phẩm khác cũng

(1) Đơn vị Cứu quốc quân rút ra biên giới bị địch phục kích tổn thất nặng nề, đồng chí Phùng Chí Kiên hi sinh; đồng chí Lương Văn Tri bị thương, sau đó bị địch bắt và hi sinh; 7 đồng chí bị bắt sau chúng cũng sát hại, còn lại 4 đồng chí thoát được về Võ Nhai (Đường Văn Phùng, Đường Văn Thức, Hà Quốc Vinh và Nguyễn Cao Đàm).

chỉ được mua hạn chế tính theo đầu người. Hằng ngày, vào lúc 8 giờ sáng, chúng đánh kẻng mở cổng cho dân đi làm, 4 giờ chiều mọi người phải về trại.

Dồn dân vào trại tập trung, thực dân Pháp nhằm 2 mục đích: 1- Cắt đứt mọi sự liên hệ giữa nhân dân và Cứu quốc quân, làm cho Cứu quốc quân mất nguồn tiếp tế lương thực, không có thông tin về ta và địch, đường dây liên lạc với Trung ương, với Xứ ủy và phong trào bên ngoài bị bịt kín; 2- Khủng bố, uy hiếp tinh thần nhân dân các dân tộc trong vùng. Căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai đứng trước tình hình hết sức nghiêm trọng.

Trong hoàn cảnh đó, trước khi lên đường về xuôi, Tổng Bí thư Trường Chinh và 2 đồng chí Thường vụ Trung ương đã có nhiều ý kiến chỉ đạo quý báu đối với Đảng bộ và Cứu quốc quân hoạt động ở Võ Nhai cần phải dựa vào dân, bám sát cơ sở, tích cực chống khủng bố ngay tại chỗ, tôn trọng các nguyên tắc bí mật; tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; đẩy mạnh huấn luyện quân sự, trừ gian, diệt phản động, đẩy mạnh công tác binh vận. Hạ tuần tháng 8/1941, một tiểu đội Cứu quốc quân bảo vệ mở đường bí mật đưa 2 đồng chí Trường Chinh và Hoàng Văn Thụ về xuôi. Đồng chí Hạ Bá Cang tiếp tục ở lại căn cứ một thời gian để giúp tổ chức Đảng Võ Nhai quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới và tổ chức lực lượng nhằm đối phó với cuộc khủng bố ngày càng ác liệt của địch.

Ngày 25/8/1941, tại Ván Bàng, xã Tràng Xá (Võ Nhai), đồng chí Hạ Bá Cang truyền đạt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, Chương trình, Điều lệ Việt Minh cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ Cứu quốc quân và tự vệ các xã lân cận.

Đối với tổ chức Đảng Võ Nhai và bộ phận Cứu quốc quân I ở lại khu căn cứ, Nghị quyết 8 của Trung ương là ánh sáng soi đường đi

tới, là nguồn cổ vũ lớn trong cuộc đấu tranh một mất, một còn với đế quốc.

Ngay sau khi học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, cán bộ, đảng viên và chiến sĩ Cứu quốc quân phân tán thành những nhóm nhỏ về cơ sở ổn định tư tưởng, vận động đồng bào giúp đỡ, hỗ trợ nhau trong lúc giặc giã, chuẩn bị tư tưởng cho quần chúng trước khi bước vào cuộc đấu tranh với kẻ thù.

Do những hoạt động tích cực của cán bộ, đảng viên và chiến sĩ Cứu quốc quân, nhiều cơ sở cách mạng đã được xây dựng và củng cố. Giữa nanh vuốt của kẻ thù xâm lược, quần chúng vẫn hướng về cách mạng.

Ngày 15/9/1941, tại rừng Khuôn Mánh, làng Ngọc Mỹ, xã Tràng Xá, Trung đội Cứu quốc quân II được thành lập, gồm 47 cán bộ, chiến sĩ (có 3 nữ). Bên cạnh những đồng chí đã tham gia từ những ngày đầu khởi nghĩa Bắc Sơn, từng chiến đấu trong Trung đội Cứu quốc quân I, những chiến sĩ mới đều là đội viên tự vệ đã trải qua đấu tranh chống địch ở cơ sở. Tổ chức Đảng Võ Nhai đã cử hầu hết cán bộ, đảng viên vào Cứu quốc quân.

Tại buổi lễ thành lập, thay mặt Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí Hạ Bá Cang công nhận và giao nhiệm vụ cho Cứu quốc quân. Trong điều kiện địch khủng bố ác liệt, trước hết Đảng yêu cầu Cứu quốc quân đẩy mạnh hoạt động du kích, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch giữ vững căn cứ, bảo vệ lực lượng, bảo vệ cơ sở cách mạng, đồng thời duy trì "tiếng súng Bắc Sơn" để cổ vũ phong trào cách mạng của cả nước và thiết thực góp phần ủng hộ công cuộc chống phát xít của nhân dân thế giới mà Liên Xô là trụ cột.

Trung đội Cứu quốc quân II do đồng chí Chu Văn Tấn làm Chỉ huy trưởng, Trần Văn Phấn, Chỉ huy phó; đồng chí Nguyễn Cao Đàm là Chính trị chỉ đạo viên. Trung đội biên chế thành 5 tiểu đội, do các

đồng chí: Lê Dục Tôn, Trừ Văn Thoòng, Hà Văn Loi, Hứa Đình Khánh và Chu Quốc Hưng làm Tiểu đội trưởng.

Trong khi đó, cuộc khủng bố của thực dân Pháp ở Võ Nhai trở nên dữ dội. Chúng củng cố các đồn cũ, lập thêm hệ thống đồn binh bốt gác chạy dài từ Bình Long qua La Chế, làng Vác, làng Giang, làng Giữa đến Phú Thượng, Lâu Thượng xuống La Hiên. Mũi nhọn của chúng là Tràng Xá. Ở Bắc Sơn (Lạng Sơn), Hữu Lũng, Yên Thế (Bắc Giang), Đồng Hỷ (Thái Nguyên), thực dân Pháp cũng lập thêm nhiều đồn bốt tạo thành thế bao vây, phong toả Võ Nhai. Mạng lưới mật thám được tung xuống các bản làng hẻo lánh để dò xét tình hình.

Với khí thế của một đơn vị vũ trang cách mạng vừa được thành lập, do Đảng lãnh đạo, ngày 16/9/1941, một tổ Cứu quốc quân phục kích địch ở đèo Bắp, bắn chết 1 tên tay sai đắc lực của thực dân Pháp, có nhiều nợ máu với nhân dân. Cùng thời điểm này, một tổ Cứu quốc quân bảo vệ đồng chí Hạ Bá Cang vượt vòng vây địch, về xuôi an toàn.

Cứu quốc quân II ra đời và đẩy mạnh hoạt động đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc trong huyện. Ngược lại, thực dân Pháp và tay sai hốt hoảng, càng lồng lộn điên cuồng. Chúng cho quân bao vây chặt 3 xã: Tràng Xá, Phú Thượng, Lâu Thượng nhằm "*triệt quân du kích tận gốc*".

Ngày 2/10/1941, thực dân Pháp huy động 2 trung đội lính lê dương càn quét Khuôn Kẹn (Tràng Xá). Cứu quốc quân chặn đánh quyết liệt, buộc chúng phải rút lui. Ngày 15/10, địch cho 1 trung đội lính khố đỏ sục sạo Khuôn Xóm (Tràng Xá). Mặc dù lực lượng rất chênh lệch, Cứu quốc quân đã dũng cảm đánh địch, diệt 1 tên và làm bị thương nhiều tên khác. Ngày 25/10, 4 cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân đã mưu trí, dũng cảm chặn đánh 1 trung đội địch, loại khỏi vòng chiến đấu 9 tên, buộc chúng phải bỏ dở cuộc hành quân.

Ban Thường vụ Trung ương Đảng thường xuyên theo dõi tình hình Bắc Sơn - Võ Nhai, kịp thời chỉ đạo và tăng cường cán bộ cho đơn vị tiếp tục chống địch khủng bố. Tháng 10/1941, Trung ương cử đồng chí Đào Văn Trường - Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ, lên Võ Nhai phụ trách Căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương, Cứu quốc quân tiến hành chỉnh đốn tổ chức, phiên chế lại lực lượng. Ủy ban Quân sự - Chính trị được thành lập, làm nhiệm vụ lãnh đạo khu căn cứ và Cứu quốc quân[1]. Chi bộ Đảng trong đơn vị Cứu quốc quân được củng cố; các tổ Đảng giữ vai trò lãnh đạo các tiểu đội.

Ủy ban Quân sự - Chính trị chủ trương vừa đánh du kích trong vòng vây địch, vừa tiếp tục mở rộng cơ sở chính trị, vận động nhân dân, kể cả những người bị nhốt trong trại tập trung đấu tranh chống địch khủng bố. Một tổ Cứu quốc quân do đồng chí Chu Quốc Hưng phụ trách trở lại Bắc Sơn, khơi lại ngọn lửa đấu tranh trong nhân dân. Một tổ xuống Đồng Hỷ, sang Yên Thế, Hữu Lũng (Bắc Giang) gây dựng cơ sở, giữ đường dây liên lạc với Trung ương Đảng và Xứ ủy ở dưới xuôi.

Ngày 19/11/1941, một tổ Cứu quốc quân gồm các đồng chí: Nguyên Cao Đàm, Chu Viết Phong, Phương Cương, Đường Thị Ân, Hoàng Thị Môn, Hoàng Thị Ngoan, vượt vòng vây của địch sang Đại Từ, Định Hoá và Sơn Dương (Tuyên Quang) tìm bắt liên lạc với các đảng viên đang hoạt động ở đây, phối hợp hoạt động, mở rộng cơ sở.

---

(1) Ủy ban Quân sự - Chính trị Căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai do đồng chí Đào Văn Trường làm Chủ nhiệm kiêm Chỉ huy trưởng Cứu quốc quân, Chu Văn Tấn làm Phó Chủ nhiệm kiêm Chỉ huy phó Cứu quốc quân, Nguyễn Cao Đàm làm Chính trị chỉ đạo viên; các đồng chí: Lê Dục Tôn, Trần Văn Phấn là Chỉ huy phó Cứu quốc quân.

Đơn vị Cứu quốc quân II được phiên chế thành 5 tiểu đội, do các đồng chí: Hà Văn Mạnh (Loi), Hứa Đình Khánh (Chi), Hoàng Xuân, Hà Văn Kỳ, Hoàng Văn Phố làm Tiểu đội trưởng.

Cùng thời gian trên, thực dân Pháp bắt 106 thân nhân Cứu quốc quân quê Võ Nhai đưa sang giam cầm ở nhà tù Chợ Chu, nhằm lung lạc ý chí chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân. Mặc dù cơ sở cách mạng ở Định Hoá đã bí mật giúp đỡ về lương thực, quần áo, thuốc men, nhưng do nơi giam giữ quá chật hẹp cộng với chế độ hà khắc của nhà tù đế quốc, nhiều người đã chết.

Thực hiện chủ trương của Ủy ban Quân sự - Chính trị, Cứu quốc quân đẩy mạnh hoạt động quân sự. Ngày 12/12/1941, một tổ Cứu quốc quân chặn đánh một toán địch khoảng 60 tên, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 10 tên, buộc chúng phải rút lui. Đêm 31/12/1941, Cứu quốc quân bắn phá vào đồn Tràng Xá; tiếp đó ngày 12/1/1942, phục kích ở Suối Bùn, diệt 1 tên đội và 1 tên mật thám...

Cứu quốc quân luôn luôn bám dân, đến với từng gia đình, từ gia đình này mở sang với gia đình khác. Quân thù càn đi quét lại, dồn dân vào trại tập trung, triệt nơi nương tựa của Cứu quốc quân. Song nhân dân các dân tộc Võ Nhai, Định Hoá, Đại Từ không nao núng tinh thần, vẫn chia sẻ với Cứu quốc quân từ ống gạo, hạt muối, tấm áo, que diêm, vẫn động viên con em mình tìm đến Cứu quốc quân, xin được cầm súng giết giặc.

Nhờ dựa vào dân, Cứu quốc quân đã gây dựng cơ sở bí mật trong hàng ngũ binh lính địch. Nhiều toán quân đã chống lệnh của chỉ huy, không đánh phá cách mạng hoặc đánh động để Cứu quốc quân biết, kịp thời rút vào rừng sâu, làm thất bại nhiều cuộc vây càn của địch.

Tháng 2/1942, một tổ Cứu quốc quân đến Định Hoá. Bằng những mối liên hệ bí mật đã có từ trước, tổ đã nhanh chóng bắt được liên lạc với cơ sở cách mạng ở các xã trong châu, do đồng chí Vũ Hưng, Nguyễn Đình Chiêm và Trịnh Bá Song xây dựng những năm trước đó.

Để phân hoá và phá vỡ cơ sở của địch, Cứu quốc quân dựa vào quần chúng, lập danh sách và cảnh cáo những tên phản động có nhiều nợ máu với nhân dân. Nhiều tên Việt gian ngoan cố đã bị trừng trị, một số tên hoang mang xin làm giấy cam đoan hứa lập công chuộc tội. Một số kẻ ngoan cố chạy trốn vào đồn giặc. Âm mưu của thực dân Pháp dùng tay sai người địa phương chống phá cách mạng, về cơ bản đã bị thất bại.

Chủ trương phát động quần chúng đấu tranh bằng nhiều hình thức linh hoạt, như nổi trống mõ, đưa đơn kiện khi bị lính địch cướp bóc tài sản, đã làm cho chúng lúng túng. Riêng trong các trại tập trung, dựa vào phong tục, tập quán, đồng bào các dân tộc đấu tranh đòi nới lỏng sự kìm kẹp, đòi trở về làng cũ...

Trước sự hoạt động mạnh mẽ của Cứu quốc quân và sự đấu tranh quyết liệt của nhân dân các dân tộc trong khu căn cứ, thực dân Pháp phản ứng điên cuồng. Đầu tháng 2/1942, chúng tập trung lực lượng, quyết tâm tiêu diệt Căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai và Cứu quốc quân II, liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét sâu vào các khu rừng, cho binh lính đốt phá, cướp bóc, hãm hiếp, giết chóc. Chúng lập thêm nhiều đồn bốt, bao vây và cắt đứt mọi đường dây liên lạc giữa khu căn cứ với Trung ương và các tổ công tác ở Đại Từ, Định Hoá; đồng thời bao vây, phong tỏa kinh tế. Độc ác hơn, thực dân Pháp cho chân tay đào mổ mả tổ tiên của cán bộ, chiến sĩ, đánh vào tình cảm thiêng liêng của đồng bào[1]. Thêm vào đó, sau trận ta bắn phá đồn Tràng Xá đêm 31/12/1941, chỉ huy quân Pháp ra yết thị: Nếu 1 lính Pháp bị giết, sẽ đem 4 người thân của Cứu quốc quân trong trại tập trung ra bắn.

(1) Thực hiện hành động hèn hạ này, thực dân Pháp phao tin: Mồ mả của người thân bị đào bới lên sẽ làm cho người đó phát điên cuồng, rồ dại. Chúng đã đào 7 ngôi mộ, có ngôi còn nguyên thịt, chúng tưới xăng rồi đốt. Chúng tuyên bố nếu Cứu quốc quân không ra hàng, chúng sẽ khai quật tiếp

Đời sống của hàng ngàn người ở trong các trại tập trung hết sức cực khổ, bệnh tật tràn lan; cụ già, em nhỏ sống trong cảnh màn trời chiếu đất giữa ngày đông, tháng giá. Hàng trăm người chết do đói, rét... Một bộ phận nhân dân chạy lên núi cũng đứng trước hiểm họa thiếu ăn, thiếu mặc. Thêm vào đó, đầu năm 1942, thực dân Pháp điều lên Võ Nhai một tiểu đoàn lính người Thượng, phần lớn là người Êđê. Chúng phao tin người Êđê không biết tiếng Kinh, cộng sản không tuyên truyền được, lính này ăn thịt người....

Trước những hành động đê hèn của thực dân Pháp, nhân dân càng hướng về cách mạng; cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân càng sôi sục căm thù, tăng thêm ý chí quyết tâm chiến đấu. Tuy nhiên, hoàn cảnh thực tế lúc bấy giờ không khỏi có người dao động.

Về phía Cứu quốc quân, qua thực tiễn chiến đấu, cán bộ, chiến sĩ đã trưởng thành nhiều về bản lĩnh chính trị và kinh nghiệm tác chiến. Từ 47 người khi mới thành lập, đến tháng 2/1942, lực lượng Cứu quốc quân đã tăng lên 70 người, vũ khí trang bị tăng gấp 5 lần; nhưng tình hình lương thực, thuốc men ngày càng vơi dần, không còn nguồn cung cấp(1).

Trong khi đó, thực dân Pháp tăng cường lực lượng, ngày càng siết chặt vòng vây đối với Khu Căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai. Trung tâm Khu Căn cứ ở Núi Lều nằm trong tầm súng bộ binh của địch. Tình thế của Khu Căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai và Cứu quốc quân trở nên hết sức nghiêm trọng.

Trước tình hình trên, Ủy ban Quân sự - Chính trị Khu Căn cứ chủ trương:

(1) Trong tháng 6 và 7 năm 1941, tổ chức Đảng Võ Nhai vận động nhân dân ủng hộ được 500 nồi thóc đưa lên núi làm lương thực dự trữ đã dùng hết. Nhân dân trong các trại tập trung tìm mọi cách cung cấp gạo, muối cho Cứu quốc quân, nhưng đến đầu năm 1942, phần lương thực trong dân cũng cạn dần; mặt khác, địch kiểm soát ngặt nghèo nên sự tiếp tế của dân ngày một ít đi.

1- Tạm thời ngừng tiến công quân sự.

2- Đẩy mạnh tiến công chính trị lột mặt nạ đế quốc, giác ngộ quần chúng, làm tốt công tác binh vận.

3- Kiên quyết diệt mật thám, đánh úp binh lính địch ở ngoài vòng vây trực tiếp như Bắc Sơn, Yên Thế.

Ngày 23/2/1942, đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban Quân sự - Chính trị về báo cáo và xin chỉ thị của Trung ương. Nhưng trên đường đi, đồng chí sa vào tay giặc. Trong tình hình ấy, ngày 27/2/1942, thực dân Pháp sử dụng một lực lượng lớn lính lê dương đánh sâu vào Căn cứ, bao vây Suối Bùn, tiến đến tận Suối Giường. Cứu quốc quân bị đẩy vào tình thế bất lợi nhiều mặt.

Ngày 14/3/1942, Ban Chỉ huy Cứu quốc quân họp đánh giá tình hình và quyết định tạm rút đơn vị lên biên giới Việt - Trung.

Thực hiện chủ trương trên, ngày 18/3/1942, một tiểu đội Cứu quốc quân hành quân về vùng Cây Thị (Đồng Hỷ) rồi sang Bắc Giang đánh lạc hướng theo dõi của địch. Trong khi đó, 42 cán bộ, chiến sĩ bí mật rời Căn cứ, vượt qua nhiều vòng vây, bốt gác của địch, rút lên biên giới Việt - Trung an toàn.

Tám tháng hoạt động du kích ở Căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai cho thấy: Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Việt Nam có thể lập được căn cứ địa ở miền núi, có thể đánh du kích tiêu hao địch và giữ gìn lực lượng cách mạng. Tuy nhiên, đây mới chỉ là chiến đấu du kích trên một địa bàn, một vùng và chưa có sự kết hợp đấu tranh chính trị rộng rãi của quần chúng nhân dân trong vùng. Phong trào chung cả nước chưa lên, kẻ thù có thể dồn quân khủng bố dài ngày. So sánh lực lượng đôi bên quá chênh lệch...

Cuộc chiến đấu của Cứu quốc quân đã để lại lòng tin và niềm hi vọng trong nhân dân, để lại ý nghĩa to lớn và bài học quý báu cho cách mạng:

"1- Nhân dân Đông Dương có thể đánh du kích chống nhau với Nhật - Pháp mặc dầu chúng có máy bay, trái phá.

2- Mặt trận dân tộc chống phát xít Nhật - Pháp đã thực hiện ngay trên trường tranh đấu võ trang.

3- Cầm khí giới chống nhau với phát xít, đội quân du kích Bắc Sơn, Đình Cả thực tế đã thực tế ủng hộ Liên Xô kháng chiến.

Sau 8 tháng chiến đấu làm cho quân địch phải chật vật và thiệt hại, quân ta không đủ điều kiện tấn công, đã phá vòng vây của Pháp, tạm rút lui và để lại cho ta một bài học quý báu. Nó dạy ta muốn thắng:

a- Phải làm cho chiến tranh du kích sinh sôi nẩy nở thành cuộc khởi nghĩa của nhân dân toàn xứ.

b- Phải luôn luôn tấn công quân địch và giữ địa vị chủ động.

c- Phải phối hợp với dân chúng quấy rối sau lưng quân địch, không để cho chúng bao vây về kinh tế cũng như về quân sự"[(1)].

Trong khi đó, phong trào cách mạng ở Phú Bình và Phổ Yên, từ năm 1940 trở đi, nhất là sau Hội nghị Trung ương lần thứ 8, có nhiều chuyển biến tích cực.

Tại Phổ Yên, từ năm 1939, nhờ có nhiều cán bộ của Trung ương và Xứ ủy về hoạt động, phong trào được khôi phục. Đến giữa năm 1940, đơn vị tự vệ đầu tiên của phủ được thành lập tại làng Tiên Thù, tổng Tiên Thù. Tuy điều kiện luyện tập và hoạt động gặp nhiều khó khăn, nhưng được sự giúp đỡ của các đồng chí cán bộ Xứ ủy, cuối năm 1940, lực lượng tự vệ của phủ đã phát triển thành trung đội. Tháng 8/1941, tự vệ Phổ Yên rải truyền đơn dọc Quốc lộ số 3 kêu gọi nhân dân đấu tranh, cắm cờ đỏ búa liềm trên đồi Thông Hạc cổ vũ quần chúng cách mạng, ủng hộ Cứu quốc quân Đình Cả (Võ Nhai), góp phần thức tỉnh những người chưa giác ngộ.

(1) *Văn kiện Đảng Toàn tập. Tập 7*... Sđd, tr. 288.

Nhận thấy phong trào Phổ Yên phát triển khá nên cuối năm 1941, Ban Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ chọn Tiên Thù (nay thuộc xã Tiên Phong) làm địa điểm mở lớp học Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 cho cán bộ. Lớp học bị địch phát hiện, nhưng nhờ có quần chúng bảo vệ nên đồng chí Tổng Bí thư và các cán bộ của Đảng đều thoát khỏi cuộc vây quét của địch. Tháng 6/1942, các đồng chí: Ngô Hải Long, Trần Văn Khoan, Nguyễn Ích Giáp được tổ chức Đảng Hiệp Hoà (Bắc Giang) kết nạp vào Đảng, đánh dấu bước ngoặt mới của phong trào cách mạng Phổ Yên.

Cùng với Phổ Yên, phong trào cách mạng ở Phú Bình phát triển khá. Thực hiện chỉ thị của Xứ ủy Bắc Kỳ, cuối năm 1941, đồng chí Ngô Thế Sơn - Cán bộ Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Giang, triệu tập Hội nghị Cán bộ chủ chốt của huyện Hiệp Hòa (Bắc Giang), 2 phủ Phú Bình và Phổ Yên (Thái Nguyên) tại xã Kha Sơn (Phú Bình) để phổ biến Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 về chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh. Nhân dân trong phủ liên tiếp nổi dậy đấu tranh chống địch bắt phu, thu thuế. Nhiều thanh niên ở các xã: Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, Mai Sơn, v.v... hăng hái tham gia Hội Thanh niên Cứu quốc, tự vệ chiến đấu. Từ 1 tổ tự vệ hơn 10 người được tổ chức ở Kha Sơn Hạ năm 1941, đến năm 1943, đã tăng lên hơn 50 người. Từ Kha Sơn Hạ, ảnh hưởng của Mặt trận Việt Minh đã toả rộng ra nhiều xã.

Trước sự phát triển của phong trào, để thống nhất lực lượng cách mạng trong phủ, đầu năm 1943, đồng chí Lương Văn Đài - Cán bộ Xứ ủy Bắc Kỳ trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng Phú Bình, đã triệu tập Hội nghị Cán bộ các xã phía Nam phủ (tổ chức tại chùa Mai Sơn). Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh tổng Phương Sơn[1], bao gồm các làng từ Phương Độ đến Kha Sơn Hạ.

(1) Ban Chấp hành Mặt trận Việt Minh tổng Phương Sơn gồm 5 người, do đồng chí Bình Sơn làm Chủ nhiệm.

Đây là địa phương đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên thành lập Mặt trận Việt Minh cấp tổng.

Nhận thấy phong trào cách mạng ở Phú Bình, Phổ Yên phát triển, cơ sở Đảng và Mặt trận Việt Minh đứng vững, vị trí thuận tiện liên lạc với các nơi, Trung ương Đảng quyết định lựa chọn vùng tiếp giáp của 3 địa phương: Hiệp Hoà (Bắc Giang), Phú Bình, Phổ Yên (Thái Nguyên) để xây dựng An toàn khu 2 (ATK2). Việc xây dựng ATK2 là nhằm tạo chỗ đứng chân tương đối ổn định cho tổ chức cách mạng. Từ đây, cơ quan Trung ương Đảng, Xứ ủy Bắc Kỳ nhận được thông tin thông suốt, nhanh chóng với 2 trung tâm Căn cứ địa Cao Bằng, Bắc Sơn - Võ Nhai cũng như với ATK1[1] và phong trào cách mạng trong cả nước.

ATK2 là nơi đặt các cơ quan của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ, như cơ sở in tài liệu, báo *Cờ giải phóng* ở chùa Mai Sơn; nơi cất giữ tài liệu (chùa Kha Sơn Hạ) và cũng là đầu mối giao thông, liên lạc từ Trung ương, Xứ ủy đến các địa phương. Hầu hết các tài liệu của Đảng, báo *Cờ giải phóng* từ cơ quan ấn loát được giao thông bí mật trong ATK2 chuyển trực tiếp đến các cơ sở, theo chỉ thị của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ.

ATK2 là nơi đón, đưa cán bộ từ các tỉnh miền xuôi lên Căn cứ địa Việt Bắc và ngược lại; bố trí nơi ăn, nghỉ và bảo vệ các đồng chí phụ trách phong trào các địa phương về báo cáo với Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ; nơi đón tiếp các đồng chí bị đế quốc giam giữ trong các nhà lao trốn thoát về với Đảng, với dân[2]... ATK2 còn là nơi Trung ương, Xứ ủy Bắc Kỳ mở nhiều lớp huấn luyện chính trị, quân sự cho cán bộ các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ. Đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh đã nhiều lần về đây chỉ đạo và trực tiếp giảng bài cho lớp học.

(1) ATK 1 là vùng ngoại thành bao quanh Hà Nội.

(2) Ngày 28/8/1944, 8 đồng chí: Hà Kế Tấn, Hoàng Bắc Dũng, Nguyễn Văn Mô, Phạm Bá Thoan, Bùi Văn Hánh, Trần Kiên, Nguyễn Danh Đỉnh, Nông Văn Đô vượt Căng Bá Vân được đón về ATK2 (Kha Sơn).

Để ATK2 hoàn thành nhiệm vụ nặng nề nói trên, Trung ương quyết định thành lập Ban Cán sự ATK2, do đồng chí Ngô Thế Sơn - Xứ ủy viên Bắc Kỳ làm Trưởng ban (khi đồng chí Ngô Thế Sơn được Trung ương điều động đi nhận công tác khác, đồng chí Nguyễn Trọng Tỉnh thay).

Nhằm xây dựng nòng cốt cho phong trào cách mạng Phú Bình, tháng 4/1943, Ban Cán sự ATK2 quyết định lựa chọn những thanh niên hăng hái nhất trong phong trào quần chúng thành lập Tổ trung kiên để tập trung bồi dưỡng về chính trị, từng bước nâng cao nhận thức về cách mạng, về mục tiêu, lí tưởng của Đảng. Sau một thời gian bồi dưỡng, thử thách, tháng 7/1943, đồng chí Ngô Thế Sơn - Xứ ủy viên Bắc Kỳ, triệu tập các đồng chí: Nguyễn Văn Nội (Cao Nhật), Nguyễn Bình Sơn và Nguyễn Văn Xứ, là những thanh niên trong Tổ Trung kiên bí mật, đến Rừng Giác (Kha Sơn Hạ). Tại đây, 3 đồng chí được tổ chức kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Chi bộ Kha Sơn Hạ được thành lập, do đồng chí Ngô Thế Sơn trực tiếp làm Bí thư. Đây là chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên được thành lập ở Phú Bình, đánh dấu một bước phát triển về chất phong trào cách mạng nơi đây. Tổ chức Đảng Phú Bình và Phổ Yên đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Cán sự ATK2.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tổ chức Đảng và nhân dân Phú Bình, Phổ Yên gặp không ít trở ngại, khó khăn, ít nhiều bị tổn thất. Tháng 3/1943, thực dân Pháp đưa quân về khủng bố phong trào cách mạng ở Phổ Yên. Một số cán bộ và quần chúng trung kiên bị bắt. Nhiều gia đình bị binh lính địch đốt phá, cướp bóc dã man. Phần lớn cơ sở cách mạng ở Phổ Yên bị vỡ, một số người hoang mang dao động, phong trào lắng xuống. Để giúp Phổ Yên vượt qua khó khăn, Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ đã cử nhiều cán bộ về cơ sở bị địch khủng bố ổn định tình hình, phục hồi phong trào.

Nhờ có sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương, của Xứ ủy và Ban Cán sự ATK2, phong trào cách mạng ở Phổ Yên được hồi phục và phát triển. Các trạm và đường dây liên lạc bị địch phá, được xây dựng lại. Phong trào vừa được khôi phục thì cuối năm 1944, địch lại khủng bố, bắt đầu từ Phú Bình.

Ngày 16/9/1944, trong một cuộc tuần tiễu, địch đã bắt được đồng chí Trương Công Lệnh (Trương Văn Lĩnh) - Ủy viên Ủy ban Quân - Chính Bắc Kỳ, ở bến đò Hà Châu. Tiếp đó, ngày 3 và 4/10/1944, địch mở cuộc càn quét lớn vào Kha Sơn (Phú Bình), Tiên Phong (Phổ Yên), phá cơ sở in đặc biệt khu ở Mai Sơn, nơi cất giấu tài liệu ở Kha Sơn Hạ, bắt một số cán bộ, đảng viên của cơ sở in đặc biệt. Hàng chục quần chúng trung kiên sa vào tay giặc. Phong trào cách mạng ở Phú Bình, Phổ Yên và ATK2 đứng trước thử thách hết sức nghiêm trọng.

Chính trong tình thế hiểm nghèo, Xứ ủy cùng Ban Cán sự ATK2 đã chỉ đạo tổ chức Đảng Phú Bình, Phổ Yên kịp thời ổn định tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đưa những đảng viên, cán bộ đã bị lộ rời khỏi cơ sở, chuyển địa điểm đặt cơ sở in ấn; đồng thời vận động nhân dân đấu tranh chống địch khủng bố. Nhờ đó, phong trào cách mạng Phú Bình, Phổ Yên vượt qua đợt khủng bố của địch, tiếp tục phát triển.

Đặc biệt, trong hoàn cảnh bị khủng bố, truy nã gắt gao, tổ chức Đảng ở Phú Bình vẫn cố gắng bám dân, mở rộng cơ sở cách mạng. Tháng 2/1943, Chi bộ Kha Sơn Hạ kết nạp 2 quần chúng trung kiên (Nguyễn Tâm và Nguyễn Thị Lung) ở làng Kha Sơn Thượng vào Đảng. Ngay sau đó, Ban Cán sự ATK2 điều đồng chí Bình Sơn (đảng viên chính thức của Chi bộ Kha Sơn Hạ) sang cùng sinh hoạt với 2 đồng chí ở Kha Sơn Thượng để đủ điều kiện thành lập Chi bộ Kha Sơn Thượng, do đồng chí Trần Độ (sau này là Trung tướng) - Cán

bộ Xứ ủy, làm Bí thư. Tiếp đó, từ tháng 3 đến tháng 12/1944, Chi bộ Kha Sơn Hạ, và Kha Sơn Thượng kết nạp thêm 8 đảng viên.

Trải qua thực tiễn đấu tranh cách mạng, 2 Chi bộ: Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng luôn tỏ rõ sự vững vàng và từ cuối năm 1943, đã trở thành trung tâm của phong trào cách mạng trong toàn phủ. Vì vậy, từ tháng 7/1945, Xứ ủy Bắc Kỳ đồng ý cho Ban Cán sự ATK2 lấy 2 chi bộ này làm nòng cốt thành lập Đảng bộ Phú Bình để thống nhất lãnh đạo phong trào cách mạng trong toàn phủ. Ban Cán sự Đảng được thành lập, do đồng chí Nguyễn Bình Sơn làm Trưởng ban.

Tại Phổ Yên, trải qua 2 đợt địch khủng bố ác liệt, một số cán bộ, đảng viên bị bắt, bị giết, dưới sự lãnh đạo của Ban Cán sự ATK2, nhân dân vẫn vững tin ở Đảng, ở cách mạng. Các đoàn thể Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh tiếp tục phát triển, lực lượng tự vệ chiến đấu được tăng cường cả về quân số và trang bị vũ khí.

Trong khi đó, phong trào cách mạng ở Bắc Kỳ phát triển nhanh chóng. Phạm vi 2 trung tâm Căn cứ địa cách mạng Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai ngày càng mở rộng. Vấn đề đánh thông 2 trung tâm căn cứ địa trở thành một yêu cầu bức thiết. Vì vậy, lãnh tụ Hồ Chí Minh chỉ thị phải thành lập Ban xung phong "Nam tiến" để mở các "*con đường quần chúng*" về hướng Thái Nguyên.

Tại Võ Nhai, sau khi Cứu quốc quân rút lên biên giới (3/1942), thực dân Pháp mất mục tiêu khủng bố. Do đó, từ tháng 3/1942, chúng rút phần lớn binh lính ra khỏi khu vực Căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai, chỉ để lại một số lính cần thiết trong các đồn bốt và gài mật thám, tay sai ở các địa phương. Cuộc khủng bố của địch lắng dịu dần. Một số đảng viên của các tổ chức Đảng Võ Nhai và chiến sĩ Cứu quốc quân được phân công ở lại đã theo sát phong trào, củng cố cơ sở cách mạng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi giải tán trại tập

trung, thả người bị bắt, đòi tự do đi lại, họp chợ. Hàng trăm người dân ở các xã: Phú Thượng, Tràng Xá, Lâu Thượng, La Hiên kéo về thị xã Thái Nguyên buộc viên Công sứ phải thả 71 thân nhân Cứu quốc quân bị giam giữ ở Chợ Chu (Định Hóa) và trại tập trung Đình Cả, trở về làm ăn sinh sống.

Cuối năm 1942, bộ phận Cứu quốc quân công tác ở bên Hữu ngạn sông Cầu cũng thu được nhiều kết quả. Bắt mối liên lạc với cán bộ địa phương, dựa vào cơ sở cũ, bộ phận này đã nhanh chóng xây dựng, phát triển các hội Cứu quốc ở Đại Từ, Định Hoá, Phú Lương, Đồng Hỷ (Thái Nguyên) Sơn Dương, Yên Sơn, (Tuyên Quang), Nam Chợ Đồn (Bắc Kạn) Bắc Yên Thế, Hữu Lũng (Bắc Giang). Phong trào cách mạng được mở rộng, tình hình có nhiều chuyển biến tích cực.

Cùng thời gian trên, các đồng chí ở Võ Nhai cử người sang biên giới Việt - Trung[1] báo cáo với Ban Chỉ huy Cứu quốc quân, đề nghị đưa toàn bộ Cứu quốc quân về nước hoạt động. Nắm được tình hình, tháng 10/1942, Ban Chỉ huy Cứu quốc quân đưa đơn vị về nước, riêng đồng chí Chu Văn Tấn - Chỉ huy trưởng, vào Pác Bó để gặp lãnh tụ Hồ Chí Minh và liên lạc với Trung ương. Cuối tháng 1/1943, đồng chí đến Pác Bó thì được biết lãnh tụ Hồ Chí Minh đã đi công tác xa. Đồng chí được đưa đến Lũng Hoài (Hoà An, Cao Bằng) lúc đó đang diễn ra Hội nghị cán bộ lãnh đạo 2 căn cứ địa Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai, có sự tham dự của một số cán bộ Trung ương (Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh...), để bàn việc thực hiện kế hoạch "Nam tiến". Hội nghị quyết định: Giữ vững cơ sở vùng biên giới Việt - Trung, đánh thông từ đó về Bình Gia, Bắc Sơn (Lạng Sơn) về Võ Nhai (Thái Nguyên); thành lập 19 đội xung phong "Nam tiến" do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, đồng chí Nông Văn Quang làm Bí thư Chi bộ. Cứu quốc quân mở 4 con đường "*Bắc tiến*": Từ Tràng Định (Lạng Sơn) lên Đông Khê (Cao Bằng); từ

(1) Đồng chí Phương Cương và Đường Nhất Quý

Hội Hoan (Thoát Lãng, Lạng Sơn) và Văn Mịch (Bình Gia, Lạng Sơn) sang Na Rì (Bắc Kạn); từ Võ Nhai qua Cúc Đường, Thượng Nung (Thái Nguyên) lên Na Rì (Bắc Kạn); từ Định Hóa (Thái Nguyên) lên Chợ Đồn (Bắc Kạn); đồng thời tìm bắt liên lạc với Ban Thường vụ Trung ương ở dưới xuôi.

Quyết định của Hội nghị Lũng Hoài có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự củng cố phát triển khu căn cứ cách mạng ở Việt Bắc, phù hợp với nghị quyết về củng cố, mở rộng căn cứ địa cách mạng của Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng tháng 2/1943.

Về đến căn cứ Võ Nhai, Ban Chỉ huy Cứu quốc quân phân công các tổ công tác toả đi các địa phương củng cố và phát triển các đoàn thể Cứu quốc, các đội tự vệ. Dựa vào cơ sở cũ, các tổ công tác phối hợp với cán bộ địa phương phát triển phong trào Việt Minh, phong trào tự vệ ở các huyện: Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ và châu Định Hoá.

Từ Định Hóa, Cứu quốc quân phát triển theo 2 hướng lên Bắc Kạn để đón các mũi "*Nam tiến*". Đến tháng 10/1943, các mũi "*Bắc tiến*" đã gặp các đội xung phong "*Nam tiến*" tại bản Pẳng, xã Nghĩa Tá (huyện Chợ Đồn, Bắc Kạn). Như vậy, thông qua "*con đường quần chúng*", 2 trung tâm Căn cứ địa Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai đã được nối liền thành một dải liên hoàn vững chắc.

Nhiệm vụ bắt liên lạc với Ban Thường vụ Trung ương cũng được Cứu quốc quân xúc tiến khẩn trương. Ban Chỉ huy Cứu quốc quân tổ chức nhiều mạng lưới liên lạc qua cơ sở quần chúng, qua nhà tù đế quốc... theo nhiều hướng. Tháng 8/1943, Cứu quốc quân đã bắt được liên lạc với Ban Thường vụ Trung ương qua Chi bộ Đảng ở Căng Bá Vân[1] (xã Bá Vân, Đồng Hỷ, nay là xã Bình Sơn, thành phố Sông Công).

(1) Tính đến ngày 31/8/1943, *Căng Bá Vân có 194 người tù* (theo báo cáo của Sở Mật thám Bắc Kỳ). Chi bộ Căng Bá Vân được thành lập 6/1942, gồm 10 đảng viên.

Ngay sau khi thành lập, Chi bộ Căng Bá Vân đề ra 2 nhiệm vụ cấp bách: 1- Tìm mọi cách bắt liên lạc với Xứ ủy; 2- Lập Ban Trật tự chung; tổ chức các ban giáo dục, kinh tế, văn hoá, tiến tới lập Ban Tự quản. Các ban đều do 1 đồng chí chi ủy phụ trách. Đến tháng 8/1942, Chi bộ Căng bắt được liên lạc với Xứ ủy Bắc Kỳ và được chỉ thị: Biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng để đào tạo cán bộ; vận động và xây dựng cơ sở cách mạng xung quanh Bá Vân, đưa phong trào ở đây phát triển lên. Xứ ủy sẽ cử người đến cùng phối hợp hoạt động.

Việc liên lạc và nhận được chỉ thị của Xứ ủy Bắc Kỳ có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động của Chi bộ. Từ đây, phong trào cách mạng ở Bá Vân, Niệm Quang (nay là Tân Quang, Bách Quang), Tân Cương, Phú Xuân (nay là Phúc Xuân, Phúc Trìu)... đã được sự chỉ đạo của Xứ ủy. Những người đặt viên gạch đầu tiên để xây dựng nền móng của phong trào cách mạng một vùng rộng lớn phía Tây Đồng Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên và thành phố Sông Công) chính là các chiến sĩ cộng sản bị đế quốc cầm tù tại Căng Bá Vân.

Do có kinh nghiệm về công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức quần chúng, nên chỉ trong thời gian ngắn, đến cuối năm 1942, Chi bộ Căng đã gây dựng cơ sở cách mạng đầu tiên ở Tân Cương, Cầu Gáo, Mỏ Chè. Đầu năm 1943, Hội Thanh niên Cứu quốc được thành lập ở Bá Xuyên; sau đó mở rộng ra các xã: Niệm Quang, Bá Vân, Tân Cương, Mỏ Chè... Nhiều tổ chức tự vệ chiến đấu được thành lập. Tháng 6/1943, 2 đơn vị tự vệ của Bá Xuyên và Bình Định được hợp nhất thành liên đội, làm nhiệm vụ cơ động chiến đấu khi cần thiết. Liên đội được các đảng viên trong Chi bộ Căng Bá Vân vốn là những cán bộ quân sự của Đảng, như Vương Thừa Vũ, Lương Nhân... trực tiếp huấn luyện, dìu dắt.

Cùng với tổ chức lực lượng vũ trang, huấn luyện tự vệ chiến đấu, mở rộng cơ sở chính trị trong quần chúng, Chi bộ Căng vận động nhân dân trong vùng đấu tranh chống chính sách sưu cao, thuế nặng, đuổi dân, cướp đất... Nhiều cuộc đấu tranh thu được thắng lợi, quần chúng tin tưởng, phấn khởi.

Phong trào phát triển vững chắc, sâu rộng, tạo điều kiện thuận lợi để Xứ ủy Bắc Kỳ mở rộng giao thông bí mật từ ATK2 và các tỉnh lân cận lên căn cứ Núi Hồng, Cao Bằng, Bắc Sơn - Võ Nhai. Trạm liên lạc bí mật giữa Chi bộ Căng Bá Vân với Xứ ủy đặt tại đình Bá Vân... Bình Định trở thành nơi an toàn của vùng Tây Nam Đồng Hỷ lúc bấy giờ. Thông qua đường dây liên lạc này, vào tháng 4/1945, đồng chí Võ Nguyên Giáp từ Định Hoá về Hiệp Hoà (Bắc Giang) dự Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ do Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì; sau đó từ tháng 7/1945, đoàn cán bộ các tỉnh đến Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang) tham dự Hội nghị toàn quốc của Đảng (14 - 15/8) và Đại hội Quốc dân (16 - 17/8/1945). Cũng chính thông qua đường dây liên lạc này, nhiều chỉ thị quan trọng của Ban Thường vụ Trung ương và của Xứ ủy Bắc Kỳ từ ATK2 được chuyển lên Căn cứ địa Việt Bắc.

Như vậy, đến năm 1942, tại các xã ở khu vực Tây Nam tỉnh Thái Nguyên, phong trào cách mạng do Chi bộ Căng Bá Vân xây dựng, đã phát triển mạnh mẽ dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ.

Trong khi đó, Chiến tranh thế giới thứ hai có nhiều chuyển biến thuận lợi cho phong trào cách mạng nước ta. Từ sau chiến thắng của Hồng quân Liên Xô tại Mặt trận Xtalingrát (tháng 2/1943), phe Đồng minh bắt đầu chuyển sang tấn công phe phát xít. Thời cơ cho các dân tộc Đông Dương nổi dậy tự giải phóng nhanh chóng chín muồi.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (25 - 28/2/1943) nhận định: Năm 1943 là năm phe Đồng

minh đánh phe phát xít một cách quyết liệt hơn để sửa soạn điều kiện cho bước thắng lợi cuối cùng. Với tác động của tình hình thế giới, phong trào cách mạng Đông Dương có thể bỗng chốc tiến lên bằng những bước nhảy cao. Từ nhận định này, Hội nghị quyết định mở rộng hơn nữa Mặt trận dân tộc thống nhất; đồng thời đẩy mạnh công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, trong đó coi trọng phát triển lực lượng vũ trang cách mạng (tự vệ, du kích, cứu quốc quân...), ra sức xây dựng căn cứ địa ở vùng nông thôn, rừng núi.

Tại Thái Nguyên, từ năm 1943, tổ chức Việt Minh được xây dựng ở hầu khắp các làng xã trong tỉnh, nhiều nơi đã thành lập ban chấp hành Việt Minh tổng, Việt Minh làng, xã. Đội tự vệ vũ trang được thành lập ở các xã. Các lớp huấn luyện quân sự, chính trị được mở ra liên tiếp. Phong trào *Sắm vũ khí, đuổi thù chung* diễn ra sôi nổi ở nhiều nơi trong tỉnh.

Tháng 2/1944, đồng chí Hoàng Quốc Việt - Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương, lên Thái Nguyên, Tuyên Quang kiểm tra tình hình hoạt động của Chiến khu Hoàng Hoa Thám và Cứu quốc quân. Sau khi nghe báo cáo và kiểm tra thực tế, đồng chí triệu tập Hội nghị Cán bộ tại Khuổi Kịch (Sơn Dương, Tuyên Quang) để truyền đạt Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương (2/1943) về xây dựng căn cứ địa, phát triển lực lượng vũ trang.

Nhận thấy phong trào cách mạng trên địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân đã mở rộng, Hội nghị quyết định thành lập Trung đội Cứu quốc quân III[(1)] và chia Chiến khu Hoàng Hoa Thám thành 2 phân khu, lấy sông Cầu làm ranh giới, để việc chỉ đạo được kịp thời,

(1) Trung đội Cứu quốc quân III thành lập ngày 25/2/1944 tại khu rừng Khuổi Lịch (Sơn Dương, Tuyên Quang), gồm 30 cán bộ, chiến sĩ (đại đa số là người Thái Nguyên từ Cứu quốc quân II sang), do đồng chí Triệu Khánh Phương - quê xã Tràng Xá (huyện Võ Nhai), làm Trung đội trưởng.

sâu sát. Phân khu A (Phân khu Quang Trung)[1] là địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân II. Phân khu B (Phân khu Nguyễn Huệ)[2] là địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân III. Đồng chí Chu Văn Tấn - Ủy viên Ủy ban Quân - Chính Bắc Kỳ, được Trung ương chỉ định giữ chức Chỉ huy trưởng Chiến khu Hoàng Hoa Thám, trực tiếp phụ trách Phân khu B. Lãnh đạo phân khu A gồm các đồng chí: Hà Châm, Chu Quốc Hưng và Trần Thị Vũ[3].

Ngay sau khi được chia thành 2 phân khu và ranh giới trách nhiệm hoạt động của đơn vị, 2 trung đội Cứu quốc quân chia thành nhiều tổ công tác. Mỗi tổ công tác do một tổ Đảng lãnh đạo, tỏa về các địa phương. Các tổ công tác của Cứu quốc quân hoà mình trong phong trào quần chúng, thực hiện cùng ăn, cùng ở, cùng lao động sản xuất với bà con các dân tộc để củng cố và phát triển các tổ chức Cứu quốc. Công tác xây dựng và phát triển lực lượng tự vệ ở các địa phương cũng được Cứu quốc quân đẩy mạnh. Đến cuối năm 1944, ở hầu hết các xã thuộc địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân đều đã tổ chức được các trung đội tự vệ, tiểu đội tự vệ. Lực lượng tự vệ này được Cứu quốc quân huấn luyện về chính trị và quân sự để làm giao thông liên lạc, bảo vệ cơ sở và cán bộ cách mạng, tuyên truyền cách mạng, trừng trị bọn tay sai phản động, tổ chức quần chúng vào tổ chức Cứu quốc. Lực lượng tự vệ còn là nguồn bổ sung Phong trào tự sắm, tự trang bị vũ khí trong tự vệ sôi nổi, đảm bảo mỗi đội viên có một vũ khí chiến đấu. Việc liên lạc giữa các tổ công tác với Ban Chỉ huy Cứu quốc quân và Chiến khu cũng như giữa 2 phân khu với nhau được tổ chức thành mạng lưới gồm nhiều trạm, nhiều đường liên lạc.

(1) Gồm địa phận các huyện: Đồng Hỷ (ngày nay), Võ Nhai (Thái Nguyên), Bắc Sơn, Bình Gia, Tràng Định, Thoát Lãng (Lạng Sơn), Bắc Yên Thế và Hữu Lũng (Bắc Giang).

(2) Gồm địa phận các huyện: Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương, Đồng Hỷ, Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá (Tuyên Quang) và Nam Chợ Đồn (Bắc Kạn).

(3) Đồng chí Trần Thị Vũ (Trần Thị Minh Châu) được Xứ ủy Bắc Kỳ điều lên phụ trách chính trị Phân khu A từ đầu năm 1944.

Như vậy, đến tháng 2/1944, ở tỉnh Thái Nguyên trừ 2 phủ Phú Bình và Phổ Yên là ATK2 của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Cán sự ATK2, còn lại Phân khu A, Phân khu B thuộc Chiến khu Hoàng Hoa Thám do Trung ương trực tiếp chỉ đạo.

Chiến khu Hoàng Hoa Thám đã mở rộng, đòi hỏi có thêm cán bộ để chỉ đạo phong trào, do đó Trung ương chỉ thị cho Xứ ủy Bắc Kỳ tổ chức đưa các đảng viên bị địch cầm tù trong các trại giam ở Thái Nguyên ra Chiến khu hoạt động. Đây là một nhiệm vụ nặng nề và khó khăn. Nhưng với tinh thần chấp hành triệt để chỉ thị của Trung ương, của Xứ ủy, với lòng dũng cảm, mưu trí, ngày 22/8/1944, Ban Cán sự ATK2 cùng cơ sở cách mạng ở Tây Nam Đồng Hỷ và Kha Sơn (Phú Bình) đã tổ chức thành công cuộc vượt ngục, đưa 8 đồng chí ở Căng Bá Vân ra Chiến khu hoạt động. Tiếp đó, ngày 11/10/1944, Cứu quốc quân được sự giúp đỡ của cơ sở Định Hoá cũng tổ chức thành công cuộc vượt ngục, đưa 12 đồng chí cán bộ, đảng viên bị địch giam cầm ở nhà tù Chợ Chu ra hoạt động[(1)]. Đồng chí Song Hào được Trung ương chỉ định cùng đồng chí Chu Văn Tấn lãnh đạo Chiến khu Hoàng Hoa Thám, phụ trách Phân khu B.

Ở phân khu A, Trung đội Cứu quốc quân II cùng với cán bộ địa phương đẩy mạnh việc củng cố các tổ chức Cứu quốc và các đội tự vệ làng, xã. Đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Kinh... ở Võ Nhai, Đồng Hỷ... hăng hái gia nhập Mặt trận Việt Minh. Các đội tự vệ cũng phát triển mạnh.

Tại Võ Nhai, các đoàn thể Cứu quốc và các đội tự vệ được củng cố và phát triển nhanh chóng. Cùng với việc củng cố, phát triển lực lượng chính trị, công tác huấn luyện quân sự được đẩy mạnh, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển sôi động. Các cuộc

(1) Đó là các đồng chí: Song Hào, Lê Hiến Mai, Tạ Xuân Thu, Lê Trung Đình, Trần Thế Môn, Chu Nhữ, Nguyễn Kháng, Hoàng Bá Sơn, Nhị Quý, Trần Tùng, Phạm Ngọc Bồng, Vũ Phong.

mít tinh kỉ niệm Ngày Quốc tế Lao động (1/5), Xô viết Nghệ Tĩnh (12/9), Khởi nghĩa Bắc Sơn (27/9), Cách mạng Tháng Mười Nga (7/11), Khởi nghĩa Nam Kỳ (23/11) được tổ chức gần như công khai, có sức cổ vũ mạnh mẽ các tầng lớp nhân dân. Phong trào cách mạng ở Võ Nhai đã có sự liên hệ chặt chẽ với các địa phương: Đồng Hỷ, Phú Bình (Thái Nguyên), Yên Thế, Hữu Lũng (Bắc Giang). Địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân ở Phân khu A được mở rộng.

Tuy phong trào cách mạng ở Thái Nguyên lúc này phát triển nhanh, nhưng việc củng cố không kịp thời và toàn diện. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở còn ít, công tác phát triển Đảng không được chú ý. Công tác giữ bí mật không triệt để. Nhiều địa phương tổ chức mít tinh, tập luyện tự vệ gần như công khai, làm cho thực dân Pháp chú ý. Chúng điên cuồng tấn công vào phong trào cách mạng tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 2/11/1944, thực dân Pháp càn quét vào Cây Thị (Đồng Hỷ) trong nhiều ngày, bắt được một số cán bộ của ta; đường dây liên lạc từ Căn cứ về Trung ương bị cắt đứt. Tiếp đó, ngày 5/11, địch bắt toàn bộ Ban Chấp hành Việt Minh xã Tràng Xá (Võ Nhai). Từ Tràng Xá, cuộc khủng bố lan rộng ra các xã: Phú Thượng, Lâu Thượng. Lúc này, lúa ngoài đồng chín rộ, nhân dân mới thu hoạch được trên 50%. Thực dân Pháp và tay sai lùng bắt người cả ban ngày, ban đêm; không khí khủng bố bao trùm hầu khắp các xã trong châu Võ Nhai. Một số cán bộ cơ sở phải chạy vào rừng hoạt động bí mật, một số gia nhập Cứu quốc quân. Tình hình hết sức căng thẳng.

Trước tình hình trên, Ban Lãnh đạo Phân khu A đã tổ chức nhiều cuộc họp tìm cách chống địch khủng bố. Tại cuộc họp ở Đồng Mó ngày 10/11, Ban Lãnh đạo Phân khu A quyết định:

1- Cho tự vệ chiến đấu và thanh niên trung kiên có tinh thần tự nguyện thoát li cơ sở tham gia Cứu quốc quân.

2- Trừng trị nghiêm khắc những tên mật thám, tay sai đắc lực của thực dân Pháp.

3- Cất giấu lương thực vào hang, trên núi để chuẩn bị chiến đấu.

4- Đấu tranh vũ trang chống địch khủng bố, thành lập các ban: Ám sát, Phá hoại, Trinh sát, v.v... làm nhiệm vụ diệt mật thám tay sai đầu sỏ, phá cầu, đắp ụ cản giao thông, đánh địch hành quân càn quét...

Trong cuộc họp ngày 12/11 ở Chùa Đon, Ban Lãnh đạo Phân khu A khẳng định một lần nữa quyết tâm chống địch khủng bố, triệt để thực hiện vườn không nhà trống, đưa dân lên núi, đánh địch ở đồn Đình Cả, Tràng Xá, La Hiên; lệnh cho Cứu quốc quân đang hoạt động ở Bắc Sơn (Lạng Sơn) hoạt động phối hợp, phá cầu, chặn đường tiến công của địch từ Lạng Sơn qua Bắc Sơn, xuống Võ Nhai.

Tại châu Võ Nhai, tính đến ngày 10/11/1944, lực lượng địch có hơn 80 lính khố xanh và lính cơ đóng ở các đồn: La Hiên, Đình Cả, Tràng Xá. Đến đầu tháng 11/1944, chúng điều lên đây một đơn vị thuộc lực lượng cảnh sát đặc biệt làm nhiệm vụ tuần tiễu. Trong các đồn bốt nói trên, Ban Lãnh đạo Phân khu đã xây dựng được cơ sở binh vận. Trong bộ máy chính quyền của địch từ tổng xuống đến các làng xã, Ban Lãnh đạo Phân khu đã bố trí một số cán bộ, đảng viên nắm một số chức vụ quan trọng.

Giàu lòng yêu nước và căm thù giặc Pháp, lại có kinh nghiệm đánh du kích trong 8 tháng chống khủng bố trước đây, Cứu quốc quân, tự vệ cùng nhân dân các dân tộc trong châu đã nhiệt tình hưởng ứng quyết định của Ban Lãnh đạo Phân khu A. Ngày 8/11, Cứu quốc quân diệt 1 Chánh tổng và 1 Phó tổng. Ngày 11/11, Cứu quốc quân phá cầu Trúc Mai (ở Km 25) cắt đứt đường dây liên lạc của địch từ Thái Nguyên đi Đình Cả; 6 lần địch cho liên lạc với Thái Nguyên để xin chi viện, đều bị Cứu quốc quân bắt. Liên tiếp sau đó,

Cứu quốc quân cùng tự vệ đánh đồn Quang Thái (Tràng Xá), đồn Đình Cả, thu súng của chúng, bắt 10 mật thám ở Lâu Thượng.

Địch phản ứng điên cuồng. Một mặt, chúng tập trung lực lượng cấp tốc sửa chữa cầu, đường. Mặt khác, chúng huy động hàng ngàn binh lính (gồm lính lê dương, lính khố đỏ, lính khố xanh), từ 3 hướng: Thị xã Thái Nguyên, Bắc Giang, Lạng Sơn, có cả máy bay và sơn pháo yểm trợ, hùng hổ tiến vào Võ Nhai. Chúng đi đến đâu thì nhà cửa, ruộng vườn bị đốt phá tới đó, nhất là dọc Đường 1B từ La Hiên đến Đình Cả, gây bao cảnh đau thương, tang tóc. Nhân dân các xã: Lâu Thượng, Phú Thượng và Tràng Xá đã tự tay đốt nhà, thực hiện khẩu hiệu: Vườn không, đồng vắng, rồi cùng nhau lên núi. Quân, dân Võ Nhai trong tư thế sẵn sàng quyết chiến chống giặc Pháp.

Đêm 12/11/1944, quân Pháp huy động khoảng 700 lính khố đỏ từ Thái Nguyên tiến lên Võ Nhai để ứng cứu đồn Tràng Xá đang bị Cứu quốc quân và tự vệ bao vây. Ngày 13/11, một đơn vị Cứu quốc quân phục kích địch ở La Hoá (Lâu Thượng), diệt 10 tên, thu vũ khí. Ngày 15/11, viên quan Một chỉ huy đồn Đình Cả về Thái Nguyên xin viện binh, bị Cứu quốc quân chặn đánh, phải bỏ xe ô tô chạy tháo thân vào rừng. Ngày 17/11, thực dân Pháp điều 300 quân từ Thái Nguyên lên tăng viện cho Võ Nhai, có máy bay yểm trợ. Cứu quốc quân chỉ có 20 cán bộ, chiến sĩ với 15 khẩu súng trường, đã anh dũng chặn đánh địch ở Dốc Đỏ, diệt một số tên, thu 3 khẩu súng. Hôm sau, ngày 18/11, Tuần phủ Thái Nguyên Cung Đình Vận lên Võ Nhai nắm tình hình, bị Cứu quốc quân phục kích bắn bị thương phải quay lại thị xã Thái Nguyên. Buổi chiều cùng ngày, thực dân Pháp đưa 1 đại đội bộ binh cơ giới từ thị xã lên Võ Nhai. Ngày 21/11, chúng lại điều 2 đại đội lê dương lên Võ Nhai. Ngày 26/11, quân Pháp tiến vào Làng Hang, bắt 120 dân về trại tập trung Hang Bụt (La Hiên). Ngày 27/11, Bộ Chỉ huy quân Pháp huy động binh lính từ 3 hướng: Lạng Sơn, Bắc Giang, Thái Nguyên tấn

công vào Võ Nhai, đánh vào hang Mỏ Gà - nơi trú ẩn của hàng trăm hộ gia đình và 75 cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân, tự vệ chiến đấu. Cứu quốc quân và tự vệ đã anh dũng đánh địch bằng súng kíp, bẫy đá, chặn đứng các cuộc tấn công của chúng, bảo vệ dân.

Sau gần 1 ngày vất vả và chịu nhiều tổn thất, quân địch mới lên đến hang, nhưng trong hang chỉ còn một số người già yếu, còn Cứu quốc quân, tự vệ và hầu hết nhân dân đã rút đến nơi an toàn. Ngày 29/11, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn binh lính (trong đó có đơn vị Âu - Phi) đánh vào Lân Han, bị Cứu quốc quân chặn đánh quyết liệt, diệt hàng chục tên, buộc chúng lùi ra xa thiết lập vòng vây. Đêm đến, lợi dụng trời tối, Cứu quốc quân cùng bà con bí mật rút sang Cây Hồng (Phú Thượng).

Lực lượng của địch từ chỗ chỉ có hơn 80 tên đóng ở La Hiên, Đình Cả, Tràng Xá, Quang Thái, trong vòng 10 ngày đã tăng vọt lên hàng ngàn tên đủ các sắc lính: Lê dương, khố đỏ, khố xanh(1) thuộc nhiều binh chủng, được trang bị cả đại bác, cơ giới và máy bay yểm trợ. Ngoài ra, một chi nhánh mật thám được thành lập tại chỗ, với hàng chục tên sừng sỏ, được Sở Mật thám Bắc Kỳ điều về.

Sau gần 1 tháng vũ trang chống địch khủng bố, đánh đồn, chặn viện, phục kích, phá cầu, cắt đứt giao thông liên lạc, diệt mật thám, tay sai, bảo vệ nhân dân, Cứu quốc quân và tự vệ châu Võ Nhai đã lớn mạnh hơn trước.

Tuy nhiên, cuộc chiến đấu của Cứu quốc quân ngày càng gặp khó khăn. Từ đầu tháng 12/1944, thực dân Pháp huy động thêm quân lính, liên tiếp mở những cuộc tấn công, càn quét vào tận rừng sâu. Các xã: La Hiên, Lâu Thượng, Phú Thượng, Liên Minh, Tràng Xá ngày đêm chìm trong khói lửa, đạn bom. Trong nhân dân, một số bị

(1) Ngoài các tiểu đoàn lính khố xanh của Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, cuối tháng 11/1944, thực dân Pháp phải điều cả tiểu đoàn lính khố xanh của tỉnh Hải Dương lên Võ Nhai.

giam giữ trong các trại tập trung, chịu cảnh màn trời, chiếu đất; đời sống rất khổ cực; nhiều cụ già, trẻ nhỏ đã chết trong trại do bị đói, rét, bệnh tật; một số phải ẩn náu trong rừng sâu, hang đá, lương thực cạn dần. Cứu quốc quân thiếu vũ khí, nhất là đạn không đủ để duy trì cuộc chiến đấu; vừa phải lo đánh địch, lại vừa phải bảo vệ và tổ chức đời sống cho hàng ngàn dân, nên lực lượng chiến đấu bị phân tán. Trong khi đó, đường dây liên lạc với các nơi bị cắt đứt, Cứu quốc quân phải chiến đấu cô độc trong vòng vây của địch.

Nhận được báo cáo của Ban Chỉ huy Chiến khu Hoàng Hoa Thám, Tổng Bí thư Trường Chinh đã cử đồng chí Ngô Thế Sơn - Ủy viên Thường trực Ủy ban Quân - Chính Bắc Kỳ, làm phái viên đặc biệt theo đường dây giao thông bí mật lên Võ Nhai, để truyền đạt chỉ thị của Trung ương về việc rút lui cuộc đấu tranh vũ trang. Ngày 7/12/1944, đồng chí phái viên đặc biệt của Trung ương Đảng triệu tập các đồng chí lãnh đạo Phân khu A họp tại xóm Cây Bòng (Ngọc Mỹ, Tràng Xá) bàn việc thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng. Hội nghị nhất trí quyết định:

- Bố trí đưa dân về làng cũ làm ăn, ổn định đời sống;

- Một số thanh niên trong các lực lượng vũ trang còn điều kiện sống hợp pháp cùng về với nhân dân, bám sát quần chúng, phục hồi và củng cố cơ sở, tiến hành đấu tranh với địch;

- Cứu quốc quân được chia thành 3 bộ phận: Bộ phận chính chuyển sang Yên Thế (Bắc Giang), dựa vào cơ sở cách mạng ở đây để học tập, huấn luyện quân sự; số còn lại, một nửa chuyển sang Phân khu B hoạt động, một nửa tiếp tục bám sát cơ sở, lãnh đạo quần chúng đấu tranh hợp pháp với địch.

Thực hiện quyết định Hội nghị Cây Bòng, ngày 9/1/1945, trên 70 cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân tiến về Mỏ Trạng, rồi sang Đồng Vương (Yên Thế, Bắc Giang).

Cùng thời gian trên, Chiến tranh thế giới lần thứ II bước vào giai đoạn kết thúc. Tại Mặt trận châu Âu, phe phát xít liên tiếp thất bại ở nhiều nơi. Tại Mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, phạm vi kiểm soát của phát xít Nhật ngày càng bị thu hẹp. Con đường biển đi từ Nhật xuống các thuộc địa của Nhật ở Đông Nam Á đã bị quân Đồng minh khống chế. Do vậy, Nhật phải quyết giữ bằng được Đông Dương. Trong khi đó, thực dân Pháp ở Đông Dương ráo riết chuẩn bị kế hoạch hất cẳng Nhật. Về tình hình này, Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định: Mâu thuẫn vốn có giữa Nhật và Pháp trở nên sâu sắc, không thể điều hòa, tất yếu dẫn đến chỗ một trong hai đế quốc, phát xít hất cẳng nhau.

Từ nhận định trên, ngay trong đêm 9/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh), dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Trường Chinh. Cùng thời điểm này, đúng như dự đoán của Đảng, phát xít Nhật đã nổ súng làm cuộc đảo chính lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương. Hội nghị nhận định: "*Sau cuộc đảo chính này, đế quốc phát xít Nhật là kẻ thù chính - kẻ thù cụ thể trước mắt - duy nhất của nhân dân Đông Dương*"(1). Trên cơ sở đó, Hội nghị chủ trương thay khẩu hiệu: *Đánh đuổi Nhật, Pháp* bằng khẩu hiệu: *Đánh đuổi phát xít Nhật* và phát động cao trào chống Nhật, cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Nội dung Hội nghị được trình bày trong bản Chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* (12/3/1945) của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Tại Thái Nguyên, đầu năm 1945, thực dân Pháp đã điều lên thị xã một binh đoàn chủ lực, tăng cường trang bị vũ khí hiện đại nhằm giữ lấy vị trí chiến lược cửa ngõ phía bắc Hà Nội. Nhưng đêm 9/3, nghe tin Nhật nổ súng đánh Pháp tại nhiều nơi, quân Pháp ở đây hoảng loạn, vội vã tháo chạy qua Đại Từ (sáng 10/3), nhằm vượt Đèo Khế sang Tuyên Quang, tìm đường lên Tây Bắc.

(1) *Văn kiện Đảng toàn tập*. *Tập 7 (1940 - 1945)*... Sđd, tr. 366.

Nhận được tin này, đồng chí Chu Văn Tấn chỉ huy một đơn vị Cứu quốc quân có sự phối hợp của lực lượng tự vệ Đại Từ phục kích tại Đèo Khế - một ngọn đèo nằm ở giữa địa giới 2 tỉnh: Thái Nguyên, Tuyên Quang, có địa hình hiểm trở, nhiều cua gấp, độ dốc cao, vực sâu.

Khoảng 9 giờ sáng ngày 10/3, khi toán quân Pháp vượt qua đèo, Cứu quốc quân nổ súng chặn đánh. Bị đòn bất ngờ, quân Pháp hốt hoảng vứt súng, tháo chạy vào rừng, hoặc liều chết chạy sang Tuyên Quang; một bộ phận, trong đó có cả Công sứ, Phó sứ và thuộc hạ quay trở lại thị xã Thái Nguyên. Nhân dân hai bên đường đánh trống, mõ, hò la, càng làm cho quân Pháp thêm hốt hoảng, vứt hết súng ống, trang bị, chạy thoát thân. Cứu quốc quân thu được rất nhiều vũ khí, đạn dược, trang bị cho Cứu quốc quân và tự vệ Đại Từ. Ngay sau đó, Cứu quốc quân tiến sang Định Hoá; một bộ phận xuống Đại Từ tịch thu súng của dõng, sổ sách giấy tờ của tổng, lí, kì hào, giải phóng xóm làng.

Trưa 10/3/1945, quân Nhật vượt cầu Đa Phúc tiến vào Thái Nguyên. Binh lính và quan chức Pháp trong thị xã bạc nhược, mất hết tinh thần. Công sứ Thái Nguyên vội vàng cử Phó sứ cùng thuộc hạ vác cờ trắng xuống Gia Sàng đón Nhật. Khoảng 13 giờ 30 cùng ngày, quân Nhật vào chiếm thị xã Thái Nguyên trong tay Pháp không cần nổ súng.

Sau khi độc chiếm Đông Dương, phát xít Nhật giữ nguyên bộ máy tay sai cũ của Pháp để giúp chúng bóc lột và thống trị nhân dân Việt Nam[1]. Một mặt Nhật thực hành chính sách lừa gạt nhân dân, một mặt tìm cách phá hoại, tiêu diệt phong trào cách mạng Việt Nam.

Nhận được chỉ thị của Trung ương, Ban Lãnh đạo Phân khu A đưa đơn vị Cứu quốc quân từ Đồng Vương (Yên Thế, Bắc Giang) hành quân cấp tốc trở lại Võ Nhai. Ngày 13/3/1945, đơn vị về đến

(1) Phát xít Nhật chỉ đổi tên gọi Tuần phủ là Tỉnh trưởng; Tri huyện là Huyện trưởng; lính khố xanh đổi thành lính bảo an...

Đình Cả phối hợp với tự vệ cơ sở đánh tan 1 tiểu đội địch, phá kho thóc và kho muối chia cho nhân dân. Tối 15/3, Cứu quốc quân và tự vệ lại phá kho thóc ở đồn điền Boócđiê ở xã Phú Thượng chia cho dân.

Trong lúc nhân dân đang bị nạn đói đe dọa, khẩu hiệu *Phá kho thóc, giải quyết nạn đói* có sức cổ vũ mạnh mẽ, tập hợp đông đảo quần chúng tham gia khởi nghĩa giành chính quyền.

Tối 17/3/1945, Cứu quốc quân chia làm 2 bộ phận: Một bộ phận phối hợp với tự vệ bao vây đồn Đình Cả (do 1 đại đội lính khố xanh chốt giữ); một bộ phận có lực lượng tự vệ và quần chúng hỗ trợ tiến đánh châu lị La Hiên. Tại đây, có khoảng gần 100 tay súng của lính khố xanh, lính cơ, tráng dõng ở các tổng, xã trong châu và một số mật thám. Đêm 20/3, lực lượng vũ trang cách mạng và quần chúng ào ào xông vào châu lị. Trước thế áp đảo của lực lượng cách mạng, binh lính trong châu không dám chống cự, châu lị được hoàn toàn giải phóng. Sáng 21/3, viên Tri châu đem toàn bộ vũ khí, sổ sách nộp cho quân cách mạng. Ngay sau đó, cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại châu lị; đại diện cách mạng tuyên bố xoá bỏ bộ máy chính quyền địch, thành lập Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời châu. Đây là chính quyền cách mạng cấp huyện đầu tiên được thành lập ở tỉnh Thái Nguyên.

Cùng ngày 21/3, một đơn vị Cứu quốc quân đã tiêu diệt đồn Tràng Xá. Sau khi hạ đồn, đơn vị này cùng nhân dân xã Tràng Xá kéo ra đánh đồn Đình Cả, vừa đánh vừa kêu gọi địch hạ vũ khí đầu hàng. Trong đồn, quân địch có khoảng 100 lính khố xanh, lính cơ, tráng dõng ở các tổng, xã và một số mật thám.

Địch dùng kế hoãn binh để chờ viện quân ở tỉnh lên giải vây. Ngày 27/3, Đồn trưởng Đình Cả trá hàng, mời cán bộ Cứu quốc quân lên đồn trao vũ khí. Đồng chí Thái Long (Nông Văn Cún) - một cán bộ

chỉ huy Cứu quốc quân dũng cảm, một đảng viên rất kiên cường của Đảng bộ Võ Nhai, cùng Nhật Sơn - một cai lính cơ vừa ra hàng và nhập vào hàng ngũ cách mạng, nhận lời lên đồn. Quân thù đã phản phúc, bắn chết đồng chí Thái Long và Nhật Sơn ở cổng đồn sau khi gặp chúng ra về. Sự đê hèn của địch làm tăng thêm lòng căm phẫn trong cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Võ Nhai. Cứu quốc quân tiếp tục siết chặt vòng vây. Run sợ trước nguy cơ bị tiêu diệt, 3 giờ sáng ngày 10/4, quân địch liều mạng rút chạy về thị xã Thái Nguyên. Cứu quốc quân lập tức truy kích chúng ở Đèo Khế thuộc xã Khe Mo (Đồng Hỷ) bắn chết 10 tên và nhiều tên khác bị thương, thu 2 súng trung liên, 19 súng trường và nhiều đạn dược, quân trang, quân dụng. Số còn lại chạy tan tác vào rừng. Võ Nhai hoàn toàn giải phóng, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời các xã trong châu lần lượt ra đời.

Tại Định Hoá, tối 25/3/1945, một trung đội Cứu quốc quân do các đồng chí: Tạ Xuân Thu và Chu Phóng chỉ huy, có lực lượng tự vệ phối hợp, bao vây đồn khố xanh[1] và châu lị. Khoảng 3 giờ sáng 26/3, Cứu quốc quân nổ súng đánh đồn lính khố xanh. Binh lính trong đồn hốt hoảng tháo chạy. Tiếng súng đánh đồn khố xanh của Cứu quốc quân làm cho số lính cơ và dõng bảo vệ dinh Tri châu cũng bỏ chạy tán loạn. Tri châu Định Hóa sợ hãi, trốn khỏi châu lị, ngày hôm sau (27/3) xin ra đầu thú. Châu lị Định Hoá hoàn toàn giải phóng. Cứu quốc quân phá nhà lao giải thoát hơn 200 tù nhân, trong đó có 30 tù chính trị; phá kho thóc chia cho dân để cứu đói. Theo lệnh của Cứu quốc quân, chức dịch khắp các tổng, xã trong châu đem sổ sách, bằng triện về châu lị nộp cho cách mạng. Bộ máy chính quyền tay sai của Nhật trong toàn châu bị xoá bỏ. Ngày 18/4/1945, đại biểu 18 xã trong châu đã họp bầu ra Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời châu. Chính quyền cách mạng các xã cũng lần lượt được thành lập.

(1) Sau khi chiếm thị xã Thái Nguyên (10/3/1945), Nhật gọi Đồn trưởng Chợ Chu về tỉnh, tống giam. Binh lính trong đồn mất kẻ chỉ huy.

Ở Đại Từ, sau sự kiện ngày 10/3, hầu hết các xã ở khu vực phía Bắc huyện đã được giải phóng; bộ máy chính quyền tay sai của Nhật ở các xã còn lại đã tê liệt. Viên Tri huyện, sai nha và lính tráng co lại, không dám ra khỏi huyện lị. Ngày 25/3/1945, Ban Lãnh đạo Phân khu B quyết định phát động quần chúng vùng dậy khởi nghĩa, lật đổ chính quyền tay sai của Nhật, thành lập chính quyền cách mạng trong toàn huyện trước khi Nhật kéo đến. Buổi chiều cùng ngày, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại phố Văn Lãng. Sau cuộc mít tinh, một số cán bộ được phân công về các cơ sở xung quanh huyện lị xây dựng lực lượng, phát động quần chúng sẵn sàng hưởng ứng cuộc khởi nghĩa giành chính quyền huyện.

Ngày 29/3/1945, đơn vị Cứu quốc quân do đồng chí Chu Văn Tấn chỉ huy có lực lượng tự vệ các xã khu vực phía Bắc phối hợp và hàng trăm quần chúng sôi sục khí thế cách mạng kéo về bao vây huyện lị Đại Từ. Vốn đã hoàn toàn suy sụp về tinh thần, lại bị lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng áp đảo, bộ máy thống trị của địch nhanh chóng bị sụp đổ.

Sáng 31/3/1945, Cứu quốc quân tổ chức một cuộc mít tinh quần chúng ở huyện lị, tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch từ huyện đến làng, xã; kêu gọi nhân dân đóng góp ủng hộ cách mạng, xây dựng chính quyền mới. Sau cuộc mít tinh, Cứu quốc quân dẫn đầu đoàn người, kéo đi phá kho thóc Hùng Sơn đem chia cho nhân dân.

Hai phủ: Phú Bình, Phổ Yên là đất An toàn khu 2. Thực hiện chỉ thị của Trung ương, sau đợt thực dân Pháp khủng bố tháng 10/1944, Ban Cán sự ATK2 đã trực tiếp chỉ đạo đẩy mạnh công tác củng cố, mở rộng phong trào cách mạng trong phạm vi toàn huyện, tích cực huấn luyện dân quân, tự vệ; sẵn sàng phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.

Ngày 13/3/1945, đồng chí Lê Thanh Nghị - Xứ ủy viên Bắc Kỳ, sau khi dự Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương (mở rộng), đã trở về truyền đạt tinh thần Chỉ thị *Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* cho Chi bộ Kha Sơn.

Chiều ngày 13/3, Chi bộ Kha Sơn họp và quyết định: Diệt Việt gian đầu sỏ, có tội ác để đẩy mạnh khí thế cách mạng của quần chúng; thu bằng triện của Chánh tổng, Lí trưởng; thành lập chính quyền cách mạng; thu súng của tráng dõng trang bị cho tự vệ; mở rộng hoạt động của các đoàn thể Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh ra ngoài phạm vi xã; thành lập thêm nhiều tiểu đội tự vệ làm hậu thuẫn cho quần chúng phá kho thóc của Nhật đem chia cho dân để cứu đói; phân công cán bộ, đảng viên đến các làng: Kha Sơn Thượng, Mai Sơn, Bằng Cầu thống nhất hành động.

Sáng 14/3/1945, từ Kha Sơn Hạ, mệnh lệnh khởi nghĩa được ban bố. Không khí cách mạng tràn ngập xóm làng. Tự vệ chiến đấu Kha Sơn Hạ truy lùng các phần tử tay sai đắc lực của Nhật, trấn áp phản động, làm nòng cốt, chỗ dựa cho quần chúng nổi dậy. Đến 12 giờ, lực lượng cách mạng đã hoàn toàn làm chủ. Ngay sau đó, tại cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại đình Kha Sơn Thượng, đại diện Mặt trận Việt Minh xã tuyên bố xoá bỏ chính quyền tay sai, thành lập Ủy ban Dân tộc Giải phóng. Đây là xã đầu tiên trong tỉnh Thái Nguyên giành được chính quyền về tay nhân dân.

Hoảng sợ trước sự nổi dậy của nhân dân, đêm 14/3, chính quyền tay sai của Nhật đưa lính về khủng bố phong trào cách mạng ở Kha Sơn Hạ, nhưng chúng đã bị lực lượng tự vệ chặn đánh quyết liệt, buộc phải tháo chạy.

Trên đà thắng lợi, Chi bộ Kha Sơn Hạ tích cực hỗ trợ Kha Sơn Thượng, Mai Sơn phát động quần chúng đồng loạt nổi dậy giành chính quyền thắng lợi trong ngày 15/3. Tiếp đó, nhân dân các xã:

Đức Liên, Vạn Thắng(1), Bảo Lý, Thượng Đình... cũng lần lượt nổi dậy đập tan chính quyền tay sai phát xít, thành lập chính quyền cách mạng vào cuối tháng 3/1945.

Tình hình ở Phổ Yên sau sự kiện ngày 9/3 có diễn biến bất thường. Sau khi chiếm đóng Thái Nguyên, phát xít Nhật phong toả và bảo vệ nghiêm ngặt tuyến Quốc lộ số 3 từ Đa Phúc tới thị xã Thái Nguyên - một con đường huyết mạch nối giữa Bộ Tư lệnh quân Nhật ở Hà Nội với đạo quân ở Thái Nguyên, khống chế cửa ngõ phía nam Căn cứ địa Việt Bắc. Đạo quân này còn có nhiệm vụ quan trọng là từng bước lấn sâu vào Căn cứ địa Việt Bắc phá hoại phong trào cách mạng của nhân dân.

Về phía cách mạng, ngay từ cuối năm 1944, Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ đã đề ra nhiều chủ trương quan trọng, trong đó có việc tăng cường cán bộ về củng cố cơ sở ở Phổ Yên và Đại Từ; xây dựng và bảo vệ tuyến giao thông liên lạc từ ATK1, men theo sườn phía đông dãy núi Tam Đảo nối với ATK2.

Chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng, cán bộ cách mạng ở Phổ Yên đẩy mạnh hoạt động gây dựng cơ sở, khôn khéo và bí mật làm tê liệt bộ máy tay sai của Nhật ở các làng xã. Trong một thời gian ngắn, cán bộ cách mạng đã xây dựng được nhiều tổ chức Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh, tổ tự vệ chiến đấu ở các làng xã Sơn Cốt, Đắc Hiền (nay là xã Đắc Sơn), các làng ở tổng Thượng Vụ (nay thuộc xã Thành Công), xã Cải Đan và các làng ở tổng Thống Thượng (nay là 2 xã: Phúc Thuận, Minh Đức), v.v... Được nhân dân ủng hộ, che chở, lực lượng cách mạng đã xây dựng và bảo vệ an toàn tuyến giao liên từ tháng 4/1945 đến ngày Tổng khởi nghĩa thành công.

(1) Năm 1953, xã Đức Liên được chia thành 4 xã: Dương Thành, Thanh Ninh, Lương Phú và Tân Đức; xã Vạn Thắng được chia thành 4 xã: Tân Kim, Tân Khánh, Thắng Lợi và Đồng Liên.

Lợi dụng khi bộ máy chính quyền tay sai của Nhật ở các xã khu vực Nam Đại Từ và Tây Bắc Phổ Yên đã bị vô hiệu hoá, nhưng chính quyền cách mạng chưa kịp thành lập, một số phần tử du thủ du thực đứng ra chiêu tập những đối tượng lưu manh, đầu trộm đuôi cướp tổ chức ra đội quân mang tên "Đồng minh", gồm hơn 40 tên, trang bị súng kíp, giáo mác và một số súng trường, tiến hành các hoạt động cướp của, giết người, tống tiền, hãm hiếp phụ nữ... Vì vậy, nhân dân trong vùng thường gọi chúng là "Đồng minh" giả.

Trước tình hình trên, để bảo vệ nhân dân, bảo vệ an toàn tuyến giao liên quan trọng của Trung ương, Ban Lãnh đạo Phân khu B giao cho Trung đội Phạm Hồng Thái(1) đang hoạt động ở các xã khu vực phía Nam huyện Đại Từ tiêu diệt đội quân "Đồng minh" giả.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, giữa tháng 6/1945, một tiểu đội Giải phóng quân do Trung đội phó Thạch Sơn chỉ huy cùng tự vệ các xã: Phúc Thuận, Cải Đan (Phổ Yên) và Bá Sơn (Đồng Hỷ) phối hợp tiêu diệt đội quân này ngay tại sào huyệt của chúng ở Phúc Thuận. Sau khi "Đồng minh" giả bị tiêu diệt, an ninh trật tự của khu vực được lập lại, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động cách mạng trong vùng.

Tại huyện Đồng Hỷ, được sự chỉ đạo trực tiếp của Xứ ủy, đến cuối tháng 3/1945, tất cả các xã khu vực Tây Nam huyện: Bá Xuyên, Tân Cương, Bá Vân, Niệm Quang... đều có Ban Chấp hành Việt Minh xã, các hội Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân Cứu quốc được thành lập và hoạt động rất hăng hái.

---

(1) Trung đội Phạm Hồng Thái - tiền thân là Đội du kích Cao Sơn được thành lập đầu tháng 4/1945, tại xóm Đồng Gốc, làng Cát Nê (nay là xã Cát Nê), huyện Đại Từ. Cán bộ, chiến sĩ của Đội khi mới thành lập là những thanh niên Cứu quốc trung kiên hoạt động ở Quân Chu, Cát Nê, Ký Phú (Đại Từ). Những người trong Đội đều mang tên kép có từ *Sơn* phía sau, như: *Thạch Sơn*, *Trường Sơn*, *Thái Sơn*, *Hồng Sơn*, *Ngân Sơn*, *Kim Sơn*,... đồng chí Trường Sơn là Đội trưởng, đồng chí Thạch Sơn là Đội phó. Sau ngày 15/5/1945, *Đội đổi tên thành Trung đội Quân Giải phóng.*

Từ cuối tháng 4/1945, tại các xã miền núi vùng Đông Bắc huyện Đồng Hỷ, được sự giúp đỡ của Cứu quốc quân, cùng với việc thành lập chính quyền cách mạng ở các xã: Minh Lập, Hoá Trung..., chính quyền cách mạng các xã: Bảo Nang (nay là Cây Thị), Vân Hán, Khe Mo được kiện toàn thêm một bước và đẩy mạnh hoạt động...

Nhìn chung, phong trào cách mạng của Đồng Hỷ đến tháng 5/1945 đã thực sự trở thành cao trào. Tuy vậy, sự chỉ đạo phong trào của huyện vẫn chưa thống nhất. Các xã ở khu vực Hữu ngạn sông Cầu do cán bộ Xứ ủy chỉ đạo, các xã bên Tả ngạn sông Cầu do Cứu quốc quân phụ trách. Để thống nhất sự lãnh đạo phong trào cách mạng trong huyện, đầu tháng 7/1945, Xứ ủy Bắc Kỳ và Ban Lãnh đạo Khu Giải phóng quyết định thành lập Ban Cán sự Đảng và Ủy ban Dân tộc Giải phóng huyện Đồng Hỷ.

Sự ra đời của Ban Cán sự Đảng và Ủy ban Dân tộc Giải phóng huyện mở ra một bước ngoặt quan trọng cho nhân dân các dân tộc Đồng Hỷ trên con đường cùng toàn dân vùng dậy xoá bỏ ách thống trị của phát xít Nhật và tay sai, giành lại độc lập dân tộc.

Tại huyện Phú Lương, sau khi vào chiếm đóng thị xã Thái Nguyên, phát xít Nhật cho quân lên chốt ở Giang Tiên, Phấn Mễ, Đu, đồn điền Na để bảo vệ tuyến Quốc lộ 3 và các mỏ than ở đây. Ngoài ra, chúng còn thành lập những đội quân thường xuyên tuần tiễu trên đường từ thị xã lên Cây số 31. Ngày 10/3/1945, nhân cơ hội quân Nhật vừa mới vào thị xã, chưa kịp kiểm soát tình hình, cán bộ cách mạng vận động viên cai ngục mở cửa nhà tù. Một số chiến sĩ cách mạng bị giam giữ ở đây nhanh chóng trở về địa phương lãnh đạo phong trào; trong đó, có một số đồng chí về Phú Lương nắm quần chúng, phát động nhân dân đấu tranh.

Cuối tháng 3/1945, sau khi hoàn thành nhiệm vụ giải phóng Chợ Chu, đơn vị Cứu quốc quân được lệnh cấp tốc hành quân sang hoạt

động ở các xã khu vực phía Bắc và Tây Bắc huyện Phú Lương[1]. Đơn vị được giao nhiệm vụ: Xoá bỏ chính quyền của địch, thành lập chính quyền cách mạng ở các xã, trước hết là các xã ven Quốc lộ 3; xây dựng các đơn vị tự vệ chiến đấu, lập phương án đánh Nhật trên đường Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn) và Thái Nguyên - Chợ Chu; vận động nhân dân ủng hộ thóc gạo làm quỹ binh lương, tích trữ lương thực vùng quanh Núi Chúa để nuôi quân, đánh Nhật; mở đường liên lạc sang Võ Nhai, Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang).

Được sự phối hợp tích cực của cán bộ cơ sở và được nhân dân ủng hộ, phong trào cách mạng ở Phú Lương bùng phát mạnh mẽ, lan khắp các xã trong huyện. Ngày 5/4/1945, tại cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở sân đình Khau Chỉa (xã Ôn Lương), đại diện Cứu quốc quân tuyên bố xoá bỏ chính quyền tay sai của phát xít Nhật, thành lập chính quyền cách mạng xã Ôn Lương. Đây là chính quyền cách mạng cấp xã đầu tiên của huyện Phú Lương được thành lập. Sự kiện quan trọng này mở ra bước ngoặt lớn trong cao trào khởi nghĩa giành chính quyền bộ phận ở huyện Phú Lương. Như vết dầu loang, những ngày sau đó, nhân dân tất cả các xã khu vực phía Bắc huyện đã lần lượt lật đổ chính quyền tay sai, thiết lập chính quyền cách mạng. Cao trào cách mạng tràn xuống các xã khu vực phía Nam, nhân dân và tự vệ các xã: Động Đạt, Cổ Lũng, Phấn Mễ, Tức Tranh, Sơn Cẩm..., được sự giúp đỡ của Cứu quốc quân, nổi dậy trừng trị Việt gian, phản động; bắt Chánh tổng, Lí trưởng nộp sổ sách, bằng triện đem tiêu hủy; cử ra Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời, chấm dứt thời kì nô lệ, chuẩn bị cùng nhân dân các dân tộc trong tỉnh tham gia giải phóng thị xã Thái Nguyên.

Những ngày từ giữa tháng 3 đến cuối tháng 4/1945, phong trào nổi dậy của quần chúng đã trở thành cao trào khởi nghĩa giành

(1) Trong đơn vị Cứu quốc quân về Phú Lương có các đồng chí: Nguyễn Văn Rạng, Phương Cương, Phan Văn Đắc, Lê Đình Nhậm, Kim Anh.

chính quyền từng phần ở trong tỉnh và thu được thắng lợi. Toàn bộ vùng nông thôn trong tỉnh được giải phóng, chính quyền cách mạng được thành lập ở hầu hết các xã, có lực lượng vũ trang, có đoàn thể Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Bộ máy thống trị do phát xít Nhật dựng lên chỉ còn ở cấp châu, huyện và tỉnh nhưng không còn tác dụng.

Dưới chiêu bài "Đồng văn, đồng chủng", "*Khối thịnh vượng chung châu Á*", "*Trả lại độc lập cho nhân dân Việt Nam*", nhưng trên thực tế phát xít Nhật chống lại sự nghiệp giải phóng dân tộc, đàn áp dã man cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam. Đến thị xã Thái Nguyên, chúng dung dưỡng những đảng viên Quốc dân đảng, Đại Việt… đứng ra gây rối chính trị, vu cáo cách mạng, lừa bịp nhân dân.

Các tổ chức đảng trong tỉnh và những đồng chí hoạt động bí mật trong thị xã đã kịch liệt vạch trần những thủ đoạn lừa bịp của phát xít Nhật, những luận điệu khiêu khích và phá hoại của bọn thân Nhật, trừng trị thích đáng những kẻ tay sai đắc lực.

Sau khi tạm thời ổn định bộ máy tay sai ở thị xã, củng cố lực lượng, Bộ Chỉ huy quân Nhật ở Thái Nguyên đưa quân đánh chiếm các huyện lị trong tỉnh. Ngày 5/4/1945, chúng chiếm đóng huyện lị Đại Từ, Chợ Chu; ngày 9/5 chiếm La Hiên (Võ Nhai), Phương Độ (Phú Bình). Từ thị xã và các huyện lị, quân Nhật đột nhập sâu vào các làng, xã. Với quyết tâm tiêu diệt quân xâm lược, lực lượng vũ trang cách mạng đã liên tục chặn đánh, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Nhân dân Thái Nguyên triệt để thực hiện "*Vườn không nhà trống*", cùng Cứu quốc quân bao vây kinh tế, phá hoại giao thông, làm cho quân Nhật gặp nhiều khó khăn chồng chất.

Cao trào chống Nhật, cứu nước phát triển ngày càng mạnh mẽ và rộng khắp. "*Tình thế đã đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các*

nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này"[1]. Ngày 15/4/1945, Ban Thường vụ Trung ương triệu tập Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ, do Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì. Hội nghị quyết định phát triển mạnh mẽ lực lượng vũ trang cách mạng, thống nhất lực lượng vũ trang thoát li thành Việt Nam Giải phóng quân (gọi tắt là Quân Giải phóng); thành lập 7 chiến khu trong cả nước[2].

Chấp hành Nghị quyết Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ, ngày 15/5/1945, tại đình làng Quặng, tổng Định Biên Thượng (nay là xã Định Biên) châu (nay là huyện) Định Hóa, đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và đội Cứu quốc quân, đại diện cho các lực lượng vũ trang của cả nước tổ chức Lễ thống nhất thành Việt Nam Giải phóng quân, do đồng chí Võ Nguyên Giáp giữ chức Chỉ huy trưởng, đồng chí Trần Đăng Ninh là Chỉ huy phó, đồng chí Chu Văn Tấn là Chính trị ủy viên. Buổi lễ có đông đảo cán bộ, chiến sĩ 2 đội và nhân dân các dân tộc Định Hoá tham dự, hết sức phấn khởi thấy lực lượng vũ trang cách mạng đã phát triển, ngày một lớn mạnh. Bộ đội chủ lực Việt Nam Giải phóng quân lên tới 13 đại đội.

Sau Lễ thống nhất, đồng chí Võ Nguyên Giáp và Chu Văn Tấn tổ chức lực lượng đi đón và bảo vệ lãnh tụ Hồ Chí Minh từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn về Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang). Ngày 17/5/1945, đồng chí Võ Nguyên Giáp gặp Bác ở Nà Kiến (xã Nghĩa Tá, huyện Chợ Đồn, Bắc Kạn). Sau khi nghe đồng chí Võ Nguyên Giáp báo cáo tình hình chung và kết quả Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ, Người chỉ thị: Vùng giải phóng miền núi Bắc Bộ, địa thế nối liền nhau, thì thành lập một khu căn cứ kháng Nhật kiểu mẫu, lấy tên là Khu Giải phóng, không nên chia thành nhiều khu như vậy.

---

(1) *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 7 (1940 - 1945)... Sđd, tr. 391.

(2) 7 chiến khu gồm: Chiến khu Lê Lợi, Chiến khu Hoàng Hoa Thám, Chiến khu Quang Trung, Chiến khu Trần Hưng Đạo (Bắc Kỳ), Chiến khu Trưng Trắc, Chiến khu Phan Đình Phùng (Trung Kỳ), Chiến khu Nguyễn Tri Phương (Nam Kỳ).

Thực hiện chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, ngày 4/6/1945, Tổng bộ Việt Minh đã triệu tập Hội nghị Cán bộ các tỉnh trong vùng Việt Bắc, tuyên bố chính thức thành lập Khu Giải phóng gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang, đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy ban Chỉ huy lâm thời Khu Giải phóng, do lãnh tụ Hồ Chí Minh đứng đầu. Mười chính sách lớn của Việt Minh(1) được thực hiện trong Khu Giải phóng.

Các tổ chức đảng, Mặt trận Việt Minh các cấp trong tỉnh đã động viên nhân dân ra sức xây dựng Khu Giải phóng. Nhiều công tác lớn được tiến hành, như bầu cử chính quyền cách mạng, phát động phong trào tăng gia sản xuất; thanh toán nạn mù chữ, thực hiện đời sống mới; các dân tộc bình đẳng, đoàn kết; nam nữ bình quyền. Một số nơi có phong trào mạnh, như Định Hoá, Võ Nhai, Đại Từ, Phú Bình... đã tiến hành chia lại ruộng công, vận động giảm tô, giảm tức, hoãn nợ.... Những chính sách của Khu Giải phóng có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ quân và dân ta trong cao trào kháng Nhật, cứu nước, góp phần tạo thời cơ Tổng khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi.

Trước thanh thế của cách mạng ngày càng lên cao và sau những trận đánh bằng những đơn vị nhỏ không có hiệu quả, lại bị thiệt hại, trung tuần tháng 5/1945, phát xít Nhật tổ chức một cuộc tấn công

(1) Mười chính sách lớn của Việt Minh: 1- Giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trên nền tảng hoàn toàn độc lập; 2- Võ trang nhân dân. Phát triển Quân Giải phóng Việt Nam; 3- Tịch thu tài sản của giặc nước và của Việt gian, tuỳ từng trường hợp sung công làm của Quốc gia hay chia cho dân nghèo; 4- Bỏ các thứ thuế do Pháp, Nhật đặt ra; đặt một thứ thuế công bằng và nhẹ; 5- Ban bố những quyền của dân cho dân: Nhân quyền; tài quyền (quyền sở hữu). Dân quyền: Quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do dân chủ, dân tộc bình quyền, nam nữ bình quyền; 6- Chia lại ruộng đất công cho công bằng, giảm địa tô, giảm lợi tức, hoãn nợ, cứu tế nạn dân; 7- Ban bố Luật Lao động: Ngày làm 8 giờ, định lương tối thiểu, đặt xã hội bảo hiểm; 8- Xây dựng nền kinh tế quốc dân, phát triển nông nghiệp. Mở Quốc gia ngân hàng; 9- Xây dựng nền quốc dân giáo dục; chống nạn mù chữ, phổ thông và cưỡng bách giáo dục đến bậc sơ cấp. Kiến thiết nền văn hóa mới; 10- Thân thiện và giao hảo với tất cả các nước đồng minh và các nước nhược tiểu dân tộc để giành lấy sự đồng tình và ủng hộ của họ (Xem: *Văn kiện Đảng Toàn tập. Tập 7*... Sđd, tr. 559, 560).

quy mô lớn vào 2 huyện: Đại Từ, Định Hoá, nhằm triệt phá căn cứ Núi Hồng. Từ thị xã Thái Nguyên, phát xít Nhật huy động hơn 1.000 quân, chia làm 2 cánh quân. Một cánh tiến lên Đại Từ, đánh theo dọc sườn phía tây Núi Hồng. Một cánh tiến lên Định Hoá, đánh dọc theo sườn phía đông Núi Hồng. Tất cả các mũi tấn công của quân Nhật đều bị Quân Giải phóng và lực lượng vũ trang địa phương chặn đánh quyết liệt, gây cho chúng nhiều thiệt hại nặng nề.

Trong tháng 5 và tháng 6/1945, Giải phóng quân và tự vệ còn đánh phục kích, tập kích quân Nhật ở Chợ Chu (Định Hoá), Sa Lung, Linh Sơn (Võ Nhai) diệt và làm bị thương nhiều tên, buộc chúng phải rút về các huyện lị.

Tại khu vực phía Nam tỉnh, ngày 3/6/1945, được sự giúp đỡ của Quân Giải phóng, lực lượng tự vệ Phú Bình, Phổ Yên và Hiệp Hoà (Bắc Giang) đánh đồn Chã (Phổ Yên). Tất cả lính bảo an ở đây được cán bộ cách mạng tuyên truyền giác ngộ, đã hạ vũ khí đầu hàng. Tên chỉ huy ngoan cố chống cự bị lực lượng tự vệ trừng trị, thu 40 súng, giành lại cho nhân dân nhiều tài sản bị chúng cướp trong những cuộc càn quét trước đó. Tại Phú Bình, ngày 24/6/1945, lực lượng tự vệ phá kho thóc Cầu Mây đem khoảng 300 tấn thóc chia cho dân cứu đói. Ngày 25/6, lực lượng vũ trang cách mạng phục kích tại kè Đức Lân, thu 5 xà lan chở đầy hàng hoá của Nhật, bắt gọn toàn bộ lính áp tải hàng.

Cùng ngày 25/6, tự vệ Phú Lương phục kích bắt tên chỉ huy đồn Phấn Mễ. Thể theo nguyện vọng của nhân dân, chính quyền cách mạng đã thành lập Toà án đặc biệt, mở phiên toà xét xử tên tay sai đắc lực này của Nhật. Phiên toà gây tiếng vang lớn. Quần chúng phấn khởi. Chính quyền tay sai Nhật càng hoang mang. Tên Huyện trưởng bỏ nhiệm sở, chạy trốn. Chính quyền tay sai của Nhật ở Phú Lương tan rã. Quân Nhật lúc này co cụm lại trong các đồn Giang Tiên, Phấn Mễ, đồn điền Na.

Sang tháng 7/1945, cao trào kháng Nhật, cứu nước ở tỉnh Thái Nguyên phát triển tới đỉnh cao. Lực lượng vũ trang cách mạng được xây dựng ở hầu khắp các huyện, xã. Hoạt động du kích diễn ra ở khắp các nơi, nhất là trên các trục đường giao thông. Tự vệ Phổ Yên phục kích ở Thanh Xuyên chặn đánh đoàn xe quân sự chở đầy lính Nhật, bắt sống 2 tên, số còn lại quay đầu tháo chạy. Tự vệ Đại Từ phá kho thóc ở Tràng Dương và Tràng Lang (Vạn Thọ) đem chia cho dân. Ngày 18/7/1945, tự vệ Định Hóa dũng cảm đột kích vào thị trấn Chợ Chu, đốt doanh trại Nhật. Trong thế bị bao vây, cô lập, đường giao thông liên lạc với thị xã Thái Nguyên thường xuyên bị phục kích; thiếu thốn lương thực, thuốc men, đạn dược; lại bị lực lượng vũ trang cách mạng liên tục quấy rối, uy hiếp, ngày 8/8/1945, quân Nhật buộc phải bỏ cứ điểm Chợ Chu tháo chạy. Định Hoá hoàn toàn giải phóng.

Giữa lúc cao trào kháng Nhật, cứu nước của nhân dân Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ, Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc bằng sự thắng lợi của Hồng quân Liên Xô và phe Đồng minh. Sau khi tiêu diệt phát xít Đức ở Mặt trận châu Âu, từ ngày 8/8/1945, Liên Xô tuyên chiến với phát xít Nhật. Chỉ trong một tuần lễ, Hồng quân Liên Xô đã tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn đạo quân Quan Đông của Nhật gồm trên 1 triệu tên, buộc Chính phủ Nhật phải tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Sự kiện trên làm cho quân đội Nhật ở Đông Dương và Chính phủ bù nhìn tay sai Trần Trọng Kim hoang mang, dao động cực điểm. Thời cơ ngàn năm có một cho nhân dân Việt Nam nổi dậy Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước đã chín muồi.

Rất nhạy bén với tình hình, không bỏ lỡ thời cơ, ngay trong đêm 13/8/1945, Ủy ban Khởi nghĩa ra bản *Quân lệnh số 1*, kêu gọi đồng bào cả nước "*… hãy đem hết tâm lực ủng hộ đạo Quân giải phóng,*

sung vào bộ đội, xông ra mặt trận đánh đuổi quân thù"[1(1)]. Trong 2 ngày (14 - 15/8/1945), Hội nghị toàn quốc của Đảng được tổ chức tại Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang)…

Ngay sau khi kết thúc Hội nghị toàn quốc của Đảng, Đại hội Quốc dân do Tổng bộ Việt Minh triệu tập, được khai mạc tại Tân Trào vào ngày 16/8/1945. Hơn 60 đại biểu khắp 3 miền: Bắc, Trung, Nam, kiều bào ta ở nước ngoài, các đảng phái, đoàn thể nhân dân, các dân tộc, tôn giáo về dự Đại hội. Đại hội nhiệt liệt tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh; quyết định thành lập Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam, do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch…

14 giờ 30 ngày 16/8/1945, từ Tân Trào, một đơn vị Giải phóng quân, trong đó có một bộ phận bộ đội Việt - Mĩ, do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên. Trong những ngày này, các châu, huyện trên địa bàn tỉnh cũng được lệnh của Ủy ban Khởi nghĩa đưa lực lượng của địa phương phối hợp với Quân Giải phóng đánh Nhật, giải phóng thị xã Thái Nguyên.

Thị xã Thái Nguyên là một đô thị lớn có nhiều đồn trại, nhà ở kiên cố và có vị trí chiến lược quan trọng bậc nhất so với các tỉnh trong Khu Giải phóng. Quân Nhật đã biến thị xã Thái Nguyên thành cứ điểm mạnh, án ngữ cửa ngõ phía Nam Khu Giải phóng, ngăn làn sóng cách mạng từ Việt Bắc tràn xuống trung châu. Lúc này, trong thị xã có 120 lính Nhật do tên quan Tư chỉ huy; trong số đó, có từ 60 đến 70 lính đóng tại Trại lính khố xanh cũ và dinh Công sứ Pháp trên đồi cao, có công sự kiên cố. Số còn lại đóng ở các điểm lẻ trong những ngôi nhà gạch lớn, được xây dựng kiên cố, như nhà Gôchiê, Ty Liêm phóng, kho gạo và đồn điền Gia Sàng. Ngoài lính Nhật, còn có khoảng 400 lính bảo an, hơn 100 lính cơ đóng ở Trại lính Tây cũ, bảo vệ dinh Tỉnh trưởng, Huyện trưởng Đồng Hỷ.

(1) *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 7… Sđd, tr. 421.

13 giờ ngày 19/8/1945, lực lượng Quân Giải phóng gồm 450 cán bộ, chiến sĩ được biên chế thành một chi đội do đồng chí Lâm Cẩm Như (tức Lâm Kính) làm Chi đội trưởng, đã có mặt đông đủ ở làng Thịnh Đán (nay là phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên). Khoảng 14 giờ cùng ngày, một cuộc mít tinh lớn gồm hàng ngàn người tham dự, được tổ chức tại sân vận động thị xã; sau đó biến thành cuộc biểu dương lực lượng, đi đầu là Đội Võ trang tuyên truyền. Đồng bào vừa đi vừa hô khẩu hiệu "Đả đảo phát xít Nhật", "Đả đảo bọn bù nhìn tay sai", "*Ủng hộ Việt Minh*". Với khí thế cách mạng sục sôi, đoàn biểu tình rầm rộ kéo qua các phố, lôi cuốn cả một số trí thức, quan lại tham gia. Quân Nhật trong thị xã án binh bất động.

Ngay sau khi kết thúc cuộc biểu dương lực lượng, đội tự vệ trừ gian thị xã lùng bắt gần 40 tên tay sai thân Nhật và xử bắn tên vệ sĩ của Cung Đình Vận. Các đoàn thể quần chúng, nhất là Hội Phụ nữ Cứu quốc, Hội Thanh niên Cứu quốc tích cực chuẩn bị cơ sở hậu cần đón Quân Giải phóng.

Cũng trong ngày 19/8/1945, lực lượng tự vệ Phú Bình cùng với Tiểu đội tự vệ tổng Xuân Kiều có sự phối hợp của tự vệ Cam Giá, Tích Mễ đánh chiếm đồn điền Gia Sàng, trừng trị tên Bécna Ngọc - tay sai của Nhật, chốt giữ cửa ngõ Đông Nam huyện Đồng Hỷ, cắt đứt con đường liên lạc của Nhật từ Thái Nguyên đi Hà Nội.

Tối 19/8/1945, Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng triệu tập một cuộc họp với cán bộ lãnh đạo tỉnh để thống nhất lực lượng và hoạt động chung: *Khởi nghĩa giải phóng thị xã Thái Nguyên*. Tỉnh ủy lâm thời Thái Nguyên cũng được thành lập gồm các đồng chí: Ngô Nhị Quý, Lê Trung Đình, Hoàng Thế Thiện, Đào An Thái, Nguyễn Thị Tâm. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Bộ Chỉ huy bàn xong kế hoạch tác chiến. Đến 24 giờ, bộ đội được lệnh xuất quân chiếm lĩnh vị trí chiến đấu.

Khoảng 4 giờ 30 ngày 20/8, các trận địa bố trí xong và sẵn sàng chiến đấu. Sở Chỉ huy chiến đấu đặt tại đình Hàng Phố.

5 giờ 30 phút ngày 20/8/1945, Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng gửi tối hậu thư cho Tỉnh trưởng Bùi Huy Lượng. Tiếp được tối hậu thư, Bùi Huy Lượng chần chừ không trả lời. Trung đội trưởng Lương Thịnh dẫn đầu 1 trung đội Giải phóng quân tấn công vào dinh Tỉnh trưởng do 1 trung đội lính bảo an bảo vệ. Quân Giải phóng bắt Tỉnh trưởng Bùi Huy Lượng, chỉ huy lính bảo an là Quản Khiêm và toàn bộ trung đội bảo vệ dinh Tỉnh trưởng; buộc Bùi Huy Lượng phải trao chính quyền cho Ủy ban Khởi nghĩa; đồng thời buộc Quản Khiêm ra lệnh cho tất cả binh lính đầu hàng, nộp toàn bộ vũ khí cho Quân Giải phóng. Chiều 20/8/1945, hơn 400 lính bảo an tập hợp nghe Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng giải thích đường lối cứu nước và chính sách khoan hồng của Ủy ban Giải phóng Dân tộc Việt Nam. Hơn 60 anh em binh sĩ tự nguyện tham gia Quân Giải phóng, đánh địch (trong số này có 7 người đã anh dũng hi sinh khi tiến công vào đồn Nhật). Phần lớn số còn lại xin về quê được cấp tiền ăn và giấy đi đường. Anh em rất cảm kích tấm lòng bao dung của cách mạng. Số vũ khí thu được chuyển về phía Nam thị xã trang bị ngay cho tân binh tuyển từ Bắc Giang lên để thành lập chi đội mới.

Giải quyết xong Trại bảo an binh, Quân Giải phóng tập trung lực lượng tiến công quân Nhật trong Trại lính khố xanh. Đúng 7 giờ 30 phút, các cỡ súng của Quân Giải phóng nhất loạt nã đạn vào cứ điểm của Nhật. Nhiều lính Nhật trong trại phải đền tội. Sau 30 phút nổ súng quyết liệt, theo yêu cầu của Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng, Nhật cử đại diện ra gặp để thương lượng. Cuộc đàm phán kéo dài hơn 1 giờ đồng hồ. Phía Nhật viện cớ là phải nộp vũ khí cho quân Đồng minh, không nộp cho Việt Minh. Thực chất là chúng muốn kéo dài thời gian để chờ viện binh từ Hà Nội lên. Bộ Chỉ huy Quân

Giải phóng đặt điều kiện cho phía Nhật: Nếu đến 14 giờ không trả lời thì sẽ nổ súng. Để bảo đảm an toàn, Sở Chỉ huy Quân Giải phóng chuyển từ đình Hàng Phố về Nhà Đèn thị xã. Đúng 14 giờ, quân Nhật không chấp hành tối hậu thư; Quân Giải phóng nổ súng, tiêu diệt 3 ổ đề kháng của địch ở Ty Liêm phóng, kho gạo và nhà Gôchiê, diệt nhiều tên, thu toàn bộ vũ khí. Quân Nhật hoàn toàn bị vây hãm trong trại.

Chiều 20/8/1945, tại cuộc mít tinh được tổ chức ở sân vận động thị xã, đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc tuyên bố bãi bỏ chính quyền của Nhật và tay sai, thành lập Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên, do đồng chí Lê Trung Đình làm Chủ tịch.

Tối 22/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Tân Trào về đến thị xã Thái Nguyên. Mặc dù còn yếu vì mới qua cơn sốt nặng, nhưng ngay tối hôm đó, Người gặp các đồng chí lãnh đạo tỉnh để nghe báo cáo tình hình và căn dặn những việc cần làm của chính quyền cách mạng còn non trẻ.

Sau khi chính quyền tỉnh được thành lập, Quân Giải phóng tiếp tục bao vây quân Nhật. Các đoàn thể Cứu quốc thị xã vừa mới được tổ chức, bắt tay ngay vào hoạt động; chị em phụ nữ lo tiếp tế cơm nước cho Quân Giải phóng; thanh niên, công nhân nhà máy điện, học sinh, viên chức và nhân dân ngả cây to, khiêng bàn tủ, lật xe bò, xe ngựa xuống đường làm chướng ngại vật cản giặc; các em thiếu niên kiên cường vừa sát cánh với cha, anh đánh địch, vừa đảm nhiệm xuất sắc công tác thông tin liên lạc. Gương dũng cảm chiến đấu, hi sinh của các em đã góp phần cổ vũ quân và dân thị xã xông lên diệt địch. Sau ngày giải phóng, 5 thiếu niên đã được Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh khen ngợi. Nhân dân thị xã quý mến tặng các em danh hiệu *5 tiểu anh hùng*.

Bị quân và dân thị xã siết chặt vòng vây, quân Nhật không có lương ăn và thiếu nước uống nghiêm trọng. Quân Giải phóng vừa tiến công vừa làm công tác địch vận. Bị vây hãm chặt, ngày 24/8, phía Nhật đề nghị gặp đại diện Quân Giải phóng và chịu nhận một số điều kiện: Giao nộp vũ khí ở các đồn lẻ Hùng Sơn (Đại Từ), Phấn Mễ, Giang Tiên (Phú Lương), Đá Gân, Phương Độ (Phú Bình), La Hiên (Võ Nhai) cho Quân Giải phóng. Riêng số vũ khí của lính ở thị xã, chúng xin lùi lại một thời gian để xin lệnh cấp trên, chịu "án binh bất động" không can thiệp vào công việc nội bộ của nhân dân Việt Nam. Được Bộ Chỉ huy Quân giải phóng chấp thuận, ngay sau đó, tên sĩ quan Nhật đưa đoàn cán bộ cách mạng, do đồng chí Lê Trung Đình phụ trách, đến các đồn lẻ tiếp nhận vũ khí của chúng, còn binh lính đưa về tập trung tại thị xã. Quân Nhật vẫn bị bao vây trong Trại lính khố xanh, song chúng đã được nhân dân thị xã Thái Nguyên tiếp tế cho lương ăn, nước uống.

Ngày 25/8/1945, phái viên của Bộ Tư lệnh Nhật cùng phái viên Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc từ Hà Nội lên Thái Nguyên để giải quyết, tiếp nhận sự đầu hàng của quân Nhật. Ngày 26/8/1945, sau khi nộp lại toàn bộ vũ khí cho Quân Giải phóng, quân Nhật rút về Hà Nội(1). Tỉnh Thái Nguyên hoàn toàn được giải phóng.

Ngày 28/8/1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở sân vận động thị xã; Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh chính thức làm lễ ra mắt trước sự chứng kiến của hàng vạn dân chúng từ các huyện trong tỉnh về dự. Trong niềm vui chiến thắng, mọi người hô vang các khẩu hiệu, thể hiện ý chí quyết tâm bảo vệ chính quyền, bảo vệ thành quả cách mạng.

Cùng thời gian trên, cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước kết thúc thắng lợi. Ngày 2/9/1945, tại cuộc mít tinh

(1) Dẫn theo: *Những ngày đầu giữ chính quyền*. Hồi kí của đồng chí Ma Đình Tương - nguyên Phó Chủ tịch tỉnh Thái Nguyên.

được tổ chức ở Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh - thay mặt Chính phủ lâm thời, đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, chính thức tuyên bố trước toàn thể quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

Cách mạng Tháng Tám thành công đã đưa dân tộc Việt Nam bước vào kỉ nguyên mới: Kỉ nguyên độc lập, tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ, trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Nước Việt Nam từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, trở thành một nước độc lập, có chủ quyền. Cũng từ đây, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên cùng với nhân dân cả nước bước vào thời kì mới.

Chương II
ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH BẢO VỆ, CỦNG CỐ CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN, CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN (1945 - 1947)

I- Bảo vệ, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân (1945 - 1946)

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, nhân dân Việt Nam bắt tay vào công cuộc xây dựng, bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân. Sự nghiệp đấu tranh giữ vững quyền tự do, độc lập, xây dựng chế độ mới của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước đã có nhiều thay đổi lớn:

Phe xã hội chủ nghĩa đã trở thành một hệ thống thế giới. Liên Xô bước ra khỏi cuộc chiến tranh thế giới thứ hai với uy tín và ảnh hưởng to lớn, ngày càng có vị trí quan trọng trên vũ đài chính trị quốc tế.

Cách mạng giải phóng dân tộc phát triển rộng rãi, làm lay chuyển mạnh mẽ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa đòi tự do, dân chủ, cải thiện đời sống, diễn ra sôi nổi.

Như vậy, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các lực lượng hoà bình, dân tộc, dân chủ trên thế giới tiến công mạnh mẽ vào chủ nghĩa đế quốc và phản cách mạng. Song, các thế lực đế quốc cũng tìm mọi cách để phục hồi, phát triển vai trò của mình, phản kích mạnh mẽ các lực lượng hoà bình, dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Cuộc đấu tranh gay gắt, phức tạp giữa các lực lượng hoà bình, dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội với các nước đế quốc do Mĩ

cầm đầu tác động lớn đến cách mạng Việt Nam. Vừa mới ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã bị chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động liên kết với nhau bao vây, chống phá quyết liệt.

Trước tình hình có nhiều khó khăn, phức tạp, Trung ương Đảng và Chính phủ kịp thời đề ra phương hướng, biện pháp cơ bản về xây dựng chế độ mới nhằm tăng cường tiềm lực cho cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân. Ngày 3/9/1945, tại phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên 6 việc cấp bách cần làm ngay:

- *Một là*, phát động ngay một chiến dịch tăng gia sản xuất để chống đói. Trong khi chờ đợi ngô, khoai và các thứ lương thực phụ khác phải ba, bốn tháng mới có, đề nghị mở một cuộc lạc quyên. Mười ngày một lần, tất cả đồng bào chúng ta nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại và phát cho người nghèo.

- *Hai là*, mở ngay một phong trào chống nạn mù chữ do bọn thực dân đã gây ra đối với đồng bào ta.

- *Ba là*, tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai, gái 18 tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống, v.v...

- *Bốn là*, mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: Cần, Kiệm, Liêm, Chính để bài trừ những thói hư tật xấu do chế độ thực dân để lại.

- *Năm là*, bỏ ngay ba thứ thuế: Thuế thân, thuế chợ, thuế đò; tuyệt đối cấm hút thuốc phiện.

- *Sáu là*, tuyên bố tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết[1].

(1) *Hồ Chí Minh Toàn tập*. Tập 4 (1945 - 1946). Xuất bản lần thứ 2, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, tr. 11.

Sau khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc, theo quyết định của Hội nghị Pôxđam, một số đội quân Đồng minh kéo vào Việt Nam làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật. Từ cuối tháng 8, đầu tháng 9/1945, sau khi tràn qua một số tỉnh biên giới phía Bắc, khoảng 5.000 quân Trung Hoa Dân quốc trong Quân đoàn 93 thuộc Phương diện quân thứ nhất đã vào địa phận tỉnh Thái Nguyên. Chúng chiếm đóng nhiều vị trí quan trọng trong thị xã Thái Nguyên và dọc Quốc lộ 3 từ thị xã đến cầu Đa Phúc. Đi tới đâu, chúng cũng đều cướp bóc, tàn phá, chiếm nhà dân, quán chợ, bắt nhân dân tiêu tiền Quan kim đã mất giá trị. Chúng tập hợp tay chân, thành lập "Nam Dương Hoa kiều hiệp hội" ở nhiều nơi, nhất là những nơi có đồng bào Hoa sinh sống. Chúng xúi giục người Việt gốc Hoa lấy quốc tịch Trung Quốc và không thực hiện nghĩa vụ công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà... Lợi dụng danh nghĩa Đồng minh, quân Trung Hoa Dân quốc đòi chính quyền Việt Nam phải cung cấp lương thực, thực phẩm, phương tiện vận tải, đi lại cho chúng.

Nhân lúc tình hình có nhiều khó khăn, phức tạp, các thế lực phản cách mạng nổi dậy chống phá. Một số tên đặc vụ Tưởng ở thị xã Thái Nguyên (Cóc Lương Sòi, Tô Văn Sầm) nằm vùng từ những năm 40, bắt đầu lộ diện. Một số phần tử phản động lợi dụng đạo Thiên chúa ở xứ Nhã Lộng (Phú Bình) đứng ra tổ chức "Liên đoàn thanh niên chống cộng". Tổ chức "Đại Việt quốc gia liên minh" tích cực hoạt động, lôi kéo quần chúng, giành ảnh hưởng với Việt Minh.

Chúng tổ chức diễn kịch phản tuyên truyền, ngấm ngầm chuẩn bị vũ khí, chờ thời cơ nổi dậy lật đổ chính quyền cách mạng. Ở một số nơi, như Tân Hoà (Phú Bình), Minh Lập (Đồng Hỷ), v.v... các phần tử lưu manh, trộm cắp, thổ phỉ xuất hiện, đe dọa cuộc sống của người dân.

Bên cạnh hoạt động chống phá của kẻ thù, từ sau ngày giành được chính quyền về tay nhân dân, tỉnh Thái Nguyên cũng đứng trước nhiều khó khăn lớn về kinh tế, văn hoá.

Phần lớn ruộng đất (hầu hết là ruộng đất tốt) nằm trong tay giai cấp địa chủ. Tình hình này cùng với hậu quả của những năm chiến tranh và chính sách vơ vét, bóc lột của đế quốc - phát xít Pháp - Nhật làm cho đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh vốn đã cực khổ, lại càng cực khổ hơn. Thêm vào đó, trận lụt lớn xảy ra trong tháng 8/1945 và tiếp theo là hạn hán kéo dài đã dẫn đến tình trạng đồng ruộng phải bỏ hoang. Thương nghiệp ngừng trệ, hàng hoá trên thị trường khan hiếm. Tài chính cạn kiệt: Ngân khố tỉnh chỉ có 20.000 đồng Đông Dương(1). Nạn đói khủng khiếp do Nhật - Pháp gây nên hồi cuối năm 1944 đầu năm 1945 chưa được khắc phục thì nguy cơ một nạn đói mới lại xuất hiện.

Chế độ thực dân - phong kiến còn để lại những hậu quả hết sức tai hại trên lĩnh vực văn hoá - giáo dục: Hơn 90% dân số không biết chữ; các tệ nạn xã hội cùng với các phong tục, tập quán lạc hậu tồn tại rất phổ biến.

Trong khi đó, chính quyền cách mạng mới được thành lập, chưa có nhiều kinh nghiệm quản lí. Lực lượng vũ trang cách mạng còn nhỏ bé, trang bị vũ khí rất thô sơ và thiếu thốn.

Trong thời kì vận động Cách mạng Tháng Tám (1939 - 1945), việc phát triển Đảng chưa mạnh. Sau ngày giành được chính quyền, tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh mới có 40 đồng chí. Mặt khác, do yêu cầu công tác, một số cán bộ, đảng viên có kinh nghiệm lại được cấp trên điều động đi nơi khác. Do vậy, số lượng đảng viên của Thái Nguyên đã mỏng, lại càng mỏng hơn.

(1) Theo: *Lịch sử công an nhân dân Bắc Thái (1945 - 1954)*, xb 1993, tr.32.

Bên cạnh những khó khăn, trở ngại, sau ngày thành lập chính quyền, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên cũng có nhiều thuận lợi rất cơ bản.

Là một trong những địa phương thuộc địa bàn Căn cứ địa và Khu Giải phóng, cán bộ và nhân dân tỉnh Thái Nguyên được rèn luyện trong cao trào cách mạng. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh sớm được hưởng những quyền lợi do cách mạng đem lại, hiểu rõ giá trị cao quý của những quyền lợi ấy và một lòng gắn bó, quyết tâm bảo vệ chính quyền, bảo vệ chế độ mới. Đây là nguồn sức mạnh vô địch, giúp cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh vượt qua mọi khó khăn, đẩy lùi mọi âm mưu và hành động chống phá của kẻ thù.

Trải qua thực tiễn đấu tranh cách mạng do Đảng lãnh đạo, ý thức giác ngộ về quyền lợi dân tộc, về vận mệnh của đất nước được nâng cao trong mỗi người dân. Nhiều cán bộ và quần chúng trung kiên xuất hiện và trở thành những cán bộ nòng cốt cho phong trào ở các địa phương. Đây là những nhân tố rất thuận lợi, giúp cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Trong hoàn cảnh vừa phải lo đối phó với giặc ngoài, thù trong, vừa phải lo giải quyết khó khăn về kinh tế, văn hoá, xã hội, chăm lo đời sống nhân dân, vấn đề xây dựng Đảng trở thành một yêu cầu bức thiết.

Nhằm đáp ứng yêu cầu trên, sau khi quân Nhật rút khỏi thị xã Thái Nguyên (26/8/1945), vào khoảng giữa tháng 9/1945, Hội nghị Cán bộ toàn tỉnh được tổ chức tại Trường Xô (xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương). Hội nghị công bố nghị quyết của Xứ ủy Bắc Kỳ chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, gồm 8 ủy viên, do đồng chí Ngô Nhị Quý giữ chức Bí thư. Hội nghị còn thảo luận và thông qua một số chủ trương, biện pháp đối phó với quân

Trung Hoa Dân quốc; về đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, thành lập các tổ chức cơ sở của Đảng ở những nơi xét thấy đủ điều kiện, tăng cường đảng viên cho các ngành trọng yếu của tỉnh. Hội nghị Trường Xô có ý nghĩa quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng bộ Thái Nguyên. Đây là mốc đánh dấu sự thống nhất lãnh đạo của Đảng bộ trên địa bàn toàn tỉnh.

Ngay sau khi thành lập, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh mở hội nghị và quyết định: Kiện toàn các cơ quan giúp việc Tỉnh ủy, ra sức xây dựng huyện ủy; đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên và thành lập các chi bộ cơ sở.

Vào những tháng đầu sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, "Để phá tan tất cả những điều hiểu lầm ở ngoài nước và ở trong nước có thể trở ngại cho tiền đồ giải phóng của nước nhà, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp ngày 11/11/1945, nghị quyết tự động giải tán Đảng Cộng sản Đông Dương"(1). Việc Đảng tuyên bố tự giải tán thực chất là rút vào hoạt động bí mật, chỉ để lại một bộ phận hoạt động công khai dưới tên gọi *Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương*. Đây là một sách lược khôn khéo của Đảng Cộng sản Đông Dương nhằm làm cho quân Trung Hoa Dân quốc mất mục tiêu chống phá.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, từ tháng 11/1945, Đảng bộ Thái Nguyên tập trung lãnh đạo các cấp bộ đảng chuyển vào hoạt động bí mật. Tại thị xã Thái Nguyên, *Hội Văn hoá Mác xít* được thành lập. Ở các huyện, *Ủy ban Tuyên truyền chủ nghĩa Mác* cũng lần lượt ra đời. Thông qua hoạt động của các tổ chức này, một số tài liệu về chủ nghĩa Mác - Lênin và tờ báo *Sự thật* - cơ quan ngôn luận của *Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương* được phổ biến trong cán bộ, đảng viên và quần chúng. Mặc dù còn có những hạn chế do chưa

(1) *Văn kiện Đảng Toàn tập. Tập 8 (1945 - 1947)*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 19.

có kinh nghiệm và phương tiện tuyên truyền, sự hoạt động của các tổ chức nói trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng Đảng không những về chính trị tư tưởng, mà cả về tổ chức.

Từ cuối năm 1945 đầu năm 1946, cuộc vận động xây dựng Đảng bắt đầu được đẩy mạnh. Những cán bộ và quần chúng trung kiên đã từng tham gia hoạt động trong thời kì đấu tranh giành độc lập đều lần lượt đứng vào đội ngũ của Đảng. Những đảng viên này chính là hạt nhân cho việc xây dựng cơ sở Đảng ở các huyện. Đến tháng 6/1946, ban cán sự Đảng ở các huyện đều chính thức chuyển thành huyện ủy.

Cùng với việc xây dựng cấp ủy ở huyện, Đảng bộ tỉnh chú trọng công tác phát triển đảng viên. Theo kế hoạch của Tỉnh ủy, việc bồi dưỡng đối tượng và kết nạp đảng viên trong năm 1946 được chia làm 4 đợt: Từ tháng 1 đến tháng 3; từ tháng 4 đến tháng 7; từ tháng 8 đến tháng 10; từ tháng 11 đến tháng 12. Mỗi đợt đều tổ chức sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm, nên số lượng đảng viên kết nạp đợt sau đều tăng hơn đợt trước.

Số lượng đảng viên tăng dần đã tạo điều kiện cho việc xây dựng tổ chức Đảng ở cơ sở. Do vậy, liên tiếp trong tháng 9 và tháng 10/1946, Tỉnh ủy Thái Nguyên ra nhiều chỉ thị, nghị quyết quan trọng nhằm tăng cường công tác phát triển đảng viên và thành lập các tổ chức cơ sở của Đảng. Bên cạnh việc củng cố, kiện toàn từng bước cơ quan Tỉnh ủy, huyện ủy, đảng đoàn và các tiểu ban, đến cuối năm 1946, Đảng bộ Thái Nguyên đã thành lập được 28 chi bộ cơ sở (trong đó có 23 chi bộ xã, 2 chi bộ cơ quan và 3 chi bộ xí nghiệp, hầm mỏ). Số lượng đảng viên tăng lên rõ rệt. Không kể số đảng viên trong các lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn, đến cuối năm 1946, riêng các cơ quan, xí nghiệp thuộc tỉnh và các chi bộ nông thôn đã có 728 đảng viên.

Việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ nhận thức về chính trị, về quan điểm giai cấp cho cán bộ, đảng viên được Đảng bộ đặc biệt quan tâm. Chính vì thế, dù còn thiếu cán bộ nghiêm trọng, Đảng bộ vẫn quyết tâm cử nhiều đảng viên đang đảm nhiệm trọng trách ở tỉnh và huyện tham dự các lớp bồi dưỡng dài hạn do Trung ương và Xứ ủy tổ chức. Đồng thời, Đảng bộ cũng mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở. Chương trình huấn luyện, bồi dưỡng bao gồm lí luận sơ giản về chủ nghĩa cộng sản, lịch sử Đảng, lí luận về cách mạng dân chủ mới và tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới... Hàng chục cán bộ, đảng viên, thông qua các lớp huấn luyện, được trang bị thêm những nhận thức mới, thực sự phát huy được vai trò lãnh đạo trong mọi hoạt động ở địa phương.

Công tác xây dựng Đảng tuy được đẩy mạnh, nhưng kết quả vẫn còn nhiều hạn chế. Tổ chức cơ sở đảng chưa được xây dựng đều khắp. Nhiều nơi chưa có chi bộ, tổ Đảng. Trình độ lí luận cũng như trình độ giác ngộ giai cấp trong cán bộ, đảng viên còn thấp... Tuy nhiên, với những kết quả đạt được trong công tác xây dựng Đảng, sức chiến đấu của Đảng bộ tỉnh được nâng lên. Điều này đã giúp cho Đảng bộ có đủ khả năng lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng và bảo vệ chế độ mới.

Quán triệt chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy Thái Nguyên tập trung lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh thực hiện những nhiệm vụ chính trị trước mắt. Ngày 23/12/1945[1], với niềm phấn

(1) Ngày 17/10/1945, Chính phủ lâm thời ra Sắc lệnh số 51/SL, quy định thể lệ cuộc Tổng tuyển cử và ấn định đến ngày 23/12/1945 sẽ mở cuộc Tổng tuyển cử trong cả nước. Nhằm tạo điều kiện cho việc chuẩn bị Tổng tuyển cử chu đáo hơn nữa, ngày 18/12/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Sắc lệnh số 76/SL hoãn cuộc Tổng tuyển cử đến ngày 6/1/1946. Tỉnh Thái Nguyên không nhận được Sắc lệnh số 76/SL, nên vẫn tổ chức bầu cử theo Sắc lệnh số 51/SL.

khởi, tự hào vì được sống trong độc lập tự do, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên hăng hái đi bỏ phiếu, bầu những đại biểu xứng đáng vào cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tỉnh Thái Nguyên có 3 đại biểu (ông Lê Trung Đình - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh, ông Đặng Đức Thái - đại biểu trí thức, ông Nguyễn Trung Thành - đại biểu dân tộc thiểu số) do Mặt trận Việt Minh giới thiệu đã trúng cử vào Quốc hội khóa đầu tiên của nước ta.

Sau cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp đảng bộ, trong tháng 2/1946, nhân dân Thái Nguyên nô nức tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp: Tỉnh và xã.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội và Hội đồng nhân dân đã đập tan âm mưu chia rẽ, phá hoại và lật đổ của các thế lực phản cách mạng; đồng thời có tác dụng nâng cao lòng yêu nước, phát huy ý thức làm chủ trong mọi tầng lớp nhân dân. Ủy ban hành chính các cấp được thành lập thay thế cho Ủy ban nhân dân lâm thời. Các ban chuyên môn của chính quyền dần dần hình thành và đi vào hoạt động tích cực. Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân từ xã đến tỉnh từng bước được củng cố và kiện toàn.

Bên cạnh ủy ban hành chính, thực hiện chủ trương của Trung ương, Ủy ban bảo vệ các cấp trong tỉnh cũng được thành lập. Thành phần ủy ban này gồm có 1 ủy viên Ủy ban hành chính cùng cấp biệt phái, 1 đại diện lực lượng vũ trang và 1 ủy viên Hội đồng nhân dân.

Để tăng cường sức mạnh Nhà nước dân chủ nhân dân, vấn đề mở rộng khối đoàn kết toàn dân trở thành một yêu cầu cấp bách trước mắt. Các tổ chức Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh tiếp tục phát triển, tập hợp thêm nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Bộ máy tổ chức của Mặt trận Việt Minh được củng cố và kiện toàn từ tỉnh xuống đến xã, thôn.

Mặc dù Mặt trận Việt Minh đã được mở rộng, có cơ sở rộng khắp cả nước, nhưng vẫn có một số tầng lớp và cá nhân yêu nước chưa tham gia. Do vậy, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 29/5/1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) chính thức ra đời. Đây là một hình thức rộng rãi của mặt trận dân tộc thống nhất trong thời kì mới. Hội có mục đích đoàn kết tất cả các đảng phái yêu nước và đồng bào yêu nước không đảng phái, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, xu hướng chính trị, chủng tộc để làm cho nước Việt Nam được độc lập, thống nhất, dân chủ, phú cường. Hơn bao giờ hết, "*… bao nhiêu thành kiến giai cấp, bao nhiêu phân tranh đảng phái, bao nhiêu đố kị về tôn giáo và nòi giống phải hất ra khỏi con đường tiến triển của dân tộc Việt Nam. Từ nay quốc dân Việt Nam đã liên hiệp, không phải chỉ liên hiệp ở trong Chính phủ, mà còn liên hiệp ở quảng đại quần chúng nhân dân... Thống nhất dân tộc là một vũ khí sắc bén chống lại kẻ thù dân tộc. Vũ khí ấy, ta phải giữ như một của báu... Lúc này bí quyết của sự thành công ở chỗ tinh thần đoàn kết*"(1).

Tại Thái Nguyên, vào nửa sau năm 1946, Hội Liên Việt được tổ chức. Tham gia Ban lãnh đạo Hội Liên Việt gồm đại biểu trí thức, tư sản dân tộc, tiểu thương, viên chức... Tuy nhiên, trong những năm đầu, tổ chức Hội phát triển chậm. Đến năm 1948, cơ sở của Hội cũng chỉ mới được xây dựng ở một số nơi, chủ yếu là ở thị xã Thái Nguyên và huyện Phú Bình.

Tại thị xã Thái Nguyên, Hội Liên Việt đã kết nạp được 300 hội viên, bao gồm các nhân sĩ, viên chức, tiểu thương... Dù còn có một số hạn chế trong các hình thức hoạt động, Hội Liên Việt có ảnh hưởng lớn đến các tầng lớp nhân dân, cổ vũ mọi tầng lớp xã hội hăng hái đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc.

(1) *Văn kiện Đảng Toàn tập. Tập 8 (1945 - 1947)*… Sđd, tr. 70, 71.

Ở Phú Bình, sau khi thành lập (cuối năm 1946), Hội Liên Việt được đông đảo mọi người yêu nước tham gia, nhất là giáo viên tiểu học, hương sư, viên chức và các nhà phú hào. Hội còn gây được ảnh hưởng trong nhà thờ.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, khoảng cuối tháng 8, đầu tháng 9/1947, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh Thái Nguyên được thành lập, do bà Cát Hanh Long (tức Nguyễn Thị Năm) giữ chức Hội trưởng. Đồng chí Lê Thị Định (tức Nguyễn Thị Hà Châu) - Tỉnh ủy viên, Bí thư Ban Chấp hành Đoàn Phụ nữ Cứu quốc tỉnh, giữ chức Hội phó Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh. Nhằm đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào phụ nữ, Tỉnh ủy quyết định thành lập Đảng đoàn phụ nữ, do đồng chí Lê Thị Định giữ chức Bí thư.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy (15/3/1948) về việc củng cố và phát triển các đoàn thể quần chúng, tại Thái Nguyên, từ tháng 6/1948, đại hội Việt Minh các cấp được tổ chức để bầu lại các ban chấp hành, kiện toàn bộ máy tổ chức hội Cứu quốc các giới. Từ đó trở đi, phong trào Việt Minh có bước phát triển mới. Tính đến tháng 10/1949, toàn tỉnh có 101.840 hội viên Cứu quốc, chiếm trên 50% tổng số dân trong tỉnh. Hội Liên Việt cũng phát triển được 2.376 hội viên.

Sự ra đời và hoạt động của Hội Liên Việt góp phần cùng với Mặt trận Việt Minh tăng thêm sức mạnh đoàn kết toàn dân. Đây là nhân tố cơ bản có tính quyết định cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng trong thời kì mới, trước mắt là chống "*giặc đói*" và "*giặc dốt*".

Đứng trước những khó khăn về kinh tế, nhất là hậu quả của nạn đói cũ đang hoành hành, nguy cơ nạn đói mới đang đe doạ, trong phiên họp ngày 3/9/1945, theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ quyết định phải chống "giặc đói", phát động ngay một phong trào tăng gia sản xuất.

Phát huy truyền thống đoàn kết, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, "*lá lành đùm lá rách*", nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: "*Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem số gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo*"(1). Nhiều sáng kiến cứu đói được thực hiện, như tổ chức lạc quyên, tổ chức *Ngày đồng tâm* nhịn ăn để dành gạo cứu đói, lập hũ gạo cứu đói. Tuyệt đại đa số các gia đình trong tỉnh đều có *Hũ gạo tiết kiệm*, dành dụm từng nắm gạo để giúp đỡ những gia đình đang bị nạn đói đe dọa. Ở một số huyện, các xã đều thành lập ban cứu đói, ban cứu tế, tích cực vận động, tổ chức phong trào lạc quyên. Tại trung tâm thị xã Thái Nguyên có trại tế bần, gồm nhiều lán trại, làm nơi trú chân cho những người gặp nạn đói từ các nơi phiêu bạt đến. Hằng ngày, chị em phụ nữ thị xã đi quyên góp gạo ở các gia đình, nấu cháo mang đến trại để cứu giúp bà con.

Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh còn tích cực vận động nhân dân thực hiện tốt các biện pháp hành chính do Chính phủ đề ra để cứu đói, như không dùng gạo vào việc nấu rượu, xoá bỏ mọi cản trở trong việc lưu thông lương thực giữa các địa phương trong cả nước, không tích trữ gạo... Đồng thời, tỉnh ra lệnh tịch thu số thóc còn lại trong các đồn điền Gia Sàng, Képle, Cầu Mây và kí vay thóc, gạo của các nhà buôn ở thị xã.

Thông qua những biện pháp trên, nguy cơ "*giặc đói*" từng bước được đẩy lùi. Song, để giải quyết triệt để nạn đói, biện pháp cơ bản là phải phát triển sản xuất. Khẩu hiệu: *Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa*! đã trở thành hành động của quần chúng. Khắp nơi đều tổ chức phong trào khai hoang, phục hoá theo tinh thần *Không để ruộng đất bị bỏ hoang*, *Tấc đất tấc vàng*. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh vượt qua nhiều khó khăn, khai phá

(1) *Hồ Chí Minh Toàn tập - Tập 4 (1945 - 1946)*, xuất bản lần thứ ba. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 33.

thêm đồi nương, soi bãi, mở rộng diện tích trồng cây lương thực và hoa màu ngắn ngày.

Tỉnh ủy Thái Nguyên chủ trương tịch thu toàn bộ đồn điền của thực dân Pháp giao cho Ban Dân sinh kinh tế tỉnh và thành lập Ban Quản trị đồn điền để trực tiếp quản lí, tổ chức sản xuất. Hằng năm, những đồn điền này cung cấp một khối lượng thóc khá lớn cho Quỹ cứu tế và dự trữ lương thực.

Nhờ sự lãnh đạo sát sao của tổ chức đảng các cấp, nhờ sự nỗ lực của toàn dân trong tỉnh, ngay trong năm đầu tiên thực hiện chính sách kinh tế của Đảng và Chính phủ, diện tích canh tác cũng như sản lượng lương thực trong tỉnh tăng lên rõ rệt. Nạn đói bước đầu được đẩy lùi. Đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh từng bước ổn định.

Chiến thắng "*giặc đói*" thể hiện tính ưu việt của chế độ mới, góp phần nâng cao uy tín và ảnh hưởng của Đảng và Nhà nước cách mạng trong quần chúng.

Vào những ngày đầu sau khi thành lập, Nhà nước cách mạng gặp nhiều khó khăn về tài chính. Để khắc phục tình trạng này, Đảng và Nhà nước kêu gọi toàn dân tham gia quyên góp xây dựng *Quỹ Độc lập* và phát động *Tuần lễ vàng* (17 - 24/9/1945).

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, công tác tuyên truyền, vận động được tiến hành sâu rộng trong đồng bào các dân tộc. Nhờ đó, dù đời sống còn gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên nhiệt liệt hưởng ứng chủ trương của Đảng và Chính phủ.

Với ý thức xây dựng đất nước, đông đảo bà con các dân tộc trong tỉnh tình nguyện đóng góp tiền của, vàng, bạc ủng hộ Nhà nước. Nhiều chị em phụ nữ mang cả những vật kỉ niệm trong đời tư (nhẫn cưới, hoa tai...) ủng hộ Nhà nước với một tình cảm cách mạng trong

sáng, mong sao Nhà nước nhanh chóng vượt qua cơn hiểm nghèo. Chỉ trong một tuần lễ, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã quyên góp, ủng hộ Nhà nước được trên 5 kg vàng, không kể hàng vạn đồng tiền mặt và các loại nồi đồng, chậu đồng...

Song song với nhiệm vụ diệt "*giặc đói*", Đảng bộ Thái Nguyên tập trung lãnh đạo phong trào thanh toán mù chữ do Chính phủ lâm thời phát động từ ngày 8/9/1945. Đảng bộ phân công một số cán bộ có năng lực chuyên trách chỉ đạo cuộc vận động to lớn này. Theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên, Ty Bình dân học vụ được thành lập, do ông Phạm Duy Nhượng giữ chức Trưởng ty, trực tiếp chỉ đạo phong trào. Nhiều cán bộ được phái xuống các thôn xóm, tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phong trào xoá nạn mù chữ.

Do làm tốt công tác tuyên truyền, đông đảo nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đều nhận rõ sự cần thiết phải có kiến thức mới để tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ. Bởi vậy, ngay sau khi Chính phủ lâm thời phát động phong trào thanh toán nạn mù chữ (8/9/1945), bà con các dân tộc trong tỉnh sôi nổi hưởng ứng. Việc học tập văn hoá trở thành một phong trào quần chúng sâu rộng. Hội viên Thanh niên Cứu quốc và Phụ nữ Cứu quốc là những người đi đầu trong phong trào diệt dốt. Chỉ trong một thời gian ngắn, các lớp bình dân học vụ được tổ chức khắp nơi, đến tận từng thôn xóm, thu hút hàng vạn người thuộc các lứa tuổi đến học.

Cùng với phong trào bình dân học vụ thanh toán nạn mù chữ, ngành Giáo dục phổ thông được Đảng bộ đặc biệt chú ý xây dựng và phát triển. Vượt qua nhiều khó khăn, thiếu thốn, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã tự xây dựng được nhiều trường, lớp cho con em đến học.

Tháng 9/1945, trong ngày khai trường năm học đầu tiên sau khi cách mạng thành công, tại tỉnh Thái Nguyên, hàng chục trường, lớp đã mở rộng cửa đón nhận hàng ngàn con em nhân dân lao động. Đến tháng 6/1947 (thời điểm kết thúc năm học 1946 - 1947), tỉnh Thái Nguyên có 96 trường tiểu học, trong đó có 9 trường cơ bản 4 lớp, 20 trường cơ bản 2 lớp, 67 trường hướng học, với tổng số 111 giáo viên (gồm 14 giáo viên cơ bản, 29 giáo viên sơ cấp, 68 hương sư) và 3.812 học sinh (2.992 học sinh nam, 820 học sinh nữ[1]. Nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy từng bước được cải tiến theo hướng dân tộc, dân chủ.

Thắng lợi bước đầu trong phong trào thi đua diệt "*giặc dốt*" không chỉ góp phần nâng cao trình độ hiểu biết của nhân dân, mà còn có ý nghĩa to lớn về chính trị. Nó tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân lao động tham gia ngày càng nhiều vào công việc quản lí nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của mình.

Cuộc vận động đời sống mới nhằm giáo dục tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc cướp nước, yêu lao động, yêu chính nghĩa, căm ghét bóc lột và xây dựng đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư được tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân. Đảng bộ lãnh đạo các đoàn thể quần chúng vận động đồng bào các dân tộc ra sức xoá bỏ các tệ nạn cờ bạc, nghiện hút... do chế độ cũ để lại. Nhờ có sự lãnh đạo sát sao của Đảng bộ, phong trào vận động thực hiện đời sống mới thu được kết quả bước đầu: Tình trạng ma to, cưới lớn, hội hè linh đình đã giảm bớt. Tại các làng, xã, cuộc sống mới lành mạnh bước đầu được xây dựng và ngày càng phát triển.

Công tác y tế, chăm lo sức khoẻ của nhân dân cũng được coi trọng. Ngay sau khi thành lập, Ty Y tế tỉnh đã cố gắng xây dựng các phòng phát thuốc ở một số huyện và dành một phần kinh phí mua

(1) *Báo cáo đặc biệt về tình hình Chính quyền trong tỉnh của Hội đồng Cứu quốc tỉnh Thái Nguyên (Từ cuộc Hội nghị Tân Trào đến tháng 5/1948)* tr. 69.

thuốc chữa bệnh để phát cho nhân dân. Tập quán mời thầy đến nhà "cúng ma" mỗi khi có người ốm đau trong các vùng nông thôn từng bước giảm dần.

Những kết quả bước đầu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội không những có tác dụng cải thiện một bước đời sống của nhân dân, mà còn làm tăng thêm lòng tin yêu của nhân dân đối với chế độ mới. Uy tín, ảnh hưởng của Đảng, của chính quyền dân chủ nhân dân ngày càng được nâng cao và mở rộng trong đồng bào các dân tộc. Khối đoàn kết toàn dân được củng cố ngày càng vững chắc. Đó là những nhân tố rất thuận lợi giúp cho Đảng bộ tổ chức và lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi cuộc đấu tranh chống âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực phản cách mạng.

Quán triệt chủ trương sách lược của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Thái Nguyên kịp thời đề ra chỉ thị đối phó với quân Trung Hoa Dân quốc. Nhiều cán bộ có năng lực được cử xuống cơ sở, chủ yếu là thị xã và những nơi có quân Trung Hoa Dân quốc qua lại, giải thích cho đồng bào các dân tộc hiểu rõ và thực hiện chủ trương tạm thời hoà hoãn với chúng; đồng thời phổ biến kế sách đối phó nhằm tránh xung đột vũ trang không có lợi cho cách mạng.

Để đề phòng âm mưu nham hiểm của quân Trung Hoa Dân quốc, từ tháng 9/1945, cơ quan Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh và các đoàn thể quần chúng đã tạm thời chuyển ra khỏi thị xã. Trong thị xã Thái Nguyên lúc đó chỉ có đại diện của Mặt trận Việt Minh và của Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời vừa làm nhiệm vụ giao tiếp với chỉ huy quân Trung Hoa Dân quốc, vừa động viên nhân dân khôn khéo đấu tranh, ứng phó kịp thời và linh hoạt để hạn chế hành động chống phá của chúng.

Trong quan hệ với quân Trung Hoa Dân quốc, Tỉnh ủy chủ trương kiên quyết đấu tranh buộc chúng phải tôn trọng chủ quyền của dân

tộc, không được can thiệp vào công việc nội bộ của nhân dân Việt Nam; đồng thời có sự nhân nhượng cần thiết, cung cấp cho chúng một số lương thực, thực phẩm, phương tiện vận tải, đi lại[1]. Mặt khác, dựa vào sức mạnh quần chúng, Đảng bộ phát động nhân dân tổ chức bãi thị, tẩy chay đồng bạc Quan kim, mít tinh phản đối yêu sách vô lí của quân Trung Hoa Dân quốc.

Thực hiện Sắc lệnh số 8 (ngày 5/9/1945) về việc giải tán các đảng phái phản động, sắc lệnh ngày 13/9/1945 về việc đưa đi an trí những phần tử phản cách mạng nguy hiểm, lực lượng công an tỉnh phối hợp cùng lực lượng vũ trang và nhân dân đẩy mạnh cuộc đấu tranh trên mặt trận chống phản cách mạng. Hơn 80 tên mật thám, chỉ điểm, 43 quan lại cường hào, 5 cai có tội ác, 3 tên cầm đầu phỉ đã bị bắt và đưa đi an trí[2].

Những tên đặc vụ của quân Trung Hoa Dân quốc, các tên cầm đầu các tổ chức phản động (Nam Dương Hoa kiều hiệp hội, Đại Việt quốc gia liên minh...) đều bị bắt giữ. Một số tên Việt gian phản quốc có nhiều tội ác với nhân dân bị nghiêm trị. Tuần phủ Cung Đình Vận - một tên tay sai của thực dân Pháp khét tiếng gian ác, có nhiều nợ máu với cách mạng, đã bị Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử tử hình.

Dựa vào lực lượng quần chúng nhân dân, lực lượng vũ trang cùng với công an dẹp tan toán phỉ ở Minh Lập (Đồng Hỷ) do anh em Hoàng Bính Trai, Hoàng Bính Ki cầm đầu; trừng trị các phần tử lưu manh giả danh Việt Minh để cướp của, nhũng nhiễu nhân dân ở Đồng Bẩm (Đồng Hỷ), Kè Đá Gân (Phú Bình)...

Với sự lãnh đạo khéo léo và kiên quyết của Đảng bộ, quân và dân Thái Nguyên từng bước đập tan âm mưu thâm hiểm của quân

(1) Gồm 50 tấn gạo, 100 con trâu, bò; nhiều lợn, gà; 30 thuyền vận tải; 2 xe ô tô.

(2) Theo: *Lịch sử Công an nhân dân Bắc Thái 1945 - 1954*. Lưu hành nội bộ. 1993. Tr 35.

Trung Hoa Dân quốc, ngăn chặn những hành động chống phá của bè lũ tay sai phản cách mạng, bảo vệ vững chắc chính quyền dân chủ nhân dân. Từ giữa tháng 12/1945, đơn vị cuối cùng của quân Trung Hoa Dân quốc đã phải rời khỏi địa phận Thái Nguyên, rút về Hà Nội.

II- Tiếp tục xây dựng lực lượng, chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1947)

Trong lúc cuộc đấu tranh chống Trung Hoa Dân quốc đang diễn ra ở phía Bắc Vĩ tuyến 16, tại miền Nam, nhân dân Nam Bộ tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bắt đầu từ ngày 23/9/1945.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính phủ, cùng đồng bào cả nước hướng về cuộc kháng chiến miền Nam, phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến diễn ra sôi nổi trong các ngành, các giới và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Khắp các địa phương, nhân dân đều tổ chức mít tinh, biểu tình phản đối chiến tranh xâm lược. Băng cờ, biểu ngữ, khẩu hiệu "Đả đảo thực dân phản động Pháp xâm lược", "*Ủng hộ Nam Bộ kháng chiến*", "*Nước Việt Nam của người Việt Nam*" v.v..., được giương lên khắp các thị xã, huyện lị cho đến tận các thôn xóm.

Hàng ngàn thanh niên con em các dân tộc trong tỉnh nô nức đến các "Phòng Nam Bộ" ghi tên xung phong tòng quân lên đường vào Nam đánh giặc. Các đội quân Nam tiến được gấp rút xây dựng. Những vũ khí và trang bị tốt nhất, những cán bộ và chiến sĩ ưu tú nhất được ưu tiên cho các đơn vị Nam tiến.

Nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên còn vận động quyên góp tiền bạc, quần áo, thuốc men... ủng hộ đồng bào miền Nam. Các hình thức quyên góp, gây công quỹ ủng hộ Nam Bộ được thực hiện. Có

những phụ nữ tuy nghèo, nhưng vẫn bỏ tiền mua một viên đạn giá 345 đồng để góp vào công quỹ[1] . Nhiều nữ thanh niên "đã đi bán bánh và huy hiệu suốt ngày để lấy tiền giúp quỹ Nam Bộ"[2].

Sự tham gia đóng góp của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã góp một phần quan trọng làm tăng thêm sức mạnh chiến đấu cho đồng bào miền Nam.

Hiệp định sơ bộ (6/3) và Tạm ước Việt - Pháp (14/9/1946) kí chưa ráo mực, thực dân Pháp đã ngang nhiên bội ước. Chúng liên tiếp gây ra các hoạt động khiêu khích, xâm lược ngày càng trắng trợn. Ngược lại, với bản chất và thiện chí hoà bình, Chính phủ Việt Nam đã ép lòng nhân nhượng. "*Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa*"[3].

Để bảo vệ nền độc lập của dân tộc và chủ quyền của đất nước. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng (18 - 19/12/1946) quyết định phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong cả nước. Ngay trong đêm 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến*. Hưởng ứng chủ trương của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước - bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, đã nhất tề đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược với một niềm tin tất thắng.

Trên địa phận Thái Nguyên, từ ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ đến thượng tuần tháng 10/1947, chiến sự vẫn chưa lan tới. Tranh thủ thời gian hòa bình, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân

(1) Theo báo Cứu Quốc ra ngày 12/6/1946: *Trong cuộc mít tinh ở Thái Nguyên để vận động đóng góp tiền ủng hộ Nam Bộ, chị Nguyễn Thị Tư đã trả giá 345 đồng một viên đạn. Hành động của chị đã khích lệ nhiều người cùng góp tiền vào Quỹ Nam Bộ*.

(2) Theo báo Cứu Quốc số 19/6/1946.

(3) *Hồ Chí Minh Toàn tập - Tập 4 (1945 - 1946)*... Sđd, tr. 534.

dân các dân tộc Thái Nguyên khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để bước vào cuộc kháng chiến.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của công tác chuẩn bị kháng chiến là tiếp tục củng cố và phát triển lực lượng vũ trang.

Sau khi Bộ Quốc phòng ra Thông tư (19/2/1947) quy định tổ chức và nhiệm vụ của dân quân, tự vệ, du kích, việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương trong tỉnh được triển khai nhanh chóng. Tỉnh ủy chủ trương động viên sức người, sức của của nhân dân để củng cố lực lượng vũ trang địa phương. Noi gương các thế hệ ông, cha, con em đồng bào các dân tộc nô nức xung phong tòng quân. Nhờ đó, chỉ trong thời gian ngắn, hầu hết các xã, các huyện đều xây dựng, phát triển lực lượng tự vệ rộng rãi, tự vệ chiến đấu và du kích tập trung.

Ban lãnh đạo Chiến khu I cũng giúp tỉnh về tổ chức biên chế, quản lí bộ đội và huấn luyện quân sự. Các đội du kích tập trung, các đội tự vệ chiến đấu được biên chế thành các tiểu đội, trung đội, có quân báo, liên lạc, cứu thương...

Từ cuối năm 1946, lực lượng du kích được đặc biệt chú ý phát triển. Đội du kích các địa phương: Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Đại Từ được trang bị tương đối tốt, có chỉ huy chặt chẽ. Cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích được huấn luyện cách đánh giáp lá cà, gài mìn, cắm chông, phá hoại giao thông địch, sử dụng vũ khí thông thường...

Chấp hành chỉ thị thành lập các trung đoàn, tiểu đoàn độc lập, đồng bào các dân tộc tỉnh Thái Nguyên tích cực đóng góp sức người, sức của xây dựng Trung đoàn độc lập 22 (Thái Nguyên, Phúc Yên), thuộc Chiến khu I.

Theo Thông tư ngày 19/2/1947 của Bộ Quốc phòng, ngày 15/4/1947, Ban Chỉ huy Tỉnh đội bộ dân quân được thành lập. Tại buổi lễ ra mắt được tổ chức ở sân vận động thị xã, các đồng chí: Nhị Quý - Bí thư Tỉnh ủy và Lê Trung Đình - Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh, đã đến dự và giao nhiệm vụ cho Ban Chỉ huy Tỉnh đội. Tỉnh ủy phân công đồng chí Lê Văn Lương - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giữ chức Tỉnh đội trưởng.

Cùng với việc thành lập và từng bước kiện toàn Ban Chỉ huy Tỉnh đội, các cơ quan giúp việc Ban Chỉ huy cũng hình thành và đi vào hoạt động. Ngoài các cơ quan chuyên môn còn có một trung đội bảo vệ cơ quan Tỉnh đội bộ. Các Ban Chỉ huy huyện đội, xã đội bộ dân quân cũng được tổ chức.

Như vậy, từ tháng 4/1947, với sự ra đời của Tỉnh đội bộ dân quân, Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính, Ủy ban Kháng chiến tỉnh Thái Nguyên đã có một cơ quan tham mưu phụ trách về công tác quân sự địa phương, trước mắt là củng cố, phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng kế hoạch tác chiến, sẵn sàng đập tan mọi mưu mô và hành động quân sự của địch.

Cuộc chiến tranh ngày càng lan rộng, chiến sự ngày càng trở nên ác liệt. Việc tổ chức cho nhân dân rời khỏi nơi có chiến sự, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản và ổn định đời sống của nhân dân là một nhiệm vụ cấp bách. Đó cũng là vấn đề được Đảng và Chính phủ quan tâm ngay từ đầu.

Chỉ một tuần lễ sau ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị mỗi tỉnh, phủ, huyện, xã đều phải thành lập Ủy ban tản cư, di cư để động viên, tổ chức đồng bào tản cư sớm ổn định đời sống và tham gia các hoạt động kháng chiến, kiến quốc.

Ngày 31/12/1946, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 5/SL thành lập Ủy ban tản cư, di cư các cấp. Đầu năm 1947, Ủy ban tản cư, di cư của các tỉnh, huyện, xã đều được tổ chức, đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban hành chính các cấp.

Trong năm đầu toàn quốc kháng chiến, Thái Nguyên được coi là hậu phương an toàn, cho nên đồng bào các tỉnh miền xuôi tản cư lên ngày càng đông. Việc tiếp nhận đồng bào tản cư, chăm lo ổn định đời sống và việc làm cho đồng bào là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng của Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên. Ủy ban tản cư, di cư của tỉnh và các phủ, huyện, thị xã, xã nhanh chóng được thành lập, có sự tham gia của các ngành, các giới, chủ yếu là Mặt trận Việt Minh.

Chấp hành chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "*Vô luận thế nào, các Ủy ban Hành chính không được bỏ dân bơ vơ*", các cấp ủy đảng, chính quyền và mặt trận khẩn trương triển khai các biện pháp tiếp nhận đồng bào tản cư, phân chia khu vực định cư, ổn định cuộc sống. Đến tháng 2/1947, tỉnh Thái Nguyên đã tiếp đón 12.000 đồng bào từ các tỉnh tản cư đến(1). Ban tiếp cư tỉnh đã san sẻ số tiền cứu tế gồm hàng triệu đồng cho đồng bào tản cư.

Với truyền thống đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã chia sẻ cho đồng bào tản cư từ bát gạo, củ sắn, bắp ngô, đến cày, cuốc, ruộng đồng, soi bãi..., giúp đồng bào sớm ổn định đời sống và sản xuất. Đồng bào tản cư còn được Đảng bộ và chính quyền địa phương giúp đỡ thành lập các trại sản xuất ở Phúc Xuân (Đồng Hỷ), Phúc Thuận (Phổ Yên). Sự quan tâm giúp đỡ tận tình của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đối với đồng bào tản cư đã làm cho đồng bào an tâm,

(1) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Thái: *Bắc Thái - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954*. Xuất bản 1990, tr. 75.

phấn khởi, gắn bó với quê hương mới, coi đó là quê hương thứ hai của mình. Do đó, ngay sau khi ổn định nơi ăn, chốn ở, đồng bào tản cư tích cực tham gia các hoạt động kháng chiến, kiến quốc ở địa phương, hăng hái vận động con, em gia nhập bộ đội, dân quân, du kích.

Song song với việc tổ chức tản cư, di cư và tiếp cư, chấp hành chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành công tác phá hoại nhằm "*triệt để làm cho địch đói, khát, què, điếc, mù, câm, tiêu hao, mệt mỏi, chán nản*". Cuối năm 1946, Ban Phá hoại tỉnh được thành lập. Đến đầu năm 1947, ban phá hoại của các phủ, huyện, xã cũng lần lượt ra đời và đi vào hoạt động.

Theo chủ trương của Tỉnh ủy, công tác phá hoại sẽ được tiến hành ở những vùng trọng điểm, như thị xã, thị trấn, cầu, cống trên Quốc lộ 3. Để thực hiện công tác này, Đảng bộ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động trong các tầng lớp nhân dân.

Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo, công tác phá hoại diễn ra trong khí thế sôi nổi, quyết tâm và với niềm tin tất thắng. Tại thị xã Thái Nguyên, những ngôi nhà cao tầng, nơi công cộng, trụ sở cơ quan... bị phá sập trước tiên. Trước nguy cơ đe doạ vận mệnh đất nước, nghe theo tiếng gọi của Đảng, đồng bào thị xã sớm nhận thức được sự hi sinh cần phải có. Khẩu hiệu: *Tản cư là yêu nước* trở thành khẩu hiệu hành động của mỗi người dân nơi đây. Nhân dân thị xã lần lượt rời khỏi những nếp nhà xinh xắn để giao cho con em mình trong các đội phá hoại. Phá đến đâu, vật cản và chiến luỹ được dựng lên đến đấy.

Ngoài việc phá hoại nhà cửa, cầu, cống, đường giao thông, nhân dân ta còn tự tay mình phá nhà thờ, chùa chiền. Đến giữa năm 1947, công tác phá hoại căn bản hoàn thành. Thị xã Thái Nguyên và một số vùng xung quanh các huyện lị chỉ còn trơ lại những đống gạch

vụn. Trên mặt Đường số 3 từ cầu Đa Phúc đến thị xã Thái Nguyên, lực lượng dân quân huyện Đồng Hỷ và 2 phủ: Phổ Yên, Phú Bình đã đào chi chít các hố chữ chi. Ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn, phong trào toàn dân làm vườn không nhà trống diễn ra rất sôi nổi. Công tác đào hầm hào, công sự, xây dựng trận địa chiến đấu, tổ chức và hướng dẫn nhân dân vót chông, cắm chông chống quân nhảy dù... được thực hiện khẩn trương. Quân và dân Thái Nguyên trong tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Là một tỉnh miền núi và trung du, có địa thế hiểm trở "*tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ*", có cơ sở Đảng và cơ sở quần chúng vững mạnh từ trước, song song với công tác chuẩn bị, tăng cường thực lực để kháng chiến, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên được vinh dự đảm nhận trọng trách đón nhận và bảo vệ các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy(1).

Khi cả nước bước vào kháng chiến, cùng với việc xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang, vấn đề xây dựng căn cứ địa, xây dựng hậu phương được đặt ra rất bức thiết. Trong hoàn cảnh chiến tranh ngày càng lan rộng, hầu hết các thành phố, thị xã và các đường giao thông quan trọng lần lượt bị thực dân Pháp chiếm đóng, thì vấn đề giữ nông thôn, xây dựng những vùng đất tự do đối với kháng chiến lại càng trở nên cần thiết. Trên những vùng đất tự do ấy, phải tạo dựng được những khu an toàn, chắc chắn và tiện lợi nhất cho việc đặt cơ quan đầu não để lãnh đạo mọi hoạt động kháng chiến - kiến quốc trong cả nước. Điều này càng trở nên quan trọng khi kẻ thù có âm mưu và kế hoạch đánh úp cơ quan đầu não kháng chiến hòng nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh.

(1) Tại kì họp thứ 2 (28/10 - 9/11/1946), Quốc hội khóa I quyết nghị sáp nhập Bộ Quốc phòng với Quân sự ủy viên hội thành Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy.

Bởi vậy, ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, với tầm nhìn chiến lược sáng suốt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân công đồng chí Phạm Văn Đồng cùng một số cán bộ ở lại Việt Bắc một thời gian để củng cố căn cứ địa.

Cuối tháng 10/1946, đồng chí Nguyễn Lương Bằng được giao nhiệm vụ trở lại Việt Bắc để chuẩn bị địa điểm xây dựng căn cứ địa kháng chiến. Một số địa điểm thuộc châu Định Hoá, huyện Đại Từ, cùng một số nơi khác được chọn làm nơi ở và làm việc của các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ trong trường hợp phải rời khỏi Thủ đô Hà Nội.

Tháng 11/1946, Trung ương Đảng quyết định thành lập Đội công tác đặc biệt, do đồng chí Trần Đăng Ninh phụ trách. Đội có nhiệm vụ nghiên cứu việc di chuyển và chọn địa điểm an toàn đặt các cơ quan Trung ương.

Giữa tháng 12/1946, một số cán bộ trong Đội công tác đặc biệt lần lượt lên vùng Việt Bắc làm nhiệm vụ. Sau một thời gian khảo sát thực tế, cân nhắc kĩ lưỡng mọi mặt, Đội quyết định chọn một số địa điểm nằm sâu trong Căn cứ địa Việt Bắc, trung tâm là châu Định Hoá (Thái Nguyên) và các huyện: Chợ Đồn (Bắc Kạn), Sơn Dương, Yên Sơn (Tuyên Quang), làm nơi xây dựng An toàn khu (ATK) của Trung ương.

Nhận được chỉ thị của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Thái Nguyên cử nhiều cán bộ về phối hợp với cán bộ các địa phương: Định Hoá, Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai xuống các xã động viên, tổ chức toàn dân học tập hiểu rõ đường lối kháng chiến của Đảng. Các Đội công tác của Trung ương, của tỉnh quan tâm đến công tác giáo dục, bồi dưỡng tình cảm tốt đẹp trong nhân dân để xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa nhân dân với cán bộ, bộ đội như cá với nước; giáo dục nhân dân địa phương nêu cao cảnh giác, giữ gìn bí mật, kịp thời phát hiện bọn gián điệp lọt vào căn cứ.

Trong khi các Đội xây dựng ATK và các Tổ công tác của tỉnh tích cực triển khai công tác vận động quần chúng, thì một bộ phận cán bộ được tăng cường về các xã phía Nam và Tây Nam châu Định Hoá xây dựng đại bản doanh.

Từ đầu năm 1947 trở đi, hầu hết các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Mặt trận, Bộ Quốc phòng, các cơ quan kinh tế, văn hoá, giáo dục... đều có mặt tại Căn cứ địa Việt Bắc - ATK.

Phụng Hiển (Điềm Mặc), Nà Mòn (Lục Rã, nay là xã Phú Đình)... là những nơi đặt trụ sở cơ quan Trung ương Đảng; nơi ở và làm việc của Tổng Bí thư Trường Chinh. Thẩm Khảm, Thẩm Giạc (Phú Đình) là nơi ở, làm việc của cơ quan Chính phủ và Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy, Đại tướng Võ Nguyên Giáp ở và làm việc ở Quảng Nạp (Bình Thành), Khẩu Hấu, Khẩu Tràng (Điềm Mặc), bản Piềng (Yên Thông, nay thuộc xã Bình Yên), Gốc Hồng (Quy Kỳ), Đồng Chua (Thanh Định)… Bộ Tổng Tham mưu đóng tại Quảng Nạp (Bình Thành), Yên Thông (Bình Yên), Bản Quyên (Điềm Mặc), Đồng Đau (Định Biên), Phú Đình, Thanh Định... Xưởng quân giới được xây dựng ở khu vực xóm Hồng Hoàng (Trung Hội), xóm Nong Nia (Định Biên), Du Nghệ (Đồng Thịnh). Một số cơ quan Trung ương đóng tại các huyện: Đại Từ, Phú Lương...

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng ở và làm việc tại các thôn, xã: Điềm Mặc, Phú Đình (Định Hoá), Liên Minh, Tràng Xá (Võ Nhai)...

Nhận rõ vinh dự và trách nhiệm của một địa bàn chiến lược được Đảng và Chính phủ chọn làm căn cứ kháng chiến của cả nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đoàn kết một lòng, sẵn sàng hi sinh hết thảy vì sự nghiệp giải phóng đất nước. Việc xây dựng và bảo vệ ATK Trung ương là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

Được giao nhiệm vụ bảo vệ vòng ngoài, lực lượng công an tỉnh phối hợp với công an xã và bộ phận bảo vệ các cơ quan làm công tác bảo mật phòng gian, xây dựng nội quy đi lại và quản lí chặt chẽ mọi người ra vào khu vực, nắm các mối quan hệ từ bên trong các cơ quan, xí nghiệp với bên ngoài và vùng địch tạm chiếm, đề xuất với lãnh đạo và cấp ủy điều chuyển những người có quan hệ phức tạp ra khỏi các bộ phận cơ mật, hoặc khéo léo đưa họ ra ngoài cơ quan, xí nghiệp.

Ngay từ những năm đầu toàn quốc kháng chiến, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các cấp bộ đảng trong tỉnh, lực lượng trật tự (từ năm 1948 là công an) xã và cơ sở quần chúng được chú trọng xây dựng làm nòng cốt cho công tác bảo vệ, làm vô hiệu hoá mọi âm mưu và hoạt động tình báo, gián điệp, chỉ điểm phá hoại của địch.

Hệ thống tổ chức trật tự xã (tiền thân của công an xã) chủ yếu được xây dựng quanh khu vực cửa ngõ ATK và những nơi có các cơ quan, xí nghiệp, quân đội đóng. Nhiều trật tự xã đã xây dựng được mạng lưới cơ sở trong các thôn xóm. Những cơ sở quần chúng này thực sự là những trạm gác kín đáo, trực tiếp bảo vệ khu vực và những đầu mối giao thông quan trọng.

Ngoài sự bảo vệ của lực lượng cảnh vệ và công an, ATK có thể tồn tại vững chắc trước sự rình rập, tấn công của kẻ thù chính là nhờ sự che chở, đùm bọc của nhân dân địa phương.

Được sự giáo dục, nhắc nhở thường xuyên, đồng bào các dân tộc trong tỉnh coi việc phòng gian, bảo mật, bảo vệ các cơ quan Trung ương đóng tại địa phương là trách nhiệm của mình. Mọi người dân đều hiểu rõ: Bảo vệ ATK chính là bảo vệ làng, bản, bảo vệ cuộc sống của mình. Mọi người dân, từ cụ già đến em nhỏ, đều tự giác và thực hiện khẩu hiệu *Ba không* (không nói chuyện làm lộ bí mật, không nghe những điều không có liên quan đến mình, không chỉ đường

và cảnh giác với người lạ mặt). Việc theo dõi, cảnh mật ở các địa bàn do quần chúng đảm nhận được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, linh hoạt và sáng tạo. Từ người bán hàng rong, người làm nghề sửa chữa xe đạp, thợ cắt tóc, rèn đúc, đan lát... được bố trí tại các tụ điểm dân cư, hoặc trên các ngả đường quan trọng, cho đến những người đi đốn củi trong rừng, người làm nương rẫy, em bé chăn trâu... cũng đều là những chiến sĩ làm nhiệm vụ bảo vệ ATK. Không có một việc gì xảy ra ở đây, không có một người lạ mặt nào ra vào khu vực này lại có thể lọt qua được tai, mắt tinh tường của đồng bào địa phương.

Chính nhờ những thông tin nhanh chóng, chính xác của quần chúng nhân dân, lực lượng công an và bộ đội cảnh vệ đã kịp thời phát hiện và phá tan mọi âm mưu, hành động phá hoại của địch, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho các cơ quan Trung ương trong suốt thời kì kháng chiến chống Pháp. Nhân dân địa phương là lực lượng quan trọng, có tính quyết định trong công tác bảo mật, phòng gian, giữ vững sự an toàn cho ATK.

Ngoài công tác bảo vệ, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên còn góp sức xây dựng, cung cấp phục vụ các cơ quan đầu não kháng chiến trong ATK. Ngay từ những ngày đầu, đồng bào các dân tộc vùng Định Hoá, Đại Từ, Phú Lương... đã dành hàng ngàn ngày công, ủng hộ hàng chục vạn cây tre, gỗ, nứa, hàng triệu tầu lá cọ để dựng nơi ở và làm việc của các cơ quan kháng chiến và kho tàng, xưởng máy. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh nỗ lực đẩy mạnh tăng gia sản xuất lương thực, thực phẩm để vừa bảo đảm đời sống, vừa cung cấp cho kháng chiến. Trong suốt 8 năm toàn quốc kháng chiến, với phong trào *Toàn dân đóng góp lương thực, thực phẩm*, ngoài việc đóng thóc công lương, điền thổ, đồng bào các dân tộc còn vận động quyên góp, lập *Hũ gạo nuôi quân*, bán *Thóc khao quân*... Nhiều nơi, nhân dân ủng hộ các cơ quan, xí nghiệp, các đơn vị bộ

đội... ruộng đất, trâu bò để tăng gia tự túc. Nhiều gia đình nhường nhà ở của mình cho các cơ quan kháng chiến làm kho, v.v...

Một trong những tấm gương tiêu biểu cho tấm lòng của nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đối với kháng chiến là bà Bá Huy (xã Lục Ba, huyện Đại Từ). Ngay từ những ngày đầu toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bà đã ủng hộ công, của làm 10 gian nhà gỗ, lợp lá và mua sắm dụng cụ sinh hoạt (giường, chiếu, chăn, màn...) đủ cho 50 thương binh tại An dưỡng đường số 1. Ngoài ra, bà còn ủng hộ 3 tấn thóc, 3 mẫu ruộng, 1 con trâu và một số nông cụ cho thương binh, đồng thời vận động chị em phụ nữ giặt giũ quần áo và nấu ăn giúp thương binh. Với sự đóng góp quý báu này, ngày 27/7/1947, bà Bá Huy được Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư khen ngợi "... đã hăng hái giúp đất ruộng, trâu bò, thóc lúa và tiền bạc để lập một an dưỡng đường cho thương binh... bà đã hi sinh tiền của để giúp đỡ anh em thương binh. Như thế là bà đã giúp sức vào công việc giữ gìn Tổ quốc... Tôi thay mặt Chính phủ và anh em thương binh cảm ơn bà và ngợi khen bà"(1).

Được sự che chở, đùm bọc của nhân dân các dân tộc, ATK Trung ương vẫn tồn tại vững chắc trong vòng vây của kẻ thù và nhờ đó đã phát huy được vai trò trung tâm lãnh đạo sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của cả nước.

Giữa lúc mọi hoạt động chuẩn bị kháng chiến đang diễn ra khẩn trương, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần I được tổ chức (10 - 12/8/1947) tại đình An Mỹ (nay là Mỹ Yên, huyện Đại Từ). Tham dự Đại hội có trên 100 đại biểu thay mặt cho hơn 1.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Lê Đức Thọ - đại diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng, về dự và chỉ đạo Đại hội.

(1) *Hồ Chí Minh Toàn tập - Tập V (1947 - 1948)*. Xuất bản lần thứ ba. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 206.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa I, gồm 11 đồng chí. Tại phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 3 ủy viên. Đồng chí Lê Trung Đình được bầu giữ chức Bí thư. Với Đại hội Đảng bộ lần thứ I, Tỉnh ủy Thái Nguyên được kiện toàn một bước, bảo đảm cho Đảng bộ có đủ khả năng lãnh đạo nhân dân các dân tộc chuẩn bị đối phó âm mưu và hành động mới của thực dân Pháp.

Tóm lại, qua 2 năm đấu tranh bảo vệ và xây dựng chế độ mới (9/1945 - 9/1947), Đảng bộ Thái Nguyên đã có một bước trưởng thành nhanh chóng cả về số lượng lẫn chất lượng. Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, trước hết là Tỉnh ủy, được thể hiện rõ nét trên mọi hoạt động. Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân từ tỉnh xuống đến cơ sở được củng cố và bước đầu phát huy vai trò tổ chức, hướng dẫn quần chúng tham gia xây dựng chế độ mới, đồng thời tích cực chuẩn bị mọi mặt để bước vào kháng chiến.

Hai năm đấu tranh bảo vệ và xây dựng chế độ mới (9/1945 - 9/1947) đã tạo ra những tiền đề thuận lợi cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên chủ động bước vào cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương, bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến.

Chương III
ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG VÀ ATK TRUNG ƯƠNG; XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG, CHI VIỆN TIỀN TUYẾN (1947 - 1954)

I- Trực tiếp chiến đấu bảo vệ quê hương và ATK Trung ương (1947 - 1950)

Cho đến giữa năm 1947, cuộc kháng chiến toàn quốc về cơ bản đã đạt được các mục tiêu chiến lược do Trung ương Đảng đề ra: "Địch thiệt hại khá nhiều ở Bắc Bộ... Chiến sự ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ khá hơn trước..."(1). Ngược lại, thực dân Pháp không đạt được âm mưu chiến lược đánh nhanh thắng nhanh. Cuộc chiến tranh vẫn kéo dài và ngày càng mở rộng đã khiến cho thực dân Pháp lâm vào tình thế khó khăn, quân số thiếu hụt. Số quân tăng viện nhỏ giọt từ Pháp sang không sao khắc phục được tình trạng phân tán, dàn mỏng lực lượng trên các chiến trường.

Trước tình hình trên, thực dân Pháp âm mưu kết hợp chặt chẽ thủ đoạn chính trị với biện pháp quân sự. Về quân sự, chúng vừa bình định miền Nam, vừa tập trung lực lượng lớn đánh đòn quyết định ở miền Bắc, hòng đè bẹp tinh thần và lực lượng của đối phương. Tháng 6/1947, Hội đồng Phòng thủ Đông Dương thông qua trên nguyên tắc cuộc tiến công mùa thu 1947, với mục đích: "*Bịt kín biên giới, ngăn chặn không cho Việt Minh tiếp xúc với Trung Quốc... loại trừ mọi sự chi viện từ ngoài vào, truy lùng Việt Minh đến*

(1) *Văn kiện quân sự của* Đảng 1945 - 1950. Nxb QĐND, 1976, tr. 121.

tận sào huyệt, đánh cho tan tác mọi tiềm lực kháng chiến của họ"(1) để nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh.

Thực hiện mưu đồ trên, ngày 7/10/1947, giặc Pháp cho quân nhảy dù đánh chiếm thị xã Bắc Kạn và phố huyện Chợ Mới, chính thức mở đầu cuộc hành quân Lê a - bước I của chiến dịch tấn công quân sự quy mô lớn vào Căn cứ địa Việt Bắc.

Nhằm đối phó âm mưu và hành động quân sự của thực dân Pháp, Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính tỉnh Thái Nguyên đã lãnh đạo, chỉ đạo Ban Chỉ huy Tỉnh đội tập trung củng cố, xây dựng 8 trung đội du kích tập trung thoát li sản xuất, trực tiếp làm nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu; mỗi trung đội biên chế 35 cán bộ, chiến sĩ. Sau khi được củng cố, kiện toàn đủ quân số và vũ khí, trang bị, trung đội du kích tập trung trực thuộc Ban Chỉ huy Tỉnh đội đã cơ động lên xã Yên Ninh (huyện Phú Lương) phối hợp với bộ đội chủ lực và dân quân, du kích huyện Bạch Thông (tỉnh Bắc Kạn) quấy rối và đánh địch ở phố huyện Chợ Mới; chặn đánh các cuộc hành quân, càn quét của địch từ Chợ Mới sang các xóm, làng của huyện Phú Lương.

Để tăng cường lực lượng lãnh đạo trong tình hình mới, tháng 10/1947, Khu ủy I quyết định phân công đồng chí Lê Hoàng - Khu ủy viên, về trực tiếp giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên phụ trách công tác Đảng; đồng chí Lê Trung Đình (Bí thư Tỉnh ủy do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I bầu) giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Bí thư đảng - đoàn chính quyền, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính tỉnh; đồng chí Ngô Nhị Quý (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách công tác Đảng) sang phụ trách Tỉnh bộ Việt Minh.

(1) Xalăng: *Một đế quốc cáo chung: Việt Minh - địch thủ của tôi*. Tập 2, bản dịch, tr. 74.

Tỉnh ủy Thái Nguyên quyết định cử 5 Tỉnh ủy viên xuống trực tiếp giữ chức Bí thư các huyện ủy[1] và đưa một số cán bộ các đoàn thể: Nông dân, Thanh niên của tỉnh xuống trực tiếp hoạt động ở các xã trọng điểm. Tỉnh ủy xác định nhiệm vụ của Đảng bộ lúc này là tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiêu thổ kháng chiến, vận động nhân dân thực hiện "*vườn không, nhà trống*", vận chuyển cơ quan, kho tàng, gấp rút chuẩn bị kháng chiến.

Về phía địch, sau hơn 1 tháng mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc không đạt được kết quả mong muốn, phán đoán ta có khoảng từ 20 đến 25 tiểu đoàn bộ đội chủ lực đang đóng ở các vùng Định Hóa, Đại Từ, Võ Nhai (thuộc tỉnh Thái Nguyên), Yên Thế (thuộc tỉnh Bắc Giang) và lưu vực sông Đáy, các cơ quan đầu não kháng chiến đóng ở các vùng núi đá Võ Nhai, Định Hóa, chúng quyết định sử dụng lực lượng tham gia cuộc hành quân Lê cùng với Trung đoàn bộ binh Ma rốc số 5 và Trung đoàn Côxtơ mở cuộc hành quân Xanhtuya (Ceinture: siết chặt) nhằm bao vây, càn quét khu tứ giác Thái Nguyên - Tuyên Quang - Việt Trì - Phủ Lạng Thương rộng hơn 8.000 km^2 nhằm "*Tiếp tục lùng bắt kì được cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt chủ lực Việt Minh, phá hoại Căn cứ địa*". Hướng bao vây, càn quét chính của cuộc hành quân Xanhtuya là Thái Nguyên, 2 hướng khác là Sông Thương - Yên Thế và Chợ Mới - Tuyên Quang xuống đồng bằng.

Ngày 20/11/1947, thực dân Pháp bắt đầu triển khai cuộc hành quân Xanhtuya. Binh đoàn Commuynan rút khỏi thị xã Tuyên Quang

(1) Đó là các đồng chí: Vũ Hưng: Bí thư Huyện ủy Định Hóa; Quang Huy: Bí thư Huyện ủy Đồng Hỷ; Nguyễn Bá Cương: Bí thư Huyện ủy Phổ Yên; Nguyễn Vũ: Bí thư Huyện ủy Võ Nhai; Lê Nguyên: Bí thư Huyện ủy Phú Bình. Theo: *Báo cáo tình hình sự thi hành những nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn tỉnh* ngày 10/8/1947 - Phông 43, hồ sơ 217, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

theo đường thủy về Bình Ca và theo đường bộ sang Sơn Dương nhằm uy hiếp đường liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang, hỗ trợ cho quân Bôphorê từ phía Bắc rút về. Tại Bắc Kạn, quân Pháp rút khỏi một số vị trí, tập trung lực lượng về Chợ Mới. Tại đây, chúng hành quân nghi binh lên thị xã Bắc Kạn và phao tin sẽ rút quân lên Cao Bằng để đánh lừa quân ta. Bộ Tổng Chỉ huy điều một số đơn vị bội đội chủ lực từ Định Hóa lên Bắc Kạn chặn đánh địch. Đêm 24/11/1947, từ Chợ Mới, địch cho 1 trung đoàn (khoảng 1.500 tên) bí mật theo Đường số 3 hành quân xuống Cây số 31, rẽ vào Chợ Chu chiếm đóng các khu vực Phố Ngữ, Quán Vuông (thuộc châu Định Hóa).

Ngày 25/11/1947, từ Quán Vuông địch hành quân, càn quét lên chiếm đóng phố Chợ Chu và làm sân bay dã chiến ở cánh đồng. Cùng thời gian này, từ Chợ Mới, địch cho 1 tiểu đoàn bộ binh theo đường mòn qua Đồng Danh, Làng Muồng, càn vào xã Phượng Tiến (bao gồm địa bàn 2 xã: Tân Dương và Phượng Tiến ngày nay).

Ngày 26/11/1947, tại Võ Nhai, giặc Pháp cho 23 máy bay ném bom bắn phá và thả khoảng 500 quân xuống chiếm đóng La Hiên. Buổi chiều cùng ngày, chúng cho 14 máy bay ném bom và thả khoảng 200 quân xuống đánh chiếm xã Tràng Xá. Tại huyện Đại Từ, địch cho 15 máy bay ném bom, bắn phá và thả gần 1 tiểu đoàn (khoảng 400 quân) xuống chiếm đóng các khu vực làng Ngò (xã An Khánh), Ba Gò (xã Cù Vân).

Cùng thời gian trên, từ Cầu Đuống (Hà Nội), địch huy động 1 binh đoàn tiến lên đánh chiếm một số nơi thuộc các xã: Thuận Thành, Trung Thành, Đắc Sơn... của phủ Phổ Yên và vùng Tây Nam huyện Đại Từ. Như vậy, với đợt tấn công mới này, hàng nghìn quân Pháp

đã tỏa ra chiếm đóng 32 điểm trên địa bàn 7 phủ, châu, huyện của tỉnh Thái Nguyên.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Thái Nguyên đã bình tĩnh đương đầu với cuộc tấn công của địch. Tại Định Hóa, trên các hướng hành quân, càn quét, thực dân Pháp đều bị tự vệ các nhà máy cùng lực lượng dân quân, du kích phối hợp với các Tiểu đoàn 101, 103, 183 bộ đội chủ lực chặn đánh rất quyết liệt, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Sau gần 10 ngày hành quân, càn quét, không đạt được mục tiêu, lại bị quân ta chặn đánh liên tiếp, nên từ ngày 1 đến ngày 6/12, quân Pháp rút khỏi Định Hóa. Các cơ quan đầu não kháng chiến tại ATK Định Hóa được bảo toàn.

Tại châu Võ Nhai, ngày 26/11, khi quân Pháp nhảy dù xuống La Hiên, mặc dù bị địch áp đảo cả về binh lực và hỏa lực, song cán bộ, chiến sĩ bộ đội chủ lực và Trung đội du kích tập trung của huyện vẫn kiên cường chiến đấu hết đợt này đến đợt khác. Sau hơn 1 tuần tấn công, càn quét địa bàn Võ Nhai không thu được kết quả, đầu tháng 12/1947, quân Pháp từ Tràng Xá, La Hiên rút dần qua huyện Đồng Hỷ, về thị xã Thái Nguyên. Trên đường rút, chúng bị bộ đội chủ lực và dân quân, du kích chặn đánh liên tiếp nhiều trận ở Cúc Đường, Giai Kiết, Hích, Xuân Quang... (thuộc châu Võ Nhai), Trại Táo, Chùa Hang, Đồng Bẩm... (thuộc huyện Đồng Hỷ).

Tại Đại Từ, sau khi đổ bộ xuống cánh đồng làng Ngò (xã An Khánh) và Ba Gò (xã Cù Vân), quân Pháp đã tỏa ra lùng sục, càn quét các vùng lân cận. Càn quét đến đâu, quân Pháp cướp bóc của cải, đốt phá nhà cửa, tàn sát nhân dân rất dã man đến đó. Quyết tâm đánh địch bảo vệ căn cứ địa kháng chiến, bảo vệ nhân dân, ngày 30/11, tại xóm Cây Thị, 1 đại đội bộ đội chủ lực đã chặn đánh một

toán quân địch từ làng Ngò (xã An Khánh) theo đường mòn càn lên xã Hùng Sơn, diệt 15 tên. Ngày 1/12, tại Cầu Hến, du kích xã An Khánh đánh địch bằng địa lôi, diệt 2 tên. Ngày 2/12, tại Đèo Khế, bộ đội chủ lực và du kích tập trung của huyện đã phục kích khoảng 1 trung đoàn địch từ huyện Sơn Dương (tỉnh Tuyên Quang) sang huyện Đại Từ, diệt 30 tên, làm bị thương nhiều tên khác.

Sau hơn nửa tháng tấn công, càn quét Thái Nguyên không thu được kết quả, giữa tháng 12/1947, quân Pháp tập trung về huyện Đại Từ và thị xã Thái Nguyên để rút về xuôi. Trên đường rút, chúng bị bộ đội chủ lực và dân quân, du kích Thái Nguyên chặn đánh liên tiếp. Ngày 20 và 21/12, toàn bộ quân Pháp ở Thái Nguyên theo 2 đường; một đường theo sườn núi Tam Đảo rút về Phúc Yên, một đường theo Quốc lộ 3 qua cầu Đa Phúc rút về Hà Nội. Tỉnh Thái Nguyên hoàn toàn sạch bóng quân xâm lược Pháp.

Qua hơn 1 tháng trực tiếp đương đầu với cuộc hành quân Xanhtuya của địch, quân và dân Thái Nguyên đã cùng với các đơn vị bộ đội chủ lực đánh 123 trận lớn, nhỏ, tiêu diệt 490 tên địch, làm bị thương hơn 100 tên khác. Riêng "*du kích Thái Nguyên đã độc lập chiến đấu 68 trận, tiêu diệt 96 tên Pháp và 3 tên việt gian, phản động, làm bị thương 34 tên khác*..."[(1)], góp phần quan trọng cùng với quân và dân các tỉnh Việt Bắc đánh bại cuộc tấn công đầy tham vọng của địch lên Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc Thu - Đông 1947.

Tuy nhiên, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên cũng không tránh khỏi những tổn thất do cuộc tấn công, càn quét của địch gây ra. Toàn tỉnh có 160 người bị giết, 267 người bị bắt, 8.359 nóc nhà bị đốt, phá; 1.813 con trâu, bò... bị chết và hơn 141 tấn thóc bị thiêu

(1) *Biên bản họp Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ngày 28/2/1948*. Hồ sơ 4 cặp 14. Lưu trữ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên.

hủy. Ngoài ra, từ đầu năm 1947, địch còn cho máy bay đánh phá 134 trận, ném 193 quả bom phá, bắn hàng trăm loạt đạn liên thanh xuống địa bàn 8 phủ, châu, huyện, thị của tỉnh làm chết 178 người, bị thương 143 người; 150 nóc nhà, gần 9 tấn thóc, gạo bị cháy và hư hỏng...(1).

Những tổn thất đó đã gây cho nhân dân Thái Nguyên rất nhiều khó khăn về sản xuất và đời sống, đòi hỏi các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết, khắc phục.

Ngay sau khi giặc Pháp rút khỏi Thái Nguyên, từ ngày 26/12/1947 đến ngày 10/1/1948, Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính tỉnh đã cử các đoàn cán bộ do đồng chí Lương Đình Oánh (Ủy viên Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính tỉnh) phụ trách trực tiếp xuống các xã bị địch càn quét nắm tình hình, động viên cán bộ và nhân dân giữ vững tinh thần và quyết tâm kháng chiến; chỉ đạo cấp ủy, chính quyền cơ sở giải quyết hậu quả chiến tranh; an ủi, giúp đỡ các gia đình có người bị địch sát hại.

Ngày 15/1/1948, Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính tỉnh quyết định thành lập Ban Cứu tế các cấp từ tỉnh xuống các huyện, xã làm nhiệm vụ điều tra, nắm tình hình thiệt hại của nhân dân trong thời kì giặc Pháp tấn công, càn quét; phát tiền trợ cấp cho các nạn nhân và gia đình gặp khó khăn.

Nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời của Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính tỉnh, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã nhanh chóng khắc phục khó khăn, ổn định tư tưởng và đời sống, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tích cực tham gia kháng chiến, kiến quốc.

(1) *Biên bản họp Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ngày 28/2/1948*, Hồ sơ 4 cặp 14, Lưu trữ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Sau thất bại trong cuộc tấn công lên Việt Bắc, thực dân Pháp chuyển từ chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh, sang đánh lâu dài với ta. Chúng thay đổi việc bố trí lực lượng, thay đổi cách đóng quân, thực hiện âm mưu "*Dùng người Việt đánh người Việt*", "*Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh*". Trong vùng Pháp chiếm đóng, chúng ra sức xây dựng chính quyền bù nhìn và thành lập một đội quân người bản xứ để làm công cụ phục vụ cuộc chiến tranh xâm lược.

Thái Nguyên là một tỉnh thuộc vùng tự do, nhưng lại tiếp giáp 3 tỉnh: Bắc Giang, Vĩnh Yên và Phúc Yên là vùng địch tạm chiếm. Ở phía bắc, dọc theo Quốc lộ 3, quân Pháp còn chiếm đóng 5 cứ điểm từ thị xã Bắc Kạn đến Cao Bằng. Như vậy, Thái Nguyên vẫn nằm trong tình thế bị địch bao vây, uy hiếp từ nhiều phía. Mặt khác, sau chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947, Thái Nguyên vẫn là tỉnh thuộc Trung tâm An toàn khu Trung ương; các cơ quan đầu não kháng chiến tiếp tục ở và làm việc tại đây.

Do đó, vấn đề lãnh đạo xây dựng, củng cố Thái Nguyên trở thành tỉnh hậu phương vững mạnh là nhiệm vụ hết sức cấp bách của Đảng bộ. Một trong những nhiệm vụ hàng đầu được Đảng bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo là công tác xây dựng, củng cố các tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng và phát triển đội ngũ đảng viên.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, từ ngày 8/1/1948, tại huyện Đồng Hỷ, Thường trực Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính tỉnh triệu tập Hội nghị gồm đại diện ủy ban kháng chiến kiêm hành chính cấp huyện, lãnh đạo các ty, Chỉ huy Trung đoàn 121 và Đại đội Cảnh vệ. Ngoài nội dung quán triệt tình hình thế giới, trong nước, các đại biểu tham dự Hội nghị nghe các đơn vị báo cáo kết quả những công

việc đã làm trong thời kì địch tấn công; rút kinh nghiệm lãnh đạo và chỉ đạo chiến đấu; thảo luận các nội dung, biện pháp thực hiện các nhiệm vụ cấp bách về chính trị, kinh tế, xã hội, trong thời kì mới.

Tiếp theo, Tỉnh ủy họp mở rộng, ban hành nghị quyết về công tác xây dựng Đảng, chỉ rõ phải củng cố lại chi bộ, mở các lớp huấn luyện cho cán bộ và Bí thư chi bộ, đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên. Theo đó, trong quý I năm 1948, các cấp ủy đảng đã mở được 15 lớp huấn luyện cho cán bộ xã, Bí thư chi bộ và chi ủy viên về tình hình thế giới, trong nước; đường lối chủ trương kháng chiến, kiến quốc của Đảng; công tác chi bộ và tư cách của người cán bộ, đảng viên. Qua huấn luyện, tinh thần trách nhiệm và năng lực công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên. Tuy nhiên, do thời gian mở các lớp bồi dưỡng, huấn luyện quá gấp, nội dung, chương trình huấn luyện chưa được chuẩn bị chu đáo, lại thiếu giảng viên... nên kết quả học tập của học viên còn nhiều hạn chế.

Cùng với việc mở các lớp huấn luyện, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo xây dựng các cơ quan giúp việc Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính tỉnh và kiện toàn cấp ủy các cấp. Trong quý I/1948, các ban chuyên môn giúp việc Tỉnh ủy gồm: Tổ chức - Kiểm tra, Dân vận, Tuyên huấn, Kinh tế - Tài chính được thành lập. Do thiếu cán bộ, Tỉnh ủy đã rút một số cán bộ ở các huyện lên, đồng thời đề nghị Liên khu ủy I[(1)] cho bổ sung.

Đến tháng 4/1948, các ban giúp việc Tỉnh ủy đã được kiện toàn. Theo đó, Ban Tuyên huấn có 3 cán bộ, do 1 Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ban; Ban Tổ chức - Kiểm tra có 4 cán bộ, do 1 Tỉnh ủy viên làm Trưởng ban; Ban Dân vận (gồm các tiểu ban:

(1) Ngày 25/1/1948, Chính phủ ra Sắc lệnh số 120/SL *thành lập các liên khu*. Theo đó, Khu 1 và Khu 12 được hợp nhất thành Liên khu 1.

Phụ vận, Công vận, Thanh vận) có 3 cán bộ, do 1 Tỉnh ủy viên làm Trưởng ban; Ban Kinh tế - Tài chính có 5 cán bộ, do 1 Tỉnh ủy viên phụ trách Kinh tế và 1 Tỉnh ủy viên phụ trách Tài chính. Cùng thời gian trên, Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính tỉnh cũng quyết định thành lập Ty Kinh tế do đồng chí Phạm Đình Giong làm Trưởng ty và Đặng Đình Đông làm Phó ty.

Sau khi thành lập, Ban Tuyên huấn đã triển khai biên soạn tài liệu, xây dựng chương trình tự học cho đảng viên; tổ chức các lớp huấn luyện cho cán bộ xã và Bí thư chi bộ. Các tiểu ban Phụ vận, Công vận trong Ban Dân vận tổ chức nhiều cuộc họp bàn nội dung, biện pháp thúc đẩy phong trào trong phụ nữ và công nhân. Cùng thời gian trên, Văn phòng Tỉnh ủy cũng được biên chế đủ 1 Bí thư, 1 Thư kí Văn phòng và 3 nhân viên. Thời gian này các huyện ủy chưa thành lập được các ban chuyên môn giúp việc, mới chỉ định cán bộ phụ trách các mặt công tác: Tuyên huấn, thanh vận (riêng Huyện ủy Đồng Hỷ đã thành lập được Ban Tổ chức, Kiểm tra). các Huyện ủy: Đại Từ, Phú Lương, Định Hóa chưa có Thư kí Văn phòng. Huyện ủy Võ Nhai[1] thiếu cả Thư kí Văn phòng và nhân viên đánh máy.

Trước tình hình trong Tỉnh ủy Thái Nguyên có hiện tượng "*chưa thật sự đoàn kết và thống nhất... Làm việc chưa được ăn ý, lãnh đạo, chỉ đạo chưa được mau lẹ, kịp thời. Sinh hoạt Tỉnh ủy không đều, không định ngày, thường họp mở rộng (không họp riêng Tỉnh ủy) nên không rõ sinh hoạt của một cấp bộ Đảng, công tác lãnh đạo không được thông suốt các ngành từ trên xuống dưới, Ban Thường vụ làm việc của Tỉnh ủy, Bí thư Tỉnh ủy làm việc của Ban Thường vụ, Tỉnh ủy viên phụ trách huyện nào, ban nào thì chú ý đến huyện ấy, ban ấy*",

(1) Ngày 25/3/1948, Chính phủ ra Sắc lệnh số 148/SL quy định bãi bỏ các danh từ phủ, châu, quận; cấp trên xã và cấp dưới tỉnh thống nhất gọi là cấp huyện

Ban Thường vụ Liên khu ủy I đã tập trung lãnh đạo chấn chỉnh tổ chức và cử cán bộ về tăng cường cho Tỉnh ủy Thái Nguyên[1].

Sau khi được củng cố, kiện toàn, Tỉnh ủy Thái Nguyên đã đề ra quy chế sinh hoạt: Tỉnh ủy sinh hoạt tháng 1 kì vào ngày 5, Ban Thường vụ sinh hoạt tháng 3 kì vào các ngày 4, 14, 24. Từ đó, sinh hoạt của Ban Chấp hành Đảng bộ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy dần dần đi vào nền nếp, lề lối và tác phong làm việc có nhiều tiến bộ về mặt dân chủ nội bộ và chủ trương công tác.

Nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh, ngày 29/4/1948, Tỉnh ủy Thái Nguyên quyết định thành lập Liên Chi bộ khối Chính quyền tỉnh và Liên Chi bộ Tỉnh ủy[2].

Cùng với việc xây dựng và củng cố tổ chức Đảng, Đảng bộ tập trung lãnh đạo củng cố và phát triển đội ngũ đảng viên; trước hết là lãnh đạo thực hiện nghiêm túc và triệt để việc rà soát, sàng lọc đảng viên, "*kiên quyết thanh trừng những phần tử hư hỏng, ươn hèn, có hại ra khỏi Đảng*"[3]; quyết tâm sửa chữa khuyết điểm phát triển

(1) Cuối tháng 2/1948, Ban Thường vụ Liên khu ủy I điều đồng chí Trần Quốc Trung về giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy. Tiếp đó, đầu tháng 4/1948, cử đồng chí Lê Thanh về giữ chức Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Lê Hoàng đi phụ trách Đội công tác; đồng chí Phan Văn Tỉnh là Tỉnh ủy viên phụ trách Tỉnh đội bộ dân quân thay đồng chí Lê Văn Lương (Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh đội trưởng) đi nhận công tác khác; tháng 5/1948, đồng chí Vũ Hưng và đồng chí Nhị Quý được cử đi học ở Trung ương, đồng chí Trần Lê Nhân về thay đồng chí Trần Lê Nguyên giữ chức Bí thư Huyện ủy Phú Bình.

(2) Liên Chi bộ khối Chính quyền tỉnh gồm chi bộ ghép các cơ quan Kháng chiến, Y tế, Thông tin, Chi bộ Ty Công an, Chi bộ Tỉnh đội dân quân và Chi bộ Cảnh vệ. Ban Chấp hành Liên chi bộ (Liên chi ủy) gồm đồng chí Kiên (Chi bộ Kháng chiến) giữ chức Bí thư, đồng chí Nguyễn Hữu Uẩn (Chi bộ Tỉnh đội dân quân) giữ chức Phó Bí thư, đồng chí Liên (Chi bộ Kháng chiến), đồng chí Giản (Chi bộ Cảnh vệ), đồng chí Nguyễn Hòa Bình (Chi bộ Ty Công an) là Ủy viên. Liên Chi bộ Tỉnh ủy gồm các Chi bộ: Giao thông, Liên hiệp công đoàn, Tuyên huấn, Dân vận, Văn phòng Tỉnh ủy do đồng chí Nghị (Chi bộ Dân vận) giữ chức Bí thư, đồng chí Lập (Chi bộ Tuyên huấn) giữ chức Phó Bí thư và các đồng chí Quang (Chi bộ Giao thông), Nghiêm (Chi bộ Văn phòng Tỉnh ủy), Tùng (Chi bộ Liên hiệp Công đoàn) là Ủy viên.

(3) Nghị quyết ngày 15/3/1948 của Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Đảng quá rộng rãi, để nhiều phần tử phức tạp lọt vào Đảng trong thời kì cuối năm 1946, đầu năm 1947. Trong quý I năm 1948, toàn Đảng bộ đã thi hành kỉ luật 119 đảng viên (trong đó có 32 đảng viên bị phê bình, 41 đảng viên bị cảnh cáo, 11 đảng viên bị khai trừ khỏi Đảng có kì hạn, 17 đảng viên bị khai trừ khỏi Đảng không kì hạn và 18 đảng viên bị khai trừ khỏi Đảng vĩnh viễn).

Trong số 18 đảng viên bị kỉ luật khai trừ khỏi Đảng vĩnh viễn có 4 đảng viên của hãng Việt Thái (cơ quan kinh tế của Tỉnh bộ Việt Minh, do đồng chí Nguyễn Văn Mô (tức Cương) - Tỉnh ủy viên, phụ trách. Hãng Việt Thái được thành lập từ cuối năm 1946 với số vốn khoảng 2 triệu đồng. Theo kết luận của Tỉnh ủy Thái Nguyên, hãng Việt Thái "*mờ ám về sổ sách ghi tiền quỹ, việc kế toán làm không rõ ràng, rành mạch..., làm việc không có tinh thần trách nhiệm; việc đoàn thể giao cho không tích cực làm; mua gỗ mục, thóc mốc bằng một giá thật đắt rồi bỏ mối mọt, mục nát. Mua trâu với giá quá đắt mà trâu lại già, không cày được. Báo cáo hằng tháng không rõ ràng, để ngoài sổ sách 300.000 đồng, lợi dụng danh nghĩa Việt Minh để buôn, bán, lấn át các con buôn ở thị xã, làm mất ảnh hưởng, chính trị của Đoàn thể*"(1). Hậu quả, hãng Việt Thái đã làm thua lỗ, thất thoát hơn 1 triệu đồng tiền công quỹ (tại thời điểm này, nhu cầu chi của cơ quan Tỉnh ủy chỉ có 150.000 đồng một tháng; Tỉnh đội chỉ có 130.000 đồng để mua sắm vũ khí, trang bị cho dân quân, du kích). Vì để hãng Việt Thái có các sai lầm, khuyết điểm trên, đầu tháng 1/1948 "*Toàn Ban Tỉnh ủy Thái Nguyên bị Khu ủy I cảnh cáo về chủ trương tài chính, kinh tế thất bại*"(2), Tỉnh ủy Thái Nguyên phải nghiêm khắc kiểm điểm: "*chủ trương sai ngay khi thành lập vốn*"(3).

(1) Phông 43, hồ sơ 217. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

(2), (3) Phông 43, hồ sơ 217. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Trong số 18 đảng viên bị kỉ luật khai trừ vĩnh viễn ra khỏi Đảng, ngoài 4 đảng viên của hãng Việt Thái, còn có 10 đảng viên Chi bộ xã Thịnh Đán (huyện Đồng Hỷ) và 4 đảng viên Chi bộ xã La Hiên (huyện Võ Nhai) vì 3 tháng không sinh hoạt chi bộ, nội bộ đảng viên chia rẽ, mất đoàn kết; có đảng viên vì tư thù cá nhân đã đốt nhà người khác; có đảng viên lợi dụng địch tấn công vào địa bàn xã đi cướp của, chiếm đoạt giấy tờ của người tản cư; có đảng viên không tham gia sinh hoạt Đảng, không thực hiện nhiệm vụ chi bộ giao.

Cùng với việc rà xét, sàng lọc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, Đảng bộ đã chú trọng lãnh đạo công tác phát triển đảng viên. Công tác phát triển đảng viên được các cấp ủy đảng chỉ đạo chặt chẽ, đảm bảo đúng nguyên tắc, thủ tục. Ba tháng đầu năm 1948, Đảng bộ kết nạp vào Đảng 247 quần chúng ưu tú (được lựa chọn trong số dân quân, du kích và những người có tinh thần chiến đấu chống địch tấn công, càn quét Thu - Đông 1947) vào Đảng, nâng tổng số đảng viên của Đảng bộ lên 2.836 đồng chí (so với số dân trong tỉnh, trung bình cứ 66 người có 1 đảng viên, đạt tỉ lệ lãnh đạo khoảng 1,2%). Quý II năm 1948, Đảng bộ kết nạp thêm 124 đảng viên. Nhìn chung, công tác phát triển Đảng trong 6 tháng đầu năm 1948 đảm bảo phương châm "*trọng chất lượng hơn số lượng*", góp phần nâng cao sức chiến đấu của Đảng bộ.

Song song với việc củng cố, xây dựng tổ chức Đảng và phát triển đội ngũ đảng viên, Đảng bộ lãnh đạo, chỉ đạo tốt công tác xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính các cấp từ tỉnh xuống đến xã được kiện toàn. Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính tỉnh gồm 7 ủy viên, do các đồng chí: Lê Trung Đình giữ chức Chủ tịch, Đặng Đức Thái giữ chức Phó Chủ tịch. Các ủy viên Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính cấp huyện

đều chịu khó làm việc, tận tâm, tận lực với nhiệm vụ được giao. Các ủy viên Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính cấp xã tuy không được trợ cấp hằng tháng, năng lực còn hạn chế, nhưng "*... vẫn có tinh thần hi sinh, tận tụy thi hành những nhiệm vụ, mệnh lệnh của cấp trên và Chính phủ giao cho*"(1).

Đội ngũ cán bộ chủ chốt các ngành chuyên môn của tỉnh cũng được kiện toàn. Ty Công an do đồng chí Nguyễn Đình Lim (Trưởng ty Công an Hà Đông) về làm Trưởng ty thay đồng chí Phan Huy Đông chuyển đi Hồng Quảng. Ty Thông tin sau khi được chấn chỉnh, củng cố, đã chỉ đạo kiện toàn đội ngũ cán bộ phòng Thông tin các huyện; tổ chức xuất bản và phát hành 500 tờ "*Tin tức*" xuống tận các thôn, bản để tuyên truyền vận động, cổ vũ nhân dân. Các Ty: Tiểu học vụ, Bình dân học vụ, Thuế quan, Thuế trực thu, Ngân khố, Bưu điện, Y tế, Ủy ban Tản cư - Di cư và Ban Canh nông (gồm các ty: Túc mễ, Khuyến nông, Khẩn hoang - Di dân, Tín dụng sản xuất, Tằm tang, Địa chính, Lâm chính, Thú ngư) cũng từng bước được củng cố, kiện toàn cán bộ, khôi phục nền nếp, chế độ công tác bình thường như trước khi địch tấn công lên Việt Bắc Thu - Đông 1947. Công tác tài chính của tỉnh đã đảm bảo được các hoạt động thu, chi thường xuyên và đột xuất. Đến ngày 30/4/1948, toàn tỉnh đã thu được 21.874.475 đồng các loại thuế; đã chi: 9.791.227,80 đồng, số dư 12.083.247,20 đồng.

Như vậy, kể từ sau Đại hội lần thứ I (8/1947), Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã lãnh đạo quân, dân địa phương làm tốt nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần to lớn cùng với quân, dân cả nước đập tan cuộc tấn công quân sự quy mô lớn của thực dân Pháp vào Căn cứ địa Việt Bắc trong Thu - Đông 1947, bảo vệ an toàn các

(1) *Báo cáo đặc biệt về tình hình chính quyền trong tỉnh của Hội đồng Cứu quốc Thái Nguyên*.

cơ quan đầu não kháng chiến. Công tác xây dựng, phát triển Đảng được đẩy mạnh và thu nhiều kết quả. Bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng được củng cố, kiện toàn…

Tuy nhiên, công tác lãnh đạo của Đảng bộ vẫn còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Trong thời gian giặc Pháp tấn công, càn quét, cán bộ và nhân dân ở một vài nơi có biểu hiện hoang mang, dao động. Một số huyện ủy, như Định Hóa, Phổ Yên, đặc biệt là Đại Từ và Đồng Hỷ, đã xảy ra tình trạng mất đoàn kết nội bộ làm cho tổ chức Đảng bị tê liệt, mất tác dụng, gây ảnh hưởng xấu tới phong trào(1). Trong công tác phát triển Đảng, một số nơi chạy theo số lượng, chưa coi trọng chất lượng, dẫn đến tình trạng kết nạp cả phần tử phức tạp…

Sau chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947, vấn đề khôi phục sản xuất và ổn định đời sống nhân dân những nơi bị địch tàn phá là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng bộ. Vì vậy, Ban Cứu tế được thành lập, do đồng chí Lương Đình Oánh (Ủy viên Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính tỉnh) phụ trách, làm nhiệm vụ điều tra sự thiệt hại của nhân dân do địch tàn phá và tổ chức cấp tiền trợ cấp cứu tế cho đồng bào không may bị tai nạn chiến tranh(2). Đến hết tháng 4/1948, Ban Cứu tế tỉnh đã phát tiền trợ cấp cho đồng bào bị nạn ở các huyện: Định Hóa 30.000 đồng, Phổ Yên 40.000 đồng, Phú Lương 35.000 đồng, Đại Từ 35.000 đồng, Võ Nhai 45.000 đồng, Đồng Hỷ 13.000 đồng và Phú Bình 2.000 đồng.

Việc làm trên đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của các cấp ủy đảng và chính quyền đối với nhân dân các dân tộc trong tỉnh, có tác dụng động viên mọi người tích cực tăng gia sản xuất, hăng hái tham

(1) *Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy ngày 29/4/1948*, tr. 3.

(2) Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính tỉnh đã cấp cho Ban Cứu tế 200.000 đồng để trợ cấp cho những người bị nạn.

gia đóng góp vào sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Năm 1948, nhân dân trong tỉnh đã khắc phục khó khăn, cấy được 44.319 mẫu các loại lúa chiêm, ba giăng, mùa, thu được 53.284 tấn thóc, tăng 13.235 tấn so với năm 1947.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Liên khu ủy I, từ ngày 15 đến ngày 22/6/1948, tại xã Yên Mỹ, huyện Đại Từ, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ II. Tham dự Đại hội, có 147 đại biểu chính thức, 26 đại biểu dự thính thay mặt cho 2.849 đảng viên sinh hoạt ở 145 chi bộ trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Lê Đức Thọ thay mặt Trung ương Đảng và đại diện Liên khu ủy I đã về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đánh giá kết quả công tác lãnh đạo của Đảng bộ từ sau Đại hội lần thứ I (tháng 8/1947), Đại hội khẳng định những thành tích và ưu điểm; đồng thời cũng chỉ ra những thiếu sót, khuyết điểm cần khắc phục. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II gồm 9 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ngày 23/6/1948, tại phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 3 ủy viên. Các đồng chí: Lê Thanh, Lê Trung Đình được bầu giữ chức Bí thư và Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ II "*tuy sửa soạn gấp rút, nhưng về mặt tổ chức cũng khá chu đáo, đánh dấu một bước tiến của công tác tổ chức các hội nghị lớn, có tiến bộ so với Hội nghị đại biểu toàn tỉnh năm 1947. Về tinh thần thì các vấn đề trong Hội nghị đều được thảo luận kĩ càng, ý kiến không đến nỗi nghèo nàn, các đại biểu rất có tinh thần, ai nấy phấn khởi, hăng hái hơn lên. Cách làm việc trong Hội nghị cũng khá hợp lí, quân sự hóa và khoa học*"(1).

(1) *Báo cáo công tác lãnh đạo quý 1I/1948 của Tỉnh ủy Thái Nguyên*. Tài liệu lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ II, Đảng bộ đã thành lập mới và kiện toàn các ban, phòng giúp việc cho cấp ủy các cấp; cử nhiều cán bộ địa phương, trong đó có một số đồng chí là dân tộc thiểu số đi học chính trị, văn hóa, nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ nhận thức và năng lực lãnh đạo cũng như năng lực nghiệp vụ công tác chuyên môn. Đến cuối tháng 9/1948, Tỉnh ủy đã mở 5 lớp, bồi dưỡng cho 180 đồng chí cán bộ và ủy viên cấp ủy huyện, xã; các huyện ủy đã mở 82 lớp bồi dưỡng cho 1.350 lượt cán bộ, đảng viên. Những cán bộ có năng lực đã được đề bạt vào các cương vị lãnh đạo, chỉ đạo trong bộ máy Đảng và chính quyền các cấp.

Trên cơ sở làm tốt công tác xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ, Đảng bộ đã hướng công tác xây dựng Đảng vào 2 nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng chi bộ vững mạnh và phát triển đảng viên. Thực hiện chỉ tiêu mỗi xã, mỗi trung đội du kích tập trung có 1 chi bộ, mỗi thôn (hoặc làng) có 1 tổ Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã mở *Cuộc vận động phát triển đảng viên*. Nhiều quần chúng xuất sắc trên các lĩnh vực hoạt động đã được bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện kết nạp vào Đảng.

Công tác phát triển đảng viên được các cấp ủy đảng lãnh đạo chặt chẽ hơn, đã hướng vào những vùng chưa có đảng viên và những nơi quan trọng. Trong quý III năm 1948, Đảng bộ kết nạp được 341 đảng viên. Hầu hết số đảng viên được kết nạp trong cuộc vận động này đều xuất thân từ thành phần cơ bản.

Quý 1/1949, đồng chí Lê Trung Đình - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh[1] được Liên khu ủy chỉ định giữ chức Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Lê Thanh đi nhận công tác

(1) Ngày 25/3/1948, Chính phủ ra Sắc lệnh số 149/SL bỏ từ *kiêm* trong cụm từ *Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính*, gọi là *Ủy ban Kháng chiến Hành chính*.

khác. Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy được tách làm 2 ban: Tuyên truyền và Huấn học; Ban Tổ chức - Kiểm tra cũng được tách làm 2 ban: Đảng vụ và Kiểm tra. Sau khi thành lập, Ban Đảng vụ đã giúp Tỉnh ủy mở Hội nghị bồi dưỡng, quán triệt nguyên tắc, phương hướng, nội dung công tác xây dựng Đảng. Tại Hội nghị này, lần đầu tiên sinh hoạt chi bộ được quy định thực hiện các nội dung kiểm điểm công tác lãnh đạo giữa hai kì sinh hoạt, bàn và quyết nghị nhiệm vụ công tác mới, kiểm điểm tự phê bình, phê bình và học tập chính trị.

Quý II/1949, Tỉnh ủy đề ra chủ trương củng cố chi bộ. Theo chủ trương này, từ Tỉnh ủy xuống các huyện ủy đều thành lập các Đội củng cố chi bộ. Các huyện ủy đã cử nhiều cán bộ xuống trực tiếp làm Bí thư các chi bộ yếu, kém. Nhờ đó, vị trí và vai trò của chi bộ cơ sở từng bước được nâng cao; công tác phát triển Đảng ở cơ sở đã đảm bảo đúng hướng, sát hợp với tình hình ở từng địa phương. Các chi bộ đã chú trọng công tác tuyên truyền, mở rộng ảnh hưởng của Đảng tới quần chúng.

Cùng thời gian trên, Đảng bộ đã lãnh đạo tốt các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp, xã và tỉnh. Ngày 24/4/1949, gần 83% số cử tri toàn tỉnh đã hăng hái bầu cử 1.131 đại biểu (trong đó có 41 đại biểu nữ) vào Hội đồng nhân dân xã. Tiếp đó, ngày 18/9 và 10/10/1949, hơn 64,5% số cử tri trong toàn tỉnh đã bầu được 20 đại biểu vào Hội đồng nhân dân tỉnh. Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp, Đảng bộ lãnh đạo kiện toàn các cơ quan chính quyền, đoàn thể đảm bảo đủ số lượng và nâng cao về chất lượng.

Nhằm kiện toàn Ủy ban kháng chiến hành chính các huyện theo sắc lệnh 254 của Chính phủ, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh đã đề nghị và được Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu I

chuẩn y bổ sung các đồng chí: Ngô Tuấn Tùng, Dương Uy Phùng, Tạ Văn Khang vào Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Phú Bình; Nguyễn Văn Bính, Nguyễn Văn Cúc vào Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Đồng Hỷ; Đỗ Văn Quất, Nguyễn Văn Khiêm vào Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Phú Lương; Nguyễn Quang Hiệu, Hoàng Văn Tạo, Ngô Quang Thanh vào Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Phổ Yên; Ngô Văn Phung, Chu Phóng vào Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Võ Nhai; Ma Văn Ky, Nông Văn Thinh vào Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Định Hóa.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ II (6/1948), Đảng bộ luôn chú trọng công tác xây dựng Đảng, đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình. Nhờ đó, những hạn chế, thiếu sót từ những năm trước từng bước được khắc phục; nội bộ Tỉnh ủy đoàn kết, năng lực công tác khá đồng đều. Hầu hết các ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ đã được huấn luyện, bồi dưỡng, có trách nhiệm cao, luôn luôn bám sát cấp huyện. Nhiều đồng chí xuống tận cơ sở chi bộ để theo dõi, nắm tình hình và chỉ đạo công tác. Bộ máy chính quyền các huyện đã được chấn chỉnh, được tăng cường các ủy viên có năng lực, biết điều hành công tác. Hầu hết ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính các huyện đều là đảng viên, nội bộ đoàn kết tốt.

Tuy nhiên, kết quả công tác củng cố chi bộ giữa các vùng còn chênh lệch quá lớn. Công tác xây dựng và phát triển Đảng chưa được đẩy mạnh ở các vùng xung yếu, vùng cơ sở cách mạng, vùng Công giáo, trong các dân tộc ít người. Năng lực công tác tuyên truyền, giáo dục quần chúng để phát triển Đảng ở một số chi bộ và đảng viên còn nhiều hạn chế; có chi bộ thuộc Đảng bộ huyện Đại Từ không làm công tác tuyên truyền, phát triển Đảng. Một số cán bộ

cấp ủy và đảng viên trong Đảng bộ có biểu hiện xa rời quần chúng, cục bộ địa phương, lười học tập...

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Liên khu ủy I, ngày 2/7/1949, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ III được tổ chức. Trên cơ sở đánh giá kết quả và hạn chế trong công tác lãnh đạo các mặt công tác nhiệm kỳ trước, Đại hội đã vạch ra phương hướng, nội dung và biện pháp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ. Đại hội quyết định đưa dần việc học tập của cán bộ, đảng viên thành quy định thống nhất; chú trọng bồi dưỡng lí luận chính trị cũng như về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và văn hóa.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa III gồm gồm 11 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 5 ủy viên. Các đồng chí: Lê Trung Đình được bầu giữ chức vụ Bí thư và Vũ Thu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III, Tỉnh ủy phát động: *Tuần lễ tổng kiểm thảo sửa chữa các bệnh của cấp ủy*, được các huyện ủy tích cực hưởng ứng. Đáng chú ý là Huyện ủy Phổ Yên tổ chức *Tuần lễ giáo dục nội bộ* nhằm đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, trong đảng viên và cấp ủy các cấp. Kết quả cuối năm 1949, các bệnh xa rời quần chúng, hẹp hòi, địa phương, hủ hóa... trong đội ngũ đảng viên của Đảng bộ tỉnh đã giảm nhiều; hầu hết đảng viên đã mạnh dạn tự phê bình, nên có nhiều tiến bộ. Tuy nhiên, vẫn còn một số tổ chức đảng và đảng viên còn quanh co giấu giếm khuyết điểm, thậm chí có đảng bộ 4 tháng không tổ chức kiểm điểm.

Công tác xây dựng và phát triển Đảng đạt được nhiều kết quả. Trong năm 1949, Đảng bộ đã kết nạp 1.480 quần chúng ưu tú vào Đảng và thành lập thêm 18 chi bộ mới. Các xã: Đồng Bẩm (Đồng Hỷ), Tân Thái (Đại Từ) và nhiều xã thuộc vùng xung yếu đã làm tốt công tác phát triển Đảng.

Bước sang năm 1950, thực hiện chỉ thị của Trung ương, Đảng bộ chuyển trọng tâm công tác xây dựng Đảng từ phát triển sang củng cố, liên tiếp phát động các cuộc vận động nhằm củng cố cơ sở và nâng cao chất lượng đảng viên. Nhân dịp kỉ niệm lần thứ 20 Ngày thành lập Đảng (6/1/1930 - 6/1/1950)(1), Đảng bộ triển khai thực hiện *Cuộc vận động học tập lí luận, rèn luyện đạo đức cách mạng*. Trong dịp kỉ niệm lần thứ 60 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/1950), Đảng bộ tiếp tục phát động *Tuần lễ thi đua rèn luyện Đảng tính*.

Các cuộc vận động xây dựng Đảng đều được các cấp ủy đảng chuẩn bị chu đáo; các ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp xuống cơ sở chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm nhân ra diện rộng. Thông qua các cuộc vận động xây dựng Đảng, hầu hết các cấp ủy đã được kiện toàn, nhiều đảng viên tiêu biểu xuất thân từ các thành phần cơ bản được bổ sung vào các cấp ủy đảng; ý thức giai cấp, trình độ giác ngộ chính trị của cán bộ, đảng viên được nâng lên.

Trong những năm 1948 - 1950, bộ máy chính quyền cấp huyện được tăng cường. Theo đề nghị của Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh, Liên khu đã quyết định bổ sung thêm cho mỗi Ủy ban kháng chiến hành chính huyện 2 ủy viên. Như vậy, thời gian này mỗi Ủy ban kháng chiến hành chính huyện có 5 ủy viên.

(1) Từ Đại hội đại biểu lần thứ III của Đảng trở về trước, hằng năm đều lấy ngày 6/1 là ngày kỉ niệm thành lập Đảng.

Cùng với việc tăng cường về số lượng, công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ chính quyền được Đảng bộ coi trọng. Hầu hết ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính 2 cấp tỉnh và huyện đều được cử đi dự các lớp tập huấn chính trị và nghiệp vụ do Trung ương và Liên khu tổ chức. Nhiều ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính xã được cử theo học các lớp bồi dưỡng cán bộ hành chính do Liên khu tổ chức. Ngoài các lớp do Liên khu mở, trong năm 1949, tỉnh Thái Nguyên mở 2 lớp huấn luyện cho 51 ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính xã (lớp 1 từ ngày 1/10 đến 8/11/1949 cho 3 huyện khu vực phía Nam và lớp 2 từ ngày 31/10 đến 18/11/1949 cho 4 huyện khu vực phía Bắc). Sang năm 1950, tỉnh mở 3 lớp bồi dưỡng văn hóa và nghiệp vụ cho 120 ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính xã và huyện.

Đối với các ngành chuyên môn, thực hiện sắc lệnh tháng 10/1949 của Chính phủ, Tỉnh ủy lãnh đạo hợp nhất các ty: Túc mễ, Khuyến nông, Tầm tang (thuộc Ban Canh nông) thành ty Nông chính; thành lập Ty Lao động liên tỉnh Thái Nguyên - Phúc Yên. Toàn tỉnh có 26 ty, ngành chuyên môn(1).

Cán bộ, nhân viên các ngành "đều làm việc với tinh thần phụng sự kháng chiến, cho nên mặc dù gặp khó khăn và trở ngại, nhưng các ngành đều làm được những công việc của cấp trên giao; lề lối làm việc của các ngành đều được cải tiến, đặc biệt một số ngành đã thực hiện được triệt để tinh thần dân chủ nội bộ"(2). Tuy nhiên, "*một*

(1) Gồm các ty: 1- Địa chính; 2- Kinh tế; 3- Công an; 4- Bình dân học vụ; 5- Tiểu học vụ; 6- Trung học vụ; 7- Y tế; 8- Thú ngư; 9- Bưu điện; 10- Quốc dân miền ngược; 11- Hoa kiều vụ; 12- Khẩn hoang di dân; 13- Tín dụng sản xuất; 14- Ngân khố; 15- Tỉnh đội dân quân; 16- Trước bạ; 17- Nông giang sông Cầu; 18- Thuế trực thu; 19- Thuế quan; 20- Thông tin; 21- Công chính; 22- Tòa án đệ nhị; 23- Thương binh, cựu binh; 24- Lâm chính; 25- Nông chính; 26- Ty Lao động liên tỉnh Phúc - Thái.

(2) *Báo cáo công tác năm 1949 của Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên*, Hồ sơ 3.286. H260 Lưu trữ Văn phòng Chính phủ.

số công việc đề ra chưa sát với thực tế nên nhân dân không thực hiện được; năng lực chuyên môn của lãnh đạo và nhân viên một số ngành yếu nên không kiểm tra và hướng dẫn được cấp dưới, một số nhân viên nặng về gia đình, tinh thần trách nhiệm công tác kém"(1) .

Thực hiện cuộc vận động *Chấn chỉnh cấp xã* do Liên khu phát động theo chỉ thị của Trung ương, với khẩu hiệu: *Chuyển trọng tâm công tác xuống xã*, Tỉnh ủy Thái Nguyên đã thành lập nhiều đội công tác đưa xuống chỉ đạo, hướng dẫn các huyện củng cố cấp xã. Một số đội được cử xuống tận các xã vừa chỉ đạo củng cố, vừa rút kinh nghiệm. Do làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo từ tỉnh xuống cơ sở, nên cuộc vận động *Chấn chỉnh cấp xã* đã đạt được kết quả tốt. Thông qua cuộc vận động, chất lượng tổ chức cơ sở đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở các xã trong tỉnh từng bước được nâng cao; nhiều xã từ yếu, kém vươn lên khá. Nhiều cán bộ, đảng viên đã nhận rõ vai trò tiền phong gương mẫu của mình, đi đầu trong công tác kháng chiến, kiến quốc. Bộ máy chính quyền xã được củng cố. Các đối tượng là địa chủ cường hào, những cán bộ, đảng viên kém ý chí phấn đấu đã bị thanh thải ra khỏi Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính xã. Ủy ban Kháng chiến Hành chính các xã: Cù Vân (Đại Từ), Vô Tranh (Phú Lương) có nhiều thiếu sót, khuyết điểm, không chịu sửa chữa, đã phải giải tán để xây dựng, kiện toàn lại. 39 đảng viên là cán bộ chủ chốt ở cấp xã và huyện do kém tinh thần kháng chiến, không chấp hành chính sách, thoái hóa, biến chất, đã bị cách chức, cảnh cáo hoặc khai trừ khỏi Đảng.

Tuy đạt được một số thành tích nhất định, nhưng vì cuộc vận động *Chấn chỉnh cấp xã* được tiến hành đồng thời ở nhiều xã thuộc 7/7 huyện, trong điều kiện kinh tế của tỉnh có nhiều khó khăn, kinh phí,

(1) *Báo cáo công tác năm 1949 của Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên*, Hồ sơ 3.286. H260 Lưu trữ Văn phòng Chính phủ.

phương tiện làm việc, đi lại đều thiếu thốn[1], dân cư có nhiều yếu tố phức tạp (xen kẽ công nhân, nông dân, dân tản cư từ nơi khác đến...), cán bộ xã vừa ít về số lượng, vừa thiếu người có năng lực, nội dung cuộc vận động lại quá nhiều (tới 30 nội dung), nên kết quả cuộc vận động đạt thấp so với yêu cầu đề ra.

Vừa tập trung lãnh đạo xây dựng, củng cố các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp, Đảng bộ vừa quan tâm lãnh đạo việc xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, du kích và tham gia xây dựng bộ đội chủ lực. Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn đủ cán bộ chủ chốt Ban Chỉ huy từ tỉnh đội xuống các huyện đội bộ dân quân.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh, từ ngày 3 đến ngày 7/1/1948, Ban Chỉ huy Tỉnh đội mở Hội nghị tổng kết, rút kinh nghiệm chiến đấu của lực lượng dân quân, du kích trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu - Đông 1947. Các cán bộ lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh và Ban Chỉ huy các huyện đội trong tỉnh đã về dự Hội nghị. Hội nghị thảo luận, thống nhất các vấn đề về xây dựng lực lượng du kích tập trung thoát li sản xuất; tổ chức, sử dụng dân quân, du kích, tuần tra, canh gác và sự phối hợp tác chiến giữa du kích địa phương với bộ đội chủ lực. Tại Hội nghị, Ban Chỉ huy Tỉnh đội đã trao giải thưởng gồm 5 khẩu súng kíp và 50 quả lựu đạn của xưởng A5 Ty Quân giới Liên khu I cho du kích các xã: Đồng Bẩm, Phú Xuân[2] (huyện Đồng Hỷ) đã có tinh thần dũng cảm truy kích địch; trao giải thưởng của Ban Dân quân Liên khu I cho du kích huyện Phú Lương có nhiều thành tích trong chiến đấu với địch.

(1) Phụ cấp của cán bộ cấp huyện lúc đó trung bình 38 kg gạo/1 tháng.

(2) Cuối năm 1953, xã Phú Xuân chia tách thành 2 xã: Phúc Xuân và Phúc Trìu.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với lực lượng vũ trang và bán vũ trang địa phương, Đảng bộ quyết định đưa 221 đảng viên vào dân quân, du kích để làm hạt nhân nòng cốt lãnh đạo, chỉ huy. Tỉnh ủy đề nghị và được Liên khu ủy quyết định bổ sung đồng chí Mã Thành Kính (Trung đoàn trưởng Trung đoàn 121 Thái Nguyên - Phúc Yên) vào làm Ủy viên Quân sự trong Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên, thay đồng chí Chu Huy Mân (Trung đoàn trưởng Trung đoàn 72) chuyển lên Bắc Kạn.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh, cuối năm 1948, lực lượng dân quân, du kích Thái Nguyên đã phát triển lên tới 20.012 cán bộ, chiến sĩ (trong đó có 4.514 du kích xã và 315 du kích tập trung). Trung bình mỗi huyện đã xây dựng hoàn chỉnh 1 trung đội du kích tập trung, biên chế 35 cán bộ, chiến sĩ; vũ khí trang bị tương đối đầy đủ. Trung đội du kích tập trung của tỉnh phát triển thành đại đội, biên chế 70 cán bộ, chiến sĩ. Dân quân, du kích toàn tỉnh đã được trang bị 221 súng trường, 1.828 súng kíp, 5.390 lựu đạn, 81 mìn, hơn 100 địa lôi và gần 500 dao, kiếm, mã tấu... Ngoài ra, dân quân, du kích các huyện: Phú Bình, Đại Từ còn được trang bị thêm một số súng máy, súng lục là chiến lợi phẩm thu được của địch.

Cùng với việc lãnh đạo xây dựng lực lượng, Đảng bộ chú trọng lãnh đạo huấn luyện nâng cao trình độ kĩ thuật, chiến thuật cho cán bộ, chiến sĩ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ. Năm 1948, toàn tỉnh đã có 333 cán bộ tiểu đội, 161 cán bộ trung đội, 43 cán bộ đại đội (xã đội) dân quân, du kích và 20 cán bộ huyện đội đã được tham dự các lớp huấn luyện, bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy quân sự, chính trị do Ban Chỉ huy Tỉnh đội và Ban Chỉ huy các huyện đội tổ chức.

Năm 1949, công tác lãnh đạo xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng dân quân du kích của Đảng bộ có nhiều chuyển biến tiến bộ so với những năm trước. Cuối năm 1949, lực lượng dân quân, du kích toàn tỉnh lên tới 27.365 người (tăng 7.353 người so với năm l948). Trong đó, có 5.700 du kích (tăng 1.186 người so với năm 1948). Xưởng vũ khí của tỉnh trung bình mỗi tháng sản xuất được từ 1.200 đến 1.500 quả mìn hoặc lựu đạn, đáp ứng được nhu cầu cung cấp vũ khí chiến đấu cho lực lượng dân quân, du kích ở địa phương.

Thực hiện sắc lệnh ngày 7/4/1949 của Chính phủ, Nghị định 103/NĐ, Thông tư số 46/TT ngày 7/7/1949 của Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh, nghị quyết ngày 28/9/1949 của Bộ Tư lệnh Liên khu I về việc thành lập bộ đội địa phương, tháng 10/1949, Đảng bộ lãnh đạo sắp xếp, điều động, bổ nhiệm 193 cán bộ từ tiểu đội đến đại đội; xây dựng, kiện toàn xong lực lượng bộ đội địa phương gồm các cơ quan tỉnh đội, huyện đội, đại đội bộ đội địa phương tỉnh và 7 đại đội bộ đội địa phương ở 7 huyện.

Thiếu cán bộ, Tỉnh ủy chỉ đạo các huyện ủy nghiên cứu, đề bạt những người có năng lực trong cơ quan các huyện đội lên làm Đại đội trưởng, Đại đội phó, điều người ở các đoàn thể Cứu quốc sang làm Chính trị viên; các cán bộ trung đội do các huyện đội nghiên cứu, sắp xếp đưa cán bộ xã đội lên. Ban Chỉ huy Tỉnh đội bộ phải điều một số cán bộ ở cơ quan xuống các huyện phụ trách bộ đội địa phương.

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy cho đội ngũ cán bộ bộ đội địa phương các cấp, một mặt tỉnh cử nhiều cán bộ đi học các trường do Liên khu và Bộ mở; mặt khác, tỉnh và các huyện tăng

cường mở các lớp tập huấn quân sự, thời gian từ 7 đến 10 ngày, do các giáo viên ở Tỉnh đội và cán bộ các đơn vị bộ đội chủ lực (Trung đoàn 246, Trung đoàn 62 và Đại đoàn 308) hướng dẫn, giảng dạy. Tỉnh đội bộ dân quân mở lớp đào tạo cán bộ Tiểu đội trưởng cung cấp cho các đơn vị bộ đội địa phương và dân quân, du kích. Năm 1949, toàn tỉnh có 183 cán bộ xã đội, thôn đội; 161 cán bộ tiểu đội; 9.861 chiến sĩ dân quân, du kích đã được huấn luyện quân sự, chính trị. Để sát với thực tế chiến đấu, tháng 6/1949 tỉnh cử 3 trung đội du kích tập trung sang tỉnh Bắc Ninh chiến đấu. Trong thời gian 1 tháng, các đơn vị này đã diệt được 32 tên địch.

Tháng 7/1949, tỉnh thành lập 1 đại đội (mỗi huyện cử 1 tiểu đội) đưa tiếp sang Bắc Ninh chiến đấu. Tháng 11/1949, tỉnh cử tiếp 5 trung đội bộ đội địa phương ở các huyện: Phổ Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ và Tỉnh đội bộ tham gia chiến đấu ở tỉnh Phúc Yên. Nhờ có sự nỗ lực chung của Đảng bộ, đến cuối năm 1949, tỉnh Thái Nguyên đã kiện toàn xong đội ngũ cán bộ, bộ đội địa phương các cấp, đủ số lượng và chất lượng ngày càng được nâng cao, bước đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ huy bộ đội huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu; dìu dắt, giúp đỡ dân quân, du kích và chuẩn bị chiến trường cho bộ đội chủ lực; giúp đỡ, hướng dẫn nhân dân xây dựng làng, xã chiến đấu.

Một trong những khó khăn mà Đảng bộ phải tập trung lãnh đạo, giải quyết sau khi lực lượng bộ đội địa phương được thành lập là việc cấp dưỡng và trang bị. Với hạn mức kinh phí 14 vạn đồng 1 tháng (cả ăn, mặc, trang bị vũ khí) cho gần 900 cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương do Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh cấp, "đời sống bộ đội khó khăn, ăn đói, mặc rách, có đơn vị đã phải ăn rau, ăn cháo hằng tuần"[1]. Đại đội bộ đội địa phương huyện Phú Lương

(1) Theo tài liệu: *Tổng kết chiến tranh du kích Thái Nguyên*, tr. 97.

phải phân tán từng tiểu đội xuống nhờ nhân dân các xã nuôi dưỡng, nên rất khó khăn cho công tác huấn luyện và khả năng cơ động chiến đấu.

Để từng bước khắc phục khó khăn, đảm bảo đời sống bộ đội địa phương, Tỉnh ủy quyết định thành lập ban cấp dưỡng các cấp tỉnh và huyện làm nhiệm vụ tuyên truyền, vận động nhân dân đóng góp, ủng hộ, giúp đỡ bộ đội. Phong trào *Hũ gạo kháng chiến* do Đảng bộ chủ trương và phong trào *Bán gạo khao quân* do Hồ Chủ tịch phát động, đã được các cấp, các ngành, các giới và đông đảo nhân dân trong tỉnh nhiệt tình ủng hộ. Đến tháng 12/1949, nhân dân trong tỉnh đã ủng hộ bộ đội địa phương được 154.524 kg thóc, 161.575 đồng tiền mặt, 116 áo trấn thủ và 352 bộ quần áo. Về vũ khí, trung bình 20 du kích có 2 súng trường, 7 quả lựu đạn; mỗi tiểu đội bộ đội địa phương có 1 súng trường, 4 quả lựu đạn và 23 viên đạn. Tỉnh hội Phụ nữ đã phát động chị em hội viên mua bông, vải về may áo trấn thủ tặng bộ đội.

Nhằm giảm bớt sự đóng góp của nhân dân và thực hiện chủ trương *Vừa đánh giặc, vừa sản xuất*, Đảng bộ đã vận động nhân dân dành 200 mẫu ruộng cho bộ đội địa phương và dân quân, du kích sản xuất, hằng năm thu hoạch được hàng trăm tấn thóc (riêng bộ đội địa phương đã được nhân dân giúp đỡ, ủng hộ 24 mẫu ruộng để cày cấy, năm 1949 thu hoạch được 12.925 kg thóc, bảo đảm tự túc được lương thực từ 2 đến 3 tháng). Nhờ những cố gắng trên, nên đời sống của bộ đội địa phương dần dần được ổn định; cán bộ, chiến sĩ yên tâm xây dựng đơn vị, tích cực huấn luyện chính trị, quân sự, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương. Công tác lãnh đạo của Đảng trong lực lượng vũ trang địa phương được Đảng bộ đặc biệt quan tâm. Trong các đơn vị bộ đội địa phương, số đảng viên

chiếm 15% tổng số cán bộ, chiến sĩ. Ở các đại đội bộ đội địa phương tỉnh và huyện đều có đủ đảng viên để thành lập chi bộ.

Cùng với việc lãnh đạo xây dựng lực lượng bộ đội địa phương và dân quân, du kích, Đảng bộ tập trung lãnh đạo công tác tuyển quân xây dựng bộ đội chủ lực, chi viện chiến trường. Năm 1949, Đảng bộ lãnh đạo tốt 2 đợt tuyển quân (đợt 1 từ ngày 2 đến ngày 8/4/1949, đợt 2 vào các ngày 8, 28 và 29/9/1949), động viên được 2.367 thanh niên vào bộ đội.

Trong khi đó, về phía thực dân Pháp, thông qua việc thực hiện Kế hoạch Rơve[1] (Revers), do Mĩ giúp sức, chúng đã xây dựng được tuyến phòng thủ dọc theo Đường số 4 và thiết lập được hành lang đông - tây. Căn cứ địa Việt Bắc nằm trong tình trạng bị địch bao vây, phong tỏa. Đối với tỉnh Thái Nguyên, từ tháng 9 đến tháng 12/1949, địch dùng máy bay ném bom, bắn phá trên 60 trận, làm chết 65 người, bị thương 140 người, cháy và đổ 700 gian nhà, cháy 1.000 nồi thóc... Đầu năm 1950, địch tăng cường các hoạt động đánh phá Thái Nguyên bằng cả bộ binh và không quân nhằm thăm dò hướng chiến dịch và lực lượng quân sự của tỉnh.

Trước tình hình đó, ngày 7/3/1950, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh chỉ thị cho Ủy ban kháng chiến hành chính các huyện, xã:

1. Chuẩn bị cho bộ đội địa phương sẵn sàng chiến đấu, khi địch đến là kịp thời tác chiến hoặc phối hợp với bộ đội chủ lực tác chiến chống địch hành quân, càn quét, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch.

2. Phát động mạnh mẽ phong trào dân quân, du kích vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ dân, thực hiện mục tiêu: Địch đi đến đâu cũng vấp phải mìn và lựu đạn của du kích.

(1) Rơve - Tổng Tham mưu trưởng quân đội Pháp, người khởi xướng kế hoạch này.

3. Ủy ban kháng chiến hành chính các xã phải luôn luôn có kế hoạch bảo vệ các kho dự trữ lương thực của Chính phủ; khi cần thiết phải tổ chức lực lượng di chuyển, tuyệt đối không được sử dụng.

4. Động viên nhân dân cất giấu tài sản cẩn thận, khi tình thế gay go phải thực hiện "*vườn không nhà trống*".

Thực hiện chỉ thị của Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và lực lượng vũ trang các huyện trong tỉnh phối hợp chặt chẽ với các đơn vị bộ đội chủ lực đóng quân trên địa bàn đối phó có hiệu quả với tất cả các cuộc tấn công, đánh phá của địch. Trong 6 tháng đầu năm 1950, các lực lượng vũ trang của tỉnh vừa độc lập tác chiến, vừa phối hợp với bộ đội chủ lực đẩy lùi 8 cuộc tấn công của địch, tiêu diệt 45 tên, làm bị thương nhiều tên khác, bảo vệ an toàn cửa ngõ phía nam Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc. Trong các cuộc chiến đấu đẩy lùi 8 cuộc tấn công của địch, 19 cán bộ, chiến sĩ ta đã bị thương vong (có 14 đồng chí hi sinh).

Cùng với việc dùng bộ binh tấn công, càn quét, quân Pháp tăng cường dùng máy bay ném bom, bắn phá nhiều nơi trên địa bàn tỉnh. Năm 1950, máy bay địch đánh phá Thái Nguyên trên 30 trận, ném trên 400 quả bom các loại từ 25 - 30 kg, bắn nhiều loạt đạn xuống Đình Cả (Võ Nhai); Phục Linh, Khuôn Linh, Gốc Sộp, Cù Vân (Đại Từ); Tân Hoà, kè Lũ Yên (Phú Bình); Phấn Mễ (Phú Lương); Tân Yên, Tân Quang, Thịnh Đán (Đồng Hỷ); Phố Cò (Phổ Yên)... làm chết 29 người, bị thương 47 người, cháy 145 nóc nhà, 1.010 nồi thóc…

Trong hoàn cảnh ấy, việc lãnh đạo xây dựng, củng cố các lực lượng bộ đội địa phương, dân quân, du kích, xây dựng thế trận

chiến tranh nhân dân vững mạnh, đủ sức đối phó với mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch trở thành nhiệm vụ hết sức cấp bách của Đảng bộ. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra nghị quyết chỉ rõ: Phải tăng cường củng cố và phát triển lực lượng bộ đội địa phương và dân quân, du kích; đưa 1/3 số đảng viên ở các chi bộ cơ sở vào lực lượng du kích.

Thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, quý I năm 1950, Ban Chỉ huy Tỉnh đội tổ chức đợt *Rèn cán, chỉnh quân*, nâng cao trình độ kĩ thuật, chiến thuật của bộ đội địa phương, dân quân, du kích; đồng thời kiện toàn bộ máy lãnh đạo, chỉ huy cơ quan quân sự các cấp. Cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương và dân quân, du kích Thái Nguyên đã cùng với bộ đội chủ lực hoàn thành xuất sắc cuộc diễn tập theo tình huống đánh địch tấn công lên Thái Nguyên trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Các huyện mở 22 lớp huấn luyện cách đánh địa lôi cho lực lượng dân quân, du kích ở cơ sở. Hai huyện Đại Từ, Phổ Yên thành lập 37 trạm gác giao thông dọc Đường số 3 và Đường số 13A; toàn tỉnh đã phát triển thêm được 155 du kích, bổ sung 55 du kích vào bộ đội địa phương; đào 2.577 hố tác chiến, 173 hố mìn, địa lôi, đào mới 1.912 mét giao thông hào, làm mới 4.229 hầm trú ẩn, huy động 147 cổng rào làng chiến đấu; nhân dân đóng góp, lập quỹ tác chiến, ủng hộ bộ đội địa phương và dân quân, du kích được hơn 20.700 kg thóc, gạo và 48.437 đồng tiền mặt.

Tháng 6/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp, quyết định mở Chiến dịch Biên giới nhằm 3 mục đích: 1- Tiêu diệt một bộ phận quan trọng lực lượng địch; 2- Giải phóng một phần biên giới, mở đường liên lạc với quốc tế; 3- Củng cố và mở rộng Căn cứ địa Việt Bắc.

Theo chỉ thị của Liên khu ủy Việt Bắc[1(1)], ngày 15/7/1950, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 76/NQ-TN giao cho các huyện huy động 277 cán bộ, chiến sĩ, lực lượng vũ trang địa phương đi phục vụ Chiến dịch, thời gian 3 tháng. Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, các huyện đã huy động được 308 cán bộ, chiến sĩ (vượt chỉ tiêu 31 người), trong đó có 37 bộ đội địa phương và 93 đảng viên. Để đảm bảo giao thông, đáp ứng kịp thời yêu cầu vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí, phục vụ cho Chiến dịch Biên giới, Đảng bộ phát động "*Chiến dịch sửa chữa, xây dựng cầu, đường lần thứ nhất*", thu hút gần 50% cán bộ các cơ quan quân - dân - chính đảng trong tỉnh tham gia. Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên tỉnh tổ chức 2 đội thanh niên xung phong, huy động trên 300 thanh niên nam, nữ biên chế thành các trung đội, tiểu đội, làm nhiệm vụ đảm bảo giao thông ở các tuyến trọng yếu. Với tinh thần "*Sửa chữa cầu, đường như đánh địch*", nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã đóng góp hàng vạn ngày công, đào, đắp hàng nghìn mét khối đất, đá, sửa chữa và làm mới hàng chục cầu lớn, nhỏ, khai thông các tuyến Đường 13A (Thái Nguyên - Tuyên Quang) và Đường 1B (Thái Nguyên - Lạng Sơn). Chỉ tính riêng tháng 5/1950, Thái Nguyên đã huy động 3.100 người với 15.450 ngày công, chuyển 340 m^3 đá, sửa 27 km đường, sửa chữa và làm mới 9 cầu (trong đó có 1 cầu treo).

Để phối hợp với Chiến dịch Biên giới, sẵn sàng đánh địch bảo vệ Trung tâm Căn cứ địa Việt Bắc, Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên quyết định thành lập Ban Chỉ huy tác chiến ở cấp tỉnh và các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Đại Từ làm nhiệm vụ huy động lương thực, thực phẩm; xây dựng làng chiến đấu, phá hoại giao thông, chặn bước tiến công của địch. Thành

(1) Liên khu Việt Bắc được thành lập theo Sắc lệnh số 127-SL ngày 4/11/1949 của Chủ tịch nước, trên cơ sở hợp nhất Liên khu 10 và Liên khu 1.

phần Ban này gồm đại diện bộ đội chủ lực, lực lượng vũ trang địa phương và các ngành. Lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các huyện: Phổ Yên, Đồng Hỷ, Phú Bình đã triệt để phá hoại cầu, đường, đắp ụ, cản xe cơ giới của địch và lập làng chiến đấu. Nhân dân Thái Nguyên đã đóng góp cho Chiến dịch Biên giới trên 8.000 tấn thóc và 5.190.108 đồng tiền mặt.

Sau khi cụm cứ điểm Đông Khê bị quân ta tiêu diệt (18/9/1950), tuyến phòng thủ của địch trên Đường số 4 bị cắt làm 2, quân Pháp ở Cao Bằng bị cô lập; Thất Khê bị uy hiếp trực tiếp. Để cứu vãn tình thế, cùng với việc cho binh đoàn từ Thất Khê tiến lên chiếm lại Đông Khê để đón binh đoàn từ Cao Bằng rút về, Bộ Chỉ huy quân đội Pháp huy động hầu hết lực lượng dự bị chiến lược ở Bắc Bộ (gồm 6 tiểu đoàn), mở cuộc hành binh Phôcơ (Phoque: Chó biển) đánh lên Thái Nguyên, hi vọng kéo chủ lực của ta ở Mặt trận Biên giới về, đỡ đòn cho đồng bọn và trấn an dư luận trước việc thất thủ Đông Khê.

Ngày 30/9/1950, khoảng 4.000 quân Pháp[1] có máy bay yểm trợ, chia làm 3 hướng tấn công, đánh vào địa phận huyện Đồng Hỷ và thị xã Thái Nguyên:

- Hướng nhứ nhất, khoảng 2.000 quân, từ Đa Phúc, qua Phổ Yên theo Quốc lộ 3 lên.

- Hướng thứ hai, khoảng 1.000 quân, từ Đa Phúc theo chân núi Tam Đảo đến Đèo Nhe. Từ đây, địch chia thành 2 cánh quân: Một cánh sang Hợp Thành, Phúc Thuận, lên Bá Vân, thẳng đường ra Thịnh Đán; một cánh tiến vào Thu Quang (Tân Quang), lên Bá Vân hội quân với cánh từ Phúc Thuận sang để cùng tiến ra Thịnh Đán.

(1) Trích theo lời cung khai của tù binh Pháp. Tài liệu lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái (nay là Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên). Cặp hồ sơ số 27, ngày 11/12/1950, tr.6.

- Hướng thứ ba, khoảng 1.000 quân, ngược dòng sông Cầu lên đến bến đò Hà Châu (Phú Bình), theo đường đất tiến lên thị xã[1].

Do có kế hoạch đề phòng từ trước, nên Đảng bộ và chính quyền tỉnh Thái Nguyên đã chủ động chuẩn bị lực lượng để đối phó cuộc tấn công của quân Pháp. Trên cả 3 hướng hành quân tiến vào thị xã Thái Nguyên, quân Pháp đều bị bộ đội địa phương và dân quân, du kích của tỉnh cùng với các đơn vị bộ đội chủ lực (gồm các Trung đoàn: 246, 121, các Tiểu đoàn: 64, 68) chặn đánh rất quyết liệt. Trước tình hình đó, chiều ngày 12/10/1950, toàn bộ quân Pháp buộc phải rút khỏi địa phận tỉnh Thái Nguyên, qua cầu Đa Phúc về Hà Nội.

Trải qua hơn 10 ngày trực tiếp chiến đấu, quân và dân Thái Nguyên đã đánh trên 60 trận lớn, nhỏ; tiêu diệt và làm bị thương hơn 870 quân Pháp, bắn rơi 1 máy bay, phá hủy 3 ca nô, thu 160 súng các loại…

Chiến công của quân và dân Thái Nguyên không chỉ bảo vệ an toàn cửa ngõ phía nam ATK Trung ương, mà còn góp phần quan trọng vào chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên tích cực xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến, góp phần đưa cuộc kháng chiến đi tới thắng lợi.

II- Xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến (1951 - 1954)

Từ sau chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chuyển sang thời kì phát triển mới. Hậu phương kháng chiến được nối liền với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa.

(1) *Báo cáo tháng 10/1950 của Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Đồng Hỷ*. Số 5928-VP, ngày 10/11/1950, tr. 8. Lưu trữ Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ IV được tổ chức vào tháng 4/1951. Để đáp ứng yêu cầu của cuộc kháng chiến trong thời kì mới, đồng thời quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lần thứ I, phải "*xây dựng Việt Bắc thành căn cứ* địa vững mạnh và xứng đáng của toàn quốc", Đại hội ra Nghị quyết: "*Tập trung lãnh đạo khôi phục, phát triển kinh tế, xã hội, ổn định đời sống nhân dân, bồi dưỡng lực lượng kháng chiến, chi viện chiến trường, ra sức xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang địa phương đủ sức bảo vệ quê hương và bổ sung cho các đơn vị bộ đội chủ lực của Bộ Tư lệnh*".

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá IV gồm 11 ủy viên chính thức và 3 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 5 ủy viên. Đồng chí Hoàng Cừ - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu Việt Bắc, được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Trần Hải Bằng giữ chức Phó Bí thư.

Thấm nhuần đường lối vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, với trách nhiệm là tỉnh được Trung ương chọn làm Trung tâm Căn cứ địa kháng chiến, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, đảm bảo nhu cầu địa phương và chi viện tiền tuyến.

Thái Nguyên là tỉnh miền núi và trung du, kinh tế chủ yếu là nông nghiệp lạc hậu, mang tính độc canh, nên năng suất thấp. Trận lụt tháng 10/1950 đã làm cho Thái Nguyên mất hàng trăm tấn lương thực, riêng 2 huyện Phổ Yên, Phú Bình đã ngập úng 8.368 mẫu lúa (Phổ Yên 6.230 mẫu, Phú Bình 2.138 mẫu)...

Cùng với thiên tai là địch họa, những ngày đầu tháng 12/1950, giặc Pháp cho máy bay ném bom phá đập Vạn Già (Phú Bình) - một

công trình thủy nông quan trọng của tỉnh Thái Nguyên. Tháng 6/1952, chúng lại huy động máy bay ném bom đập Thác Huống. Nhằm gây khó khăn cho ta về nguồn sức kéo trong nông nghiệp, giặc Pháp tập trung bắn, giết trâu bò. Hằng ngày, chúng cho máy bay săn lùng, bắn giết trâu, bò đang chăn thả trên đồng. Theo thống kê chưa đầy đủ, từ tháng 3/1948 đến tháng 10/1950, quân Pháp đã giết hại của nhân dân tỉnh Thái Nguyên 1.942 con trâu, bò.

Trước tình hình trên, Tỉnh ủy tập trung kiện toàn bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất nông nghiệp. Ban Canh nông của tỉnh gồm các ty: Nông chính, Khai hoang - Di dân, Tín dụng - Sản xuất, Địa chính, Thú ngư, Lâm chính. Các cơ quan này đã có nhiều nỗ lực giúp Tỉnh ủy triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng xuống cơ sở.

Nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, Đảng bộ lãnh đạo triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng về khuyến khích và phát triển nông nghiệp. Trong thời kì này, trên địa bàn tỉnh có một số đồn điền "vắng chủ" (đồn điền của Pháp và của Việt gian, phản động đã bỏ chạy), với diện tích hàng nghìn mẫu, đã được ủy ban kháng chiến hành chính các cấp tịch thu, tạm cấp cho nhân dân cày, cấy, trồng trọt. Mặc dù ngân sách hết sức khó khăn, nhưng tỉnh vẫn đầu tư cho nông dân vay 10.040.907 đồng để mua nông cụ sản xuất và trâu, bò cày kéo, cung cấp cho các huyện 45.327 kg giống lúa và ngô ngắn ngày; đổi trực tiếp cho nông dân 11.000 kg giống lúa chiêm sớm...

Nhận thức rõ mục đích, ý nghĩa của chính sách thuế nông nghiệp do Chính phủ ban hành ngày 1/5/1951, ngày 4/8/1951, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ra nghị quyết nhấn mạnh: "*Lãnh đạo thi hành Chỉ thị về thuế nông nghiệp là công tác trọng tâm hiện nay của*

các cấp ủy đảng trong tỉnh. Các ngành quân, dân, chính, đảng đều phải tập trung vào thi hành Chỉ thị thuế nông nghiệp". Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết nghị:

1- Tất cả các cán bộ quân, dân, chính, đảng đều phải học tập và tuyên truyền chính sách thuế nông nghiệp cho nông dân.

2- Phát động chiến dịch thuế nông nghiệp.

3- Thành lập Ban Chỉ huy Chiến dịch thuế nông nghiệp gồm các đồng chí: Hoàng Cừ (Bí thư Tỉnh ủy); Lê Vũ (Tỉnh đội trưởng), Nguyễn Thế Đạt (phụ trách nông dân); Trần Lê Nhân (phụ trách kinh tế - tài chính) do đồng chí Trần Lê Nhân giữ chức Chỉ huy trưởng.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu cán bộ các ngành, các cấp ở tỉnh và huyện (trừ các đồng chí tối cần thiết mới ở lại cơ quan) đều phải xuống huyện và xã làm công tác thuế nông nghiệp.

Thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đến ngày 14/9/1951, cán bộ và nhân dân ở hầu hết các xã trong tỉnh đã được quán triệt, học tập chính sách thuế nông nghiệp. Ngày 5/10/1951, toàn tỉnh đã cơ bản lập xong sổ thuế nông nghiệp ở xã. Cuối năm 1951, toàn tỉnh thu được 12.000 tấn thóc thuế, kịp thời thời đáp ứng nhu cầu đảm bảo cho kháng chiến. Tuy nhiên, năm đầu thực hiện chính sách thuế nông nghiệp, 2 huyện: Phú Lương, Định Hóa gặp nhiều khó khăn. Huyện Phú Lương chỉ thu được 400 tấn thóc so với chỉ tiêu được giao gần 1.500 tấn.

Để khắc phục tình trạng trên, trong 2 ngày (26 - 27/11/1951), Huyện ủy Phú Lương và Định Hoá họp với đại biểu chính quyền, đoàn thể, các ngành và các xã trên địa bàn 2 huyện để thảo luận về chính sách thuế nông nghiệp, tăng gia sản xuất, sửa chữa cầu, đường và huy động dân công phục vụ chiến trường.

Hội nghị vinh dự được Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và nói chuyện. Phát biểu tại Hội nghị, về thuế nông nghiệp, Người nói: "*... chính sách thuế công bằng và hợp lí, giản tiện, lúc đầu bỡ ngỡ lúng túng nhưng sau quen dần đi*"(1); Người kêu gọi đồng bào thi đua "*nộp mau, nộp đủ, nộp thóc tốt vào kho*"(2).

Về tăng gia sản xuất, Người chỉ thị cho các cấp ủy đảng, chính quyền phải quan tâm đến nhân dân, làm cho nhân dân no ấm; phải tổ chức giúp đỡ những gia đình neo đơn, có con em hoạt động cách mạng; tổ chức các tổ đổi công, hợp công. Người kêu gọi nhân dân tích cực tăng gia sản xuất.

Về dân công, Người giải thích và nhấn mạnh: "*Ở ngoài tiền tuyến, anh em thi đua giết giặc lập công, ở hậu phương đồng bào cũng phải thi đua đắp đường, chữa cầu, vận tải. Đó là công lao khó nhọc của đồng* bào, nhưng như thế thì kháng chiến mới chóng thành công. Trong việc này cán bộ cũng phải tổ chức cho công bằng, không được thiên lệch, người đi nhiều, người đi ít, phải tổ chức để giúp đỡ cho những người đi dân công khi ra công trường an tâm làm việc, không phải lo đến việc nhà nữa"(3).

Đối với phụ nữ, Người giao nhiệm vụ "*Phụ nữ mỗi năm phải may áo mùa đông binh sĩ, nhưng năm nay không phải quyên góp nữa mà phụ nữ chỉ phải khâu giúp chăn, áo cho bộ đội, xã nào may được nhiều sẽ có thưởng...*"(4).

---

(1), (2) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Về việc Hồ Chủ tịch về nói chuyện ở Phú Lương và Định Hóa*. Số 72-BC/TN ngày 4/12/1951, tr. 1, 2.

(3) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Về việc Hồ Chủ tịch về nói chuyện ở Phú Lương và Định Hóa*. Số 72-BC/TN ngày 4/12/1951, tr. 2.

(4) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Về việc Hồ Chủ tịch về nói chuyện ở Phú Lương và Định Hóa*... Tlđd, tr. 2.

Cuối cùng, Người căn dặn cán bộ phải đi sát nhân dân, chăm lo đến nhân dân; các việc phải đưa ra bàn bạc với các cụ, dù việc khó khăn đến đâu cũng thành công; tuyệt đối không được dọa nạt dân, không được quan liêu, mệnh lệnh.

Sau khi Hồ Chủ tịch ra về, Hội nghị chuyển chương trình nghị sự đã định từ trước, sang việc bàn bạc tìm biện pháp để thực hiện lời dạy của Người. Các đại biểu tham dự Hội nghị được chia thành từng tổ nghiên cứu thảo luận, liên hệ đánh giá ưu, khuyết điểm, ra nghị quyết xác định quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt chính sách thuế nông nghiệp, tăng gia sản xuất và dân công.

Tại huyện Định Hoá, chi ủy tất cả 9 xã đã mở hội nghị mở rộng với sự tham dự của 35 chi ủy viên, 75 cán bộ các ban, ngành, đoàn thể để nghiên cứu, thảo luận và đề ra kế hoạch thực hiện chỉ thị của Hồ Chủ tịch. Các xã đều mở hội nghị quân, dân, chính, đảng thảo luận kế hoạch thực hiện chi thị của Hồ Chủ tịch cho 178 cán bộ và 2.853 quần chúng. Đến ngày 4/12/1951, toàn huyện tổ chức được 419 tổ đổi công (gồm 2.635 hộ gia đình, với 4.966 lao động), làm được 78 kho thóc ở các thôn; phụ nữ may ủng hộ bộ đội 865 áo, 90 chăn, 169 áo trấn thủ; huy động 1.050 dân công làm đường vận chuyển lương thực. Chỉ tính riêng 6 xã trên tổng số 9 xã trong huyện nhân dân đã bán cho Nhà nước 2.761 kg thịt lợn và thịt trâu, bò; 2.154 kg rau xanh và 24.449 kg sắn.

Tại huyện Phú Lương, nội bộ cán bộ, đảng viên trong huyện đã liên hệ, kiểm điểm sâu sắc, nghiêm khắc phê phán các thiếu sót, khuyết điểm dẫn đến việc không hoàn thành chi tiêu nghĩa vụ nộp thuế nông nghiệp năm 1951. Thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch, sự lãnh đạo trực tiếp và kịp thời của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ

vụ mùa năm 1952 trở đi, năm nào Phú Lương cũng hoàn thành tốt nghĩa vụ thu thuế nông nghiệp.

Cùng với với việc lãnh đạo nhân dân thực hiện chính sách thuế nông nghiệp, năm 1951, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo xây dựng, củng cố tổ chức các cơ quan chuyên môn. Sau khi Ngân hàng Quốc gia Việt Nam ra đời (tháng 5/1951), tháng 6/1951, trên cơ sở Ty Ngân khố và Nha Tín dụng sản xuất, Tỉnh ủy lãnh đạo thành lập và phân công đồng chí Trần Tường (Tỉnh ủy viên dự khuyết) phụ trách Ngân hàng Quốc gia Việt Nam Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên.

Cũng trong tháng 6/1951, ngành Mậu dịch (nay là Thương nghiệp) được thành lập. Trong quý III/1951, giải thể các ty: Thuế quan, Thuế trực thu, Địa chính, Khai hoang đồng thời thành lập các chi sở: Thuế, Kho thóc, Ty Tài chính.

Ngay sau khi thành lập, cán bộ, công nhân viên ngành Mậu dịch có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, khai thác nguồn hàng mua vào, bán ra, góp phần ổn định giá cá thị trường, đặc biệt là giá gạo và giá vải. Chỉ tính riêng 3 tháng quý III/1951, ngành Mậu dịch đã bán ra thị trường 76.067 kg gạo, 105.819 mét vải, đưa giá gạo trên thị trường giảm từ 11,2 vạn đồng/tạ (tháng 7/1951) xuống còn trên 8 vạn đồng/tạ (tháng 9/1951). Chi nhánh Ngân hàng cho nhân dân vay 65.453.250 đồng mua trâu, bò cày kéo, mua giống chăn nuôi, mua thóc giống và đầu tư sản xuất công nghệ. Cũng trong thời gian trên, Chi nhánh Ngân hàng tỉnh đã thu hồi nợ 8.451.788 đồng. Chi sở Thuế thu thuế công thương nghiệp được 430 triệu đồng (vượt chi tiêu 58.550.000 đồng). Ty Tài chính đảm bảo chi thường xuyên và đột xuất đạt 752.544.485 đồng.

Trong những năm 1950 - 1951, Đảng bộ Thái Nguyên lãnh đạo nhân dân thực hiện chính sách giảm tô và tạm cấp ruộng đất, đem lại quyền lợi cho nông dân, đặc biệt là nông dân nghèo. Tuy nhiên, diện tích ruộng đất nằm trong tay giai cấp địa chủ ở Thái Nguyên vẫn còn khá lớn.

Là tỉnh thuộc vùng tự do, là trung tâm ATK trong Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, Thái Nguyên vinh dự được Trung ương Đảng và Chính phủ chọn làm nơi thí điểm thực hiện chính sách ruộng đất.

Tháng 11/1952, Trung ương chọn 2 xã: Đồng Bẩm và Dân Chủ (huyện Đồng Hỷ) làm nơi thí điểm thực hiện chính sách giảm tô. Đoàn cán bộ thực nghiệm giảm tô xuống 2 xã trực tiếp chỉ đạo phát động quần chúng nông dân đấu tranh với giai cấp địa chủ.

Thông qua đấu tranh thực hiện giảm tô, ý thức về quyền lợi giai cấp của nông dân bước đầu được nâng lên; lập trường, quan điểm giai cấp của cán bộ, đảng viên được củng cố; uy tín của Đảng và các đoàn thể quần chúng được đề cao. Tuy nhiên, trong quá trình chỉ đạo thực hiện thí điểm giảm tô tại 2 xã, Đoàn Cán bộ thực nghiệm đã phạm phải sai lầm tả khuynh. Đó là việc quyết định đình chỉ sinh hoạt 2 chi bộ xã với lí do: "đảng viên 2 chi bộ có nguồn gốc là phú nông, địa chủ, hào lí, cường hào; trong chi bộ thì bè phái, tự tư, tự lợi, chống lại chính sách". Cùng với việc chia đảng viên ở 2 chi bộ trên thành 3 loại[1], Đoàn đã chỉ đạo thành lập tiểu tổ bần, cố nông; một số cán bộ cho bần, cố nông đấu tố cả

(1) Đó là: 1- *Loại tích cực*, gồm 35 đảng viên (xã Dân Chủ 19 và xã Đồng Bẩm 16), tiếp tục cho sinh hoạt Đảng, cử vào cốt cán và cho đi xâu chuỗi; 2- *Loại có vấn đề*, gồm 34 đảng viên (xã Dân Chủ 14 và xã Đồng Bẩm 20), tạm đình chỉ sinh hoạt Đảng để thử thách; sau một thời gian, nếu xét thấy đủ tiêu chuẩn thì tiếp tục cho sinh hoạt Đảng; 3- *Loại địa chủ, hào lí*, gồm 25 đảng viên (xã Dân Chủ 2, Đồng Bẩm 23), cho ra khỏi Đảng, người nào thuộc diện bóc lột sẽ bị xử lí.

trung nông hoặc bần, cố nông đi đòi nợ trung nông, làm cho trung nông hoang mang, dao động.

Những sai lầm tả khuynh như trên không chỉ gây nên tình trạng căng thẳng, mà còn trái với đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn, là: "*dựa hẳn vào bần cố nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp phú nông, tiêu diệt chế độ bóc lột phong kiến từng bước và có phân biệt, phát triển sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến*"(1).

Từ ngày 17 đến ngày 22/4/1953, Trung ương tổ chức Hội nghị rút kinh nghiệm thí nghiệm phát động quần chúng giảm tô ở 2 xã Đồng Bẩm và Dân Chủ, vạch rõ những sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện giảm tô. Sau hội nghị trên, Trung ương cử 2 đoàn công tác về 2 xã để uốn nắn, sửa chữa sai lầm, khuyết điểm. Nhờ đó, tư tưởng quần chúng được ổn định, mối quan hệ giữa bần, cố nông và trung nông được đoàn kết, gắn bó hơn. Một số phú nông trước kia hoang mang, lo sợ bị đấu tố như địa chủ, nay đã an tâm, tỏ thái độ đồng tình với cuộc đấu tranh của nông dân.

Tiếp đó, Trung ương chọn thêm 4 xã: Phúc Xuân (Đồng Hỷ), Hùng Sơn (Đại Từ), Đức Liên và Nhã Lộng (Phú Bình) cùng với 2 xã Đồng Bẩm, Dân Chủ (Đồng Hỷ) đã làm thí điểm đợt trước, tiếp tục thực hiện thí điểm triệt để giảm tô.

Tại các xã trên, các cán bộ trong Đoàn Công tác tích cực tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ; thăm nghèo, hỏi khổ, bắt rễ xâu chuỗi, tổ chức các đại hội nông dân đấu tranh với địa chủ. Ngày 7/6/1953, tại xã Đồng Bẩm (Đồng Hỷ), Toà án nhân dân đặc biệt liên huyện Đồng Hỷ - Đại Từ (được Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên quyết định thành lập

(1) *Văn kiện Đảng Toàn tập. Tập 14 (1953)*. Nxb CTQG, Hà Nội, 2001, tr. 400.

ngày 15/5/1953 theo Sắc lệnh 150, ngày 12/4/1953 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà) ra mắt và chính thức hoạt động.

Qua hơn 3 tháng thực hiện thí điểm triệt để giảm tô ở 6 xã, hơn 1.819 mẫu ruộng đất đã được giảm tô, 4.070 hộ gia đình nông dân đã được thoái tô với số thóc gần 406 tấn; 944 hộ gia đình nông dân với 3.645 khẩu đã được chia ruộng đất. Đoàn Công tác đã chỉnh đốn 6 chi bộ Đảng, khai trừ ra khỏi Đảng 153 đảng viên, chỉ đạo các chi bộ Đảng bầu chi ủy mới (trong các chi ủy mới, số chi ủy viên bần, cố nông chiếm 53%, trung nông 44%, tiểu tư sản 3%). Các tổ chức chính quyền, đoàn thể cũng được củng cố lại. Nông dân phấn khởi gia nhập Nông hội, hăng hái thi đua lao động sản xuất và tích cực đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến.

Tuy nhiên, đợt thí điểm giảm tô ở 6 xã cũng bộc lộ các khuyết điểm. Một số cán bộ nóng vội, thiếu kiên nhẫn giáo dục quần chúng, dẫn đến bao biện làm thay hoặc mệnh lệnh đối với quần chúng; có nơi tổ chức đấu tố tràn lan, đấu tố cả trung nông…

Từ ngày 25/8 đến ngày 25/10/1953, dưới sự lãnh đạo của Đoàn ủy II, Liên khu ủy Việt Bắc trực tiếp chỉ đạo tỉnh Thái Nguyên tiến hành giảm tô ở 33 xã thuộc 4 huyện: Phú Bình, Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương. Sau đó, từ ngày 20/12/1953 đến ngày 25/1/1954, việc giảm tô tiếp tục được thực hiện ở 32 xã.

Thông qua giảm tô, các tổ chức đảng, chính quyền và Nông hội được chấn chỉnh, thành phần trong sạch hơn; trình độ giác ngộ về quyền lợi giai cấp của nông dân trong tỉnh từng bước được nâng lên. Đây là một trong những điều kiện rất quan trọng để thực hiện cải cách ruộng đất - bước cuối cùng, có tính quyết định của chính sách ruộng đất.

Để chuẩn bị cho việc thực hiện cải cách ruộng đất, ngay từ cuối năm 1952, Trung ương giao cho Thái Nguyên làm thí điểm điều tra nông thôn. Thực hiện nhiệm vụ trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị cho các cấp ủy đảng phải trực tiếp lãnh đạo cuộc điều tra, cử 1 đồng chí cấp ủy viên chuyên trách theo dõi, chỉ đạo. Ban Chỉ đạo điều tra nông thôn được thành lập, gồm 5 đồng chí (Tiến, Đạt, Dũng, Nguyệt, Sáng) do đồng chí Tiến (phụ trách Ban Kiểm tra Đảng) làm Trưởng ban.

Trong 2 ngày (13 - 14/12/1952), Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp với các huyện ủy viên phụ trách điều tra nông thôn quán triệt các chỉ thị của Trung ương về cuộc điều tra và thảo luận kế hoạch điều tra của tỉnh; học tập các nội dung chính trong các chỉ thị 06, 14 và 37 của Trung ương về ruộng đất và quy định thành phần giai cấp ở nông thôn.

Sau Hội nghị trên, Tỉnh ủy cử một đoàn cán bộ xuống xã Phú Xuân (huyện Đồng Hỷ) để điều tra thí điểm về tình hình chiếm đoạt ruộng đất của địa chủ và tình hình chấp hành chính sách giảm tô; điều tra số lượng tiểu, trung, đại địa chủ. Tiếp đó, Tỉnh ủy lãnh đạo việc triển khai công tác điều tra nông thôn ra toàn tỉnh.

Trên cơ sở những thắng lợi đã đạt được trong cuộc vận động giảm tô và kết quả làm thí điểm điều tra nông thôn của tỉnh, cuối tháng 12/1953, Trung ương Đảng quyết định chọn 6 xã: Hùng Sơn, An Mỹ, (nay là Mỹ Yên), Bình Thuận, Trần Phú (nay là Khôi Kỳ), Tân Thái, Độc Lập (nay là Tiên Hội) thuộc huyện Đại Từ làm thí điểm cải cách ruộng đất theo sắc lệnh về chính sách ruộng đất do Chủ tịch Hồ Chí Minh kí ngày 12/4/1953 và *Luật Cải cách ruộng đất* ban hành tháng 12/1953. Tổng diện tích ruộng đất của 6 xã có trên

5.454 mẫu; dân số 10.792 người (trong đó các dân tộc Kinh chiếm tỉ lệ 95,3%, Tày 2,05%, Sán Dìu 1,29%, Hoa 1,32%). Các xã này đã qua phát động quần chúng thực hiện giảm tô một cách triệt để, trình độ chính trị của nông dân lao động đã được nâng lên, đội ngũ cán bộ đảng viên đã được rèn luyện, thử thách.

Cuộc thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Đảng. Cuộc thí điểm này là sự thể nghiệm chủ trương, chính sách ruộng đất của Đảng, nhằm rút kinh nghiệm để chỉ đạo thực hiện cuộc cách mạng ruộng đất ra cả nước, do đó có ý nghĩa rất quan trọng. Trung ương đã tập trung 140 cán bộ xuống 6 xã để triển khai việc thí điểm cải cách ruộng đất.

Sau 15 ngày học tập chính sách cải cách ruộng đất và nghiên cứu sơ lược tình hình các xã, ngày 11/12/1953, các đội cải cách ruộng đất của Trung ương bắt đầu xuống các xã làm việc; thực hiện 3 cùng với nông dân (cùng ăn, cùng ở, cùng làm); tích cực tuyên truyền, phát động nông dân đấu tranh thực hiện chính sách ruộng đất.

Sau 3 tháng thực hiện, đến ngày 20/3/1954, đợt thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ kết thúc. Giai cấp địa chủ ở 6 xã hoàn toàn bị đánh đổ. Ngoài 38 địa chủ đã phát hiện thời kì giảm tô, trong đợt thí điểm cải cách ruộng đất, các đội cải cách đã xác định thêm 59 địa chủ, trong đó có 15 địa chủ là Việt gian, phản động, cường hào gian ác. Toàn bộ 97 địa chủ ở 6 xã đã bị đưa ra đấu tố, vạch rõ tội ác bóc lột nông dân. Trên 2.610 mẫu ruộng, 352 con trâu, bò, 1.062 nông cụ sản xuất, 33 ngôi nhà và 2.479 kg thóc... từ trong tay giai cấp địa chủ, đã được chia cho nông dân nghèo. Về mặt tổ chức Đảng, trong số 179 đảng viên ở chi bộ 6 xã, có 11 đảng viên thuộc thành phần địa chủ, 19 đảng viên thuộc thành phần phú

nông và 5 đảng viên thuộc thành phần bóc lột khác, đã bị đưa ra khỏi Đảng; các Ban Chấp hành chi bộ được củng cố, kiện toàn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong đợt thí điểm, cán bộ các Đội cải cách ruộng đất đã mắc nhiều sai lầm. Đó là, cho quần chúng đấu tố tràn lan, thậm chí có cán bộ còn dựa vào những phần tử xấu, lợi dụng tố sai, lại thiếu điều tra xác minh dẫn đến xử lí oan một số quần chúng và đảng viên (trong số 47,5% đảng viên bị xử lí thì hầu hết là đảng viên tốt, được kết nạp vào Đảng từ năm 1946; quy địa chủ cường hào, gian ác sai 40,9 % và địa chủ thường sai 55,4%).

Cùng với quá trình thực hiện thí điểm ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên và các huyện mở 13 lớp học tập về chính sách ruộng đất nói chung, cải cách ruộng đất nói riêng cho 2.688 người (trong đó có 556 cán bộ tỉnh và huyện, 447 cán bộ xã). Trên cơ sở đó, từ ngày 25/5/1954, trong niềm vui hân hoan chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, đợt 1 cải cách ruộng đất[(1)] được tiến hành ở 47 xã thuộc các huyện: Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên. Trong đợt này, Đảng bộ Thái Nguyên đã cử 200 cán bộ tham gia.

Do rút được kinh nghiệm của đợt thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ và nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Trung ương, nên đợt I cải cách ruộng đất đã thu được nhiều kết quả. Hơn 24.000 mẫu ruộng, hơn 24.000 con trâu, bò, 798 ngôi nhà và trên 139 tấn thóc của địa chủ đã được tịch thu, trưng thu, trưng mua, chia cho 868 hộ nông dân nghèo. Các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng đã được chấn chỉnh, uy thế chính trị và quyền làm chủ nông thôn của nông dân đã được nâng cao.

(1) Đợt 1 cải cách ruộng đất được tiến hành ở 53 xã; trong đó có 47 xã thuộc các huyện: Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên của tỉnh Thái Nguyên và 6 xã thuộc huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hóa.

Thắng lợi của cuộc vận động thực hiện giảm tô, đặc biệt là thắng lợi của cuộc cải cách ruộng đất đợt 1 ở Thái Nguyên và Thanh Hóa đã nhanh chóng vang dội khắp nơi, góp phần cổ vũ các tầng lớp nông dân lao động cả nước hăng hái sản xuất, đóng góp nhiều sức người, sức của cho kháng chiến; đồng thời cổ vũ cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang ở ngoài mặt trận hăng hái tiến lên tiêu diệt giặc.

Cùng với việc lãnh đạo thi hành chính sách thuế nông nghiệp, thực hiện triệt để giảm tô, cải cách ruộng đất, Đảng bộ tập trung lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất lương thực, thực phẩm. Năm 1953, nông dân các huyện: Đại Từ cấy vượt diện tích 500 mẫu lúa; Phú Lương tổ chức *Tuần lễ ra quân chống hạn*, đắp xong 2 đập giữ nước, đảm bảo đủ nước tưới cho khoảng 100 mẫu ruộng; Phú Bình tát nước tưới cho 144 mẫu lúa chiêm…

Nhờ có sự nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, nên năm 1953 mặc dù lũ lụt tàn phá, nhiều vùng bị ngập tới 60% diện tích trồng lúa, ngô, nhưng toàn tỉnh vẫn thu được 13.366,4 tấn thóc, thuế nông nghiệp đạt 97% chỉ tiêu, trong đó các huyện: Định Hoá, Phú Lương, Phổ Yên đạt khá hơn. Đầu năm 1954, Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác thủy lợi. Chỉ riêng công trình phục hồi đập sông máng Vạn Già (Phú Bình), tỉnh đã huy động 738 nhân công; công trường khôi phục đập Thác Huống tỉnh huy động 450 dân công, hơn 800 cây gỗ. Hết tháng 6/1954, nhân dân trong tỉnh đã đào thêm 470 ao, chuôm chứa nước, làm 96 cọn nước, đào mới 197 giếng chống hạn. Riêng 3 huyện: Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ đã chủ động tưới nước cho gần 2.000 mẫu lúa. Nhờ đó, diện tích cấy lúa chiêm và lúa Nam Ninh của tỉnh đạt 31.738 mẫu, tăng gần 8 lần so với trước năm 1945.

Trong quá trình lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên luôn coi trọng việc phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế.

Từ sau ngày quét sạch quân Pháp ra khỏi địa bàn tỉnh (12/10/1950), Thái Nguyên có nhiều thuận lợi để triển khai cải cách giáo dục theo chủ trương của Đảng. Bộ máy quản lí công tác giáo dục ở tỉnh được kiện toàn. Ty Tiểu học vụ được đổi thành Ty Giáo dục phổ thông, Ty Bình dân học vụ đổi thành Ty Bổ túc văn hóa. Nhiều cán bộ có kinh nghiệm được tỉnh điều về tăng cường cho cơ quan quản lí giáo dục. Công tác đào tạo cán bộ được đặc biệt chú ý. Ty Giáo dục phổ thông chủ động mở các lớp đào tạo giáo viên cấp I, kịp thời đáp ứng nhu cầu dạy học cho con em nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Ty Bổ túc văn hóa cũng mở nhiều lớp bồi dưỡng văn hóa nghiệp vụ cho hàng trăm cán bộ làm công tác bổ túc văn hóa ở cơ sở.

Nhờ các cố gắng về củng cố tổ chức và đào tạo cán bộ, nên cả giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa và xóa nạn mù chữ tuy chưa đạt được kế hoạch, nhưng đã thu nhiều kết quả. Năm học 1950 - 1951, trên địa bàn tỉnh, 74 xã trong tổng số 81 xã có trường cấp I, số giáo viên và học sinh đều tăng so với năm học trước. Chất lượng dạy và học từng bước được nâng lên. Kết quả thi tốt nghiệp cấp I toàn tỉnh đạt 71% (cao nhất kể từ khi thành lập chính quyền cách mạng). Toàn tỉnh duy trì được 1.268 lớp bình dân học vụ, thu hút 19.963 học viên; 27 xã và 12 thôn đã xoá xong nạn mù chữ.

Phát huy kết quả năm đầu vận động cải cách giáo dục, vào những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, các ngành Giáo dục phổ thông và Bổ túc văn hóa của tỉnh không ngừng phấn đấu vươn lên. Năm học 1953 - 1954, Thái Nguyên đã tiếp nhận nhiều thương

binh vốn là các thầy giáo xếp bút nghiên đi đánh giặc trở về ngành Giáo dục. Có thêm cán bộ, lại được nhân dân nhiệt tình ủng hộ, nên mạng lưới giáo dục phổ thông ở Thái Nguyên đã không ngừng được mở rộng. Các huyện: Phú Lương, Đại Từ, Định Hoá lần lượt mở các trường cấp II. Trường Phổ thông Ngô Quyền (đóng tại xóm Soi Mít, xã Tân Cương, huyện Đồng Hỷ nay thuộc thành phố Thái Nguyên) đã mở tới lớp 8... Số học sinh cuối cấp (lớp 9) của Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến ngày càng tăng. Năm học 1953 - 1954, hệ thống giáo dục phổ thông và bổ túc văn hóa của tỉnh (chưa kể 157 lớp vỡ lòng, với 3.424 học sinh) đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Riêng về Bổ túc văn hóa, trung bình mỗi xã ở các huyện: Phú Bình, Phổ Yên, Đại Từ, Đồng Hỷ đã mở được từ 8 đến 12 lớp; mỗi xã ở các huyện còn lại cũng mở được từ 4 đến 6 lớp; toàn tỉnh đã mở được 1.255 lớp, với 29.808 học viên, trong số này có 6.519 học viên là cán bộ xã.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân thường xuyên được các cấp ủy đảng và chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Từ cuối năm 1950, hệ thống y tế từ tỉnh xuống các huyện đã tương đối hoàn chỉnh, riêng đội ngũ cán bộ y tế ở xã đã có trên 100 người. Năm 1952, ngành Y tế tỉnh mở lớp đào tạo y tá và mở rộng việc huấn luyện cứu thương, vệ sinh viên cho cơ sở.

Nhờ những cố gắng lãnh đạo của Đảng bộ đối với công tác y tế, nên trong suốt thời kì kháng chiến chống Pháp tuy gian khổ, phương tiện và điều kiện chữa bệnh rất nghèo nàn, nhưng trên địa bàn không xảy ra dịch bệnh lớn. Đầu năm 1954, bệnh đầu mùa vừa xuất hiện, đã nhanh chóng bị dập tắt. Các cơ sở khám, chữa bệnh ở tỉnh và các huyện đều có nhiều cố gắng, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân. Trong 6 tháng đầu năm 1954,

riêng Bệnh viện Képle (nay là Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên) đã điều trị hơn 300 người khỏi bệnh và cấp phát thuốc cho hơn 5.000 bệnh nhân khác.

Sau chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950, quân đội ta liên tiếp chủ động mở các chiến dịch tiến công và phản công lớn trên các chiến trường. Do đó, yêu cầu đảm bảo giao thông, vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí, phương tiện chiến đấu cung cấp cho các chiến trường ngày càng lớn. Để đảm bảo cho giao thông, vận tải, phục vụ các chiến dịch trong điều kiện địch tăng cường sử dụng không quân đánh phá ác liệt hệ thống giao thông vận tải, từ giữa tháng 11/1950, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định huy động dân công sửa chữa cầu, đường, đặc biệt Đường số 3 và Đường số 13A là 2 tuyến giao thông huyết mạch của Căn cứ địa Việt Bắc.

Thực hiện quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh thành lập Ban Phối hợp làm đường tỉnh, thành phần gồm đại diện Tỉnh ủy, Ủy ban, Mặt trận và các ty: Công chính, Lâm chính, Y tế, Dân quân và Thông tin - Tuyên truyền. Các huyện thành lập Ban Chỉ huy công trường. Các xã thành lập Ban Huy động dân công. Hàng nghìn dân công Thái Nguyên hăng hái mang theo dụng cụ, lương thực, thực phẩm lên các công trường, đóng góp 490.381 ngày công hoàn thành việc khôi phục giao thông, vận tải các tuyến Bờ Đậu - Chợ Mới (Quốc lộ 3), Bờ Đậu - Đèo Khế (Đường 13A) và Bờ Đậu - thị xã Thái Nguyên - Bắc Giang, Cây số 31 (Quốc lộ 3) - Quán Vuông (Định Hoá) - Phú Minh (Đại Từ)...

Từ những năm 1951 - 1952, giặc Pháp huy động không quân đánh phá ác liệt các trọng điểm giao thông: Phà Thác Oánh, cầu Gia Bẩy, cầu Huy Ngạc, Đèo Khế..., gây cho ta nhiều khó khăn trong

việc đảm bảo giao thông, vận tải. Đảm bảo giao thông, vận tải được Tỉnh ủy xác định là nhiệm vụ quân sự nặng nề, mang tính quyết liệt của cuộc chiến đấu đối mặt với quân thù. Vì vậy, các cán bộ chủ chốt của cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh xuống cơ sở đều tham gia Ban Chỉ huy đảm bảo giao thông các cấp. Ngày 1/4/1951, Tỉnh ủy đề ra chủ trương: *Xúc tiến kế hoạch đảm bảo giao thông, đặc biệt phải chú trọng sửa chữa mặt đường, đảm bảo giao thông thông suốt trong mọi tình huống, đúng thời hạn đã định*. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ngoài việc chi viện hàng nghìn lao động cho các tỉnh bạn mở đường và vận chuyển hàng hoá ra mặt trận, nhân dân Thái Nguyên đã đóng góp 134.100 công để sửa chữa và mở rộng các tuyến đường ở địa phương.

Những thành tích của nhân dân Thái Nguyên trong công tác đảm bảo giao thông vận tải năm 1952 đã được Hội nghị tổng kết công tác giao thông, vận tải do Tỉnh ủy mở (12/1952) khẳng định là to lớn. Toàn tỉnh đã huy động 22.400 dân công đi sửa chữa cầu, đường và vận chuyển hàng hoá phục vụ chiến dịch, vượt 1.600 người so với chỉ tiêu trên giao. Trong số đó, có nhiều người vừa đi dân công 4 tháng ở Tây Bắc trở về.

Bên cạnh những thành tích đạt được, việc chỉ đạo công tác giao thông vận tải còn bộc lộ nhiều thiếu sót, khuyết điểm: Số lượng công cụ (xẻng, cuốc) không đủ cung cấp cho số dân công được huy động, nên dẫn đến tình trạng lãng phí nhân lực (số người đứng chơi nhiều hơn số người có dụng cụ làm việc. Đường Bờ Đậu - Chợ Mới dự kiến làm 15.578 công, thực tế huy động 25.439 công, lãng phí 9.861 công. Trên các công trường, chỉ tiêu công gián tiếp chỉ có 9.430 công, thực tế đã lên tới 18.600 công, lãng phí 9.170 công).

Từ đầu năm 1953, quân Pháp tập trung nhiều máy bay và bom, đạn đánh phá ác liệt hệ thống giao thông, nhằm ngăn chặn công tác vận chuyển vũ khí, lương thực của ta từ Căn cứ địa Việt Bắc ra mặt trận. Chỉ tính từ tháng 2 đến tháng 6/1953, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, theo thống kê chưa đầy đủ, thực dân Pháp đã huy động máy bay đánh phá 36 trận (mỗi trận trung bình từ 1 đến 10 máy bay, cá biệt có trận từ 14 đến 18 máy bay các loại), ném 436 quả bom (có 117 quả bom napan), làm chết 55 người, bị thương 38 người, phá hủy nhiều nhà cửa, thóc gạo, giết hại nhiều gia súc, gia cầm của nhân dân. Các bến phà Huy Ngạc (Đại Từ), Thác Oánh, Minh Lý, Trại Cài (Đồng Hỷ) đều bị máy bay Pháp đánh phá ác liệt, làm đắm 7 phà (mỗi phà trị giá 6 triệu đồng). Đêm 2/6/1953, máy bay địch thả pháo sáng dọc đường Bờ Đậu - Đèo Khế để đánh phá giao thông. Liên tiếp 3 ngày 4 - 6/6/1953, máy bay địch bắn cháy phà ở Bến Oánh trong khi nước lũ lên cao, làm cho giao thông bị ách tắc. Tiếp đó, trong ngày 23/6/1953, thực dân Pháp cho máy bay thả nhiều bom phá và bom napan xuống khu vực bến phà Trại Cài (đường Giang Tiên đi Linh Nham), làm đắm 1 phà 10 tấn, giao thông ở đây bị gián đoạn.

Trước tình hình trên, từ ngày 24 đến ngày 26/2/1953, Tỉnh ủy mở Hội nghị nhằm quán triệt yêu cầu nhiệm vụ đảm bảo giao thông thời chiến. Tham dự Hội nghị có cán bộ các cơ quan Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh, Tỉnh đội, Công an, các công trường, các đoàn thể: Thanh niên, Phụ nữ và các huyện ủy viên phụ trách công trường. Tiếp đó, các huyện tổ chức học tập, quán triệt nhiệm vụ đảm bảo giao thông thời chiến cho 1.365 cán bộ huyện, xã và cán bộ các đại đội dân công. Tỉnh ủy quyết định kiện toàn Ban Chỉ huy công trường tỉnh do đồng chí Nguyễn Trọng Duệ (Trưởng

ty Giao thông) làm Chỉ huy trưởng và đồng chí Ngô Văn Viên là Trưởng ban Cung cấp.

Ngày 23/4/1953, Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Bảo vệ cầu, đường các cấp tỉnh, huyện, xã dọc các tuyến giao thông, làm nhiệm vụ tổ chức tuần tra, canh gác ở các trọng điểm giao thông, những nơi xung yếu. Thực hiện quyết định của Tỉnh ủy, Tỉnh đội phối hợp với Công an tỉnh tổ chức các tổ tuần tiễu, các trạm kiểm soát giao thông dọc Quốc lộ 3 từ Chợ Mới về Bờ Đậu, dọc đường 13A từ Bờ Đậu đi Đèo Khế, dọc đường Giang Tiên - Linh Nham - Bắc Giang và dọc đường Cây số 31 - Quán Vuông - Bình Thành - Phú Minh.

Để có lực lượng cơ động, đảm bảo giao thông vận tải ở những nơi trọng điểm, xung yếu khi bị địch đánh phá, theo quyết định của Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên tỉnh thành lập 2 đại đội thanh niên xung phong chủ lực cầu, đường. Đại đội 211 (Đồng Hỷ) quân số gồm 136 cán bộ, chiến sĩ (có 18 nữ), biên chế thành 2 trung đội. Đại đội có 1 đảng viên sinh hoạt ghép với Chi bộ Ty Công chính và 18 đoàn viên thành lập 1 chi đoàn. Đại đội 212 (Đại Từ) quân số gồm 149 cán bộ, chiến sĩ (có 20 nữ), biên chế thành 3 trung đội. Đại đội có 8 đảng viên thành lập 1 chi bộ và 45 đoàn viên thành lập 1 chi đoàn.

Mặc dù mới thành lập, điều kiện ăn, ở còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng cán bộ, đội viên các đại đội Thanh niên xung phong thường xuyên đảm bảo 85% quân số làm việc, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo giao thông, vận tải kịp thời, thông suốt ở những nơi xung yếu. Tính chung, trong năm 1953, tỉnh Thái Nguyên đã huy động 2.168 tấn thóc, trên 900.000 công lao động (trong đó gần 30.000 công thợ), đào đắp 123.900 m^3 đất,

22.634m^3 đá; khai thác 1534,5 m^3 gỗ làm cầu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo giao thông thời chiến.

Cuối tháng 11/1953, Thái Nguyên được Liên khu Việt Bắc giao nhiệm vụ vận chuyển 500 tấn lương thực từ các kho khu vực phía Nam lên các kho khu vực phía Bắc tỉnh, vừa để phòng địch tấn công, càn quét, cướp phá, vừa đảm bảo cho nhu cầu kháng chiến. Tuy thời gian gấp rút, nhưng Đảng bộ đã lãnh đạo huy động kịp thời lực lượng dân công với hàng trăm xe đạp thồ, xe trâu kéo, xe goòng, trong vòng 13 đêm hoàn thành kế hoạch vận chuyển vượt thời gian 2 ngày.

Cùng thời gian trên, Đảng bộ còn lãnh đạo nhân dân trong tỉnh hoàn thành việc xay xát 536 tấn thóc và tiếp nhận 200 tấn thóc của tỉnh Bắc Giang chuyển lên, đưa vào các kho dự trữ đảm bảo an toàn.

Để đảm bảo giao thông vận tải phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ, đầu năm 1954, Tỉnh ủy quyết định tập trung cán bộ các đoàn thể Thanh niên, Nông hội và Ban Kiểm tra Tỉnh ủy xuống giúp các huyện huy động dân công san lấp, sửa chữa cầu, đường các tuyến Quốc lộ 1B và Tỉnh lộ 13A. Từ tháng 2 đến tháng 6/1954, ngoài việc huy động 2 đợt với tổng số 9.559 dân công đi làm đường, phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ, Thái Nguyên còn thành lập 115 tổ bảo vệ, với trên 1.900 tổ viên làm nhiệm vụ bảo vệ những đoạn đường xung yếu trên các tuyến giao thông quan trọng; sửa chữa cầu, đường khi bị máy bay địch đánh phá, đảm bảo giao thông vận tải luôn kịp thời, thông suốt. Đảm bảo giao thông vận tải thời chiến là một trong những đóng góp lớn nhất của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

Cùng với việc đảm bảo giao thông thời chiến, từ sau chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950, vấn đề xây dựng, phát triển lực lượng

vũ trang địa phương rộng khắp, vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu tại chỗ và chi viện chiến trường, được Đảng bộ xác định là một nhiệm vụ trọng tâm phải tập trung lãnh đạo. Cuối năm 1950, lực lượng bộ đội địa phương của tỉnh có các cơ quan tỉnh đội, huyện đội và 8 đại đội (1 đại đội của tỉnh và 7 đại đội của huyện); mỗi xã có từ 1 trung đội đến 1 đại đội dân quân, du kích. Qua thực tiễn chiến đấu, trình độ tổ chức, chỉ huy của cán bộ; trình độ kĩ, chiến thuật của chiến sĩ các lực lượng vũ trang Thái Nguyên được nâng lên.

Để có lực lượng đề phòng địch tấn công, bảo vệ căn cứ địa, sẵn sàng chi viện các chiến trường chuẩn bị đánh lớn, cuối năm 1950, thực hiện chủ trương của Bộ và Liên khu, Tỉnh ủy Thái Nguyên quyết định thành lập 2 tiểu đoàn bộ đội địa phương mang phiên hiệu Tiểu đoàn 426 và Tiểu đoàn 427. Tuy nhiên, do điều kiện khó khăn của tỉnh trong việc đảm bảo nuôi dưỡng và trang bị, nên đến đầu năm 1951, Ban Chỉ huy Tỉnh đội mới thành lập được 1 tiểu đoàn mang phiên hiệu Tiểu đoàn 426 trên cơ sở cán bộ, chiến sĩ Đại đội 150 (bộ đội địa phương tỉnh), có bổ sung thêm cán bộ, chiến sĩ ở các huyện đội.

Trong 6 tháng cuối năm 1951, Tiểu đoàn 426 bổ sung cho bộ đội chủ lực 381 cán bộ, chiến sĩ (bằng quân số của cả tiểu đoàn). Trước tình hình đó, Tỉnh ủy lãnh đạo mở cuộc vận động dân quân, du kích bổ sung cho cho bộ địa phương huyện, bộ đội địa phương huyện bổ sung cho bộ đội địa phương tỉnh. Cuộc vận động này được cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh tiến hành liên tục, nên 6 tháng đầu năm 1952 đã có 680 dân quân, du kích được bổ sung cho bộ đội địa phương. Nhờ đó, Ban Chỉ huy Tỉnh đội kiện toàn đủ quân số cho Tiểu đoàn 426 và thành lập thêm 2 đại đội 255 và 256 làm nhiệm vụ đối không; đồng thời mở lớp đào tạo 61 cán bộ chỉ huy từ

cấp tiểu đội đến cấp đại đội. Do phải tiếp tục bổ sung quân số đi xây dựng các đơn vị bộ đội chủ lực nên cuối năm 1952, tiểu đoàn 426 chỉ còn đủ quân số để biên chế 2 đại đội bộ binh, 1 trung đội trợ chiến và cơ quan tiểu đoàn bộ. Tiểu đoàn 426 được đổi phiên hiệu thành Tiểu đoàn 68.

Thực hiện chủ trương tinh binh, tinh cán, trong những năm 1951 - 1952, cơ quan Tỉnh đội từ 189 cán bộ, chiến sĩ, giảm xuống chỉ còn 45 người. Cơ quan huyện đội quân số từ 25 giảm xuống còn 15, trong đó chỉ có 3 đến 4 cán sự làm công tác dân quân.

Trước tình trạng nhiều công việc ở cơ quan Tỉnh đội và các huyện đội bị ứ đọng, nhiều vấn đề đặt ra không được giải quyết kịp thời, lực lượng dân quân, du kích số lượng giảm mạnh, Tỉnh ủy quyết định củng cố lực lượng dân quân, du kích. Quyết định của Tỉnh ủy được các cấp ủy đảng tập trung lãnh đạo thực hiện đạt kết quả. Chỉ tính riêng 53 xã trong tổng số 81 xã đã kết nạp thêm được 1.257 dân quân, du kích. Ngoài ra, các cơ sở đã rà xét, thanh thải 229 người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi lực lượng bán vũ trang địa phương. Thường trực Tỉnh ủy chỉ thị cho các cấp ủy đảng phải khẩn trương đưa đảng viên vào dân quân, du kích, đưa cấp ủy viên vào các ban chỉ huy xã đội. Đầu năm 1954, Tỉnh ủy đề ra chủ trương: Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương phải đảm bảo bổ sung quân số cho bộ đội chủ lực đủ chỉ tiêu trên giao; kiện toàn đủ quân số bộ đội địa phương và dân quân, du kích; đào tạo đủ cán bộ tiểu đội cho bộ đội địa phương và cán bộ xã đội, cán bộ chỉ huy dân quân du kích; chấn chỉnh lực lượng du kích ở các xã dọc tuyến đường giao thông quan trọng, các xã giáp ranh vùng tạm chiến, những nơi hẻo lánh; giáo dục, dìu dắt dân quân, du kích ở những nơi cải cách ruộng đất.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ban Chỉ huy Tỉnh đội cử một số cán bộ đi xuống cơ sở giúp các đơn vị "rèn cán, chỉnh quân"; tổ chức các lớp huấn luyện cán bộ chỉ huy xã đội, trung đội, đại đội dân quân, du kích, chỉ đạo các huyện bổ sung hoàn chỉnh phương án tác chiến, đề phòng địch tấn công. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Chỉ huy Tỉnh đội, các đại đội bộ đội địa phương huyện và Tiểu đoàn 68 bộ đội địa phương tỉnh được kiện toàn; các huyện tuyển được 507 thanh niên vào quân đội, kịp thời bổ sung lực lượng cho các chiến trường.

Với tinh thần *Tất cả cho cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng*, ngoài đóng góp lương thực, thực phẩm nuôi cán bộ, bộ đội trong ATK, quân và dân Thái Nguyên còn cung cấp cho Chiến dịch Điện Biên Phủ 671 tấn gạo, 28.752 kg thịt trâu, bò, lợn, 10 tấn đỗ lạc, vừng. Toàn tỉnh đã huy động 9.559 lượt dân công đi sửa chữa cầu, đường, hàng ngàn lượt dân công tham gia vận chuyển lương thực, thực phẩm, tải thương…, góp phần cùng với quân, dân cả nước làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ "*lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu*", buộc thực dân Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954), cam kết công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân 3 nước Đông Dương.

Tóm lại, trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đảng bộ đã lãnh đạo quân và dân trong tỉnh góp phần cùng với quân và dân cả nước đập tan cuộc tấn công quân sự quy mô lớn của giặc Pháp lên Căn cứ địa Việt Bắc, bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ quan đầu não kháng chiến. Thi đua với tiền phương, cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh Thái Nguyên ra sức xây dựng

hậu phương vững mạnh về mọi mặt, tích cực chi viện các chiến trường, góp phần quan trọng vào thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc.

Do có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, sau này nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh Thái Nguyên đã được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu cao quý *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân* thời kì kháng chiến chống Pháp. Đây chính là niềm tự hào và cũng là nguồn động viên to lớn về chính trị tinh thần, tiếp thêm sức mạnh cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đạt được nhiều thành tựu trên các chặng đường tiếp theo.

Chương IV

ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO KHÔI PHỤC, PHÁT TRIỂN VÀ CẢI TẠO KINH TẾ QUỐC DÂN; THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT, CHUẨN BỊ CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1954 - 1965)

I- Hoàn thành khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục, phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân (1954 - 1960)

Sau ngày Hiệp định Giơnevơ được kí kết, nước Việt Nam tạm thời bị chia làm 2 miền. Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, bước vào thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Miền Nam tạm thời đặt dưới quyền kiểm soát của quân đội Liên hiệp Pháp, sau đó đế quốc Mĩ vào thay thế và dựng lên chính quyền tay sai do Ngô Đình Diệm cầm đầu. Từ đó, cách mạng Việt Nam bước vào thời kì thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng: Chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Hòa bình được lập lại, từ tháng 8/1954, Trung ương Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh chuyển địa điểm về làm việc tại một số xã của huyện Đại Từ cho đến ngày 12/10/1954, thì chuyển về Thủ đô Hà Nội.

Cùng với các địa phương trên miền Bắc, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục hoàn thành cải cách ruộng đất. Từ ngày 22/10/1954, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các Đoàn uỷ do Trung ương cử xuống, nhân dân ở 22 xã thuộc các huyện: Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Bình và Phổ Yên,

bước vào đợt 2 cải cách ruộng đất. Cùng thời gian này, nhân dân ở 55 xã thuộc các huyện miền núi: Võ Nhai, Phú Lương, Định Hóa và 18 xã miền núi thuộc các huyện: Đồng Hỷ, Đại Từ tiếp tục thực hiện triệt để giảm tô[1].

Nhiệm vụ của Đảng bộ Thái Nguyên lúc này là tập trung lãnh đạo phục vụ đợt 2 cải cách ruộng đất và triệt để giảm tô kết hợp với chỉnh đốn tổ chức (chủ yếu là chỉnh đốn tổ chức Đảng ở nông thôn). Công tác tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách ruộng đất của Đảng được đẩy mạnh trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Tháng 1/1955, đợt 2 cải cách ruộng đất ở 22 xã kết thúc thắng lợi: Hơn 34.594 mẫu ruộng, 5.133 con trâu, bò, 514 tấn thóc cùng hàng ngàn nông cụ, dụng cụ sinh hoạt, nhà cửa, từ trong tay giai cấp địa chủ đã bị tịch thu, trưng thu và trưng mua để chia cho 21.024 hộ nông dân lao động không có ruộng hoặc có ít ruộng.

Việc chỉnh đốn các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở cấp xã chủ yếu do các đội cải cách ruộng đất và các đội giảm tô thực hiện. Đến cuối tháng 1/1955, toàn bộ 148 chi bộ xã trong Đảng bộ tỉnh đã hoàn thành chỉnh đốn tổ chức (trong đó, có 75 chi bộ hoàn thành chỉnh đốn tổ chức qua 2 đợt cải cách ruộng đất và 73 chi bộ hoàn thành chỉnh đốn tổ chức qua giảm tô).

Trong quá trình thực hiện, các đội giảm tô và đội cải cách ruộng đất đã không dựa vào chi bộ đảng ở cơ sở, phạm phải sai lầm nghiêm trọng (đấu tố tràn lan, quy sai thành phần địa chủ, phú nông cho nhiều cán bộ, đảng viên...). Vì vậy, sau giảm tô, cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, tình hình nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái

(1) Những nơi không thuộc diện cải cách ruộng đất đều thực hiện cải cách dân chủ.

Nguyên hết sức phức tạp. Tình trạng mất đoàn kết xảy ra phổ biến và khá nghiêm trọng; những người bị đấu tố sai đả kích, đe dọa những người tham gia đấu tố. Nhiều cán bộ, đảng viên mới được kết nạp và những người đã tham gia đấu tố tỏ ra hoang mang, dao động, sợ bị trả thù. Một số cán bộ nằm im không hoạt động, một số xin nghỉ công tác hoặc xin thoát li khỏi địa phương, dẫn tới tình trạng tổ chức Đảng và chính quyền cơ sở ở nhiều xã yếu kém. Tại huyện Phú Lương, Chi uỷ xã Cổ Lũng có 7 uỷ viên, chỉ có 3 uỷ viên làm việc; Ban Chấp hành Nông hội xã có 9 người, chỉ có đồng chí Bí thư làm nhiệm vụ; Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên xã có 8 uỷ viên, nhưng cũng chỉ có 3 ủy viên hoạt động...

Ngay sau khi phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) triệu tập Hội nghị lần thứ 10 mở rộng (9/1956) đề ra nhiệm vụ, phương châm trước mắt là: *Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã đạt được*[1]; đồng thời nhấn mạnh: "*Công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức là một công tác trung tâm đột xuất của Đảng ta trong thời gian trước mắt*"[2].

Thực hiện nghị quyết của Trung ương, ngày 22/11/1956, Tỉnh uỷ Thái Nguyên tổ chức Hội nghị giao ban Đảng đoàn chính quyền và một số cơ quan có liên quan đến công tác sửa sai, giao nhiệm vụ sửa sai cho Ủy ban Hành chính tỉnh[3], các ban, ngành, đoàn thể; bàn sự phối hợp công tác sửa sai giữa chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể.

(1), (2) *Văn kiện Đảng toàn tập.* Tập 17 (1956). Nxb CTQG, Hà Nội 2002, tr. 558, 564.

(3) Năm 1955, Ủy ban Kháng chiến Hành chính các cấp đổi thành Ủy ban Hành chính.

Đầu tháng 12/1956, Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị gồm 140 cán bộ các cơ quan tỉnh, các huyện được phân công làm nhiệm vụ sửa sai học tập, quán triệt chủ trương, chính sách của Trung ương Đảng và kế hoạch, nội dung, biện pháp, các bước tiến hành sửa sai của Tỉnh ủy. Tiếp đó, các huyện tổ chức cho cán bộ các cơ quan huyện, cán bộ chủ chốt các xã học tập, quán triệt nhiệm vụ công tác sửa sai và thành lập các đội sửa sai.

Đến hết tháng 8/1957, các cấp đảng bộ trong tỉnh đã lãnh đạo hoàn thành 2 đợt sửa sai ở 107 xã (gồm 90 xã đợt 1 và 17 xã đợt 2). Đầu năm 1958, công tác sửa sai đợt 3 được tiến hành ở 26 xã; còn lại 16 xã giảm tô ở các huyện: Định Hoá, Đại Từ do có ít sai lầm, tình hình nông thôn ổn định, nên không sửa sai. Như vậy, đến thời điểm này, tỉnh Thái Nguyên đã căn bản hoàn thành 3 đợt sửa sai giảm tô, cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. Với tinh thần "*Kiên quyết, khẩn trương, thận trọng, đi từng bước vững chắc*", các Đội sửa sai đã kiên trì giải thích, động viên nhân dân tham gia học tập và thực hiện chính sách sửa sai.

Nhờ có chủ trương đúng đắn của Đảng, lại được nhân dân đồng tình, ủng hộ, nên công tác sửa sai ở Thái Nguyên đã thu được kết quả tốt: Toàn tỉnh có 835 gia đình bị quy sai thành phần địa chủ, hơn 1.000 gia đình bị quy sai thành phần phú nông đã được hạ thành phần; 539 trong tổng số 1.074 đảng viên bị xử lí oan sai, đã phục hồi Đảng tịch... Trên 10.000 mẫu ruộng, hơn 1.000 con trâu, bò và hàng trăm tấn thóc được trả lại cho chủ cũ.

Quá trình thực hiện chính sách ruộng đất và chủ trương chỉnh đốn tổ chức của Đảng ở Thái Nguyên đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý, trong đó có bài học quan trọng là phải dựa vào tổ chức

Đảng, đội ngũ đảng viên và các đoàn thể quần chúng ở cơ sở. Thắng lợi của công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức đã tạo điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ tỉnh lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ trung tâm trước mắt là khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân.

Sau ngày hòa bình lập lại, dân số toàn tỉnh Thái Nguyên có 230.428 người(1), đa số cư trú ở vùng nông thôn và sinh sống bằng nghề nông. Diện tích đất canh tác toàn tỉnh 52.201 ha; trong đó, diện tích gieo cấy lúa 43.673 ha, phần lớn là gieo cấy một vụ lúa mùa, diện tích trồng các loại cây hoa màu lương thực 4.765 ha, diện tích trồng cây thực phẩm 2.778 ha, diện tích trồng cây công nghiệp 985 ha. Cơ sở vật chất, kĩ thuật đầu tư cho sản xuất không đáng kể; thường xuyên bị máy bay địch ném bom, bắn phá (nhất là những năm cuối chiến tranh) nên nhiều đoạn đường giao thông, nhiều cầu, cống, kho tàng của Nhà nước, nhà cửa của nhân dân bị tàn phá; hàng ngàn con trâu, bò bị giết hại. Các công trình thủy lợi đập Vạn Già, đập Thác Huống bị địch ném bom phá hỏng từ năm 1952 vẫn chưa có điều kiện sửa chữa, gây khó khăn lớn cho sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, trình độ canh tác của nhân dân trong tỉnh còn hết sức lạc hậu, nên năng suất lúa và cây trồng thấp, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, "giặc đói" còn là mối đe dọa thường xuyên trong nhiều gia đình. Cuối năm 1954 "*Một số xã ở huyện Phổ Yên lác đác có một số gia đình phải ăn một bữa cháo. Các huyện khác cũng có một số nhỏ*"(2). Đầu năm 1955, nạn đói lan rộng, chủ yếu diễn ra ở 35 xã thuộc các huyện: Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Đại Từ.

(1) Theo *Thống kê tình hình dân số và dân tộc tỉnh Thái Nguyên sau cải cách ruộng đất (tháng 2/1955)*, Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử - Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên.

(2) *Báo cáo Tình hình công tác tháng 10 của Tỉnh ủy Thái Nguyên (từ ngày 16/9 đến ngày 15/10/1954)*. Số 23 BC/TN, ngày 22/10/1954, tr. 3.

Chấp hành chỉ thị của Liên khu ủy Việt Bắc, tỉnh Thái Nguyên thành lập Ban Cứu tế xã hội và giao nhiệm vụ cho các huyện cứu tế nhân dân ở những nơi đói rách nhất. Ban Cứu tế xã hội tỉnh đã phân phát cho huyện Phổ Yên 5 tấn thóc, 2 tấn gạo và 1.333 mét vải để cứu tế cho nhân dân ở 8 xóm thuộc 7 xã; phân phát cho huyện Phú Bình 5 tấn thóc và 800 mét vải để cứu tế cho nhân dân ở 2 xã; phân phát cho huyện Đại Từ 2 tấn thóc để cứu tế cho nhân dân ở 4 xã.

Để giải quyết những khó khăn về kinh tế, trước hết là khó khăn về lương thực, thực hiện chủ trương của Hội nghị Tỉnh uỷ (9/1954), đầu tháng 10/1954, Ủy ban Hành chính tỉnh triệu tập Hội nghị sản xuất toàn tỉnh kiểm điểm tình hình hạn, lụt, thiếu thốn của nhân dân và thảo luận kế hoạch hoàn thành sản xuất vụ mùa, chuẩn bị sản xuất vụ chiêm.

Trước tình hình phức tạp ở các xã sau đợt 2 cải cách ruộng đất, Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị Cán bộ lãnh đạo chủ chốt (cấp ủy, chính quyền) của 53 xã để bàn biện pháp giải quyết, ổn định tình hình nông thôn và định kế hoạch sản xuất. Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các huyện phát động phong trào thi đua phát triển sản xuất, khai hoang mở rộng diện tích, sửa chữa các công trình thuỷ lợi, nạo vét kênh mương, làm thêm cọn nước.

Việc khôi phục hệ thống nông giang Sông Cầu (bị giặc Pháp cho máy bay ném bom, phá hỏng từ năm 1952) được Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Ban Lãnh đạo phục hồi hệ thống nông giang sông Cầu được thành lập, do 1 Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh phụ trách và Bí thư Huyện ủy Phú Bình tham gia, làm nhiệm vụ tổ chức huy động dân công.

Ngày 7/10/1954, Ban Lãnh đạo phục hồi Hệ thống nông giang Sông Cầu tổ chức cho 1.188 dân công khởi công sửa chữa 2 đập Vạn Già và Thác Huống cùng với hơn 2.000 dân công ra nạo vét đất bùn sông Máng. Đầu năm 1955, công việc sửa chữa đập Thác Huống đi vào giai đoạn nước rút. Đúng vào lúc đó, ngày 25/1/1955, nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Mùi, cán bộ, dân công Công trường sửa chữa đập Thác Huống rất vui mừng, phấn khởi được Bác Hồ đến thăm. Người chúc Tết và động viên bộ đội, công nhân, cán bộ, dân công ở lại ăn Tết tại công trường thật vui vẻ; thi đua làm nhanh, làm tốt để bà con nông dân có đủ nước cấy, nâng cao năng suất cây trồng. Người tặng công trường một số huy hiệu để thưởng cho những người thi đua khá nhất.

Vâng theo lời Bác dặn, các cấp đảng bộ, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát; cán bộ, dân công trên công trường nỗ lực thi đua vượt qua mọi khó khăn. Nhờ đó, toàn bộ hệ thống thủy nông Sông Cầu đã được phục hồi, đảm bảo cung cấp nước tưới cho hàng ngàn hécta ruộng đất của 2 huyện Đồng Hỷ, Phú Bình tỉnh Thái Nguyên và một số huyện của tỉnh Bắc Giang.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh trồng các loại cây hoa màu lương thực, thực phẩm ngắn ngày, đến ngày 14/11/1955, tính riêng các huyện: Phú Lương, Định Hoá, Võ Nhai, Phổ Yên đã trồng được 988 mẫu ngô, 406 mẫu khoai lang, không kể hàng chục mẫu sắn và các loại rau xanh. Nhờ đó, năm 1955, mặc dù gặp nhiều khó khăn gay gắt do thiên tai[1] và sâu bệnh gây ra, nhưng sản xuất nông nghiệp của tỉnh vẫn từng bước được phục

(1) Cuối tháng 7, đầu tháng 8/1955, trận bão, lụt làm ngập nước nhiều ngày trên 9.600 mẫu lúa của các huyện: Phổ Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ, Đại Từ, Võ Nhai, thu hoạch bị giảm từ 10% đến 70% và sau đó là sâu bệnh hại lúa diễn ra trên diện rộng,

hồi, tổng sản lượng lương thực đạt 96.854 tấn. Riêng về lúa, năng suất mỗi hécta bình quân đạt 12,84 tạ; sản lượng lúa cả năm đạt 54.753 tấn (riêng sản lượng lúa mùa chính vụ đạt 44.258 tấn)[1(2)]. Sản xuất lương thực được phục hồi, kết hợp với việc thực hiện tốt chính sách tiết kiệm lương thực và công tác thu mua, phân phối, hỗ trợ lương thực kịp thời cho những nơi khó khăn, mất mùa, nên nạn đói trong tỉnh được ngăn chặn, đẩy lùi.

Phát huy thành tích phát triển sản xuất nông nghiệp năm 1955, liên tiếp 2 năm (1956 - 1957), nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã hăng hái thi đua khai hoang, phục hóa, thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích gieo trồng, đưa diện tích cấy lúa năm 1957 lên 50.072 ha, (tăng gần 4.000 ha so với năm 1955). Các biện pháp kĩ thuật cày sâu, bừa kĩ, cấy dầy, tăng cường phân bón, đắp bờ giữ nước, làm cỏ sục bùn tiếp tục được duy trì và phát triển. Vì vậy, năng suất các loại cây lương thực tiếp tục được tăng lên. Năm 1957, năng suất lúa tăng 2,4 tạ/ha so với năm 1955; tổng sản lượng lúa đạt 71.160 tấn, tổng sản lượng hoa màu các loại đạt hơn 20.000 tấn, không những đáp ứng nhu cầu bảo đảm lương thực cho nhân dân trong tỉnh, mà còn đóng góp cho Nhà nước trên 10.000 tấn lương thực.

Các loại cây công nghiệp (bông, lạc, vừng, mía) tuy được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo, đầu tư phát triển, nhưng kết quả chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương. Chè búp khô là đặc sản của Thái Nguyên nổi tiếng từ lâu, nhưng cũng không được đầu tư thoả đáng; từ việc trồng mới, chăm sóc, đến việc chế biến và tiêu thụ sản phẩm đều do nhân dân tự làm, nên nhìn chung năng suất, sản lượng đều thấp.

(1) *Sáu năm xây dựng kinh tế và văn hóa tỉnh Thái Nguyên (1955 - 1960)*, lưu tại Chi cục Thống kê tỉnh, tr.187.

Ngành Chăn nuôi được các cấp đảng bộ trong tỉnh tập trung lãnh đạo giữ vững và phát triển. So với năm 1955, tổng các đàn gia súc năm 1956 đều tăng; đàn trâu: 42.017 con (tăng 2.572 con), đàn bò: 7.351 con (tăng 1.324 con), đàn lợn: 33.543 con (tăng 6.909 con). Sản xuất nông nghiệp phát triển, đời sống được cải thiện; nông dân Thái Nguyên rất phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh.

Nhờ có chính sách của Đảng, Chính phủ, được sự quan tâm lãnh đạo sâu sát của Tỉnh ủy, từ năm 1957, ngành Chăn nuôi nhiều vùng trong tỉnh tiếp tục phát triển. Công tác phòng dịch cho đàn gia súc được đẩy mạnh, nên số lượng đàn gia súc năm 1957 tăng lên so với năm 1956: Đàn trâu có 49.649 con (tăng 7.832 con), đàn bò có 10.209 con (tăng 2.856 con), đàn lợn có 50.200 con (tăng 16.693 con).

Ngành Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp của tỉnh sau một thời gian bị đình đốn trong thời kì kháng chiến chống Pháp, được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo khôi phục và phát triển. Năm 1956, toàn tỉnh có 7 xí nghiệp sản xuất và 2 doanh nghiệp vận tải ô tô, với 1.497 công nhân[1(1)]. Trong các doanh nghiệp, xí nghiệp, công nhân thi đua sản xuất thu nhiều kết quả: Hầu hết các xí nghiệp đều đạt và vượt mức kế hoạch Nhà nước từ 3,7% đến 7,8%, tiết kiệm 12.733 giờ. Điển hình là Xí nghiệp Mỏ than Quán Triều sản xuất vượt 410 tấn so với kế hoạch Nhà nước, về trước thời gian quy định 11 ngày. Nhiều chỉ tiêu trong các ngành sản xuất hàng tiêu dùng và tư liệu sản xuất đều vượt mức kế hoạch: Sản xuất vải vượt 11,19%, nông cụ vượt 50,9%, ngói vượt 219,75%, vôi vượt 9,52%, đường vượt 36,25%, thuộc da vượt 75,92%.

(1) *Báo cáo Tổng kết công tác một năm của Tỉnh ủy Thái Nguyên.* Số 13-BC/TN, ngày 27/2/1957, tr. 11

Giao thông vận tải có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc phát triển kinh tế, văn hóa. Trong thời kì chiến tranh, hệ thống các đường giao thông trên địa bàn tỉnh thường xuyên bị máy bay địch đánh phá. Sau ngày hòa bình lập lại, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã tích cực sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông trên địa bàn. Ngoài ra, từ quý IV năm 1954 đến hết tháng 12/1955, thực hiện nhiệm vụ Trung ương giao, tỉnh Thái Nguyên khai thác gỗ, sản xuất 59.500 thanh tà vẹt (vượt 4.500 thanh so với chỉ tiêu được giao), góp phần quan trọng vào việc khôi phục 681 km đường sắt trên miền Bắc.

Cùng với nhiệm vụ khôi phục kinh tế, công tác lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội cũng đạt được nhiều kết quả.

Đến cuối năm 1957, toàn tỉnh có 15.547 học sinh phổ thông từ cấp I đến cấp III (trong đó, số học sinh là người dân tộc thiểu số chiếm 20,95%), tăng 43% so với năm 1956. Trên địa bàn tỉnh còn 2 xã (Phúc Thọ thuộc huyện Đại Từ và Tân Thành thuộc huyện Phú Lương) chưa mở được trường, lớp phổ thông cấp I. Các cấp đảng bộ trong tỉnh khuyến khích mở các lớp học phổ thông, lớp vỡ lòng theo hệ dân lập và tư thục. Riêng năm 1957, toàn tỉnh mở được 27 lớp dân lập, 6 lớp tư thục từ lớp 1 đến lớp 6, tổ chức 254 lớp vỡ lòng; đồng thời đào tạo được 108 cán bộ và giáo viên dạy vỡ lòng gồm đủ các thành phần dân tộc. Riêng phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hóa bị giảm sút nhiều do tập trung vào công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức.

Công tác y tế, chăm lo và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân có nhiều tiến bộ. Đầu năm 1957, toàn tỉnh có 37 cán bộ y tế (gồm 4 y sĩ trung cấp, 6 nữ hộ sinh trung cấp và 27 y tá), với 40 giường bệnh của 2 bệnh xá và 25 giường bệnh của 7 phòng y tế ở 7 huyện. Nhiệm vụ của các phòng y tế huyện chủ yếu là khám bệnh và cấp phát những loại thuốc chữa bệnh thông thường, nhưng cũng rất hạn chế. Tình trạng ốm đau, bệnh tật, chủ yếu là các bệnh sốt rét, tả, sởi và viêm phổi thường xảy ra, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa.

Trước tình trạng trên, Đảng bộ tỉnh chủ trương đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện vệ sinh phòng bệnh; đồng thời tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ y tế. Trong năm 1957, ngành Y tế tỉnh bồi dưỡng được 479 cán bộ y tá xã. Các cấp đảng bộ trong tỉnh lãnh đạo, vận động nhân dân tổ chức được 738 túi thuốc (có 20 túi thuốc của đồng bào rẻo cao). Đặc biệt, cuối năm 1957, tỉnh Thái Nguyên được Trung ương chỉ đạo thí điểm tiêu diệt bệnh sốt rét, bước đầu đã thu được nhiều kết quả, nhân dân rất phấn khởi.

Công tác thông tin tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước cũng được các cấp ủy đảng quan tâm lãnh đạo. Hầu hết các thôn xóm, làng bản đều thành lập các tổ, đội thông tin lưu động. Hằng ngày, hằng tuần, các tổ, đội thông tin theo dõi, tập hợp tin tức về tình hình thời sự thế giới và trong nước, trong tỉnh, kịp thời phổ biến đến nhân dân. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ được đẩy mạnh, với nhiều hình thức phong phú. Các buổi biểu diễn văn nghệ *"cây nhà, lá vườn"* thường xuyên được tổ chức, kịp thời biểu dương những gương người tốt, việc tốt; phê phán những biểu hiện sai trái, các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan.

Trên lĩnh vực an ninh - trật tự, sau ngày hòa bình lập lại, một số phần tử phản động đội lốt các chức sắc tôn giáo từ các tỉnh: Thái Bình, Nam Định... lên cấu kết với các tên phản động, tay sai của thực dân Pháp ở một số xã thuộc các huyện: Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Bình, Phổ Yên và thị xã Thái Nguyên. Lợi dụng đức tin của giáo dân, chúng phao tin: "*Chúa đã vào Nam, phải theo chúa, nếu ở lại khi chết sẽ không được cứu rỗi linh hồn*"; "*vào Nam là chọn tự do, vào Nam sẽ được chia ruộng*" và đe doạ: "*Sau khi hết thời hạn di cư, Mĩ sẽ dùng bom nguyên tử ném xuống miền Bắc...*".

Các hoạt động tuyên truyền, dụ dỗ, đe dọa của các phần tử phản động đã làm cho nhiều đồng bào Công giáo ở các xã: Tân Cương, Phúc Trìu (huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên), Quyết Tiến (nay là Nhã Lộng) huyện Phú Bình, Thuận Thành (huyện Phổ Yên), Hùng Sơn (huyện Đại Từ)... hoang mang, lo sợ; một số giáo dân nhẹ dạ, cả tin, bỏ lại nhà cửa, ruộng vườn di cư vào Nam. Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh diễn ra hết sức phức tạp. Đây là một trong những khó khăn không nhỏ của Đảng bộ trong những ngày hoà bình mới lập lại.

Để ngăn chặn hoạt động cưỡng ép giáo dân di cư vào Nam, từ cuối 1954, Tỉnh ủy đã lãnh đạo mở nhiều lớp tuyên truyền, bồi dưỡng, học tập chủ trương, chính sách đoàn kết dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng và Chính phủ cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Từ ngày 9 đến ngày 12/2/1955, Tỉnh uỷ triệu tập 230 cán bộ lãnh đạo các cơ quan xung quanh tỉnh và các huyện, thị xã về dự Hội nghị nghiên cứu, học tập *Chỉ thị của Trung ương về đẩy mạnh đấu tranh phá âm mưu mới của địch trong việc dụ dỗ và cưỡng ép giáo dân di cư vào Nam*; thảo luận kế hoạch tiến hành ở các xã.

Sau Hội nghị, Tỉnh ủy tập trung 23 cán bộ, tổ chức thành 8 đội công tác đưa xuống 9 xã[1] của 4 huyện: Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Bình, Phổ Yên, (là những nơi có đông đồng bào Công giáo cư trú đang bị kẻ xấu lôi kéo, dụ dỗ di cư) để nắm tình hình; tuyên truyền, giải thích đường lối, chính sách đoàn kết dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng, vạch rõ âm mưu thâm độc của địch và vận động nhân dân tăng gia sản xuất. Đồng thời, Ban Chỉ huy Tỉnh đội điều 4 đại đội bộ đội địa phương xuống các vùng có đồng bào Công giáo sinh sống ở 4 huyện trên (mỗi huyện 1 đại đội) để làm áp lực cho cuộc đấu tranh chính trị chống di cư. Lực lượng công an điều tra, vạch trần bộ mặt của những tên phản động, tay sai của địch, bắt và đưa ra xét xử, phạt tù một số tên cầm đầu. Trước những việc làm kịp thời, kiên quyết của các cấp đảng bộ và chính quyền trong tỉnh, đông đảo giáo dân đã nhận ra âm mưu thâm độc của kẻ thù, yên tâm làm ăn, sinh sống, một số người đã bỏ đi, nay lại trở về quê cũ. Tình hình giáo dân di cư dần dần lắng xuống.

Một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của Đảng bộ Thái Nguyên thời gian này là lãnh đạo cuộc vận động thành lập Khu Tự trị Việt Bắc theo chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ[2]. Đối với tỉnh Thái Nguyên, cuộc vận động thành lập Khu Tự trị Việt Bắc

(1) 8 đội gồm: 1 đội 7 cán bộ xuống 2 xã Phúc Trìu, Tân Cương (huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên); 1 đội 3 cán bộ xuống xã Túc Duyên (huyện Đồng Hỷ), nay là phường Túc Duyên (thành phố Thái Nguyên); 1 đội 3 cán bộ xuống xã Đồng Tiến (huyện Đồng Hỷ), nay là xã Huống Thượng (thành phố Thái Nguyên); 1 đội 2 cán bộ xuống Linh Sơn (huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên); 1 đội 2 cán bộ xuống xã Tân Thái (huyện Đại Từ); 1 đội 2 cán bộ xuống xã Quyết Tiến - nay là xã Nhã Lộng (huyện Phú Bình), 1 đội 2 cán bộ xuống xã Tân Tiến - nay là xã Đông Cao, thị xã Phổ Yên, 1 đội 2 cán bộ xuống xã Cam Giá (huyện Đồng Hỷ), nay là phường Cam Giá (thành phố Thái Nguyên).

(2) Khu Tự trị Việt Bắc được thành lập theo Nghị quyết ngày 6/6/1956 của Hội đồng Chính phủ. Ngày 1/7/1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Sắc lệnh số 268-SL ban hành bản quy định việc thành lập Khu Tự trị Việt Bắc.

diễn ra vào lúc công việc bề bộn, phần lớn cán bộ chủ chốt của tỉnh và các huyện đang làm nhiệm vụ cải cách ruộng đất đợt 5 ở các tỉnh bạn từ tháng 8/1955.

Trong điều kiện ấy, Tỉnh ủy quyết định huy động 1.567 cán bộ trong toàn tỉnh (có 50% cán bộ cấp xã), tổ chức thành các đội công tác xuống các cơ sở chỉ đạo, tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập chủ trương, mục đích của việc thành lập Khu Tự trị là để có điều kiện thực hiện tốt hơn vấn đề đoàn kết dân tộc, chăm lo phát triển kinh tế, văn hoá cho nhân dân các dân tộc trong Khu Tự trị, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi. Sau 1 năm tuyên truyền, vận động, từ ngày 18 đến ngày 23/6/1956(1), 52.449 cử tri trên tổng số 64.060 cử tri trong toàn tỉnh(2) đã tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân Khu Tự trị Việt Bắc. Thực hiện Sắc lệnh số 268-SL ngày 1/7/1956 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ ngày 16/7/1956, Khu Tự trị Việt Bắc chính thức đi vào hoạt động. Thị xã Thái Nguyên được chọn làm Thủ phủ của Khu Tự trị Việt Bắc.

Việc thành lập Khu Tự trị Việt Bắc đã tạo nên không khí hồ hởi, phấn khởi, hăng hái tăng gia sản xuất, xây dựng cuộc sống mới trong nhân dân các dân tộc trên địa bàn. Tuy nhiên, sự ra đời và tồn tại của Khu Tự trị Việt Bắc cũng gây nên tình trạng triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước thường bị chậm so với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đặc biệt, trong công tác tổ chức cán bộ, do Khu quản lí đến tận cấp huyện, nên nhiều cán bộ có phẩm chất, năng lực, Tỉnh ủy Thái Nguyên muốn bố trí vào các cương vị lãnh đạo, nhưng Thường trực Khu ủy lại không

(1) Sở dĩ cuộc bầu cử phải kéo dài vì một số địa phương trong tỉnh bị lũ lụt không tổ chức cho nhân dân bầu cử đúng thời gian quy định.

(2) Thời gian này, huyện Phú Bình sáp nhập về tỉnh Bắc Giang, huyện Phổ Yên sáp nhập về tỉnh Vĩnh Phúc.

đồng ý. Sự áp đặt của Thường trực Khu ủy về công tác cán bộ có lúc vi phạm nguyên tắc tổ chức của Đảng, làm cho Tỉnh ủy nhiều khi lúng túng, bị động. Tư tưởng hẹp hòi, địa phương chủ nghĩa trong một vài cán bộ lãnh đạo Thường trực Khu ủy đã ảnh hưởng xấu đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Mâu thuẫn giữa Khu và tỉnh nảy sinh và ngày càng tăng. Khu ngày càng cản trở sự năng động của tỉnh, gây nhiều khó khăn cho quá trình chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hoá, chăm lo đời sống nhân dân các dân tộc ở các địa phương..., đi ngược lại mục tiêu ban đầu của việc thành lập Khu Tự trị Việt Bắc. Nhằm khắc phục tình trạng này, ngày 3/11/1961, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 27-NQ/TW thu hẹp chức năng, quyền hạn của Khu Tự trị Việt Bắc từ cấp chỉ đạo, xuống cấp đôn đốc, kiểm tra.

Trong công tác xây dựng Đảng, từ ngày hòa bình lập lại (21/7/1954) đến năm 1957, Trung ương và Liên khu ủy Việt Bắc điều động nhiều cán bộ của tỉnh Thái Nguyên đi làm nhiệm vụ cải cách ruộng đất, giảm tô và chỉnh đốn tổ chức. Do vậy, từ tỉnh đến các huyện đều thiếu cán bộ lãnh đạo. Đầu năm 1955, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV chỉ còn 6 ủy viên[1]. Các Huyện ủy: Võ Nhai, Định Hoá, Phú Lương, mỗi huyện ủy đều thiếu 6 huyện uỷ viên[2]...

Trước tình hình trên, để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo của các cấp ủy đảng, Tỉnh ủy Thái Nguyên đề nghị Khu ủy bổ sung cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành cho tỉnh; đồng thời lựa chọn một số cán bộ cấp xã, cấp huyện lên công tác tại các ngành của tỉnh. Ngày 5/10/1956, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp bàn một số nội dung,

(1) Gồm các đồng chí: Lê Dục Tôn - Bí thư Tỉnh ủy; Trần Hải Bằng - Phó Bí thư Tỉnh ủy và 4 Tỉnh ủy viên: Vũ Hưng, Mông Phúc Quyền, Nguyễn Trung Thành, Nguyễn Văn Thạch.

(2) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Công tác 3 tháng đầu năm* 1955. Số 15-BC/TN, ngày 4/4/1955, tr. 19.

biện pháp lãnh đạo các mặt công tác trước mắt, trong đó có công tác tổ chức xây dựng Đảng. Tham dự Hội nghị có đại diện Ban Tổ chức Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc. Hội nghị nhất trí bổ sung 2 đồng chí: Lê Đình Nhậm và Nguyễn Hữu Uẩn vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; đề bạt các đồng chí: Mạc Văn Đức, Trịnh Thư, Triệu Sinh Tài vào Ủy ban Hành chính tỉnh; đề bạt 14 đồng chí giữ chức Trưởng, Phó các ty và tương đương; phân công đồng chí Nguyễn Văn Thạch (Tỉnh ủy viên) giữ chức Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, thay đồng chí Trần Hải Bằng (Phó Bí thư, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy) được Trung ương điều động đi nhận công tác khác(1).

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương: "*hướng sự phát triển vào bần, cố* nông", những tháng cuối năm 1954, đầu năm 1955, Đảng bộ tỉnh kết nạp 614 đảng viên (trong đó chỉ có 2 đảng viên thuộc thành phần trung nông). Vì mắc phải sai lầm máy móc, chỉ chú trọng bồi dưỡng, phát triển Đảng đối với những người thuộc thành phần bần, cố nông, nên nhiều người thuộc thành phần trung nông có tư cách đạo đức tốt, có năng lực và nhiệt tình công tác không được bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng. Mặt khác, do công tác tuyên truyền giáo dục về Đảng cho các đối tượng kết nạp Đảng và đảng viên mới chưa đầy đủ, nên nhận thức và động cơ vào Đảng của các đối tượng này còn nhiều hạn chế, tính tiền phong gương mẫu chưa cao. Nhiều người chưa đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức và năng lực công tác, cũng được kết nạp vào Đảng. Do đó, sau khi kết thúc chỉnh đốn tổ chức, nhiều đảng viên kết nạp trong thời kì giảm tô, cải cách ruộng đất đã bỏ sinh hoạt Đảng, bỏ công tác hoặc xin ra khỏi Đảng.

(1) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy vào 7 giờ sáng ngày 5/10/1956*. Số 150-NQ/TU, ngày 7/11/1956.

Trên cơ sở hoàn thành thắng lợi cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh, từ năm 1958, cùng với các địa phương trên miền Bắc, nhân dân tỉnh Thái Nguyên bước vào thời kì thực hiện Kế hoạch 3 năm phát triển và cải tạo và kinh tế.

Xuất phát từ đặc điểm Thái Nguyên là một tỉnh miền núi - trung du, 92% dân số sống bằng nghề nông, giá trị kinh tế nông nghiệp chiếm 97% tổng giá trị các ngành kinh tế toàn tỉnh, nên trong thời kì cải tạo xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ chủ trương tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động và tổ chức nông dân từng bước đi vào con đường làm ăn tập thể, trước mắt tập trung lãnh đạo củng cố tổ đổi công, xây dựng và phát triển hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp, tiến tới xây dựng hợp tác xã bậc cao, đẩy mạnh sản xuất.

Ngay từ những năm 1955 - 1956, các xã Hùng Sơn và Độc Lập (nay là xã Tiên Hội) thuộc huyện Đại Từ được chọn làm nơi thí điểm xây dựng 5 hợp tác xã nông nghiệp. Tuy nhiên, do chưa có kinh nghiệm quản lí lao động, điều hành sản xuất và phân phối sản phẩm, nên 3 hợp tác xã hoạt động cầm chừng, 1 hợp tác xã không còn hoạt động và 1 hợp tác xã bị tan vỡ từ giữa năm 1957; các tổ đổi công trên địa bàn tỉnh cũng tan vỡ từng mảng hoặc chỉ tồn tại hình thức.

Giữa lúc công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp của các cấp đảng bộ trong tỉnh đang gặp nhiều khó khăn, ngày 2/3/1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm tỉnh Thái Nguyên. Cùng đi với Bác có Bộ trưởng Bộ Thủy lợi và Kiến trúc Trần Đăng Khoa, Phó ban Liên lạc nông dân toàn quốc Nguyễn Mạnh Hồng. Bác đến kè Lũ Yên, xã Yên Thịnh (nay là xã Đào Xá), huyện Phú Bình xem chiếc máy bơm tự động chạy bằng sức nước

do Trung Quốc giúp. Sau đó, Bác Hồ đi thăm các hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Đại Từ. Bà con xã viên của 4 hợp tác xã nông nghiệp và nhiều đồng bào 2 xã: Hùng Sơn, Độc Lập cùng một số cán bộ lãnh đạo của khu, của tỉnh và huyện Đại Từ đã tập trung ở Hợp tác xã nông nghiệp Cầu Thành để chào đón Người. Tại đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh động viên mọi người hăng hái tham gia tổ đổi công, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Người căn dặn: "*Các đoàn thể như Đoàn Thanh niên Lao động, Nông hội, Phụ nữ, phải hăng hái tham gia phong trào đổi công, hợp tác xã, hăng hái sản xuất cho tốt*"(1).

Những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giúp cho các cấp đảng bộ trong tỉnh có thêm sức mạnh và quyết tâm lãnh đạo thực hiện thắng lợi cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp. Cuối năm 1958, toàn tỉnh đã xây dựng được 4.254 tổ đổi công (tăng 55,08% so với năm 1957), gồm 32.120 hộ nông dân (tăng 67,38%); 28 hợp tác xã nông nghiệp (gấp 7 lần so với năm 1957), gồm 492 hộ xã viên với 755 mẫu ruộng, 281 con trâu, bò. Từ kết quả này, để chuẩn bị cho việc xây dựng và phát triển phong trào hợp tác xã nông nghiệp các năm tiếp theo, đầu năm 1959, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh, Ban Công tác nông thôn và Ty Nông nghiệp phối hợp với các cấp, các ngành trong tỉnh mở lớp đào tạo, bồi dưỡng 2.680 cán bộ hợp tác xã (có 267 kế toán và 278 Chủ nhiệm). Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp trong tỉnh có những bước chuyển biến mới.

Trong bối cảnh ấy, từ ngày 1 đến ngày 6/2/1959, tại thị xã Thái Nguyên, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ V. Trên cơ sở đánh giá kết quả các mặt công tác trong 5 năm (1954

(1) Dẫn theo: *Bác Hồ với Thái Nguyên, Thái Nguyên với Bác Hồ*. Nxb Lí luận chính trị, 2007, tr. 286.

- 1958); căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14 (11/1958) và tình hình đặc điểm của địa phương, Đại hội ra Nghị quyết về nhiệm vụ của Đảng bộ năm 1959: Lãnh đạo nhân dân các dân tộc tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đến cuối năm 1959 đưa được 50,7% số hộ nông dân trong tỉnh vào hợp tác xã bậc thấp, mỗi huyện tổ chức được từ 1 đến 2 hợp tác xã bậc cao.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa V, gồm 21 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết. Ngày 7/2/1959, Ban Chấp hành Đảng bộ họp phiên thứ nhất, bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, gồm 7 ủy viên. Đồng chí Phan Văn Tỉnh được bầu giữ chức Bí thư; các đồng chí: Lê Đức Chỉnh và Lê Dục Tôn được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V, trong năm 1959, Tỉnh ủy phát động 2 đợt xây dựng và phát triển hợp tác xã nông nghiệp (đợt mùa xuân và đợt mùa thu). Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ban Công tác nông thôn tỉnh phối hợp với các ban, ngành trong khối Nông nghiệp và khối Dân vận cử cán bộ xuống cơ sở tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, giải thích cho cán bộ, nhân dân hiểu rõ đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn và các nguyên tắc tự nguyện, quản lí dân chủ, cùng có lợi trong xây dựng hợp tác xã nông nghiệp; đẩy mạnh công tác vận động cán bộ và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng hợp tác xã nông nghiệp.

Qua 2 đợt xây dựng và phát triển hợp tác xã nông nghiệp năm 1959, toàn tỉnh đã xây dựng được 577 hợp tác xã, với 20.145 hộ xã viên (đạt 48,46% tổng số nông hộ). Tuy tỉ lệ số hộ nông dân trong các hợp tác xã nông nghiệp còn thấp hơn 2,24% so với chỉ tiêu 50,7% do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đề ra, nhưng tăng 4,46% so với chỉ tiêu đã được điều chỉnh tại Hội nghị Tỉnh uỷ (7/1959). Kết quả đó đã khẳng định sự cố gắng rất lớn của

Đảng bộ trong lãnh đạo công tác tuyên truyền, vận động và tổ chức quần chúng nhân dân, chủ yếu là nông dân thực hiện nhiệm vụ cải tạo kinh tế nông nghiệp theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về Đợt củng cố, xây dựng và phát triển hợp tác xã mùa xuân 1960, các cấp đảng bộ trong tỉnh lãnh đạo tổ chức hàng loạt lớp huấn luyện, bồi dưỡng chủ trương, đường lối, chính sách xây dựng hợp tác xã cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân. Các ban, ngành chức năng mở nhiều lớp huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lí, điều hành sản xuất cho cán bộ các hợp tác xã.

Hưởng ứng Đợt củng cố và xây dựng hợp tác xã mùa thu 1960, các cấp, các ngành làm tốt công tác tuyên truyền, vận động quần chúng. Nhờ đó, chỉ trong vòng 2 tháng, toàn tỉnh đã có hàng nghìn đơn xin gia nhập hợp tác xã. Cuối năm 1960, Đảng bộ đã lãnh đạo xây dựng được 951 hợp tác xã nông nghiệp (có 63 hợp tác xã bậc cao), với 36.122 hộ xã viên, đạt tỉ lệ 86,9% số hộ nông dân trong tỉnh, vượt 2,45% chỉ tiêu Khu uỷ Khu Tự trị Việt Bắc giao.

Trong quá trình lãnh đạo cuộc vận động xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, Đảng bộ chú trọng lãnh đạo xây dựng tổ đổi công ở những bản làng vùng sâu, vùng xa. Đây là những nơi dân cư thưa thớt, diện tích ruộng đất canh tác nhỏ lẻ, phân tán, không phù hợp với điều kiện xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Việc xây dựng tổ đổi công nhằm tạo điều kiện để nhân dân tương trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất và sinh hoạt cộng đồng. Đến cuối năm 1959, toàn tỉnh duy trì được 1.886 tổ đổi công (có 941 tổ đổi công thường xuyên), hoạt động có hiệu quả tốt.

Đối với thợ thủ công và những người buôn bán nhỏ, cấp ủy đảng cơ sở lãnh đạo vận động đưa họ vào sản xuất trong các hợp tác xã

tiểu thủ công nghiệp. Ở những nơi số người ít, không đủ điều kiện thành lập hợp tác xã, cấp ủy đảng cơ sở lãnh đạo xây dựng các tổ hợp tác sản xuất, tổ cung tiêu, hoặc được xen ghép vào các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Đến cuối năm 1960, toàn tỉnh có 1.616 thợ thủ công, 1.714 tiểu thương đi vào con đường làm ăn tập thể.

Toàn tỉnh Thái Nguyên có 42 hộ (gồm 27 hộ tư sản, 15 hộ tiểu chủ) hoạt động trên lĩnh vực công, thương nghiệp tư bản tư doanh. Sau khi được học tập chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể, tư hữu, 100% số hộ tự nguyện tham gia sản xuất, kinh doanh dưới hình thức công tư hợp doanh trong các xí nghiệp: Xay xát gạo Đại Từ, Bánh kẹo Thái Nguyên, In Thái Nguyên, Ô tô Thái Nguyên và May đo Tân Á...

Song song với lãnh đạo cải tạo các thành phần kinh tế cá thể, Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế quốc doanh. Đến năm 1960, hàng loạt xí nghiệp quốc doanh địa phương thuộc các ngành khai khoáng, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác chế biến lâm sản, thực phẩm, dệt, da, may mặc,... được hình thành và đi vào hoạt động. Cùng với hệ thống mậu dịch quốc doanh, hợp tác xã mua bán ngày càng được mở rộng. Các chủng loại mặt hàng ngày càng phong phú; trong đó, 3 mặt hàng thiết yếu đối với đời sống nhân dân, gồm vải, muối và dầu thắp sáng, thường xuyên được cung ứng kịp thời theo định lượng, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân phát triển sản xuất và cải thiện đời sống.

Thực hiện các chủ trương của Đảng trong Kế hoạch 3 năm phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân (1958 - 1960), Đảng bộ tỉnh coi trọng lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp, với nhiệm vụ sản xuất

lương thực là trọng tâm. Để mở rộng diện tích gieo trồng, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo phát động phong trào khai hoang, phục hoá, kết hợp với thâm canh, tăng vụ. Năm 1960, tổng diện tích gieo trồng cây lương thực toàn tỉnh đạt 59.531 ha, tăng 2.800 ha so với năm 1957; trong đó, riêng diện tích cấy lúa tăng 1.828 ha.

Các biện pháp kĩ thuật (nước, phân, cần, giống) tiếp tục được thực hiện. Đến năm 1960, toàn tỉnh xây dựng được 11 công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp (gồm 8 đập giữ nước, 2 hồ chứa nước và 1 trạm bơm nước); sửa chữa và làm mới hàng trăm kilômét kênh, mương dẫn nước nội đồng; tu sửa và nâng cấp hệ thống đê, kè, với tổng khối lượng đào đắp trên 2.600.000 m^3 đất đá, đổ gần 1.000 m^3 bêtông; đưa tổng diện tích gieo cấy lúa được tưới nước lên 31.855 ha (tăng 2,5 lần so với năm 1955).

Nhờ đó, đến năm 1960, diện tích, năng suất và sản lượng các loại cây hoa màu lương thực, thực phẩm trong toàn tỉnh đều tăng đáng kể so với năm 1958. Chỉ tính riêng về sản lượng, ngô đạt 1.209,8 tấn (tăng 200,2%), khoai đạt 8.672 tấn (tăng gần 5,22%), sắn đạt 16.243,6 tấn (tăng 99,72%), rau đạt 7.799,6 tấn (tăng 36,4%). Tuy nhiên, so với năm 1959, năm 1960, sản lượng lúa của tỉnh bị giảm sút, từ 99.049 tấn, xuống còn 84.633,7 tấn.

Diện tích trồng cây công nghiệp được mở rộng, nhưng tốc độ tăng chậm. Do chưa được đầu tư đúng mức, nên năng suất, sản lượng cây công nghiệp trong thời kì này cũng tăng, giảm thất thường(1).

Ngành Chăn nuôi trong những năm 1958 - 1960 phát triển không đều. Đàn trâu tăng, giảm bấp bênh, từ 58.688 con (năm 1958), lên

(1) Trong đó, sản lượng bông tăng từ 10.666 kg (năm 1958), lên 13.516 kg (năm1959) và giảm mạnh xuống 5.179 kg (năm 1960); sản lượng mía liên tục giảm từ 14.201 tấn (năm 1958), xuống 10.005 tấn (năm 1959) và 8.439,8 tấn (năm 1960); sản lượng chè búp khô giảm từ 48 tấn (năm 1958), xuống 46 tấn (năm 1959) và tăng lên 50,82 tấn (năm 1960); sản lượng thuốc lá cũng giảm từ 14,196 tấn (năm 1958), xuống 9,239 tấn (năm 1959) và tăng lên 25,433 tấn (năm 1960).

60.559 con (năm 1959), lại xuống 57.923 con (năm 1960); đàn bò có chiều hướng giảm sút liên tục, từ 13.339 con (năm 1958), xuống 13.064 con (năm 1959) và 9.103 con (năm 1960); đàn lợn cũng giảm, tăng không đều, từ 70.078 con (năm 1958), xuống 66.114 con (năm 1959) và lên 76.084 con (năm 1960). Huyện Đồng Hỷ là đơn vị có đàn lợn tăng trưởng mạnh nhất (từ 11.711 con năm 1958, lên 12.402 con năm 1959 và 21.886 con năm 1960). Nghề nuôi cá bước đầu được Đảng bộ tỉnh quan tâm lãnh đạo. Năm 1960, diện tích ao, hồ, ruộng nuôi cá toàn tỉnh đạt 825 ha, tăng 129 ha so với năm 1958; sản lượng cá đạt 761 tấn, tăng 389 tấn so với năm 1957 (nhưng lại giảm 184 tấn so với năm 1959).

Sản xuất lâm nghiệp có những bước chuyển biến mới. Để khắc phục tình trạng "*nặng về lãnh đạo khai thác, nhẹ về lãnh đạo gây và trồng rừng*"(1) diễn ra trong thời kì 3 năm khôi phục kinh tế (1954 - 1957), đầu năm 1958, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra chủ trương công tác lâm nghiệp trong 3 năm (1958 - 1960): "*Tích cực bảo vệ rừng hiện có, bước đầu cải tạo rừng, đẩy mạnh trồng cây gây rừng, cải tiến quản lí rừng theo hướng kinh doanh, dần dần đưa nền kinh tế lâm nghiệp từng bước lên xã hội chủ nghĩa. Bảo vệ và quản lí, kinh doanh rừng toàn diện, cải tạo rừng có trọng điểm, phát triển rừng nhanh chóng. Trồng cây gây rừng kịp thời vụ, khai thác rừng để đáp ứng các nhu cầu của Nhà nước và nhân dân phải đi đôi với triệt để tiết kiệm gỗ*"(2).

Thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, từ năm 1958 đến năm 1960, các cấp đảng bộ trong tỉnh đã lãnh đạo sản xuất lâm nghiệp hoàn thành mọi kế hoạch được giao. Trong đó, khai

(1) Ty Quốc doanh Lâm nghiệp tỉnh Thái Nguyên: Báo cáo số 105/BC ngày 6/2/1961, tr.1.
(2) Ty Quốc doanh Lâm nghiệp tỉnh Thái Nguyên: Báo cáo số 105/BC ngày 6/2/1961, tr. 2.

thác gỗ đạt 67.842 m^3, hằng năm đều vượt kế hoạch từ 9,51% đến 15%; trồng cây gây rừng đạt 294 ha, với trên 2.266.400 cây; điều tra rừng đạt 44.122 ha, khoanh nuôi rừng đạt 20.638 ha; mở rộng diện tích vườn ươm cây từ 47.392 m^2 năm 1959, lên 195.100 m^2 năm 1960 và kiểm thu tiền lâm thổ sản đạt 1.479.504 đồng. Công tác bảo vệ rừng từng bước được coi trọng. Chỉ riêng năm 1960, Đảng bộ đã lãnh đạo các ngành chức năng xử lí 70 vụ khai thác lâm sản không có giấy phép, khai thác vượt quá khối lượng cho phép, hoặc khai thác vào các khu vực rừng đã khoanh nuôi; với các biện pháp xử lí chủ yếu là tịch thu lâm sản và phạt tiền từ 1 đến 3 lần giá trị lâm sản (có truy tố trước pháp luật một số người tái phạm nhiều lần).

Trước khi bước vào thực hiện Kế hoạch 3 năm phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân (1958 - 1960), các ngành sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của tỉnh Thái Nguyên rất nhỏ bé, hầu như không có gì. Tuy nhiên, Thái Nguyên là tỉnh có nhiều khoáng sản; là nơi đứng chân của các xưởng quân giới trong thời kì kháng chiến chống Pháp, máy móc nguyên liệu cũ còn rải rác ở nhiều nơi. Đặc biệt, từ năm 1959, tỉnh Thái Nguyên được Trung ương đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp Gang thép - một trong những trung tâm công nghiệp nặng của miền Bắc nước ta. Ngoài nhiệm vụ giải quyết đất đai, bảo vệ và phục vụ xây dựng Khu Gang thép, tỉnh Thái Nguyên còn được Trung ương giao nhiệm vụ cung cấp nguyên vật liệu xây dựng cơ bản (gạch, ngói, kết cấu phụ trợ,...).

Đó chính là những điều kiện thuận lợi cho Thái Nguyên xây dựng và phát triển một cách nhanh chóng ngành Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh, trong 2 năm (1959 - 1960), Thái Nguyên đã xây dựng được 6 cơ sở công nghiệp quốc doanh địa phương, với hàng nghìn cán bộ, công nhân. Sản lượng công nghiệp quốc doanh địa phương từ chỗ không có gì, đến cuối năm 1960 đã chiếm 38,27% trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp toàn tỉnh. Tính chung trong tổng giá trị sản lượng công, nông nghiệp của tỉnh, đến cuối năm 1960, sản xuất công nghiệp chiếm 35,78% (riêng công nghiệp địa phương chiếm 25,44%). Bình quân mỗi năm trong 2 năm (1959 - 1960), tốc độ phát triển công nghiệp địa phương tăng 51%. Như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, đến năm 1960, Thái Nguyên "*... có thể nhanh chóng trở thành 1 tỉnh công nghiệp (không kể gang thép)*"(1).

Các hoạt động văn hoá, xã hội tiếp tục giữ vững nhịp độ phát triển. Trong 3 năm (1958 - 1960), toàn tỉnh có thêm 28.000 người thoát nạn mù chữ, 30.000 lượt người theo học các lớp bổ túc văn hoá (chủ yếu là lớp 1, lớp 2), 122 cán bộ cấp huyện, 621 cán bộ cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng trong các lớp bổ túc công nông. Số trường, lớp, số giáo viên và học sinh phổ thông mỗi năm một tăng. Năm học 1959 - 1960, toàn tỉnh có 162 trường, 944 giáo viên và 34.829 học sinh cả 3 cấp.

Công tác phát hành sách báo và các ấn phẩm văn hoá phát triển mạnh. Riêng năm 1960, toàn tỉnh đã phát hành 2,5 triệu bản các loại, gấp 3 lần năm 1957. Trong đó, các loại báo hằng ngày từ 56.000 tờ năm 1955, tăng lên 571.000 tờ năm 1957 và 1.414.000 tờ năm 1960. Các loại hình nghệ thuật sân khấu, điện ảnh mỗi năm phục vụ trên 1 triệu lượt người xem. Đầu năm 1960, Đoàn Văn công tỉnh

(1) *Báo cáo Tình hình 3 năm qua và nhiệm vụ năm 1960 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (trước Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh ngày 10/3/1961)*. Số 01, tr. 37, 54.

Thái Nguyên được thành lập, với hình thức biểu diễn chủ yếu là dân ca, chèo và ca múa, thích hợp với hoàn cảnh địa phương. Vừa mới thành lập, Đoàn Văn công tỉnh đã tranh thủ đi biểu diễn, phục vụ nhân dân ở các địa phương trong tỉnh. Nhờ tổ chức gọn, nhẹ, Đoàn đã đi về nông thôn, đi sâu vào các vùng dân tộc ít người, vào tận thôn xóm hẻo lánh, ở bất cứ nơi nào có thể biểu diễn. Thông qua các nội dung, hình thức biểu diễn, Đoàn Văn công tỉnh đã góp phần tuyên truyền có hiệu quả đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ đến mọi tầng lớp nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Công tác y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực. Phong trào vệ sinh phòng bệnh, ăn chín uống sôi được phát động và duy trì thường xuyên. Năm 1960, toàn tỉnh đã có 48 trạm xá, với gần 200 giường bệnh; mỗi huyện có 1 y sĩ. Bình quân cứ 12.000 người dân có 1 y sĩ chăm lo việc khám, chữa bệnh. So với năm 1958, năm 1960, số trạm xá tăng gấp 23 lần, số bệnh xá và y sĩ đều tăng gấp 3 lần. Các huyện miền núi: Võ Nhai, Định Hóa, Đại Từ đã xây dựng được bệnh xá, với tổng số 100 giường bệnh(1). Trung bình mỗi năm, ngành Y tế tỉnh khám bệnh cho hơn 30.000 lượt người, phát thuốc gần 60.000 lượt người, tiêm phòng sinh hoá, chủng đậu, nhỏ thuốc chữa bệnh đau mắt hột hàng trăm nghìn lượt người. Nhờ đó, các loại dịch bệnh được ngăn chặn, sức khoẻ nhân dân được tăng cường. Thành tích nổi bật của Đảng bộ tỉnh trong 3 năm 1958 - 1960 là đã lãnh đạo ngành Y tế căn bản tiêu diệt được bệnh sốt rét và triển khai việc tiêm phòng lao cho nhân dân bằng cách đặt các trạm phát thuốc chống lao tại các huyện.

(1) *Báo cáo Tình hình 3 năm qua và nhiệm vụ năm 1960 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (trước Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh ngày 10/3/1961)*. Số 01, tr. 37, 54.

Nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong thời kì mới, quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 (tháng 3/1955) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) *Về xây dựng quân đội từng bước tiến lên chính quy, hiện đại*, Tỉnh uỷ ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết, biện pháp cụ thể lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang địa phương ngày càng vững mạnh. Các đơn vị bộ đội địa phương và dân quân, du kích, tự vệ trong tỉnh được các cấp ủy đảng quan tâm lãnh đạo xây dựng, củng cố về tổ chức và tăng cường công tác huấn luyện cả về chính trị, quân sự.

Đầu năm 1958, chấp hành nghị quyết của Trung ương Đảng và Khu uỷ Khu Tự trị Việt Bắc, Tỉnh ủy Thái Nguyên chọn 4 huyện: Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương và Võ Nhai làm thí điểm thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự ở miền núi. Để công tác thí điểm đạt kết quả tốt, Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị mở rộng (7 - 10/2/1958) quán triệt và bàn nội dung, biện pháp thực hiện. Tham dự Hội nghị có 45 đại biểu là lãnh đạo Tỉnh ủy, các huyện uỷ, Đảng đoàn và thủ trưởng các ban, ngành chuyên môn của tỉnh; 8 đại biểu Cục Động viên - Bộ Quốc phòng và các cơ quan Khu Tự trị Việt Bắc.

Tiếp theo Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng, Ủy ban Hành chính tỉnh tổ chức Hội nghị quân - dân - chính toàn tỉnh, với sự tham gia của 253 đại biểu. Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh được kiện toàn, gồm 16 thành viên (kể cả mới bổ sung 2 Tỉnh ủy viên Ngô Văn Hoạt và Lê Đình Nhậm), do đồng chí Lê Dục Tôn (Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) giữ chức Chủ tịch và đồng chí Nguyễn Hồng An (Tỉnh ủy viên, Tỉnh đội trưởng) giữ chức Phó Chủ tịch. Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh cử 114 cán bộ xuống hướng dẫn 4 huyện: Đại Từ, Định Hoá, Phú Lương, Võ Nhai tổ chức việc học

tập chế độ nghĩa vụ quân sự cho cán bộ và các tầng lớp nhân dân. Thông qua học tập, ý thức xây dựng quốc phòng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên. Vì vậy, chỉ sau 21 ngày triển khai, các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể nhân dân ở 4 huyện nói trên đã động viên 226 thanh niên thuộc đủ các thành phần dân tộc gia nhập quân thường trực. Như vậy, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành tốt việc lãnh đạo triển khai thực hiện thí điểm chế độ nghĩa vụ quân sự miền núi do Trung ương và Khu ủy giao.

Từ kết quả công tác thí điểm chế độ nghĩa vụ quân sự ở 4 huyện miền núi, bước sang năm 1959, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, cơ quan quân sự các cấp trên địa bàn đã hoàn thành việc đăng kí nghĩa vụ quân sự toàn bộ số thanh niên từ 18 tuổi đến 25 tuổi; đăng kí, quản lí chặt chẽ toàn bộ số quân nhân phục viên, chuyển ngành từ 45 tuổi trở xuống; tuyển chọn được 576 thanh niên ưu tú vào bộ đội, làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quân sự, thông qua các kì bầu cử cấp uỷ các cấp, bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp xã và tỉnh, các cấp đảng bộ trong tỉnh đã lãnh đạo bổ sung, tăng cường nhiều cán bộ, đảng viên có năng lực sang làm công tác quân sự. Công tác quân sự được đưa vào chương trình nghị sự hằng tháng của các cấp uỷ, ngày càng đi vào nền nếp, góp phần vào việc củng cố miền Bắc trở thành chỗ dựa vững chắc cho cách mạng miền Nam.

Do có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, cán bộ và nhân dân tỉnh Thái Nguyên được Chính phủ tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba*; cán bộ và nhân dân huyện Định Hóa được tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Hai*. Lễ đón nhận các phần thưởng cao

quý được tổ chức vào ngày 13/3/1960 tại sân vận động thị xã Thái Nguyên, với sự tham dự của hơn 4 vạn đại biểu nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Niềm vui lớn được nhân lên gấp bội khi được Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm và nói chuyện với cán bộ, đồng bào trong ngày hội này.

Sau khi biểu dương những thành tích đã đạt được trong chiến tranh cũng như trong hòa bình, Người căn dặn cán bộ và nhân dân Thái Nguyên "... *phải tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm...; phải củng cố những hợp tác xã đã có cho thật vững chắc, và xây dựng thí điểm tổ đổi công và hợp tác xã ở rẻo cao*"(1); "... *phải đoàn kết hơn nữa. Đoàn kết giữa các dân tộc, giữa đồng bào lương và giáo. Đoàn kết là sức mạnh, có sức mạnh đoàn kết thì làm việc gì cũng thành công*"(2).

Tiếp theo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Công trường Xây dựng Khu Gang thép, Trường Thiếu nhi Vùng cao Việt Bắc, Trường Phổ thông cấp II - III Lương Ngọc Quyến, Bệnh viện Khu Tự trị Việt Bắc, Công trường Xây dựng Nhà máy điện Thái Nguyên và đến dự Hội nghị Thanh niên tích cực lao động xã hội chủ nghĩa Khu Tự trị Việt Bắc. Ở mỗi nơi đến thăm, Người đều ân cần nhắc nhở, căn dặn mọi người tăng cường đoàn kết ra sức thi đua làm nhanh, nhiều, tốt, rẻ; cố gắng học tập chính trị, khoa học kĩ thuật và văn hoá,...

Những lời nhắc nhở, căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là động lực to lớn động viên toàn Đảng bộ nỗ lực phấn đấu vươn lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo các mặt công tác trong những năm sau đó.

---

(1) Theo: *Bác Hồ với Thái Nguyên. Thái Nguyên với Bác Hồ*. In lần thứ 2 (có sửa chữa và bổ sung). Nxb Thời đại, Hà Nội, 2014, tr. 294, 295.

(2) Theo: *Bác Hồ với Thái Nguyên. Thái Nguyên với Bác Hồ*... Sđd, tr. 302.

Năm 1960, Đảng bộ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ đón tiếp, tiếp nhận đồng bào Việt kiều từ các nước: Thái Lan, Tân Đảo, Tân Thế giới về tỉnh Thái Nguyên xây dựng Tổ quốc. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định thành lập *Ban Đón tiếp Việt kiều* và phân công các đồng chí: Nguyễn Thế Đạt (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh) làm Trưởng ban (từ tháng 7/1960, đồng chí Lê Đình Nhậm - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy thay đồng chí Nguyễn Thế Đạt, làm Trưởng ban), Bùi Chí Tâm (Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh) làm Phó ban. Ủy ban Hành chính tỉnh thành lập Phòng Việt kiều trực thuộc Văn phòng Ủy ban Hành chính tỉnh, biên chế 9 cán bộ, làm nhiệm vụ giúp *Ban Đón tiếp Việt kiều về nước* đón tiếp, tiếp nhận, bố trí nơi ăn, ở và sắp xếp công ăn, việc làm cho đồng bào Việt kiều.

Từ tháng 2/1960 đến tháng 12/1960, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo hoàn thành 21 đợt đón tiếp, tiếp nhận 262 hộ, với 1.343 nhân khẩu Việt kiều về tỉnh Thái Nguyên. Các cấp, các ngành trong tỉnh cố gắng khắc phục nhiều khó khăn, nhanh chóng sắp xếp công ăn, việc làm cho đồng bào; con em đồng bào trong độ tuổi đi học, đều được cắp sách đến trường.

Thực hiện Chỉ thị số 198-CT/TW ngày 17/3/1960 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiến hành đại hội đảng các cấp, từ ngày 12 đến ngày 30/4/1960, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, 10 đảng bộ trực thuộc[1] đã tổ chức đại hội thành công, đảm bảo đúng nguyên tắc, thủ tục. Các Ban Chấp hành đảng bộ khóa mới có 158 ủy viên (gồm 134 ủy viên chính thức, 24 ủy viên dự khuyết); trong đó, có 85 ủy viên tái cử, 73 đảng ủy viên mới tham gia lần đầu[2].

(1) Gồm các đảng bộ: 1- Công ty Kiến trúc, 2- Cơ quan Dân Chính Đảng tỉnh, 3- Phú Bình, 4- Phổ Yên, 5- Đại Từ, 6- Đồng Hỷ, 7- Phú Lương, 8- Võ Nhai, 9- Định Hóa, 10- thị xã Thái Nguyên.

(2) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Tổng kết công tác Đại hội Đảng cấp huyện, thị*. Số 29-BC/TU, ngày 6/6/1960, tr. 12.

Trên cơ sở đó, từ ngày 23/6 đến ngày 1/7/1960, Đảng bộ tỉnh tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ VI (vòng 1), với sự tham dự của 161 đại biểu chính thức, 15 đại biểu dự khuyết (trong tổng số 176 đại biểu chính thức, 17 đại biểu dự khuyết được triệu tập). Đồng chí Vũ Ngọc Linh - Phó Bí thư Khu ủy Khu Tự trị Việt Bắc, đã đến dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội thảo luận, tham gia đóng góp nhiều ý kiến vào Điều lệ Đảng sửa đổi và Đề cương Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III; bầu đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ Khu Tự trị Việt Bắc lần thứ II và bàn nội dung, biện pháp lãnh đạo của Đảng bộ 6 tháng cuối năm 1960.

Thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI (vòng 1) đề ra, ngày 14/10/1960, Ủy ban Hành chính tỉnh ra nghị quyết phát động Chiến dịch Đại vận động sản xuất đông xuân 1960 - 1961, với chủ đề *Phất cao cờ hồng, quyết thắng đông - xuân, tiến quân toàn diện*, nhằm mục tiêu phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, làm cơ sở cho phát triển công nghiệp. Ủy ban Hành chính tỉnh kêu gọi cán bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh dốc toàn lực phấn đấu, nhằm mục tiêu "*... cót đầy thóc, bồ đầy khoai, đồi cỏ xanh tươi, trâu bò béo khoẻ, ao hồ đầy tôm cá, để không ngừng nâng cao đời sống nhân dân*"(1). Hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Hành chính tỉnh, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên hăng hái thi đua thực hiện thắng lợi vụ sản xuất đông - xuân 1960 - 1961.

Như vậy, từ sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V (2/1959), dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền, nhân dân Thái Nguyên đã thực hiện thắng lợi công cuộc cải tạo xã hội

(1) Nghị quyết phát động *Chiến dịch đại vận động sản xuất đông - xuân 1960 - 1961*, ngày 14/10/1960 của Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên.

chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể, tư hữu. "*Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp... không những phát triển nhanh, tương đối đều mà chất lượng hợp tác xã nói chung là tốt*"(1). Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa được xác lập, có tác dụng thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Cơ sở vật chất và kĩ thuật trong các ngành kinh tế quốc dân được xây dựng, có những bước phát triển khá dài so với 3 năm khôi phục kinh tế; công nghiệp quốc doanh phát triển và sản xuất được thêm nhiều mặt hàng; nông nghiệp phát triển mạnh mẽ đúng hướng; cùng với nông nghiệp và công nghiệp, "*các ngành kinh tế khác trong tỉnh, như giao thông vận tải, thương nghiệp, ngân hàng tài chính cũng đều được phát triển mạnh*"(2).

Bên cạnh những thành tích và ưu điểm, công tác lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1959 - 1961 còn một số hạn chế, thiếu sót. Công tác lãnh đạo sản xuất nông nghiệp chưa toàn diện, còn coi nhẹ các loại cây hoa màu, cây công nghiệp và chăn nuôi; chưa tập trung mọi ngành, mọi mặt để phục vụ và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Trình độ và năng lực tổ chức, quản lí kinh tế của cán bộ, đảng viên chưa theo kịp với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong thời kì mới.

Đó là những vấn đề đặt ra cho Đảng bộ tập trung giải quyết trong giai đoạn tiếp theo.

II- Thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất và chuẩn bị chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ (1961 - 1965)

(1) *Báo cáo Tình hình 3 năm qua và nhiệm vụ năm 1960 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên*... Tlđd, tr. 6.

(2) *Báo cáo Tình hình 3 năm qua và nhiệm vụ năm 1960 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên*... Tlđd, tr. 38.

Trong không khí vui mừng, phấn khởi trước thành công của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, từ ngày 10 đến ngày 18/3/1961, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ VI (vòng 2). Tham dự Đại hội, có 158 đại biểu chính thức và 40 đại biểu dự thính thay mặt cho 7.824 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội khẳng định: Trong nhiệm kỳ 1959 - 1961, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo thực hiện thắng lợi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể, tư hữu. Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa được xác lập, có tác dụng thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Cơ sở vật chất và kĩ thuật trong các ngành kinh tế quốc dân được xây dựng, có những bước phát triển khá dài so với 3 năm khôi phục kinh tế. Công nghiệp quốc doanh phát triển, sản xuất được thêm nhiều mặt hàng; nông nghiệp phát triển mạnh mẽ và đúng hướng. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp phát triển chưa toàn diện; chưa coi trọng các loại cây hoa màu, cây công nghiệp và chăn nuôi…

Trên cơ sở đánh giá công tác lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ 1959 - 1961, Đại hội thông qua nội dung, phương hướng, nhiệm vụ, các chỉ tiêu cơ bản và những biện pháp cụ thể phát triển kinh tế, văn hóa trong Kế hoạch 5 năm (1961 - 1965). Đại hội xác định: Công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ hàng đầu; công tác củng cố chính quyền, củng cố các đoàn thể quần chúng, củng cố quốc phòng, an ninh là những nhiệm vụ quan trọng có tính quyết định đến việc hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI (nhiệm kỳ 1961 - 1963), gồm 27 ủy viên chính thức, 7 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, gồm 9 ủy viên.

Đồng chí Lê Đức Chỉnh được bầu giữ chức vụ Bí thư; các đồng chí: Nguyễn Hữu Uẩn, Chu Quốc Hưng và Nguyễn Thế Đạt được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, tiếp theo Chiến dịch Đại vận động sản xuất đông - *xuân 1960 - 1961* (đầu 1961) với chủ đề: *Phất cao cờ hồng, quyết thắng đông - xuân, tiến quân toàn diện*, từ cuối năm 1961, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền, nông dân Thái Nguyên nhiệt tình hưởng ứng tham gia Chiến dịch sản xuất nông nghiệp *Cờ hồng lộng gió Đại phong, vụ mùa toàn thắng*.

Nhận thức rõ thủy lợi là biện pháp hàng đầu để phát triển sản xuất nông nghiệp, trong 2 năm (1961 - 1962), Đảng bộ tỉnh đã đầu tư 1.470.000 đồng làm thuỷ lợi, chiếm 21% tổng số vốn xây dựng cơ bản. Toàn tỉnh làm thêm được 1.886 công trình tiểu thuỷ nông, 7 công trình trung thuỷ nông, đặt 68 máy bơm nước chạy dầu và chạy điện, đảm bảo tưới nước cho 13.300 mẫu lúa vụ chiêm và 22.000 mẫu lúa vụ mùa.

Với phong trào *Thi đua làm thủy lợi*, toàn tỉnh đã có hàng trăm đội thủy lợi được thành lập, trong đó hơn 70% cán bộ, đội viên là đoàn viên, thanh niên. Các chi đoàn thanh niên Hà Thượng (Đại Từ), Xuân Trù (Phổ Yên) là những đơn vị điển hình tiên tiến trong phong trào *Thi đua làm thủy lợi*, được Hồ Chủ tịch khen thưởng. Thông qua phong trào *Thi đua làm thủy lợi*, hàng chục công trình thủy nông được xây dựng và đưa vào hoạt động, trong đó có các công trình lớn gồm các hồ: Tân Hoà, Tân Kim (Phú Bình), các đập Bến Động (Phổ Yên), Hoàng Nông, Rừng Chùa (Đại Từ), Nà Kháo (Võ Nhai), Ngàn Me (Đồng Hỷ); hàng ngàn kilômét mương, máng

được làm mới, tu sửa, đảm bảo dẫn nước vào đồng ruộng. Hàng chục ngàn hécta ruộng đã chủ động được tưới, tiêu nước; hàng ngàn hécta ruộng 1 vụ trở thành 2 vụ.

Nhờ có sự lãnh đạo sâu sát của các cấp đảng bộ và sự nỗ lực của bà con nông dân trong tỉnh, mặc dù năm 1961 có nhiều khó khăn do thời tiết thất thường và sâu bệnh phá hoại, nhưng tổng sản lượng lương thực vẫn đạt 114.947 tấn, tăng 27,5% so với năm 1960; trong đó, sản lượng lúa tăng 2,75%, sản lượng cây hoa màu lương thực tăng gấp 2,5 lần; riêng sản lượng sắn tăng gấp hơn 3 lần. Thái Nguyên không những đảm bảo nhu cầu lương thực cho nhân dân trong tỉnh, mà còn cung cấp cho các tỉnh miền xuôi khoảng 1.000 tấn sắn tươi. Với thành tích này, cán bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên được Chính phủ tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba*(1).

Phát huy kết quả sản xuất lương thực năm 1961, trong năm 1962, Đảng bộ tỉnh tiếp tục lãnh đạo thực hiện *Chiến dịch Đông - Xuân 10 giỏi*(2) và *Chiến dịch Vụ mùa 4 nhất*(3). Kết quả, sản xuất lúa năm 1962 so với năm 1961: Diện tích tăng 5,34%, năng suất tăng 8,8%, sản lượng tăng 14,21% đều vượt mức kế hoạch, được mùa cả 3 vụ lúa chiêm, thu và mùa. Tổng sản lượng lương thực toàn tỉnh đạt 128.055 tấn (có 99.308 tấn thóc và 28.747 tấn hoa màu quy thóc), tăng 11,4%.

---

(1) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Tình hình 3 năm qua và nhiệm vụ năm 1960 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên* (*trước Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh ngày 10/3/1961*). Số 01, ngày 8/3/1961, tr. 23.

(2) *Chiến dịch Đông - Xuân 10 giỏi*: 1- Giỏi toàn diện, 2- Thuỷ lợi giỏi, 3- Tăng vụ khai hoang giỏi, 4- Cải tiến nông cụ giỏi, 5- Chăn nuôi, làm phân giỏi, 6- Nuôi cá giỏi, 7- Trồng cây, gây rừng giỏi, 8- Công tác văn hoá xã hội giỏi, 9- Ba khoán giỏi, 10- Quản lí dân chủ giỏi.

(3) *Chiến dịch Vụ mùa 4 nhất*: Diện tích nhiều nhất; Năng suất cao nhất; Đời sống khá nhất; Hoàn thành nghĩa vụ tốt nhất.

Bên cạnh cây lương thực và hoa màu, việc trồng các loại cây công nghiệp cũng được Đảng bộ quan tâm. Năm 1960, diện tích trồng cây công nghiệp toàn tỉnh là 1.798 ha; đến năm 1964, đã tăng lên 2.254 ha. Tỉ lệ diện tích cây công nghiệp trên tổng diện tích gieo trồng hằng năm đạt 3%. Tuy nhiên, cây chè là sản phẩm nổi tiếng và là thế mạnh của tỉnh Thái Nguyên, nhưng trong 4 năm (1961 - 1964) cũng chỉ phát triển được trên 100 ha, chủ yếu là phục hồi các đồi, bãi chè cũ, diện tích trồng mới không đáng kể. Sở dĩ có tình trạng trên là do Nhà nước quản lí chè búp khô rất chặt chẽ, nhưng lại không thu mua hết sản phẩm, nhân dân không có thị trường tiêu thụ, nên không phát triển sản xuất.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm nhìn chung đều phát triển. Năm 1962, đàn lợn toàn tỉnh có 84.648 con (tăng 7,9% so với năm 1961); đàn gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) phát triển mạnh, bình quân mỗi hộ nuôi 60 con; đàn trâu bò tuy tăng trên 1%, nhưng việc chăm sóc lại sút kém nghiêm trọng. Đàn trâu của các hợp tác xã thường rất gầy yếu và bị chết đói, chết rét rất nhiều trong mùa lạnh (năm 1961 chết 1.056 con, năm 1962 chết 200 con, đầu năm 1963 chết 600 con).

Song song với việc lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất, Đảng bộ luôn luôn chú trọng lãnh đạo củng cố và phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, coi đó là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy sản xuất phát triển. Đến năm 1961, cuộc vận động hợp tác hoá trong tỉnh đã thu được kết quả to lớn. Toàn tỉnh xây dựng được 813 hợp tác xã, thu hút 87,3% số hộ nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể. Phong trào thi đua lao động sản xuất trong các hợp tác xã diễn ra sôi nổi, cuốn hút đại đa số nông dân hưởng ứng và đạt được

những kết quả nhất định cả về kinh tế và chính trị - xã hội. Các hợp tác xã Thành Công (Đại Từ), Tân Tiến (Định Hoá), Hồng Kỳ (Phú Bình) là những đơn vị điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua sản xuất của các hợp tác xã nông nghiệp.

Năm 1962, toàn tỉnh có 77,7% số hộ nông dân trong hợp tác xã nông nghiệp. So với năm 1961, tuy số hộ xã viên giảm khoảng 9%, nhưng số hợp tác xã khá tăng gấp 3 lần; số hợp tác xã loại kém chỉ còn 20%. Điều đáng chú ý là, cơ sở vật chất của hợp tác xã được tăng lên rõ rệt. Riêng các hợp tác xã: Hồng Kỳ (xã Hồng Phong - nay là xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình), Tân Tiến (xã Tân Dương, huyện Định Hóa), cơ sở vật chất kĩ thuật tăng gấp 7 lần năm 1961. Đặc biệt, được sự giúp đỡ kĩ thuật của tỉnh, hợp tác xã các huyện: Định Hóa, Đồng Hỷ, Đại Từ, Phổ Yên đã xây dựng được một số trạm thuỷ điện nhỏ và trạm thủy lực. Trong đó, 3 trạm thuỷ điện được xây dựng ở 3 xã: Phú Tiến, Tân Dương, Linh Thông (huyện Định Hóa), với tổng công suất 11 KW, đủ điện năng cung cấp cho 48 bóng điện thắp sáng và vận hành các máy ép mía, xát sắn; 3 trạm thuỷ lực được xây dựng ở các xã: Dân Chủ (nay là xã Hóa Thượng) huyện Đồng Hỷ, Tân Tiến (nay là xã Đông Cao) huyện (nay là thị xã) Phổ Yên và xóm Cầu Thành (nay thuộc thị trấn Hùng Sơn) huyện Đại Từ dùng để ép mía, xát sắn.

Trên lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp, trong 2 năm (1961 - 1962), toàn tỉnh khai thác được 65.000 m^3 gỗ, 815.000 cây tre, 17 triệu cây nứa và 7.700.000 tàu lá cọ, chủ yếu phục vụ cho Công trường Xây dựng Khu Gang thép Thái Nguyên, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ và một phần phục vụ cho nhu cầu của nhân dân. Tuy nhiên, do các cấp bộ đảng từ tỉnh đến cơ sở chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng

của nghề rừng, nên lãnh đạo nặng về khai thác, nhẹ về tu bổ, cải tạo, tái sinh rừng. Nạn phát nương bãi, phá những rừng cây quý, cháy rừng xảy ra nhiều, không chỉ ở vùng cao, mà cả ở vùng thấp.

Cùng với việc lãnh đạo phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, Đảng bộ coi trọng việc xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI (tháng 3/1961) đã ra nghị quyết xác định: Nhiệm vụ của ngành Công nghiệp địa phương là phải tận dụng hết khả năng của những cơ sở sẵn có, đồng thời phát triển thêm những cơ sở mới cần thiết, sản xuất những công cụ phục vụ cho sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Theo đó, Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương ở cả 3 loại hình: Quốc doanh, công tư hợp doanh và thủ công nghiệp, trong đó coi trọng việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường công tác tổ chức và quản lí sản xuất đối với công nghiệp quốc doanh, đưa tỉ trọng công nghiệp quốc doanh lên ngày càng cao, thực sự mang tính chủ đạo.

Năm 1962, toàn tỉnh có 31 xí nghiệp quốc doanh địa phương, phục vụ đắc lực sản xuất nông nghiệp, xây dựng cơ bản và sản xuất hàng tiêu dùng. Thái Nguyên đã xây dựng các xưởng: Đường Minh Lập, Bột giấy Đại Từ, Gỗ Tháng Tám... Hàng trăm hợp tác xã, tổ, đội sản xuất thủ công nghiệp sản xuất thêm hàng trăm mặt hàng tiêu dùng mới (đường, mật, bánh kẹo, bàn ghế, tủ, đồ gốm, sứ, thủy tinh, gạch ngói...), về cơ bản đáp ứng được nhu cầu của nhân dân trong tỉnh.

Sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển. Năm học 1962 - 1963, toàn tỉnh có 50.810 học sinh, bình quân 7 người dân có 1 người đi học. Các lớp bổ túc văn hoá trong cán bộ, công nhân, viên chức ở các

cơ quan, xí nghiệp, công trường vẫn được duy trì đều đặn. Hệ thống trường thanh niên xã hội chủ nghĩa, trường vừa học, vừa làm nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ thanh niên, đặc biệt là thanh niên nông thôn có điều kiện tham gia học tập văn hoá và khoa học kĩ thuật được xây dựng ở một số huyện. Công tác xóa nạn mù chữ đạt nhiều kết quả. Sau nhiều năm kiên trì phấn đấu, đến năm 1961, trên địa bàn tỉnh, kể cả vùng cao, 92,51% số người trong diện đã thoát nạn mù chữ. Với kết quả này, ngày 24/6/1961, tỉnh Thái Nguyên được Chính phủ công nhận hoàn thành thanh toán nạn mù chữ.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân, giữ gìn vệ sinh, phòng bệnh luôn được các cấp đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Phong trào dời chuồng gia súc ra xa nhà, thực hiện ăn chín, uống sôi; tiêm sinh hoá, uống thuốc phòng bệnh đã phát triển sâu rộng và trở nên quen thuộc trong nhân dân.

Công tác xây dựng Đảng được các cấp đảng bộ trong Đảng bộ tỉnh coi trọng. Trong 2 năm (1961 - 1962), Đảng bộ tỉnh kết nạp 1.758 đảng viên. Công tác giáo dục, rèn luyện trong cán bộ, đảng viên được đẩy mạnh. Nhờ đó, tỉ lệ đảng viên kém trong Đảng bộ tỉnh từ trên 20% (năm 1960), giảm xuống còn 15% (đầu năm 1963).

Trong bối cảnh đó, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII được tổ chức (29/5 - 3/6/1963), với sự tham dự của 236 đại biểu, thay mặt cho 10.271 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội khẳng định: Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III và sự lãnh đạo trực tiếp của Khu uỷ Khu Tự trị Việt Bắc, công tác lãnh đạo của tỉnh Thái Nguyên từ năm 1961 đến năm 1963 đã đạt được những thắng lợi to lớn. Sản xuất lương thực phát triển khá, tổng sản lượng lương thực hằng năm tăng bình quân 18,5%. Phong trào

hợp tác hoá củng cố thêm một bước, đời sống của nhân dân các dân tộc trong tỉnh được nâng lên, rõ rệt nhất là nhân dân ở vùng nông thôn; trong đó, hai huyện miền núi Đại Từ và Định Hoá đã có một phần lương thực dự trữ. Chăn nuôi tiểu gia súc, gia cầm (lợn, gà, vịt,..) phát triển khá. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển mạnh và đúng hướng, bước đầu tạo được một số cơ sở vật chất phục vụ nông nghiệp và các ngành kinh tế khác.

Đại hội cũng chỉ rõ: Năng suất lúa tuy hằng năm đều tăng, nhưng chưa mạnh; biện pháp kĩ thuật dùng phân bón còn yếu, cải tiến nông cụ sản xuất chưa được chú ý đúng mức, cơ sở vật chất và kĩ thuật của các hợp tác xã còn nghèo nàn. Cây công nghiệp phát triển quá chậm. Chăn nuôi đại gia súc bị sút kém, đàn trâu bò ngày một gầy yếu; đàn bò bị giảm sút nghiêm trọng. Nguyên nhân của tình trạng này là do công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp đảng bộ, chính quyền chưa cụ thể, chưa tích cực thực hiện các chính sách chăn nuôi do Trung ương đề ra. Phong trào hợp tác hoá tuy chất lượng được nâng cao hơn trước, nhưng còn lúng túng trong quản lí lao động, quản lí tài vụ. Nhiều nơi chưa làm tốt việc công khai tài chính, dẫn đến lãng phí, tham ô, có nơi nghiêm trọng. Trong công tác xây dựng Đảng, việc phát triển Đảng trong thanh niên, phụ nữ, dân tộc ít người chưa được chú ý đúng mức.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các mặt công tác từ năm 1961 đến năm 1963, Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong 5 năm 1963 và những năm còn lại của Kế hoạch Nhà nước năm lần thứ nhất (1961 - 1965): "*Ra sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lấy nông nghiệp làm trung tâm, trong điều kiện khó khăn mấy cũng phải tranh thủ giành thắng lợi cho sản xuất nông*

nghiệp để giải quyết trước tiên vấn đề lương thực, và tích cực giải quyết vấn đề thực phẩm... Đẩy mạnh phát triển nghề rừng, kết hợp khai thác, bảo vệ và trồng cây gây rừng... phải coi trọng phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp... Tổ chức tốt việc tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế miền núi...[(1)].

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII, gồm 27 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết. Trong 2 ngày (16 - 17/6/1963), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII họp phiên thứ nhất, bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, gồm 9 ủy viên. Đồng chí Lê Đức Chỉnh được tái cử giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí: Chu Quốc Hưng, Nguyễn Thế Đạt và Doanh Hằng được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ được triển khai thực hiện vào lúc dân số toàn tỉnh đã lên tới 37,7 vạn người (tăng 11,8 vạn người so với năm 1958). Nguyên nhân một phần là do cán bộ, công nhân cùng với thân nhân gia đình lên xây dựng Khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên; một phần là do đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế - xã hội miền núi từ năm 1962.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, trong 3 năm (1962 - 1964), tỉnh Thái Nguyên tiếp nhận 35.000 đồng bào từ các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ lên tham gia xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội miền núi (đồng bào tỉnh Hưng Yên lên các huyện: Võ Nhai, Đồng Hỷ; đồng bào tỉnh Thái Bình lên huyện Định Hóa và một phần huyện Phú Lương; đồng bào các tỉnh: Hà Đông, Hà Nam lên huyện Đại Từ). Bước đầu lên Thái Nguyên lập nghiệp, do được các cấp đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương đón tiếp, tạo mọi điều kiện thuận lợi, giúp công sức làm nhà cửa, chia sẻ ruộng đất,

(1) *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VII (29/5 - 3/6/1963).* Số 03-NQ/TU, ngày 12/7/1963, tr. 5, 6.

nên đồng bào nhanh chóng ổn định đời sống. Năm 1964, đồng bào thành lập 98 hợp tác xã khai hoang, gieo cấy 1.672 ha cây lương thực, thu hoạch được 3.013 tấn lương thực (58% hợp tác xã khai hoang đã tự túc được lương thực).

Cuối năm 1964, dân số toàn tỉnh tăng lên 40,2 vạn người; trong đó có 29,8 vạn người (gần 74,13% dân số) sản xuất nông nghiệp. Quán triệt các nghị quyết 5, 8 của Trung ương và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, trong 2 năm (1963 - 1964), Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là lãnh đạo sản xuất lương thực. Kết quả, sản xuất tăng trưởng khá cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Năm 1964, tổng diện tích gieo trồng đạt 74.839 ha (gồm 58.021 ha lúa, 14.564 ha hoa màu, 2.254 ha cây công nghiệp); năng suất lúa bình quân cả năm đạt 17,56 tạ/ha, tổng sản lượng cây lương thực quy thóc đạt 139.918 tấn (vượt 7,18% kế hoạch, tăng 10.930 tấn so với năm 1963). Nhờ đó, đời sống của nhân dân (nhất là nông dân) được cải thiện; nạn đói giáp hạt căn bản được xóa bỏ; nông dân các huyện: Đại Từ, Định Hóa đã có một phần lương thực dự trữ.

Tuy nhiên, công tác lãnh đạo sản xuất cây công nghiệp của Đảng bộ còn hạn chế: Diện tích trồng cây công nghiệp tăng chậm, đến năm 1964 mới đạt 2.254 ha (tăng 465 ha so với năm 1960). Trong sản xuất cây công nghiệp, cây lạc phát triển khá (diện tích tăng 486 ha so với năm 1960); diện tích trồng cây đỗ tương giảm 137 ha so với năm 1964. Chè tuy là sản phẩm nổi tiếng của Thái Nguyên và đất đồi Thái Nguyên rất thích hợp với việc trồng loại cây này, nhưng năm 1964 chỉ tăng được 140 ha so với năm 1960 (chủ yếu là phục hồi các bãi chè cũ, diện tích trồng mới rất ít). Hằng năm, khối

lượng chè búp khô Nhà nước mua được trong nhân dân chỉ đạt từ 50 tấn đến 60 tấn. Cây công nghiệp Thái Nguyên chưa có sản phẩm nào đạt sản lượng đáng kể.

Sản xuất các loại rau xanh là một nội dung quan trọng trong công tác lãnh đạo kinh tế nông nghiệp của Đảng bộ. Vì vậy, ngay từ cuối năm 1960, Tỉnh ủy đã có chủ trương quy hoạch khoanh vùng trồng rau để cung cấp thực phẩm cho nhân dân thành phố Thái Nguyên và các đơn vị bộ đội đóng trên địa bàn. Tuy nhiên, việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quy hoạch khoanh vùng chưa mạnh mẽ, chưa tập trung và chưa có biện pháp tích cực. Do đó, việc chuyển hướng sản xuất ở các vùng này còn chậm. Năm 1964, diện tích trồng rau toàn tỉnh chỉ đạt 1.747 ha, sản lượng rau chưa đủ cung cấp cho nhân dân thành phố và các đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn.

Kết quả lãnh đạo chăn nuôi gia súc đạt khá. Năm 1964, đàn lợn có 116.236 con (vượt kế hoạch 22%, tăng 25,2% so với năm 1963); đàn trâu có 67.811 (tăng 9.912 con so với năm 1960), đàn bò có 7.217 con.

Vấn đề củng cố quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp được Đảng bộ coi trọng. Tuy phong trào xây dựng hợp tác xã phát triển nhanh, nhưng không vững chắc; hiệu quả sản xuất, kinh doanh trong các hợp tác xã không cao; diện tích gieo, trồng tăng, nhưng năng suất không tăng, thậm chí ở huyện Võ Nhai, năng suất lúa giảm từ 19,78 tạ/ha năm 1960 xuống còn 14,69 tạ/ha năm 1965. Tổng sản lượng lương thực tăng chậm và rất bấp bênh, trong khi dân số tăng nhanh, chỉ tiêu nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm của các hợp tác xã cho Nhà nước mỗi năm một lớn[1]. Bình quân lương

(1) Năm 1960, lương thực đóng góp cho Nhà nước là 12.768 tấn, năm 1964 là 20.698 tấn, năm 1965 là 19.505 tấn.

thực tính theo đầu người trong các hợp tác xã giảm, thu nhập của hộ gia đình xã viên thấp hơn thu nhập của các hộ làm ăn riêng lẻ, xã viên không thiết tha với hợp tác xã, muốn trở lại con đường làm ăn cá thể. Liên tục hai năm 1962, 1963 số xã viên làm đơn xin ra, hoặc tự bỏ hợp tác xã ra làm ăn cá thể ngày càng nhiều, làm cho hợp tác xã tan vỡ từng mảng. Năm 1963, toàn tỉnh có 48 hợp tác xã bị vỡ, tỉ lệ hộ nông dân ở trong các hợp tác xã giảm từ 87,3% năm 1961, xuống 77,7% năm 1962 và 70,4% năm 1963. Huyện Võ Nhai, số hộ nông dân ở trong các hợp tác xã chỉ còn 23,7%.

Nguyên nhân của những yếu, kém kể trên, trước hết là từ nhận thức sai lầm, coi hợp tác xã là mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, nên đã vi phạm 3 nguyên tắc (tự nguyện, quản lí dân chủ và cùng có lợi). Để đạt được mục tiêu đề ra, cuộc vận động xây dựng hợp tác xã nhiều khi mang tính gò ép. Nhiều gia đình không muốn hoặc chưa muốn vào hợp tác xã, thường bị gây khó dễ, bị phân biệt đối xử trong các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương.

Tuy đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp nói chung, cán bộ, đảng viên trong các hợp tác xã nói riêng nhiệt tình, hăng hái, hết lòng vì sự nghiệp cách mạng, vì phong trào hợp tác xã, nhưng do trình độ văn hoá thấp[1], nên khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật và kiến thức quản lí rất hạn chế. Phần lớn các hợp tác xã đều lúng túng trong việc xác định phương hướng sản xuất, quản lí kinh tế mà trọng tâm là quản lí các mặt sản xuất, tài vụ và phân phối sản phẩm, để xảy ra nhiều tiêu cực và lãng phí lớn. Trong các hợp tác xã, xã viên không được hưởng quyền lợi trực tiếp do sức lao động của mình làm ra,

(1) Đến năm 1965, trong Đảng bộ còn 90 đảng viên mù chữ, 33 đảng viên mới biết đọc, biết viết; số đảng viên có trình độ văn hoá cấp I là 9.736 đồng chí, cấp II là 3.492 đồng chí, cấp III là 478 đồng chí, đại học 33 đồng chí.

mà phân phối theo công điểm. Trong khi đó, việc quản lí công điểm lại hết sức lỏng lẻo; hiện tượng "dong công, phóng điểm" xảy ra tràn lan, dẫn tới tình trạng làm dối, làm ẩu, cốt sao được nhiều công điểm mà không cần quan tâm đến hiệu quả kinh tế. Việc áp dụng các biện pháp kĩ thuật vào canh tác ở nhiều hợp tác xã có tính chất nửa vời; khẩu hiệu "*Cày sâu, bừa kĩ*", "*Làm cỏ sục bùn*" không được xã viên thực hiện. Hiện tượng "*Cày rạch, bừa chùi*", "*Làm cỏ sục bùn*" chỉ như lau gốc lúa, xảy ra phổ biến... Từ đó, năng suất và sản lượng lương thực thấp, giá trị ngày công không cao, dẫn đến tình trạng một số cán bộ, đảng viên bi quan, dao động, tìm cách làm thêm bên ngoài, xã viên bỏ hợp tác xã ra làm ăn riêng lẻ...

Trước tình trạng trên, từ năm 1964, Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Nhờ đó, số hộ nông dân vào hợp tác xã ngày càng tăng. Cuối năm 1964, toàn tỉnh có 39.754 hộ trong tổng số 51.671 hộ nông dân (bằng gần 76,94%) vào hợp tác xã. Đến trước ngày sáp nhập 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn thành tỉnh Bắc Thái (1/7/1965), tỉnh Thái Nguyên có 43.149 hộ trong tổng số 54.643 hộ nông dân (hơn 78,96%) vào hợp tác xã. Đảng bộ huyện Định Hóa lãnh đạo được 85% số hộ nông dân trên địa bàn vào hợp tác xã, dẫn đầu các đảng bộ huyện trong tỉnh. Các đảng bộ huyện: Phú Lương, Võ Nhai lãnh đạo số nông dân vào hợp tác xã đạt tỉ lệ thấp (dưới 60%).

Các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh ở Thái Nguyên tiếp tục phát triển. Đến giữa năm 1965, toàn tỉnh đã có 32 xí nghiệp công nghiệp địa phương, góp phần đắc lực phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến nông, lâm sản và xây dựng. Cùng với Xưởng cơ khí 3-2 của tỉnh, 7 xưởng cơ khí nhỏ của 7 huyện mỗi năm sản xuất hàng ngàn

nông cụ lao động cầm tay đưa về các hợp tác xã. Xưởng cơ khí 3-2 đã sản xuất được máy bơm nước tự động, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác thủy lợi. Xưởng phốt phát Núi Văn được xây dựng từ năm 1960, mỗi năm sản xuất từ 2.500 tấn đến 3.000 tấn phân bón cho đồng ruộng. Mỏ than Khánh Hoà mỗi năm sản xuất từ 4 vạn đến 5 vạn tấn than phục vụ sản xuất và đáp ứng nhu cầu cung cấp chất đốt cho nhân dân.

Nhìn chung về quy mô tổ chức của các xí nghiệp công nghiệp địa phương ở Thái Nguyên ngày càng lớn; trang thiết bị, vật tư, kĩ thuật ngày càng hiện đại, sản phẩm mặt hàng ngày càng phong phú, chất lượng ngày càng tốt hơn; đội ngũ công nhân, viên chức trong các xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh và thợ thủ công mỗi năm một tăng. Năm 1965, số cán bộ, công nhân trong ngành Công nghiệp địa phương Thái Nguyên đã lên tới 4.610 người; riêng trong các xí nghiệp quốc doanh đã có 2.166 công nhân, viên chức. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương ngày càng lớn, mức tăng bình quân mỗi năm đạt 12%.

Trong hoàn cảnh kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, với tinh thần dám nghĩ, dám làm, tự lực, tự cường xây dựng, đạt được kết quả như trên là một thành công rất lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, công tác lãnh đạo của Đảng bộ về xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương cũng còn bộc lộ nhiều yếu kém. Công tác quản lí xí nghiệp còn nhiều hạn chế; mặt hàng và sản phẩm còn ít, chất lượng thấp, giá thành cao...

Cuối năm 1963, Nhà máy điện Cao Ngạn, Mỏ sắt Trại Cau được xây dựng, cùng với các mỏ than cũ được phục hồi đã đưa Thái Nguyên

trở thành một khu công nghiệp lớn của miền Bắc. Việc xây dựng các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp trung ương trên địa bàn tỉnh có tác dụng hỗ trợ, thúc đẩy công nghiệp địa phương cùng phát triển. Tuy nhiên, trong thời gian này vai trò của công nghiệp trung ương trên địa bàn tỉnh chưa phát huy được tác dụng và không mang lại hiệu quả cao.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản vào các ngành kinh tế, văn hoá hằng năm đều tăng; riêng năm 1965 tăng hơn 2 lần so với năm 1960, ngành Giao thông vận tải tăng 4 lần. Các tuyến đường từ tỉnh đến huyện và các tuyến đường đi vào các khu vực kinh tế quan trọng, chủ yếu, đều được sửa chữa và củng cố lại. Đường giao thông nông thôn cũng phát triển khá, trong đó huyện Phú Bình là đơn vị dẫn đầu toàn tỉnh, được Bộ Giao thông vận tải khen thưởng.

Trên lĩnh vực thương nghiệp, hệ thống hợp tác xã mua bán ở các xã trong tỉnh bắt đầu phát huy tác dụng, góp phần đưa tổng giá trị thu mua hàng nông sản năm 1964 tăng 2,6 lần so với năm 1961. Doanh số bán lẻ tăng bình quân hằng năm 9,2%, trong đó thương nghiệp quốc doanh năm 1964 tăng 51,58% so với năm 1960.

Cùng với nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ quan tâm lãnh đạo sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế. Từ năm 1960 đến năm 1964, tổng mức đầu tư kinh phí dành cho sự nghiệp văn hoá, y tế, giáo dục tăng bình quân hằng năm 16,1%. Riêng năm 1964, kinh phí đầu tư cho văn hoá, y tế, giáo dục là 1.506.000 đồng, tăng 81,88% so với năm 1960.

Công tác thông tin - văn hóa phát triển nhanh. Từ năm 1962, tờ báo Thái Nguyên 5 ngày ra 1 số với số lượng 3.000 tờ, phát hành

đến các chi bộ Đảng, hợp tác xã, kịp thời phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; thông tin tình hình thời sự trong nước và quốc tế đến nhân dân. Các loại sách khoa học kĩ thuật, văn học nghệ thuật, tranh, ảnh, áp phích cũng được xuất bản và phát hành mỗi năm hàng triệu bản.

Ngoài rạp chiếu bóng và sân khấu biểu diễn nghệ thuật ở trung tâm thành phố Thái Nguyên, tỉnh còn xây dựng 10 đội chiếu bóng lưu động, 1 đoàn văn công và 213 đội văn nghệ nghiệp dư ở các cơ sở. Các đoàn, đội nghệ thuật, điện ảnh hoạt động tích cực, góp phần nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần, đẩy lùi nhiều phong tục, tập quán lạc hậu tồn tại lâu đời trong nhân dân; gần 400 thầy mo, thầy cúng được giáo dục đã tự nguyện bỏ nghề; nạn tảo hôn và các hình thức cưới xin, ma chay lạc hậu đã giảm bớt.

Giáo dục phổ thông phát triển nhanh và đều. Năm học 1964 - 1965, toàn tỉnh có 158 trường phổ thông cấp I (tăng 25%), 40 trường phổ thông cấp II (tăng hơn 2 lần), 6 trường phổ thông cấp III (tăng 6 lần), với 53.741 học sinh, tăng hơn 2 lần so với năm học 1959 - 1960. Bình quân trong tỉnh, số học sinh phổ thông chiếm 13% so với dân số. Công tác bổ túc văn hóa trong các cơ quan, xí nghiệp… tiếp tục được duy trì và phát triển. Tuy nhiên, công tác bổ túc văn hóa ở các vùng nông thôn trong thời gian này do không được các tổ chức cơ sở đảng quan tâm lãnh đạo, nên hoạt động yếu; có nơi hầu như không có.

Ngân sách của tỉnh chi cho công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân tăng bình quân hằng năm 12%. Riêng năm 1964, kinh phí dành cho y tế là 259.000 đồng (tăng 58,9% so với năm 1960). Mạng lưới y tế được mở rộng. Cả 7 huyện trong tỉnh đều xây dựng được

bệnh xá với 156 giường bệnh; các xã và khu phố xây dựng được 152 trạm xá dân lập với 700 giường (tăng gấp 3 lần năm 1960). Đến đầu tháng 6/1965, toàn tỉnh có 5 bác sĩ, 64 y sĩ, 552 y tá và 285 nữ hộ sinh làm nhiệm vụ trực tiếp chăm sóc sức khoẻ, khám, chữa bệnh cho nhân dân. Vào thời gian này, tỉnh Thái Nguyên đã căn bản hoàn thành thanh toán bệnh sốt rét; sức khỏe nhân dân các dân tộc ngày càng được nâng cao. Công tác hướng dẫn sinh đẻ có kế hoạch và chăm sóc sức khoẻ bà mẹ - trẻ em có nhiều chuyển biến tốt. Phương châm kết hợp Đông - Tây y trong điều trị bệnh bước đầu thu được kết quả tốt và mở ra hướng điều trị mới, mang lại hiệu quả thiết thực. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được đẩy mạnh. Hằng năm, ngành Y tế đều tổ chức tiêm phòng cho nhân dân, ngăn chặn được các bệnh tả, đậu mùa; các bệnh viêm phổi, đau mắt hột, bệnh cúm… từng bước được đẩy lùi.

Nhận rõ tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, các cấp ủy đảng và chính quyền trong tỉnh luôn luôn xác định xây dựng, phát triển kinh tế phải đi đôi với củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, bảo vệ vững chắc miền Bắc, kịp thời chi viện sức người, sức của cho miền Nam. Đảng bộ luôn coi trọng nhiệm vụ lãnh đạo củng cố tổ chức, kiện toàn đội ngũ cán bộ, chiến sĩ, trong đó đặc biệt quan tâm đến việc lãnh đạo nâng cao chất lượng chính trị của lực lượng vũ trang địa phương.

Hằng năm, cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương, dân quân, du kích, tự vệ đều được học tập chính trị, quân sự; do đó trình độ giác ngộ, ý thức cảnh giác cách mạng, ý thức tổ chức kỉ luật ngày càng được nâng cao. Thông qua các cuộc diễn tập theo các phương án chiến đấu, trình độ kĩ thuật, chiến thuật của cán bộ, chiến sĩ lực lượng

vũ trang địa phương được nâng cao. Các cấp ủy đảng đã trực tiếp rà soát, đánh giá phân loại đội ngũ cán bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân, tự vệ, nhất là ở những nơi xung yếu, kịp thời loại khỏi đội ngũ những người không đủ tiêu chuẩn chính trị, chây lười, vi phạm khuyết điểm.

Nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng bộ đối với lực lượng vũ trang địa phương, 100% Ban Chỉ huy xã đội đều có cấp ủy viên tham gia. Đến năm 1964, trên 56% số đảng viên của Đảng bộ tham gia lực lượng dân quân, tự vệ. Công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu trong lực lượng vũ trang cũng như công tác đăng kí, thống kê lực lượng dự bị để phục vụ cho tuyển quân và động viên thời chiến được đẩy mạnh, ngày càng đi vào nền nếp. Thành tích công tác quân sự địa phương của tỉnh Thái Nguyên trong thời kì này đã được lãnh đạo Khu Tự trị Việt Bắc ghi nhận, tặng cờ *Lực lượng dân quân, tự vệ khá nhất* (2 năm liền 1962 - 1963), tặng cờ *Lực lượng tự vệ khá nhất* (năm 1964), tặng cờ *Lực lượng Công an nhân dân vũ trang khá nhất* (2 năm liền 1963 - 1964).

Những kết quả đạt được trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quân sự địa phương trong những năm 1963 - 1965, chính là kết quả công tác xây dựng Đảng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII, Đảng bộ tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Những chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chế độ, chính sách của Nhà nước ban hành đều được các cấp ủy đảng tổ chức cho đảng viên học tập, liên hệ thực tiễn, phát hiện ưu, khuyết điểm để xác định phương hướng hành động. Nhờ đó, đại đa số cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã nêu cao ý chí phấn

đấu, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng; nêu cao ý thức tổ chức kỉ luật, luôn luôn giữ được lối sống giản dị, trong sạch của người cách mạng, sẵn sàng nhận và phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ được Đảng giao phó. Tuy nhiên, trong Đảng bộ tỉnh vẫn còn nhiều biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Tư tưởng ngại gian khổ, hữu khuynh, tự mãn và tư tưởng trung bình còn phổ biến.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lí xã hội, quản lí kinh tế và khoa học kĩ thuật cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, tuy được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo, nhưng kết quả còn hạn chế. Trong Đảng bộ, hơn 90% cán bộ lãnh đạo các cấp chưa được đào tạo cơ bản, mới chỉ được bồi dưỡng kiến thức quản lí ở các lớp ngắn hạn. Toàn tỉnh chỉ có 33 cán bộ có trình độ đại học, 763 cán bộ có trình độ trung học. Đến năm 1965, trong Đảng bộ vẫn còn 90 đảng viên mù chữ, 33 đảng viên mới biết đọc, biết viết, 9.736 đảng viên có trình độ cấp I, 3.492 đảng viên có trình độ cấp II. Đây chính là trở ngại lớn nhất của Đảng bộ trong việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và quản lí cho đội ngũ cán bộ, đảng viên ở địa phương.

Công tác phát triển đảng viên được các cấp ủy đảng quan tâm. Riêng 2 năm (1963 - 1964), Đảng bộ kết nạp 2.467 đảng viên, đưa tổng số đảng viên của Đảng bộ cuối năm 1964 lên 13.862 đồng chí, sinh hoạt trong "104 Đảng ủy, 204 chi bộ lớn, 665 chi bộ nhỏ và 8 chi bộ trực thuộc"[(1)]. Trong số 13.862 đảng viên của Đảng bộ có 1.434 đảng viên nữ, 8.743 đảng viên ở khu vực nông thôn; đảng

(1) Theo *Báo cáo* (không số) Tình hình tỉnh Thái Nguyên của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tại Hội nghị hợp nhất 2 tỉnh Bắc Kạn - Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái (4 - 6/6/1965), ngày 1/6/1965: "*Tính đến cuối năm 1964 Đảng bộ Thái Nguyên có tất cả 13.862 Đảng viên, bao gồm 104 Đảng ủy, 204 chi bộ lớn, 665 chi bộ nhỏ và 8 chi bộ trực thuộc*" (tr. 32).

viên thuộc thành phần trung, bần nông chiếm 90,41%[1]. Tuy nhiên, so với chỉ tiêu do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII (tháng 6/1963) đề ra, số đảng viên được kết nạp trong năm 1964 còn thấp (chỉ đạt 57%). Công tác phát triển Đảng ở những xã vùng sâu, vùng xa chưa được quan tâm đúng mức. Đến cuối năm 1964, trong Đảng bộ vẫn còn 21 xóm chưa có đảng viên; 7 xã thuộc 5 huyện không phát triển được đảng viên.

Công tác xây dựng Đảng bộ, Chi bộ 4 tốt tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh. Năm 1964, toàn Đảng bộ tỉnh có 190 đảng bộ (chi bộ) 4 tốt, 281 đảng bộ (chi bộ) khá, 404 đảng bộ (chi bộ) trung bình, 91 đảng bộ (chi bộ) kém; 52,72% đảng viên khá, 38,2% đảng viên trung bình, 7,98% đảng viên kém và 1,1% (163) đảng viên quá kém[2].

Tuy nhiên, trong Đảng bộ phong trào thi đua xây dựng *Chi, Đảng bộ 4 tốt* chưa đều. Bên cạnh các Đảng bộ: Đại Từ, Phú Bình, Phổ Yên quan tâm lãnh đạo, đưa phong trào đi vào nền nếp, còn có một số cấp ủy chưa thật sự quan tâm đến việc xây dựng *Chi bộ 4 tốt*, chưa nhận thức được phong trào thi đua xây dựng *Chi bộ 4 tốt* là yếu tố quan trọng cho công tác xây dựng Đảng. Vì vậy, sau hơn 2 năm phát động thi đua, một số chi, đảng bộ cơ sở xã, khu phố, cơ quan, xí nghiệp vẫn chưa có chi bộ đạt 4 tốt. Chất lượng *Chi bộ 4 tốt* cũng chưa đồng đều do việc xây dựng nội dung thi đua chưa sâu sát, cụ thể. Khi đánh giá, "*một số chi bộ được công nhận là 4 tốt nhưng thực tế chỉ có 2 hoặc 3 tốt*"[3].

---

(1) Tỉnh ủy Thái Nguyên: Báo cáo Tình hình tỉnh Thái Nguyên của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái *Nguyên tại Hội nghị hợp nhất 2 tỉnh Bắc Kạn - Thái Nguyên*... Tlđd, tr. 32.

(2) Tỉnh ủy Thái Nguyên: *Báo cáo Tình hình tỉnh Thái Nguyên của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Thái Nguyên tại Hội nghị hợp nhất hai tỉnh Bắc Cạn - Thái Nguyên*... Tlđd, tr. 34.

(3) *Báo cáo Tổng kết năm 1964 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên* - Hồ sơ 5-1/4 Lịch sử Đảng

Công tác kiểm tra Đảng được tiến hành thường xuyên, chủ yếu tập trung vào những địa phương, đơn vị có phong trào yếu, kịp thời ngăn chặn, xử lí khuyết điểm, sai phạm; động viên những nhân tố tích cực, thúc đẩy phong trào đi lên.

Bộ máy chính quyền các cấp tiếp tục được củng cố và kiện toàn. Hội đồng nhân dân các cấp từ tỉnh đến cơ sở hoạt động đều, họp đúng kì hạn và quyết định những vấn đề quan trọng ở địa phương. Ủy ban hành chính các cấp từ tỉnh xuống đến huyện chỉ đạo sâu sát sản xuất nông nghiệp. Lề lối làm việc giữa cấp ủy và chính quyền đã được cải tiến; tình trạng cấp ủy bao biện, làm thay chính quyền từng bước được khắc phục; việc tinh giản bộ máy bước đầu có kết quả tốt. Trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá III ngày 26/4/1964, toàn tỉnh có 98,37% cử tri đi bầu. Trong cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 4 cấp (khu, tỉnh, huyện, xã) ngày 25/4/1965, toàn tỉnh huy động được 96,61% cử tri tham gia.

Giữa lúc nhân dân các dân tộc trong tỉnh đang gấp rút hoàn thành Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), thì chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân của đế quốc Mĩ lan đến Thái Nguyên.

Với vị trí là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự của Khu Tự trị Việt Bắc; là địa bàn chiến lược được Trung ương Đảng và Chính phủ chọn để xây dựng nhiều cơ sở kinh tế và quốc phòng quan trọng, nên từ năm 1964, tỉnh Thái Nguyên thường xuyên bị đế quốc Mĩ huy động nhiều lần tốp máy bay vào hoạt động trinh sát trên không phận.

Để đối phó với âm mưu và hành động phá hoại của đế quốc Mĩ có thể gây ra trên địa bàn tỉnh, ngày 30/7/1964, Tỉnh ủy ban hành Chỉ

thị số 18-CT/TN *Về việc nhận rõ tình hình mới, nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chống mọi âm mưu khiêu khích và phá hoại miền Bắc của địch,* nêu rõ 3 nhiệm vụ: 1- Đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an phòng, chống gián điệp biệt kích; 2- Tổ chức bảo vệ chặt chẽ các cơ sở quốc phòng và các công trình xây dựng kinh tế ở địa phương; 3- Các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, xí nghiệp phải tăng cường công tác bảo vệ nội bộ và gấp rút chuẩn bị mọi mặt công tác phòng không nhân dân.

Sau ngày giặc Mĩ cho máy bay ném bom, bắn phá một số địa điểm trên địa bàn các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hoá, Quảng Ninh (5/8/1964), Tỉnh ủy họp với Ban Chỉ huy Tỉnh đội và lãnh đạo các Ty Thương nghiệp, Lương thực, Công an, Y tế,... bàn biện pháp tăng cường công tác tổ chức chỉ huy, xây dựng hệ thống hầm, hào phòng tránh máy bay địch đánh phá và hệ thống thông tin liên lạc; xây dựng kế hoạch sơ tán bảo vệ các tài sản quan trọng.

Đầu năm 1965, giặc Mĩ tăng cường cho các loại máy bay vào hoạt động trên vùng trời của tỉnh để trinh sát mục tiêu, chuẩn bị đánh phá. Trước tình hình đó, ngày 30/3/1965, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 42-NQ/TN, xác định nhiệm vụ quân sự năm 1965 của các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở là phải nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng đánh trả lại những hoạt động đánh phá liều lĩnh của kẻ địch vào địa phương. Cấp ủy, chính quyền các cấp phải lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức nhiều hơn nữa các tổ săn bắn máy bay địch, xây dựng các kế hoạch hiệp đồng cụ thể với các đơn vị phòng không, sẵn sàng đánh địch, giành thắng lợi.

Để tránh thiệt hại về người và của khi máy bay địch đánh phá, Tỉnh uỷ chủ trương cho sơ tán tài sản, hàng hóa, chất cháy, chất nổ,

sơ tán người già, trẻ em và một số cơ quan ra khỏi trung tâm thành phố Thái Nguyên và một số khu vực có thể bị máy bay Mĩ đánh phá.

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TN của Tỉnh ủy, đến cuối tháng 6/1965, hầu hết các kho tàng, tài liệu quan trọng, các chất nổ, chất cháy ở các cơ quan, đơn vị đã được sơ tán ra khỏi trung tâm thành phố Thái Nguyên và một số khu vực có thể bị máy bay Mĩ đánh phá. Các đội phòng cháy, chữa cháy, cứu thương, tải thương, các tổ bắn máy bay địch bay thấp được củng cố. Tại thành phố Thái Nguyên, Đảng bộ thành phố tập trung lãnh đạo tổ chức 2/3 số cán bộ, nhân viên các cơ quan trong nội thành sơ tán ra cách thành phố từ 8 km đến 21 km, 1/3 số cán bộ, nhân viên còn lại cũng phân tán ra cách nội thành ít nhất 1 km để vừa tiếp tục làm việc, vừa có thể chỉ đạo chiến đấu khi xảy ra chiến sự. Phần đông nhân dân (chủ yếu là người già và trẻ em) ở trung tâm thành phố Thái Nguyên và gần các khu vực có thể bị máy bay Mĩ đánh phá, đã được Đảng bộ lãnh đạo tổ chức đi sơ tán.

Trên địa bàn tỉnh, một số cơ quan, xí nghiệp, trường học... bước đầu thực hiện nếp sống quân sự hoá; lực lượng vũ trang địa phương từ tỉnh đến cơ sở được xây dựng thành một hệ thống rộng khắp, có cơ sở vững chắc trong nhân dân. Thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn tỉnh đã được xây dựng, sẵn sàng đánh trả mọi âm mưu và hành động đánh phá của đế quốc Mĩ.

Tóm lại, trải qua hơn 10 năm sau ngày hòa bình lập lại trên miền Bắc (1954 - 1965), Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trên địa bàn thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sửa sai giảm tô, cải cách ruộng đất kết hợp với chỉnh đốn tổ chức và khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa. Thông qua việc lãnh đạo thực hiện kế

hoạch 3 năm phát triển và cải tạo kinh tế (1958 - 1960) và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh đã có những bước phát triển mới; sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế phát triển nhanh; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được giữ vững; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ tỉnh ngày càng được tăng cường... Đó chính là những nhân tố đảm bảo cho Đảng bộ tỉnh lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương Thái Nguyên đứng vững trong những năm vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống lại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ vô cùng ác liệt; đồng thời làm tròn nhiệm vụ huy động sức người, sức của chi viện chiến trường đánh Mĩ.

KẾT LUẬN

Kể từ khi cơ sở Đảng Cộng sản Đông Dương đầu tiên ra đời ở xã La Bằng, huyện Đại Từ (cuối năm 1936) đến tháng 7/1965, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã trải qua 30 năm xây dựng và trưởng thành. Đó là một chặng đường đấu tranh cách mạng đầy gian khổ, anh dũng và thắng lợi vẻ vang.

Ra đời từ trong thời kì đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ (1936 - 1939), đến thời kì vận động Cách mạng Tháng Tám (1939 - 1945), tổ chức Đảng Cộng sản đã lan rộng ở hầu khắp các địa phương trên địa bàn tỉnh. Từ cuối năm 1940, vùng đất Võ Nhai của tỉnh Thái Nguyên cùng với Bắc Sơn (Lạng Sơn) được Ban Chấp hành Trung ương Đảng chọn làm nơi xây dựng căn cứ địa đầu tiên của cách mạng cả nước. Tiếp đến, các xã: Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, Mai Sơn… thuộc tổng La Đình (nay là xã Kha Sơn, huyện Phú Bình) và tổng Tiên Thù (nay là xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên) thuộc tỉnh Thái Nguyên cùng với Hoàng Vân (huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang) lại được Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ chọn làm nơi xây dựng An toàn khu 2 (ATK2) trong những năm 1943 - 1945. Vượt qua bao khó khăn, nguy hiểm do sự khủng bố, đàn áp khốc liệt của kẻ thù, được sự chỉ đạo thường xuyên của cán bộ Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ, các tổ chức đảng tích cực tuyên truyền, gây dựng cơ sở, mở rộng phong trào. Khi thời cơ xuất hiện, dưới sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng, nhân dân các địa phương trong tỉnh lần lượt nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền, thành lập Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên, ngày 20/8/1945.

Trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), các huyện: Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai của tỉnh Thái Nguyên cùng với một số huyện của tỉnh Tuyên Quang, huyện Chợ Đồn (Bắc Kạn) là những địa phương được Trung ương Đảng và Chính phủ chọn làm nơi xây dựng An toàn khu (ATK). Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Thái Nguyên vừa làm tròn nhiệm vụ góp phần xây dựng, bảo vệ an toàn tuyệt đối các cơ quan đầu não kháng chiến tại ATK Trung ương, vừa tích cực xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến, cùng quân dân cả nước làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ "*lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu*" (7/5/1954).

Từ sau ngày hòa bình được lập lại đến năm 1965, cùng với các địa phương trên miền Bắc, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh vượt qua nhiều khó khăn do hậu quả chiến tranh và sự chống phá của các thế lực phản động, hoàn thành công tác sửa sai giảm tô, cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế (1954 - 1957); thực hiện Kế hoạch 3 năm phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân (1958 - 1960); tiếp theo là Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) nhằm bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội. Thời kì này, Thái Nguyên được Đảng và Chính phủ chọn làm nơi xây dựng khu công nghiệp luyện kim đầu tiên của miền Bắc.

Trên chặng đường lịch sử 30 năm đã trải qua, Đảng bộ Thái Nguyên không ngừng lớn mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Từ cơ sở Đảng đầu tiên ra đời tại Đại Từ vào cuối năm 1936, chỉ có 4 đảng viên, đến trước khi hợp nhất với tỉnh Bắc Kạn (7/1965), đã phát triển thành 112 đảng bộ, chi bộ trực thuộc Tỉnh ủy, với khoảng 13.900 đảng viên.

Thắng lợi trong 30 năm đấu tranh cách mạng ở tỉnh Thái Nguyên là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố tạo thành. Trong đó, có những nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan. Từ trong hoạt động thực tiễn 30 năm, một số vấn đề được Đảng bộ tổng kết thành những kinh nghiệm quý, những bài học có giá trị sâu sắc, xuyên suốt dẫn đến thắng lợi trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám (1939 - 1945); kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và trong hơn 10 năm hoà bình xây dựng chủ nghĩa xã hội (1954 - 1965).

Bài học thứ nhất, thường xuyên quan tâm xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Nhận thức rõ điều ấy, ngay sau khi thành lập, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh đặt nhiệm vụ nâng cao trình độ mọi mặt của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ, coi đó là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa cấp bách và lâu dài. Việc học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, cũng như việc đào tạo, bồi dưỡng về lí luận chính trị được tổ chức trong cán bộ, đảng viên thực sự mang nội dung sinh hoạt chính trị, rèn luyện đảng viên. Thông qua học tập và rèn luyện, tuyệt đại đa số đảng viên trong Đảng bộ xác định được lí tưởng của người cộng sản, có nhiệt tình cách mạng cao, không ngại khó khăn gian khổ, luôn đặt lợi ích cách mạng lên trên quyền lợi cá nhân.

Nhờ được rèn luyện trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, nhiều đảng viên công tác và chiến đấu rất kiên cường, không khuất phục trước uy vũ của kẻ thù. Những lúc cách mạng gặp khó khăn trong thời kì 1941 - 5/1945, hàng trăm cán bộ, đảng viên bị bắt bớ tù đày; số đảng viên còn lại vẫn giữ vững tinh thần, tìm mọi cách bảo vệ cơ

sở, giữ gìn và phát triển lực lượng. Nhiều đảng viên đã nêu những tấm gương sáng ngời về sự hi sinh dũng cảm, lòng trung thành và niềm tin sắt đá ở thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Do sai lầm trong quá trình thực hiện giảm tô, cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, nhiều cán bộ, đảng viên của Đảng bộ bị xử lí oan; trong đó có nhiều cán bộ, đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng, thậm chí bị giam cầm. Khi Đảng phát hiện sai lầm, quyết tâm sửa sai, tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên bị oan sai đã không tỏ thái độ bất mãn, sẵn sàng bắt tay vào việc thực hiện chính sách sửa sai.

Sức mạnh của một đảng bộ trước hết được thể hiện ở sự thống nhất về tư tưởng và hành động. Từ nhận thức này, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên luôn xác định xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về tư tưởng là một yêu cầu cấp thiết. Bởi vậy, trong thời kì kháng chiến chống Pháp, Tỉnh ủy đã kiên quyết xử lí kỉ luật nhiều tập thể và cá nhân cấp ủy vi phạm kỉ luật Đảng, gây mất đoàn kết nội bộ, làm yếu sự thống nhất ý chí, hành động trong tổ chức Đảng. Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng tổ chức cho cán bộ, đảng viên kiểm thảo, phê phán những quan điểm sai trái.

Trong quá trình xây dựng Đảng bộ vững mạnh về tổ chức, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tập trung chỉ đạo việc nâng cao vai trò của tổ chức cơ sở đảng. Từ nghị quyết Hội nghị cán bộ Trường Xô tháng 9/1945 đến Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII (1963) và các nghị quyết sau đó, Tỉnh ủy đều có chủ trương cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Nhiều đợt chỉnh đốn chi bộ được thực hiện trong Đảng bộ. Năm 1952, Tỉnh ủy thành lập nhiều đoàn cán bộ chỉnh đốn cơ sở để củng cố chi bộ, phát triển

đảng viên, kiện toàn cấp ủy, đào tạo cán bộ... Điều đó có tác dụng to lớn trong việc đề cao kỉ luật, kỉ cương của Đảng, phát huy tính tiên phong gương mẫu của đảng viên.

Do hoàn cảnh khách quan và chủ quan, từ năm 1936 đến năm 1945, công tác phát triển Đảng ở tỉnh Thái Nguyên còn hạn chế. Đến ngày toàn quốc kháng chiến (19/12/1946), toàn Đảng bộ chỉ có hơn 200 đảng viên, trong đó hơn 100 đảng viên thuộc lực lượng vũ trang. Cơ sở đảng nhìn chung còn mỏng, nhiều xã chưa có chi bộ, thậm chí chưa có đảng viên.

Đáp ứng yêu cầu lãnh đạo toàn dân kháng chiến, chấp hành chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo công tác phát triển Đảng. Đến đầu năm 1948, toàn Đảng bộ đã có 2.836 đảng viên sinh hoạt ở 158 chi bộ; trong đó có 93 chi bộ xã, 7 chi bộ liên xã, 25 chi bộ cơ quan, 32 chi bộ công sở; hầu hết các xã đều có chi bộ, hoặc tổ Đảng.

Trong khi tích cực bồi dưỡng, rèn luyện để kết nạp những người ưu tú vào đảng, Đảng bộ cũng kiên quyết loại bỏ khỏi hàng ngũ Đảng những đảng viên đã biến chất, những đảng viên không đủ tư cách. Nhờ đó, Đảng bộ ngày càng vững mạnh, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu được nâng cao. Đây chính là nhân tố có tính quyết định nhất dẫn đến thắng lợi trong 30 năm (1936 - 1965).

Bài học thứ hai, nhận thức đúng vị trí chiến lược của tỉnh để từ đó vận động, tổ chức và lãnh đạo quần chúng nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị trong từng thời kì

Thái Nguyên là tỉnh miền núi và trung du thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam, giữ vị trí án ngữ, bảo vệ kinh thành Thăng Long - Hà Nội

từ phía bắc. Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, Thái Nguyên đóng vai trò như một bức tường ngăn chặn quân giặc từ phương Bắc tràn xuống cướp phá miền đồng bằng Bắc Bộ. Chính từ vị trí chiến lược đặc biệt mà lịch sử đã dành cho Thái Nguyên, người dân nơi đây sớm có truyền thống yêu nước và cách mạng, một lòng kiên trung, quyết tâm xả thân vì nước khi có giặc ngoại xâm.

Trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám, châu Võ Nhai (tỉnh Thái Nguyên) cùng với châu Bắc Sơn (tỉnh Lạng Sơn) được Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương chọn làm nơi xây dựng căn cứ địa đầu tiên của cả nước. Trong thời kì tiền khởi nghĩa, "*... khi Bác về Pác Bó đã có ý định phát triển xuống Thái Nguyên, vì Thái Nguyên là một địa bàn quan trọng "tiến có thể đánh, lui có thể giữ" và nhân dân ở đây có truyền thống cách mạng*"(1).

Nhận thức rõ vị trí chiến lược của tỉnh, các tổ chức đảng trên địa bàn tích cực tuyên truyền, vận động, giác ngộ quần chúng; xây dựng lực lượng bảo vệ và mở rộng căn cứ. Nhờ đó, lực lượng và phong trào cách mạng ngày càng phát triển rộng khắp tỉnh. Từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp, nhận rõ thời cơ xuất hiện, quần chúng nhân dân ở các địa phương trong tỉnh lần lượt nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền, tiến tới giành chính quyền thắng lợi ở thị xã vào ngày 20/8/1945.

Thái Nguyên là địa bàn tiếp nối vùng thượng du với trung du và đồng bằng Bắc Bộ, có địa hình hiểm trở cùng những khu rừng bạt ngàn kéo dài liên tiếp từ bắc xuống nam. Trên địa bàn tỉnh có

(1) Võ Nguyên Giáp: *ATK Định Hóa trung tâm của Thủ đô kháng chiến chống thực dân Pháp*. Xem Kỉ yếu Hội thảo khoa học: *Hồ Chí Minh với việc xây dựng ATK Định Hóa trong căn cứ địa Việt Bắc*, tr. 8, 9.

nhiều đường giao thông quan trọng, là hợp điểm giữa Quốc lộ số 3 và Quốc lộ 1B toả ra 2 ngả lên biên giới phía Bắc thông thương với quốc tế. Bởi vậy, Thái Nguyên cùng với Tuyên Quang và Bắc Kạn được chọn làm nơi xây dựng An toàn khu (ATK) Trung ương.

Nhận rõ vinh dự và trách nhiệm của một địa bàn chiến lược được chọn làm nơi đặt các cơ quan đầu não để lãnh đạo sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nhân dân địa phương nêu cao cảnh giác, giữ gìn bí mật, kịp thời phát hiện bọn gián điệp lọt vào căn cứ. Một bộ phận cán bộ được tăng cường về các xã khu vực phía Nam và Tây Nam châu Định Hoá dựng lán trại cho các cơ quan.

Lực lượng công an tỉnh phối hợp với công an xã và bộ phận bảo vệ các cơ quan làm công tác bảo mật phòng gian, xây dựng nội quy đi lại và quản lí chặt chẽ mọi người ra vào khu vực. Hệ thống tổ chức trật tự (từ năm 1948 là công an) xã được xây dựng quanh khu vực cửa ngõ ATK và những nơi có các cơ quan, xí nghiệp, quân đội đóng. Nhiều trật tự xã đã xây dựng được mạng lưới cơ sở trong các thôn xóm. Đây chính là những trạm gác kín đáo, trực tiếp bảo vệ khu vực và những đầu mối giao thông quan trọng.

Được sự giáo dục, nhắc nhở thường xuyên, đồng bào các dân tộc trong tỉnh coi việc phòng gian, bảo mật, bảo vệ các cơ quan Trung ương đóng tại địa phương là trách nhiệm của mình. Hiểu rõ việc bảo vệ ATK Trung ương là bảo vệ làng, bản, bảo vệ cuộc sống của mình, mọi người dân, từ cụ già đến em nhỏ, đều tự giác và thực hiện khẩu hiệu *Ba không* (không nói chuyện làm lộ bí mật, không nghe những điều không có liên quan đến mình, không chỉ đường và cảnh giác với người lạ mặt). Việc theo dõi, cảnh mật ở các địa bàn do

quần chúng đảm nhận được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, linh hoạt và sáng tạo.

Nhờ có sự che chở, đùm bọc của nhân dân địa phương, các cơ quan đầu não trong ATK Trung ương được bảo đảm an toàn tuyệt đối. Chính từ đây, mọi quyết sách về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa - xã hội được ban hành, đưa sự nghiệp kháng chiến đi tới thắng lợi, đánh dấu bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954) và Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954).

Từ sau ngày hòa bình được lập lại, nhận thức đúng đắn vị trí của một tỉnh được Trung ương chọn làm nơi thí điểm cải cách ruộng đất trong năm cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo nhân dân hoàn thành công tác sửa sai; khôi phục và thực hiện Kế hoạch 3 năm phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân (1958 - 1960). Tiếp đó, Đảng bộ lãnh đạo công tác giải phóng mặt bằng tạo điều kiện cho việc xây dựng Khu Công nghiệp Gang thép; thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) nhằm bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Nhận thức đúng vị trí chiến lược của tỉnh để tuyên truyền, vận động và tổ chức nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, là một bài học kinh nghiệm về công tác lãnh đạo của Đảng bộ trong 30 năm (1936 - 1965).

Bài học thứ ba, thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố khối đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ; trên cơ sở đó mở rộng khối toàn dân

Đoàn kết là một truyền thống cực kì quý báu của dân tộc Việt Nam được hình thành và hun đúc qua hàng ngàn năm đấu tranh

dựng nước, giữ nước. Đảng ta luôn xác định đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Từ nhận thức trên, trong quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương, Đảng bộ luôn quan tâm xây dựng, giữ vững khối đoàn kết thống nhất về tư tưởng, tổ chức và hành động. Trên thực tế, có lúc đã xảy ra tình trạng mất đoàn kết nội bộ trong một số huyện ủy, làm cho tổ chức Đảng bị tê liệt, mất tác dụng, gây ảnh hưởng xấu tới phong trào; trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh cũng có hiện tượng chưa thực sự đoàn kết thống nhất. Tình trạng này từng bước được khắc phục thông qua việc xây dựng và củng cố tổ chức đảng, đưa sinh hoạt Đảng đi dần vào nền nếp, đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình. Mặt khác, Đảng bộ tập trung củng cố và phát triển đội ngũ đảng viên, thực hiện nghiêm túc và triệt để việc rà soát, sàng lọc đảng viên.

Cùng với việc củng cố tổ chức đảng, Tỉnh ủy liên tiếp phát động các cuộc vận động nhằm củng cố cơ sở và nâng cao chất lượng đảng viên. Trong đó, đáng chú ý là *Cuộc vận động học tập lí luận, rèn luyện đạo đức cách mạng* nhân dịp kỉ niệm lần thứ 20 Ngày thành lập Đảng (6/1/1930 - 6/1/1950)(1); *Tuần lễ thi đua rèn luyện Đảng tính* trong dịp kỉ niệm lần thứ 60 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/1950)... Thông qua việc đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình, các đợt sinh hoạt chính trị, ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên được nâng lên; khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ được củng cố.

(1) Từ Đại hội đại biểu lần thứ III của Đảng trở về trước, hằng năm đều lấy ngày 6/1 là ngày kỉ niệm thành lập Đảng.

Xuất phát từ đặc điểm của một tỉnh có nhiều thành phần dân tộc, Đảng bộ luôn coi trọng việc xây dựng và củng cố khối đoàn kết toàn dân. Trong suốt chiều dài lịch sử, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã kề vai, sát cánh cùng nhau đấu tranh bảo vệ và xây dựng quê hương. Từ các hội tương tế được nhen nhóm ở xã La Bằng (huyện Đại Từ) vào nửa sau những năm 30, với vài chục người, đến nửa đầu những năm 40 của thế kỉ XX, đã phát triển hàng nghìn hội viên trong các đoàn thể Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh.

Từ giữa năm 1946, bên cạnh Mặt trận Việt Minh, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) tỉnh được thành lập. Đến cuối năm 1949, đầu năm 1950, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt được thống nhất thành Mặt trận Liên Việt[1], tập hợp đông đảo mọi tầng lớp nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Khối đoàn kết toàn dân được mở rộng, trở thành một lực lượng chính trị hùng hậu. Đây chính là một nhân tố góp phần quyết định thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị do Đảng bộ đề ra.

Những bài học kinh nghiệm về công tác lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh thời kì 1936 - 1965 được vận dụng và phát huy cao hơn trong các thời kì tiếp theo.

(1) Cuối năm 1949, đầu năm 1950, Mặt trận Việt Minh và Liên Việt được thống nhất ở cấp từ xã đến tỉnh. Trên cơ sở đó, từ ngày 3 đến ngày 7/3/1951, Đại hội thống nhất 2 mặt trận được tổ chức để thành lập một mặt trận dân tộc thống nhất duy nhất, lấy tên là Mặt trận Liên Việt.

PHỤ LỤC
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH CÁC KHÓA

BAN CHẤP HÀNH LÂM THỜI ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN (1945 - 1947)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ngô Nhị Quý	Bí thư Tỉnh ủy
2	Lê Trung Đình	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
3	Hoàng Bá Sơn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
4	Hoàng Thế Thiện	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Nguyễn Bá Cương (Nguyễn Văn Mô)	Ủy viên Ban Chấp hành
6	Vũ Hưng	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Vũ Thị Bảo Ngọc	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Đào An Thái	Ủy viên Ban Chấp hành (đến tháng 2/1946)
9	Lê Văn Lương	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 2/1946)
10	Lê Trọng Mưu	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 2/1946)
11	Trịnh Thị Tâm	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 2/1946)
12	Nguyễn Trung Thành	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 2/1946)
13	Nguyễn Thị Thuận (Thái Bảo)	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 2/1946)

Tháng 2/1946, đồng chí Đào An Thái được điều động đảm nhiệm công tác ở tỉnh Hòa Bình; các đồng chí: Lê Văn Lương, Lê Trọng Mưu, Trịnh Thị Tâm, Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thị Thuận (Thái Bảo) được chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA I (1947 - 1948)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Lê Trung Đình	Bí thư Tỉnh ủy (đến tháng 10/1947)
2	Lê Hoàng	Bí thư Tỉnh ủy (10/1947 - 3/1948)
3	Trần Quốc Trung	Phó Bí thư Tỉnh ủy (từ tháng 2/1948), Quyền Bí thư (tháng 3/1948)
4	Lê Thanh	Bí thư Tỉnh ủy (từ tháng 4/1948)
5	Lê Văn Lương	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Ngô Nhị Quý	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Phan Văn Tỉnh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (từ tháng 5/1948)
8	Nguyễn Thị Hà Châu (Lê Thị Định)	Ủy viên Ban Chấp hành (đến tháng 11/1947)
9	Lê Đức Chỉnh	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Nguyễn Văn Mô (tức Cương)	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Việt Hưng	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Vũ Hưng	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Quang Huy	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Ngọc Lan (Đào Văn Long)	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Lê Trọng Mưu (tức Mô)	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Lê Nguyên (Lê Phương)	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Thị Như (Nguyễn Thị Ninh)	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Vũ (Nguyễn Thế Hạng)	Ủy viên Ban Chấp hành

- Tháng 10/1947, đồng chí Lê Hoàng được chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Lê Trung Đình giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách Đảng đoàn chính quyền.

- Tháng 2/1948, đồng chí Trần Quốc Trung được chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy.

- Tháng 3/1948, đồng chí Lê Hoàng - Bí thư Tỉnh ủy, chuyển công tác; đồng chí Trần Quốc Trung - Phó Bí thư, giữ chức vụ Quyền Bí thư Tỉnh ủy.

- Tháng 4/1948, đồng chí Lê Thanh được chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy.

- Tháng 5/1948, đồng chí Phan Văn Tỉnh được chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA II (1948 - 1949)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Lê Thanh	Bí thư Tỉnh ủy
2	Lê Trung Đình	Phó Bí thư, Bí thư Tỉnh ủy (từ quý I/1949)
3	Trần Quốc Trung	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
4	Phan Văn Tỉnh	Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (từ tháng 9/1948)
5	Lê Hải An (tức Du)	Ủy viên Ban Chấp hành
6	Vũ Hưng	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Ngọc Lan (Đào Văn Long)	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Trần Lê Nhân (Ngô Hữu Tuyết)	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Ngô Nhị Quý	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Nguyễn Văn Mô (tức Cương)	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
11	Lưu Xuân Hỷ	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

- Quý I/1949, đồng chí Lê Thanh chuyển công tác, đồng chí Lê Trung Đình được chỉ định giữ chức Bí thư Tỉnh ủy.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA III (1949 - 1951)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Lê Trung Đình	Bí thư Tỉnh ủy
2	Vũ Thu	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Lê Hải An	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
4	Trần Lê Nhân (Ngô Hữu Tuyết)	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Lê Vũ	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (từ tháng 10/1949)
6	Lê Thị Minh Cầm	Ủy viên Ban Chấp hành (đến tháng 6/1950)
7	Trần Đình Nghị	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Trường Sinh (tức Trần Sinh)	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Nguyễn Văn Thạch	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Nguyễn Trung Thành	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Lê Minh Thi	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Ngô Chí Thiện	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Ngô Tuấn Tùng	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
14	Nguyễn Vũ (Nguyễn Thế Hạng)	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

Tháng 10/1949, đồng chí Lê Vũ được chỉ định tham gia Ban Chấp hành, được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA IV (1951 - 1959)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Hoàng Cừ	Bí thư Tỉnh ủy (đến tháng 5/1953)
2	Nguyễn Thái (Nguyễn Tâm)	Bí thư Tỉnh ủy (5/1953 - 1954)
3	Lê Dục Tôn	Bí thư Tỉnh ủy (1954 - 4/1958)

4	Phan Văn Tỉnh	Bí thư Tỉnh ủy (từ tháng 4/1958)
5	Trần Hải Bằng	Phó Bí thư Tỉnh ủy (từ tháng 12/1953)
6	Lê Hải An	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Nguyễn Thế Đạt	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Nguyễn Đình Lim	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Trần Lê Nhân (Ngô Hữu Tuyết)	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Lê Vũ	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (đến cuối 1951)
11	Nguyễn Hồng An	Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (từ tháng 11/1955)
12	Nguyễn Văn Thạch	Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (từ tháng 10/1956)
13	Lê Đình Nhậm	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 10/1956)
14	Ngô Văn Hoạt	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Vũ Hưng	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Mông Phúc Quyền	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Lê Minh Thi	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Vũ Thu	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Ngô Tuấn Tùng	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Hữu Uẩn	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Hoàng Huy Giao	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
22	Nguyễn Trung Thành	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
23	Trần Tường	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

- Ngay sau Đại hội, đồng chí Hải An chuyển công tác lên Liên khu Việt Bắc; đồng chí Trần Hải Bằng được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Cuối năm 1951, đồng chí Lê Vũ chuyển công tác.

- Tháng 5/1953, đồng chí Hoàng Cừ chuyển công tác; đồng chí Nguyễn Thái (tức Nguyễn Tâm) được chỉ định tham gia Ban Chấp hành, giữ chức Bí thư Tỉnh ủy.

- Tháng 12/1953, đồng chí Trần Hải Bằng được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

- Đầu năm 1954, đồng chí Nguyễn Thái chuyển công tác; đồng chí Lê Dục Tôn được bầu vào Ban Thường vụ, bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy.

- Tháng 11/1955, đồng chí Nguyễn Hồng An; tháng 10/1956, đồng chí Nguyễn Văn Thạch được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng chí Lê Đình Nhậm được bổ sung vào Ban Chấp hành.

- Tháng 4/1958, đồng chí Lê Dục Tôn chuyển công tác; đồng chí Phan Văn Tỉnh được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Bí thư Tỉnh ủy.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA V (1959 – 1961)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Phan Văn Tỉnh	Bí thư Tỉnh ủy (đến tháng 11/1959)
2	Lê Đức Chỉnh	Phó Bí thư, Bí thư Tỉnh ủy (từ tháng 11/1959)
3	Lê Dục Tôn	Phó Bí thư Tỉnh ủy (đến tháng 11/1959)
4	Nguyễn Hữu Uẩn	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy (từ tháng 11/1959)
5	Nguyễn Thế Đạt	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Nguyễn Đình Lim	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Lê Đình Nhậm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Chu Quốc Hưng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (từ tháng 11/1959)
9	Trần Oanh	Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (từ năm 1961)
10	Nguyễn Hồng An	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Hoàng Minh Chí	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Nguyễn Đại Hải	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Ngô Văn Hoạt	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Ngô Quý Hồ (Ngô Quy Bễ)	Ủy viên Ban Chấp hành

15	Vũ Hưng	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Trần Đình Nghị	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Triệu Thị Ninh (Triệu Thị Đỉnh)	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Tiên Phong	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Nguyễn Trung Thành	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Chu Bích Vân (Chu Việt Văn)	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Lê Khánh Vân	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Chu Văn Đồng	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
23	Dương Ngọc Quyên	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
24	Triệu Quang Sơn	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
25	Ngô Thượng Thạch	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

- Tháng 11/1959, đồng chí Phan Văn Tỉnh chuyển lên Khu ủy Việt Bắc; đồng chí Lê Đức Chỉnh được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Hữu Uẩn được bầu và phân công giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Lê Dục Tôn chuyển công tác, đồng chí Chu Quốc Hưng được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Từ năm 1961, đồng chí Trần Oanh được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA VI (1961 – 1963)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Lê Đức Chỉnh	Bí thư Tỉnh ủy
2	Nguyễn Hữu Uẩn	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy (từ tháng 5/1961)
3	Nguyễn Thế Đạt	Phó Bí thư Tỉnh ủy
4	Chu Quốc Hưng	Phó Bí thư Tỉnh ủy
5	Nguyễn Hồng An	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

6	Hoàng Minh Chí	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Ngô Văn Hoạt	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Lê Đình Nhậm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Trần Oanh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Đặng Đình Cẩm	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Nguyễn Đình Chất	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Đôn Văn Cước	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Đặng Dũng	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Chu Văn Đồng	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Nguyễn Đại Hải	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Triệu Văn Hồng	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Văn Mục	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Trần Đình Nghị	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Phạm Hữu Nhung	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Thị Phong	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nguyễn Tiên Phong	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Ngô Thượng Thạch	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Thái Văn Thiêu	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Nguyễn Đức Thọ	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Dương Văn Thơ	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Lê Khánh Vân	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Phan Mục Vinh	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Mạc Văn Đức	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
29	Nông Văn Hỏa	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
30	Hoàng Văn Hoạt	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
31	Nông Thị Mai Hương	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

32	Nguyễn Đình Hưởng	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
33	Huỳnh Hữu	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
34	Bùi Thị Kim Thanh	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

Tháng 5/1961, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp, phân công đồng chí Nguyễn Hữu Uẩn giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA VII (1963 – 1965)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Lê Đức Chỉnh	Bí thư Tỉnh ủy
2	Doanh Hằng	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Nguyễn Thế Đạt	Phó Bí thư Tỉnh ủy
4	Chu Quốc Hưng	Phó Bí thư Tỉnh ủy
5	Lê Nguyên Kính	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Trần Đình Nghị	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Trần Oanh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (đến tháng 8/1964)
8	Trần Tường	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Nguyễn Hữu Uẩn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Hoàng Minh Chí	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (từ tháng 8/1964)
11	Nguyễn Hồng An	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Đặng Đình Cẩm	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Trịnh Văn Chấn	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Nguyễn Đình Chất	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Đôn Văn Cước	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Nguyễn Đại Hải	Ủy viên Ban Chấp hành

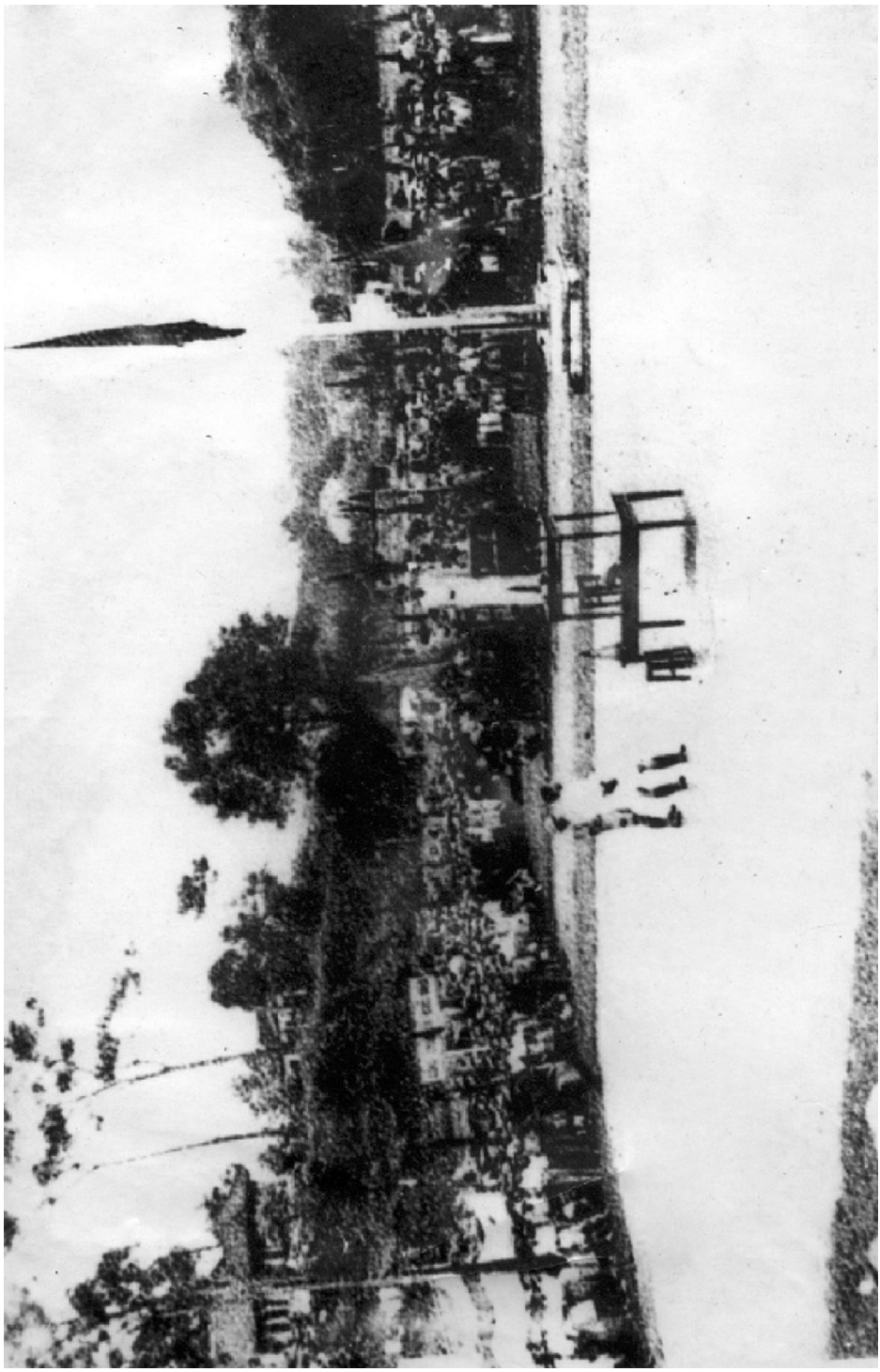
17	Nông Văn Hỏa	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Triệu Văn Hồng	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Nông Thị Mai Hương	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Văn Lịch	Ủy viên Ban Chấp hành
21	La Văn Liền	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Lê Đình Nhậm	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Ngô Thượng Thạch	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Trương Văn Thiết	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Nguyễn Đức Thọ	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Dương Văn Thơ	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Phạm Khánh Vân	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Trần Đình Sam	Ủy viên dự khuyết, Ủy viên chính thức Ban Chấp hành (từ tháng 8/1964)
29	Đặng Thanh Cao	Ủy viên Ban Chấp hành (từ tháng 8/1964)
30	Lý Văn Khâm	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
31	Nguyễn Văn Mạ	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
32	Nguyễn Thị Phong	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

- Tháng 8/1964, đồng chí Trần Oanh chuyển công tác; đồng chí Hoàng Minh Chí được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đồng chí Trần Đình Sam được chuyển thành Ủy viên chính thức và đồng chí Đặng Thanh Cao được chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TỈNH THÁI NGUYÊN (1936 - 1965)



Di tích lịch sử nơi ra đời cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên năm 1936 tại xã La Bằng, huyện Đại Từ



Chính quyền cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên ra mắt ngày 20/8/1945



Di tích lịch sử rừng Khuôn Mánh, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai - nơi thành lập Đội Cứu quốc quân II ngày 15/9/1941 (một trong những tiền thân của QĐND Việt Nam sau này)



Đền thờ Đội Cấn - thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 (phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên)



Chùa Đán (phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên) - nơi Quân Giải phóng tập kết trước khi tiến vào giải phóng thị xã Thái Nguyên tháng 8/1945



Bia di tích đình Hàng Phố (phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên) nơi đặt Sở Chỉ huy Việt Nam Giải phóng quân, tháng 8/1945)



Di tích lịch sử địa điểm nơi công bố Ngày Thương binh - Liệt sĩ toàn quốc 27/7/1947 tại thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ



Tượng đài thanh niên xung phong toàn quốc (xã Yên Lãng, huyện Đại Từ) ghi dấu sự ra đời của lực lượng Thanh niên xung phong Việt Nam năm 1950



Chủ tịch Hồ Chí Minh và thành viên Hội đồng Chính phủ tại Lễ thụ phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp tại thôn Lục Giã, xã Bình Thành (nay thuộc xã Phú Đình, huyện Định Hóa (28/5/1948)



Chủ tịch Hồ Chí Minh với cán bộ cơ quan Trung ương Đoàn Phụ nữ Cứu quốc tại xóm Bản Quyên, thôn (nay là) xã Điềm Mặc, huyện Định Hóa (1948)



Ngày 6/12/1953, tại Tỉn Keo, xã Phú Đình, huyện Định Hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì họp Bộ Chính trị quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm bà con nông dân xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ thu hoạch vụ lúa đầu tiên sau cải cách ruộng đất (9/1945)



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm công trình thủy lợi kè Lũ Yên, xã Đào Xá, huyện Phú Bình (ngày 02/3/1958)



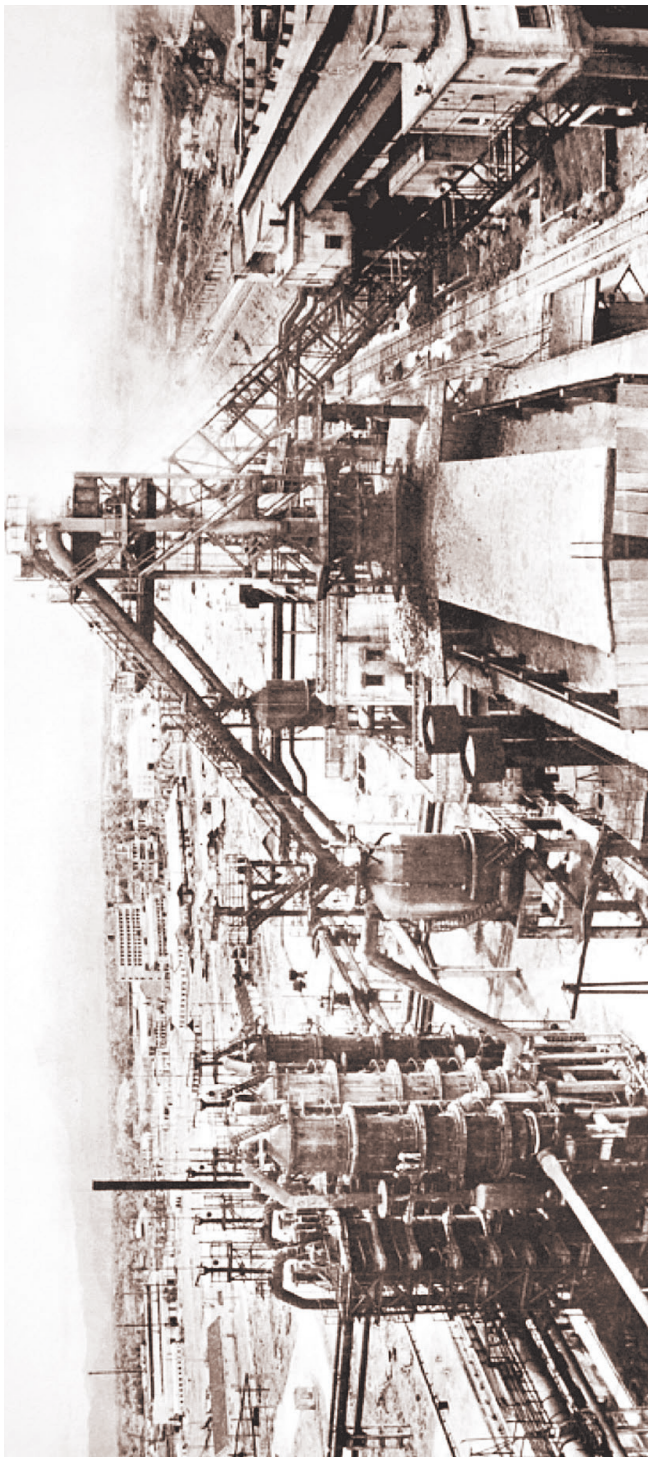
Hồ Chủ tịch nói chuyện với bà con nông dân Hợp tác xã nông nghiệp Cầu Thành, xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, ngày 02/3/1958



Bác Hồ thăm các cháu bệnh nhân tại Khoa Nhi, Bệnh viện Khu Tự trị Việt Bắc (nay là Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên), ngày 13/3/1960



Chủ tịch Hồ Chí Minh xem sa bàn Khu Gang thép Thái Nguyên (ngày 13/3/1960)



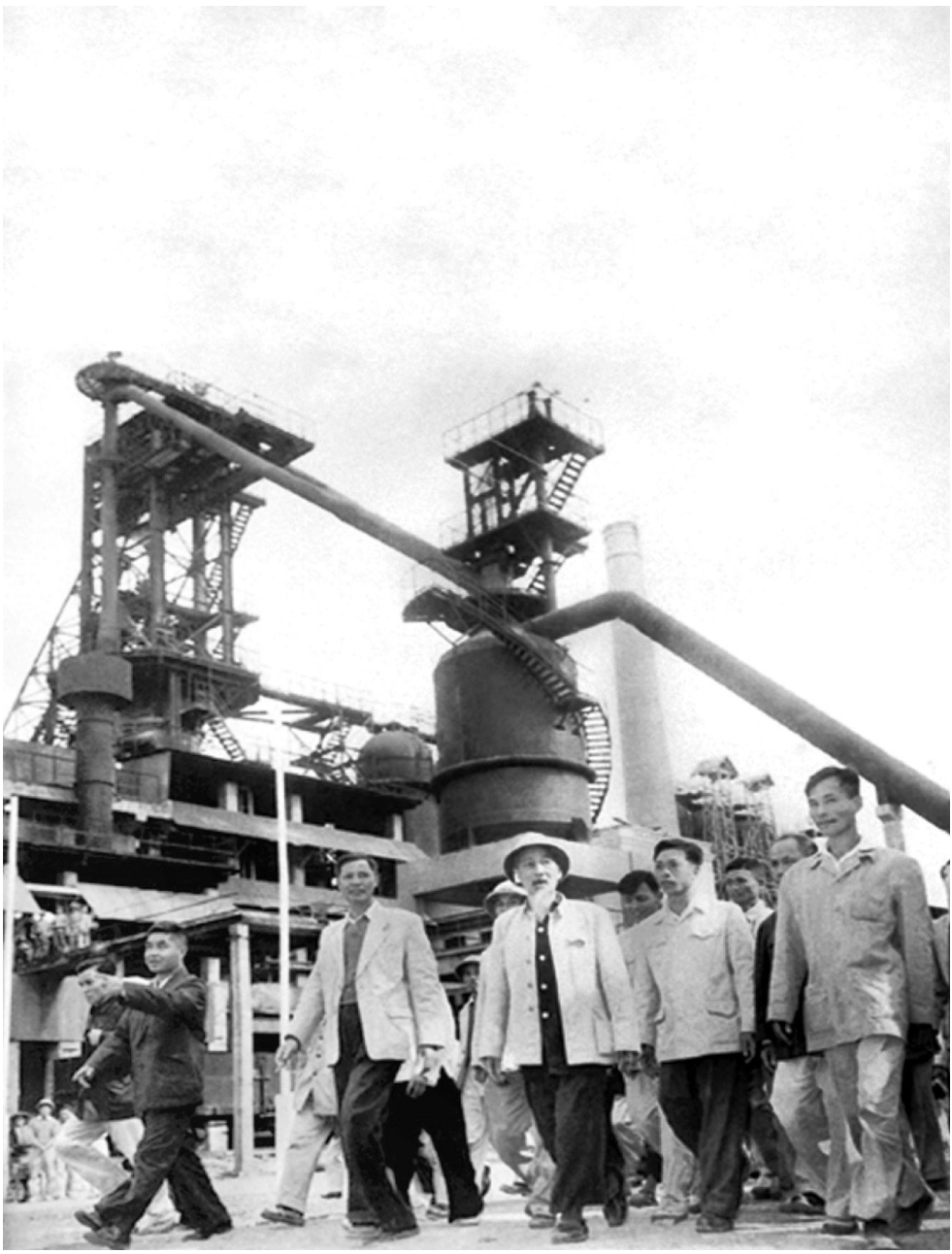
Công trường xây dựng Khu Gang thép Thái Nguyên năm 1960



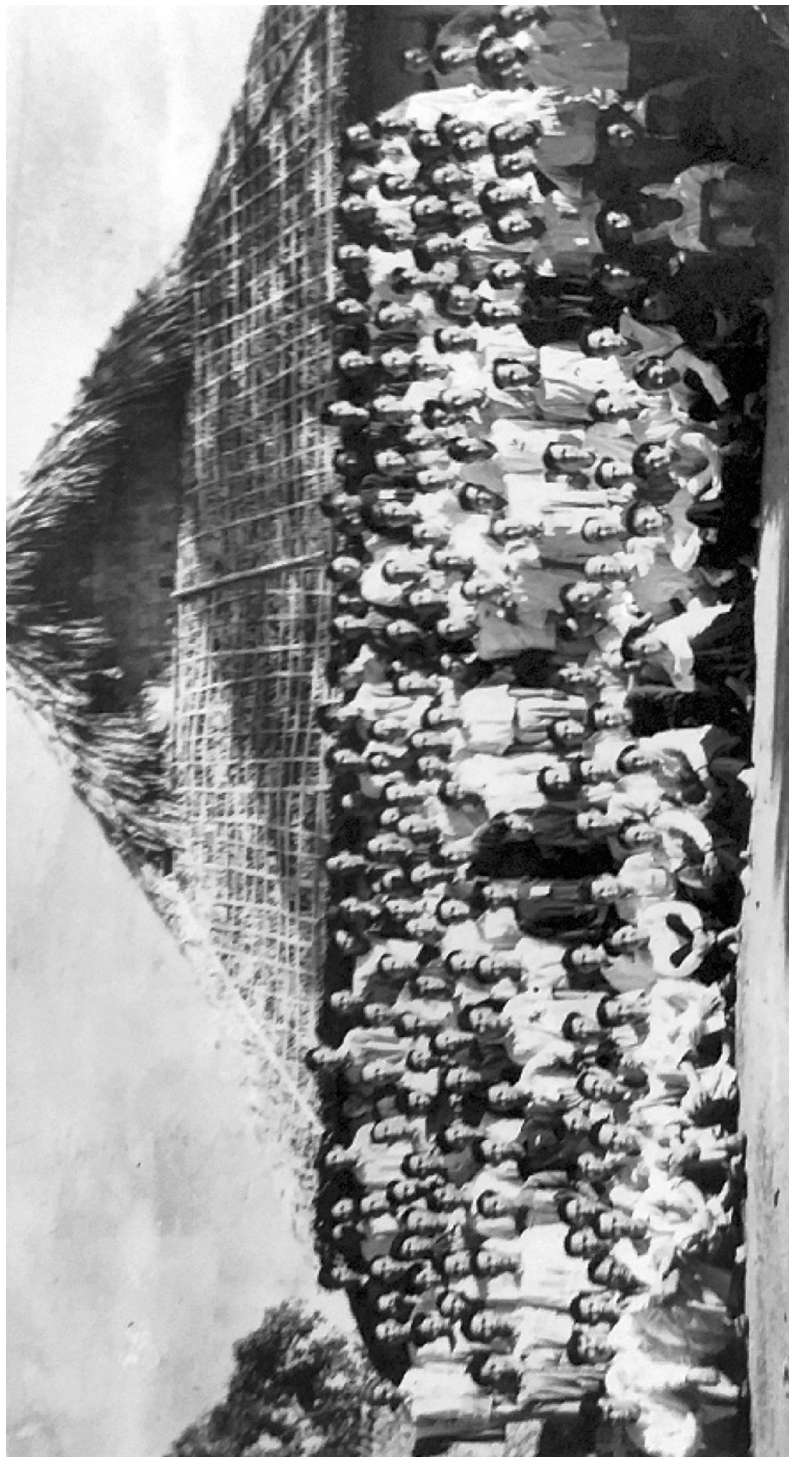
Bác Hồ về thăm và nói chuyện với cán bộ, học sinh Trường Thanh niên lao động XHCN Phú Lương, Thái Nguyên (ngày 31/12/1962)



Bác Hồ và đại biểu Khu ủy Việt Bắc chụp ảnh với diễn viên Đoàn Văn công nhân dân Khu Tự trị Việt Bắc, tại Trường Đảng (nay là Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên)



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Khu công nghiệp Gang thép Thái Nguyên (01/01/1964)



Các đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI (vòng 1) tổ chức từ ngày 23/6 đến ngày 1/7/1960



Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khóa VI (nhiệm kỳ 1961 - 1963)



Các em thiếu nhi tặng hoa Đoàn Chủ tịch Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VII, nhiệm kỳ 1963 -1965



Một số đại biểu dự hội nghị hợp nhất hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái (6/1965)

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1- Đào Duy Anh (1994), Đất nước Việt Nam qua các đời. Nxb Thuận Hóa.

2- Đặng Xuân Bảng (1997), *Sử học bị khảo*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

3- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh qua các kì đại hội.

4- Nguyễn Thanh Bình (chủ biên), Hà Đức Toàn, Đồng Khắc Thọ, Nguyễn Hữu Khánh, Nguyễn Đình Hưng (2003), *Thái Nguyên - Đất và người*.

5- *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên* các năm.

6- Các chỉ thị, nghị quyết hằng năm của Tỉnh ủy Thái Nguyên.

7- Các báo cáo tổng kết công tác hằng năm của Tỉnh ủy Thái Nguyên.

8- Các báo cáo hằng năm của Ủy ban Kháng chiến - Hành chính, Ủy ban Hành chính, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

9- Đại Nam nhất thống chí - Tập IV (1971), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

10- Đại Việt sử kí toàn thư (1998), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

11- Võ Nguyên Giáp (1977), *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Văn học, Hà Nội.

12- Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (2011), *Hồ Chí Minh Toàn tập - Tập 4 (1945 - 1946).* Xb lần 3, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

13- Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỉ XX (thuộc các tỉnh từ Nghệ - Tĩnh trở ra)*, Nxb Khoa học xã hội.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	Tr. 5
MỞ ĐẦU: THÁI NGUYÊN: VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI	7
I- Địa danh và địa giới hành chính qua các thời kì lịch sử	7
II- Vị trí địa lí; điều kiện tự nhiên, xã hội và truyền thống lịch sử	14
Chương I: SỰ RA ĐỜI CÁC TỔ CHỨC CỘNG SẢN VÀ QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN THẮNG LỢI (1936 - 1945)	41
I- Sự ra đời các tổ chức cộng sản và phong trào cách mạng trong thời kì vận động dân chủ (1936 - 1939)	41
II- Quá trình vận động cách mạng, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi (1939 - 1945)	50
Chương II: ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH BẢO VỆ, CỦNG CỐ CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN, CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN (1945 - 1947)	105
I- Bảo vệ, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân (1945 - 1946)	105
II- Tiếp tục xây dựng lực lượng, chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1947)	122
Chương III: ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG VÀ ATK TRUNG ƯƠNG, XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG, CHI VIỆN TIỀN TUYẾN (1947 - 1954)	135
I- Trực tiếp chiến đấu bảo vệ quê hương và ATK Trung ương (1947 - 1950)	135

II- Xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến (1951 - 1954)	168
Chương IV: ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO KHÔI PHỤC, PHÁT TRIỂN VÀ CẢI TẠO KINH TẾ QUỐC DÂN; THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT, CHUẨN BỊ CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1954 - 1965)	193
I- Hoàn thành công tác khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục, phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân (1954 - 1960)	193
II- Thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất và chuẩn bị chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ (1961 - 1965)	224
Kết luận	249
Phụ lục	259
Một số hình ảnh về tỉnh Thái Nguyên (1936 - 1965)	269
Tài liệu tham khảo chính	285

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
TỈNH THÁI NGUYÊN

TẬP I

(1936 - 1965)

Tái bản lần thứ nhất, có chỉnh lý, bổ sung

In 1.000 cuốn, khổ 16x24cm tại Nhà in Báo Thái Nguyên, số 10, đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Giấy phép xuất bản số 231/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 24 tháng 12 năm 2021. In xong nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2021.